

THE INTERNATIONAL BESTSELLER

Rick Riordan



THE
BESTSELLING
SERIES
EVER

NHẬT KÝ Á THẦN

The Demigod Diaries

All five books are
available
on Amazon



nhà xuất bản trẻ

1. NHẬT KÝ CỦA LUKE CASTELLAN



TÊN TÔI LÀ LUKE.

Thành thật mà nói, tôi không biết liệu mình có thể tiếp tục duy trì cuốn nhật ký này không nữa. Cuộc sống của tôi khá điên rồ. Nhưng tôi đã hứa với ông lão đó sẽ cố hết sức. Sau những gì đã xảy ra trong ngày hôm nay... ừm, tôi mang ơn ông ấy.

Hai tay tôi đang run rẩy khi tôi ngồi đây thực hiện nhiệm vụ canh gác. Tôi không thể vứt bỏ các hình ảnh khủng khiếp đó ra khỏi đầu mình. Tôi còn vài tiếng cho đến khi các cô gái tỉnh dậy. Có lẽ nếu viết ra, tôi sẽ quên được câu chuyện đó.

Chắc tôi nên bắt đầu với chuyện con dê có phép thuật.

Trong ba ngày, Thalia và tôi đã đi theo một con dê khắp Virginia. Tôi không rõ lý do vì sao. Với tôi, con dê đó trông chẳng có gì đặc biệt, nhưng Thalia vô cùng kích động, trước đây tôi chưa bao giờ nhìn thấy cô ấy như

thế. Cô ấy thuyết phục tôi rằng con dê là kiểu dấu hiệu nào đó từ cha cô ấy, thần Zeus.

Ừ, thế đấy, cha cô ấy là một vị thần Hy Lạp. Cha tôi cũng vậy. Chúng tôi là các á thần. Nếu bạn nghĩ điều đó nghe thật bảnh thì hãy nghĩ lại đi nhé. Á thần là các nam châm thu hút quái vật. Tất cả những con yêu quái gớm ghiếc của Hy Lạp cổ xưa như Ba Nữ thần Báo Thù, các yêu quái mình người cánh chim cũng như các gorgon vẫn còn tồn tại và chúng nhận ra các anh hùng như chúng tôi từ cách xa hàng dặm. Vì điều này nên Thalia và tôi, vì sự sống còn của chính mình, đã dành hết thời gian để mà chạy trốn. Cha mẹ có năng lực siêu nhiên của chúng tôi thậm chí còn không thèm nói chuyện với chúng tôi chứ đừng nói gì đến chuyện giúp đỡ. Tại sao ư? Nếu giải thích, ắt tôi sẽ phải viết đầy cuốn nhật ký này mất, vậy nên tôi sẽ kể tiếp về con dê đây.

Dấu sao thì con dê đó hẳn là đã xuất hiện một cách ngẫu nhiên, luôn ở phía xa xa. Mỗi một khi chúng tôi cố đuổi bắt, con dê sẽ biến mất và tái xuất hiện ở nơi xa hơn, như thể nó đang dẫn chúng tôi đến một nơi nào đó.

Nếu là tôi, nhất định tôi sẽ mặc kệ nó cho rồi. Thalia sẽ không giải thích lý do cô ấy nghĩ việc đuổi theo con dê là chuyện quan trọng, nhưng cô ấy và tôi đã cùng nhau phiêu lưu đủ lâu để tôi có thể tin vào sự phán đoán của cô ấy. Vì thế chúng tôi đi theo con dê đó.

Một sớm nọ, chúng tôi đuổi sau nó đến Richmond. Chúng tôi lê bước qua cây cầu hẹp bắc ngang một con sông nước màu xanh lục chảy lờ đờ, băng qua các công viên cây cối rậm rạp và các nghĩa trang Nội Chiến. Khi đến gần trung tâm thành phố hơn, chúng tôi len lỏi qua các khu dân cư im lìm với những ngôi nhà ở liên kế⁽¹⁾ có mái ngói đỏ nằm san sát, những mái hiên có cột trắng và các khu vườn nhỏ xíu xiu.

Tôi hình dung ra cảnh tất cả các gia đình bình thường đang sống trong những ngôi nhà ấm cúng ấy. Tôi tự hỏi việc có một ngôi nhà, biết nơi dừng chân ăn bữa ăn kế tiếp của mình ở đâu, và không phải lo lắng về việc sắp bị những con quái vật xơi tái mỗi ngày là như thế nào. Tôi đã bỏ nhà đi khi tôi

chỉ mới lên chín – cách đây năm năm. Hầu như tôi không nhớ cái cảm giác được ngủ trên một chiếc giường thật sự là sao nữa.

Sau khi đi thêm một dặm nữa, chân tôi như rũ hết cả ra trong giày. Tôi hy vọng chúng tôi có thể tìm thấy nơi nghỉ tạm, hoặc có lẽ có được ít thức ăn. Thế nhưng, chúng tôi lại bắt gặp con dê nọ.

Con đường chúng tôi đang đi kéo dài đến tận một công viên hình tròn thật lớn. Các biệt thự xây bằng gạch đỏ đứng đối diện với bùng binh một cách oai vệ. Nằm ở tâm vòng tròn, phía trên bệ đá cẩm thạch trắng cao sáu mét, là bức tượng một người đàn ông đang cưỡi ngựa bằng đồng. Con dê đó đang gặm cỏ cạnh bệ tượng.

“Nấp đi!” Thalia kéo tôi vào phía sau một luống hoa hồng.

“Chỉ là một con dê thôi,” tôi nói lần thứ một triệu. “Sao...?”

“Nó đặc biệt lắm,” Thalia khẳng định. “Một trong số các con vật thiêng của cha em. Tên nó là Amaltheia.”

Trước đây cô ấy chưa bao giờ nhắc đến tên con dê. Tôi tự hỏi vì sao giọng cô ấy lại căng thẳng đến thế.

Thalia hiếm khi sợ thứ gì. Cô chỉ mới mười hai tuổi, nhỏ hơn tôi hai tuổi, nhưng nếu nhìn thấy cô đi trên phố, nhất định bạn sẽ nhường đường cho. Cô mang đôi boots da màu đen, vận quần jeans đen và áo khoác da sờn cũ có nút áo mang đậm phong cách rock. Mái tóc đen được cắt tỉa lờm chờm y hệt lông thú hoang. Đôi mắt xanh thăm nhìn xoáy vào bạn như thể đang cân nhắc cách tốt nhất để đánh bạn như tử.

Nếu có thứ gì khiến cô sợ hãi, tôi phải nhìn nhận thứ đó một cách nghiêm túc.

“Vậy em từng nhìn thấy con dê đó rồi sao?” tôi hỏi.

Cô miễn cưỡng gật đầu. “Ở Los Angeles, vào cái đêm em bỏ nhà đi. Amaltheia đã dẫn đường cho em ra khỏi thành phố. Và sau đó, cái đêm mà anh và em gặp nhau ấy... nó đưa em đến gặp *anh*.”

Tôi trở mắt nhìn Thalia. Theo như tôi biết, cuộc gặp gỡ của chúng tôi là một sự tình cờ. Thật vậy, chúng tôi đã đâm sầm vào nhau trong một cái hang rỗng phía ngoài Charleston, và trở thành một đội với mục đích sống còn. Thalia chưa bao giờ nhắc đến con dê.

Thalia không thích kể về cuộc sống lúc trước của cô ở Los Angeles. Tôi tôn trọng cô nên không hỏi gì nhiều. Tôi biết mẹ cô từng phải lòng thần Zeus. Cuối cùng thần Zeus đã bỏ rơi bà ấy, như các vị thần vẫn thường làm. Mẹ cô tức giận đến mức mất cả lý trí, cứ say xỉn và làm những việc điên rồ - tôi không biết rõ chi tiết - cho đến khi Thalia quyết định bỏ nhà ra đi. Nói cách khác, quá khứ của cô khá là giống của tôi.

Cô ấy run rẩy hít thật sâu. “Anh Luke này, mỗi khi Amaltheia xuất hiện là sẽ có chuyện quan trọng sắp xảy ra... chuyện gì đó *nguy hiểm*. Nó giống như một lời cảnh báo từ thần Zeus, hoặc là một chỉ dẫn.”

“Về cái gì?”

“Em không biết... nhưng nhìn kia.” Thalia chỉ tay về phía bên kia đường. “Lần này nó sẽ không biến mất. Ất hẳn chúng ta sắp đến gần nơi nó đang dẫn lối.”

Thalia nói đúng. Con dê chỉ đang đứng yên đấy, cách nơi họ nấp chưa đến một trăm mét, nhàn nhã gặm cỏ cạnh bệ đài tưởng niệm.

Tôi không rành về gia súc gia cầm, nhưng trông Amaltheia *đúng thực* là kỳ lạ khi chúng tôi ở khoảng cách gần hơn. Hai sừng trên đầu nó xoắn như sừng cừu đực, nhưng bầu sữa lại căng tròn y hệt của dê cái. Và bộ lông xám bõm xồm kia nữa... có phải nó đang phát sáng không? Những dải ánh sáng hình như đang lượn lờ quanh con dê như một đám mây làm từ đèn nê-ông, khiến nó trông mờ mờ ảo ảo và đầy vẻ ma quái.

Có hai chiếc xe đi vòng quanh bùng binh, nhưng chẳng ai chú ý đến con dê phóng xạ cả. Điều đó không làm tôi ngạc nhiên. Có vài kiểu ngụy trang ma thuật khiến con người không nhìn thấy diện mạo thật sự của lũ quái vật và các vị thần. Thalia và tôi không chắc sức mạnh đó được gọi là gì và hoạt

động như thế nào, nhưng nó có tác động khá mạnh. Người phàm có thể nhìn con dê thành một con chó đi lạc, hoặc có thể họ chẳng thấy gì cả.

Thalia chụp lấy cổ tay tôi. “Đi thôi. Chúng ta thử nói chuyện với nó đi.”

“Đầu tiên là chúng ta trốn con dê,” tôi nói. “Giờ em muốn đi nói chuyện với nó sao?”

Thalia lôi tôi ra khỏi bụi hồng và kéo tôi băng qua đường. Tôi không kháng nghị. Khi Thalia có ý tưởng nào đó trong đầu, bạn chỉ còn cách nhất trí tuân theo mà thôi. Cô ấy luôn làm theo ý mình.

Ngoài ra, tôi không thể để cô đi một mình. Thalia đã cứu mạng tôi rất nhiều lần. Cô ấy là người bạn duy nhất của tôi. Trước khi chúng tôi gặp nhau, tôi một mình đi đây đi đó trong nhiều năm, cô độc và khổ sở. Thịnh thoảng tôi có kết bạn với người phàm, nhưng hễ tôi kể cho họ nghe sự thật về mình, họ đều không hiểu. Tôi thú nhận rằng mình là con trai của thần Hermes, sứ giả đưa tin bất tử với đôi giày xăng-đan có cánh. Tôi giải thích rằng quái vật và các vị thần Hy Lạp là có thực và vẫn hiện hữu khắp nơi trong thế giới hiện đại. Sau đó những người bạn trần tục của tôi sẽ nói, “Nghe bảnh nhỉ! Tôi ước gì mình cũng là một á thần!” Như thế chuyện tôi kể là một kiểu trò chơi nào đó. Tôi luôn kết thúc bằng việc bỏ đi.

Nhưng Thalia lại hiểu được. Cô giống tôi. Giờ khi đã tìm thấy cô ấy, tôi quyết định sẽ gắn bó với cô ấy. Nếu cô muốn đuổi theo một con dê phát sáng ma thuật, vậy thì chúng tôi sẽ làm thế, dù tôi có linh cảm không tốt về việc này.

Chúng tôi tiếp cận bức tượng. Con dê không chú ý gì đến chúng tôi. Nó nhai nhai ít cỏ rồi húc sừng vào cái bệ đá cẩm thạch của đài tưởng niệm. Một tấm biển bằng đồng đề dòng chữ: *Robert E. Lee*. Tuy không biết nhiều lắm về lịch sử, nhưng tôi khá chắc rằng Lee là một vị tướng quân bại trận. Trực giác mách bảo tôi đây là một điềm xấu.

Thalia quỳ xuống cạnh con dê. “Amaltheia phải không?”

Con dê quay lại. Nó có đôi mắt màu hổ phách u buồn và đeo một cái vòng đồng quanh cổ. Ánh sáng trắng mờ mờ bao lấy khắp cơ thể nó, nhưng thứ

thật sự gây ấn tượng với tôi là bầu vú của nó. Mỗi một đầu vú được dán nhãn bằng các từ Hy Lạp, giống như các hình xăm. Tôi biết đọc một ít từ Hy Lạp Cổ - một kiểu năng lực thiên phú dành cho các á thần, tôi đoán thế. Các đầu vú đề là: *Rượu Thánh, Sữa, Nước, Pepsi, Ấn Vào Đây Để Lấy Đá*, và *Mountain Dew*⁽²⁾ *Dành Cho Người Ăn Kiêng*. Hoặc có lẽ là tôi đọc sai rồi. Hy vọng thế.

Thalia nhìn vào mắt con dê. “Amaltheia, mày muốn gì? Cha tao đã cử mày đến phải không?”

Con dê liếc nhìn tôi. Nó trông hơi khó chịu, cứ như tôi đang can thiệp vào một cuộc nói chuyện riêng tư vậy.

Tôi bước lùi lại, cố không chộp lấy vũ khí của mình. Ồ, nhân tiện, vũ khí của tôi là một cây gậy đánh golf. Cứ cười thoải mái đi. Tôi đã từng sở hữu một thanh kiếm bằng đồng Celestial có thể kết liễu lũ quái vật, nhưng thanh kiếm đã bị tan chảy trong a-xít (một câu chuyện dài). Giờ tất cả những gì tôi có là cây gậy sắt số 9 đang mang sau lưng. Chả giống anh hùng lắm nhỉ. Nếu con dê tấn công, tôi biết mình sẽ gặp rắc rối cho mà xem.

Tôi hăng giọng. “Ừm, Thalia này, em có chắc con dê này là của cha em không?”

“Nó bắt từ,” Thalia nói. “Khi thần Zeus còn bé, mẹ ông, nữ thần Rhea đã giấu ông trong một hang động...”

“Vì Kronos muốn xơi ông ấy sao?” Tôi từng nghe kể chuyện này ở đâu rồi, chuyện vị vua Titan cổ xưa đã nuốt chửng những đứa con của mình.

Thalia gật đầu. “Vì thế con dê này, Amaltheia, đã trông nom em bé Zeus khi ấy hãy còn nằm nôi. Cho ông ấy bú.”

“Bằng Mountain Dew Dành Cho Người Ăn Kiêng sao?” tôi hỏi.

Thalia cau mày. “Gì chứ?”

“Em đọc các đầu vú của nó mà xem,” tôi nói. “Con dê có năm vị cộng thêm một cái máy tạo đá.”

“Be be be,” Amaltheia kêu.

Thalia vỗ lên đầu con dê. “Không sao đâu. Anh ấy không có ý xúc phạm mày đâu. Sao mày lại dẫn bọn tao đến đây hả, Amaltheia? Mày muốn bọn tao đi đâu nào?”

Con dê húc đầu vào đài tưởng niệm. Từ trên cao vọng lại tiếng kim loại cọt két. Tôi ngược nhìn lên và nhìn thấy cánh tay phải của bức tượng đồng Tướng quân Lee dịch chuyển.

Tôi suýt nữa thì chạy đến nấp sau con dê. Trước đây Thalia và tôi đã từng chiến đấu với vài bức tượng ma thuật biết di chuyển. Chúng được gọi là người máy và nhắc đến chúng chẳng vui vẻ gì. Tôi không nóng lòng nhận lời thách đấu với Robert E. Lee bằng cây gậy sắt số 9 đâu.

May thay, bức tượng không tấn công. Ông ta chỉ đơn giản là chỉ tay về phía bên kia đường.

Tôi lo lắng nhìn Thalia. “Ý nó là sao?”

Thalia hất đầu về hướng bức tượng đang chỉ.

Phía bên kia chỗ đường vòng là một ngôi biệt thự bằng gạch đỏ với dây thường xuân mọc che kín. Ở hai bên ngôi nhà là những cây sồi to lớn rủ dây cây tóc rối⁽³⁾. Cửa sổ ngôi nhà đã đóng cửa chớp lại và tối đen. Các cột trắng bong tróc chống đỡ mái hiên trước. Cửa ra vào được sơn màu đen xám. Dù có ánh nắng ban mai rực rỡ chiếu rọi, khu nhà trông vẫn âm u và làm người ta sờn tóc gáy – như ngôi nhà bị ma ám trong bộ phim *Cuốn Theo Chiều Gió*.

Miệng tôi khô khốc. “Con dê muốn chúng ta đi đến đó sao?”

“Be he be.” Amaltheia gục đầu xuống như thể đồng ý.

Thalia chạm tay vào cặp sừng cong cong của con dê. “Cảm ơn, Amaltheia. Tao... tao tin mày.”

Tôi không chắc lý do vì sao, nếu xét đến việc dường như Thalia đang sợ hãi.

Con dê khiến tôi phiền lòng, và không chỉ vì nó cung cấp các sản phẩm của Pepsi. Có điều gì đó cứ bứt rứt mãi trong tâm trí tôi. Tôi nghĩ mình đã

từng nghe nói đến một câu chuyện khác về con dê của thần Zeus, chuyện sao đó về bộ lông phát sáng...

Đột nhiên sương mù kéo đến dày đặc và phình lên quanh Amaltheia. Một đám mây bão thu nhỏ bao phủ lấy nó. Các tia chớp lập lòe lên trong đám mây. Khi sương mù tan đi, con dê cũng biến mất theo.

Tôi còn chưa được thử cái máy tạo nước đá.

Tôi đưa mắt nhìn về phía ngôi nhà đổ nát bên kia đường. Đám cây cối mọc đầy rêu hai bên nhà trông như những cái móng vuốt đang chực chờ tóm lấy chúng tôi.

“Em có chắc về chuyện này không?” tôi hỏi Thalia.

Cô quay sang nhìn tôi. “Amaltheia sẽ dẫn lối cho em đến với những điều tốt đẹp. Lần xuất hiện trước, nó đã đưa em đến gặp anh.”

Lời khen ngợi làm tôi thấy ấm áp như một tách sô-cô-la nóng. Tôi khờ thế đấy. Thalia chỉ cần chớp chớp đôi mắt xanh dương đó, nói với tôi một lời dễ nghe, thế là tôi có thể làm bất cứ việc gì vì cô. Nhưng tôi không thể không tự hỏi: lúc ở Charleston, liệu có phải con dê đã dẫn cô đến gặp *tôi*, hay chỉ đơn giản là đưa cô vào trong hang rỗng?

Tôi thở dài. “Được rồi. Biệt thự rợn tóc gáy, chúng tôi đến đây.”

Vòng gỗ cửa bằng đồng có hình thù giống hệt khuôn mặt Medusa, đó không phải là dấu hiệu tốt. Ván sàn của mái hiên kêu kẹt kẹt dưới chân chúng tôi. Cửa chớp trên các cửa sổ không còn nguyên vẹn, nhưng mặt kính đầy bụi bẩn và phía trong bị lớp màn cửa tối màu che khuất nên chúng tôi không nhìn thấy gì bên trong.

Thalia gõ cửa.

Không ai đáp lại.

Cô lắc lắc tay nắm, nhưng dường như nó đã bị khóa. Tôi hy vọng cô quyết định từ bỏ. Thế nhưng cô lại nhìn tôi đầy mong đợi. “Anh có thể làm phần việc của mình không?”

Tôi nghiêng răng. “Anh ghét phải làm việc đó.”

Mặc dầu tôi chưa bao giờ gặp cha mình và cũng chẳng thật sự muốn gặp, tôi vẫn có chút tài năng của ông. Ngoài việc là sứ giả đưa tin cho các thần, thần Hermes còn là vị thần bảo trợ của thương nhân – điều giải thích vì sao tôi có năng khiếu với chuyện tiền bạc – và lữ khách, lý do cho việc ông già thần thánh đó rời bỏ mẹ tôi và không bao giờ quay trở lại. Ông ấy cũng là vị thần của những tên trộm. Ông ấy đã đánh cắp nhiều thứ như - ờ, gia súc của thần Apollo, phụ nữ, các sáng kiến, ví, sự tinh táo của mẹ tôi, và cả cơ hội có một cuộc đời tử tế của tôi nữa.

Xin lỗi nhé, điều đó nghe có chua chát lắm không?

Dù sao thì, nhờ vào tài trộm cắp trác tuyệt của cha mình, tôi được thừa hưởng vài kỹ năng mà tôi không thích công khai.

Tôi đặt tay lên chốt chết của cánh cửa, tập trung vào việc cảm nhận các chốt định vị bên trong đang kiểm soát lưỡi gà. Với một tiếng cách, cái chốt trượt ra sau. Ổ khóa trên tay nắm cửa còn dễ hơn nhiều. Tôi gõ gõ lên nó, xoay xoay vài vòng và cánh cửa bật mở.

“Tuyệt quá,” Thalia thì thầm, dù cô đã thấy tôi làm như thế hàng tá lần.

Một mùi chua chua kinh tởm tựa như hơi thở người sắp chết theo lối cửa ừa ra ngoài. Thế nhưng Thalia đã xăm xăm đi vào. Chẳng có nhiều lựa chọn nào khác, tôi tiếp bước theo sau.

Bên trong là một phòng khiêu vũ lỗi thời. Ánh sáng dịu dịu từ chùm đèn trên cao phủ lên các món đồ trang trí rẻ tiền làm từ đồng Celestial – các mũ tên, áo giáp, cán kiếm gãy – tạo nên ánh vàng lấp lánh yếu ớt khắp căn phòng. Hai hành lang hiện ra ở hai bên trái phải. Một cầu thang gác bao lấy bức tường phía sau. Các tấm màn cửa nặng trĩu che kín các cửa sổ.

Chốn này hẳn đã từng là một nơi ấn tượng đây, nhưng hiện tại thì y như bãi rác. Sàn nhà lát đá cẩm thạch trắng đen như bàn cờ đam bị bùn và những thứ khô khô cứng cứng mà tôi hy vọng chỉ là nước sốt cà chua làm vấy bẩn. Trong góc nhà là một chiếc sofa bị moi ruột. Vài cái ghế gỗ gụ đã bị bỏ làm củi nhóm lửa. Dưới chân cầu thang là đồng vỏ đồ hộp, giẻ rách và xương – những chiếc xương có kích thước như xương người vậy.

Thalia lấy vũ khí trên dây thắt lưng ra. Cái ống kim loại đó trông như ống xịt hơi cay của Mace, nhưng khi Thalia búng nhẹ vào, nó dẫn nở ra cho đến khi lớn hết cỡ thành một ngọn giáo với mũi giáo bằng đồng Celestial trong tay cô. Tôi nắm chặt cây gậy chơi golf của mình, thứ còn lâu mới tuyệt được như vũ khí của Thalia.

Tôi cất tiếng, “Có lẽ đây không phải là một nơi hay...”

Cánh cửa đóng sầm lại sau lưng chúng tôi.

Tôi lao tới chỗ tay nắm và giật mạnh. Đen thật. Tôi ấn tay vào ổ khóa và buộc nó mở ra. Lần này chẳng có gì xảy ra.

“Một kiểu pháp thuật nào đó,” tôi nói. “Chúng ta dính bẫy rồi.”

Thalia chạy đến cửa sổ gần nhất. Cô ấy cố kéo màn cửa ra, nhưng lớp vải đen nặng trĩu đó cứ quăn lấy hai tay cô ấy.

“Anh Luke!” cô ấy hét lên.

Những tấm màn cửa hóa lỏng thành các lớp bùn trơn tuột hết như những cái lưỡi khổng lồ đen kịt. Chúng trườn lên hai cánh tay Thalia và phủ lấy ngọn giáo của cô ấy. Tim tôi như sắp vọt lên cuống họng, nhưng tôi đã lao đến chỗ các tấm màn và dùng cây gậy chơi golf quật mạnh vào chúng.

Lớp bùn rung lên và trở lại nguyên thể là tấm vải đủ lâu để tôi kéo Thalia thoát ra. Ngọn giáo của cô ấy rơi xuống sàn nhà.

Tôi lôi cô ấy ra xa khi các tấm màn lại hóa bùn và cố tóm lấy cô ấy. Các lớp bùn quất vào không khí. May thay, dường như chúng bị quăn chặt vào thanh treo màn. Sau vài nỗ lực với lấy chúng tôi thất bại, lớp bùn đó trở nên yên tĩnh và biến lại thành tấm màn cửa.

Thalia run lấy bẫy trong vòng tay tôi. Ngọn giáo nằm cách đó không xa, đang bốc khói như thể vừa bị nhúng vào dung dịch a-xít.

Cô ấy giơ hai bàn tay lên. Chúng đang bốc khói và phồng rộp. Mặt cô ấy xanh mét giống như đang bị sốc.

“Bình tĩnh nào!” Tôi dìu cô ấy ngồi xuống sàn và mò mẫm khắp ba-lô của mình. “Bình tĩnh lại đi, Thalia. Mọi chuyện xong rồi.”

Rốt cuộc tôi cũng tìm thấy chai rượu thánh. Thức uống của thần linh có khả năng chữa lành vết thương, nhưng chất lỏng trong chai sắp cạn. Tôi đổ hết phần còn lại lên hai tay Thalia. Làn khói tan biến. Các vết bỏng rộp mờ dần.

“Em sẽ ổn thôi,” tôi nói. “Giờ hãy nghỉ một chút đi.”

“Chúng ta... chúng ta không thể...” Giọng cô run rẩy, nhưng cô cố đứng lên. Cô liếc nhìn màn cửa, vừa sợ hãi vừa tỏ vẻ ghê tởm. “Nếu tất cả các cửa sổ đều thế này, và cửa chính lại bị khóa...”

“Chúng ta sẽ tìm lối khác để ra ngoài,” tôi hứa.

Đây dường như không phải là thời điểm để nhắc cho cô nhớ rằng nếu không phải vì con dê ngu ngốc đó, chúng tôi đã *không* mắc kẹt ở trong này.

Tôi cân nhắc các chọn lựa: một cầu thang đi lên hay hai hành lang tối hù. Tôi nheo mắt lại, nhìn về phía xa xa hành lang bên trái. Tôi trông thấy hai chấm sáng nhỏ đỏ rực sát sàn nhà. Là các bóng đèn ngủ phải không nhỉ?

Rồi các bóng đèn di chuyển. Chúng nhún nhảy lên xuống, ngày càng sáng hơn và đến gần hơn. Một tiếng gầm khiến tóc tôi dựng đứng cả lên.

Thalia phát ra một âm thanh ghen ngen. “Ủm, anh Luke...”

Cô ấy chỉ về phía hành lang còn lại. Từ trong bóng tối, một cặp mắt đỏ rực khác nhìn chăm chăm vào chúng tôi. Cả hai hành lang đều vọng đến âm thanh thanh *lách cách, lách cách, lách cách* kỳ lạ, như thể ai đó đang chơi gõ phách castanet⁽⁴⁾.

“Cầu thang nhìn khá ổn đấy,” tôi nói.

Như thế đáp lại lời tôi, một giọng nam từ đâu đó trên đầu chúng tôi vang lên: “Đúng thế, lối này.”

Giọng nói tràn ngập u buồn, cứ như ông ta đang đưa ra chỉ dẫn đến một đám tang.

“Ông là ai?” tôi hét lên.

“Nhanh lên đi,” giọng nói vọng xuống, nhưng nghe ông ta có vẻ không thích thú lắm.

Bên phải tôi, giọng nói kia lại vang lên, “Nhanh lên đi.” *Lách cách, lách cách, lách cách.*

Tôi đóng tai nghe một lần nữa. Hình như giọng nói phát ra từ thứ ở trong hành lang – thứ có đôi mắt đỏ rực. Nhưng làm sao một giọng nói lại có thể đến từ hai nơi khác nhau cơ chứ?

Rồi lại thêm một giọng y hệt thế từ hành lang bên trái vọng đến: “Nhanh lên đi.” *Lách cách, lách cách, lách cách.*

Tính đến nay tôi đã từng đối đầu với vài thứ đáng sợ - chó thờ ra lửa, bò cạp đến từ địa ngục, rồng – ấy là chưa kể đến một tấm màn cửa màu đen trơn tuột biết ăn thịt người. Nhưng có điều gì đó về các giọng nói đang vang vọng quanh tôi, những đôi mắt rực sáng đang chiếu thẳng đến chỗ tôi từ các hướng ấy, và cả cái âm thanh lách cách kỳ lạ kia khiến tôi có cảm giác như mình là một chú hươu bị lũ sói vây lấy. Mọi bắp thịt trên cơ thể tôi căng cứng. Bản năng trong tôi thúc giục, *Chạy đi.*

Tôi chộp lấy cánh tay Thalia và lao như bay lên cầu thang.

“Anh Luke...”

“Đi thôi!”

“Nếu đó là một cái bẫy nữa...”

“Không còn lựa chọn nào khác!”

Tôi chạy vọt lên chỗ cầu thang, kéo theo Thalia đi cùng. Tôi biết cô nói đúng. Có lẽ chúng tôi sắp sửa tiến thẳng đến tử địa, nhưng tôi cũng biết chúng tôi phải tránh xa những thứ dưới tầng trệt.

Dù sợ phải ngoái đầu nhìn lại, nhưng tôi biết sinh vật đó đang đến gần – tiếng gầm gừ hệt như mèo hoang, trong khi bước chân rầm rập trên mặt sàn đá cẩm thạch lại như tiếng móng ngựa. Quỷ thần thiên địa ơi, chúng là gì thế?

Tại đầu cầu thang, chúng tôi lại chạy về cuối một hành lang khác. Ánh sáng lập lòe mờ ảo từ các chân đèn gắn trên tường làm cho các cửa ra vào

dọc hai bên tường trông như đang nhảy múa. Tôi nhảy qua một đồng xương, vô tình đá phải một cái sọ người.

Đâu đó trước mặt chúng tôi, giọng nam ban nãy vang lên, “Lối này!” Giọng ông ta nghe cấp bách hơn so với trước. “Cánh cửa cuối cùng bên trái! Nhanh lên!”

Đằng sau chúng tôi, các sinh vật nọ lặp lại lời người đàn ông nói: “Trái! Nhanh lên!”

Có lẽ các sinh vật kia chỉ đang bắt chước như vẹt. Hoặc có thể giọng nói ở phía trước chúng tôi cũng thuộc về một con quái vật. Thế nhưng, có gì đó trong giọng nói của người đàn ông khiến tôi *có cảm giác* rất thực. Giọng ông ta nghe cô độc và đáng thương, như một người bị giữ làm con tin.

“Chúng ta phải giúp ông ấy,” Thalia nói, như thể đang đọc các ý nghĩ của tôi vậy.

“Phải đấy,” tôi đồng ý.

Chúng tôi lao nhanh tới trước. Hành lang trở nên ọp ẹp hơn – giấy dán tường tróc ra như vỏ cây, đèn đóm vỡ tan tành. Thảm rách toạc từng mảnh, xương bầy bừa bãi trên đó. Ánh sáng lọt qua khe bên dưới cánh cửa cuối cùng bên trái.

Phía sau chúng tôi, tiếng móng gõ mỗi lúc một lớn hơn.

Chúng tôi đến chỗ cánh cửa và tôi lao vào, nhưng cửa đã tự mở. Thalia và tôi té nhào vào bên trong, ngã úp mặt xuống thảm.

Cửa đóng sầm lại.

Bên ngoài, các sinh vật gầm gừ vì thất vọng và cào cào lên tường.

“Xin chào,” giọng người đàn ông nọ vang lên, giờ thì gần hơn rất nhiều. “Ta rất lấy làm tiếc.”

Đầu tôi quay mòng mòng. Tôi nghĩ mình nghe thấy tiếng ông ở phía bên trái, nhưng khi tôi ngược lên nhìn, ông đang đứng ngay trước mặt chúng tôi.

Ông mang nốt da rắn và vận bộ vest màu xanh lá và nâu lốm đốm chắc là được làm từ cùng một chất liệu. Ông dong dỏng cao và hốc hác, mái tóc bạc

chia ra cũng bù xù y hệt tóc của Thalia. Ông trông giống hệt một Einstein già nua, bệnh tật và ăn vận thời trang.

Hai vai ông sụm xuống. Tô điểm cho đôi mắt xanh lục u buồn kia là những bông mắt. Trước đây hẳn ông rất đẹp trai, nhưng hiện giờ da mặt ông đã nhão xệ như thể bị tháo xì hơi cục bộ.

Căn phòng này được sắp xếp theo kiểu căn hộ một phòng. Khác với phần còn lại của ngôi nhà, nó còn khá tốt. Áp sát tường ở tít đầu kia căn phòng là một giường đơn, bàn giấy có đặt máy vi tính, và một cửa sổ được màn cửa màu đen che phủ y hệt những cái bên dưới. Dọc theo bức tường bên phải là tủ sách, một cái bếp nhỏ và hai ô cửa – một dẫn đến phòng tắm và cái còn lại dẫn đến một phòng để đồ lớn.

Thalia nói, “Ừm, anh Luke...”

Cô chỉ tay về phía bên trái.

Tim tôi suýt chút nữa vọt ra khỏi lồng ngực.

Bên trái căn phòng là một dãy rào chắn bằng sắt giống như một xà lim. Bên trong là nơi triển lãm thú đáng sợ nhất mà tôi từng thấy. Sàn nhà trải sỏi đầy xương, các mẫu áo giáp, và đi tới đi lui trong đó là một con quái vật mình sư tử và có bộ lông màu đỏ nâu. Thay cho móng vuốt là móng ngựa, và đuôi nó phe phẩy như roi da. Đầu nó là sự pha trộn giữa đầu của ngựa và sói – đôi tai nhọn, cái mõm dài và môi đen sì, trông giống một con người đang buồn phiền.

Con quái vật gầm gừ. Thoạt đầu, tôi cứ tưởng nó đang mang miếng bảo vệ răng mà các võ sĩ quyền Anh hay dùng. Nhưng thay vì răng, nó có hai thanh nẹp xương chắc chắn hình móng ngựa. Khi nó táp, các thanh nẹp đó phát ra tiếng *lách cách, lách cách, lách cách* mà tôi đã nghe thấy dưới lầu.

Đôi mắt đỏ rực của con quái vật dán chặt vào tôi. Nước bọt từ các chóp xương nhô ra đang nhều tong tong xuống. Tôi những muốn bỏ chạy, nhưng chẳng có nơi nào để đi cả. Tôi nghe được tiếng gầm gừ của các sinh vật khác – ít nhất là hai con – trong hành lang.

Thalia giúp tôi đứng vững. Tôi siết chặt tay cô và nhìn thẳng vào ông lão.

“Ông là ai?” tôi gặng hỏi. “Cái thứ trong chuồng là gì thế?”

Ông lão nhăn nhó. Nét mặt ông đầy thống khổ khiến tôi ngỡ chắc là ông đang khóc. Ông mở miệng, nhưng khi ông cất tiếng, chẳng có âm thanh nào phát ra.

Kiểu như tiết mục nói tiếng bụng khủng khiếp nào đó, con quái vật mở lời hộ ông ta, bằng đúng giọng nói của ông lão: “Ta là Halcyon Green. Thật lấy làm tiếc, nhưng *hai người* đang ở trong chuồng. Các người đã bị nhử đến đây để hết đời.”

Vì đã bỏ lại ngọn giáo của Thalia dưới lầu nên chúng tôi chỉ còn lại vũ khí duy nhất – cây gậy chơi golf của tôi. Tôi vung nó về phía ông lão, nhưng ông không có bất cứ hành động đe dọa nào. Ông trông đáng thương và phiền muộn đến nỗi tôi không tài nào quát ông được.

“Ô... ông, tốt hơn hết ông nên giải thích,” tôi lắp bắp. “Tại sao... bằng cách nào... là cái gì?”

Các bạn có thể thấy là tôi giỏi ăn nói thế nào rồi đấy.

Phía sau rào chắn, con quái vật đớp đớp cái hàm làm từ thanh nẹp xương.

“Ta hiểu vì sao người lại hoang mang,” nó nói bằng giọng của ông lão. Giọng nói đồng cảm đó chẳng khớp chút nào với ánh nhìn giết người lóe lên trong mắt nó. “Sinh vật mà người nhìn thấy ở đây là một con leucrota. Nó có khả năng bắt chước giọng con người. Đó là cách nó nhử mồi.”

Tôi nhìn qua người đàn ông rồi nhìn lại con quái vật. “Nhưng... giọng nói là của ông sao? Ý tôi là, người đàn ông trong bộ vest da rắn này – tôi đang nghe thấy những gì *ông* muốn nói sao?”

“Chính xác.” Con leucrota chán chường thờ dài. “Ta, như người vừa nói, là người đàn ông trong bộ vest da rắn. Đó là lời nguyện của ta. Tên ta là Halcyon Green, con trai của thần Apollo.”

Thalia suýt té ngựa. “Ông là một *á thần*? Nhưng ông quá...”

“Già ư?” con leucrota hỏi. Người đàn ông, Halcyon Green, nhìn chăm chú vào đôi tay lốm đốm đời mồi, như thể ông không tin chúng thuộc về mình

vậy. “Đúng thế, ta quá già.”

Tôi hiểu vì sao Thalia lại ngạc nhiên. Trong các chuyến hành trình của mình, chúng tôi chỉ mới gặp được vài á thần khác – một số thì thân thiện, có người thì không. Nhưng tất cả đều là trẻ con như hai đứa tôi. Cuộc sống của chúng tôi đầy rẫy nguy hiểm, vì thế Thalia và tôi cho rằng chẳng có á thần nào sống sót cho đến lúc trở thành người lớn. Thế nhưng Halcyon thật *già*, ít nhất là sáu mươi tuổi.

“Ông ở đây bao lâu rồi?” tôi hỏi.

Halcyon lờ phờ nhún vai. Con quái vật nói hộ ông: “Ta không đếm được nữa. Hàng thập kỷ chẳng? Vì cha ta là vị thần của các nhà tiên tri, ta được sinh ra với lời nguyện nhìn thấy tương lai. Thần Apollo từng cảnh báo ta phải giữ mồm giữ miệng. Ông ấy đã bảo ta rằng ta không nên chia sẻ những gì mình nhìn thấy vì điều đó sẽ khiến các vị thần tức giận. Nhưng nhiều năm trước... đơn giản là ta buộc phải nói ra lời tiên tri. Ta đã gặp một cô gái trẻ, người được định là sẽ chết trong một tai nạn. Ta đã cứu sống cô ấy bằng cách nói cho cô ấy biết trước tương lai của mình.”

Tôi cố tập trung vào ông lão, nhưng thật khó để không nhìn cái miệng con quái vật – đôi môi đen và hai cái hàm bằng thanh nẹp xương đang chảy nước dãi đó.

“Tôi không hiểu...” tôi buộc mình nhìn vào mắt Halcyon. “Ông đã làm điều tốt. Sao điều đó lại khiến các vị thần tức giận chứ?”

“Họ không thích người phạm can thiệp vào số mệnh,” con leucrota nói. “Cha ta đã nguyện rửa ta. Ông ấy buộc ta phải mặc bộ áo quần này, da của con Python, kẻ canh giữ Đền thờ Delphi, như một lời nhắc nhở rằng ta *không phải* là nhà tiên tri. Ông ấy đã lấy đi giọng nói và nhốt ta vào biệt thự này, ngôi nhà thời niên thiếu của ta. Rồi các thần đưa lũ leucrota đến canh giữ ta. Thông thường, loài leucrota chỉ bắt chước lời nói của người phạm, nhưng những con này được kết nối với các ý nghĩ của ta. Chúng nói hộ cho ta. Chúng giữ cho ta còn sống như một mồi câu để nhử các á thần khác. Đó

là cách thần Apollo nhắc nhở ta, mãi mãi, rằng giọng nói của ta sẽ chỉ mang cái chết đến cho người khác mà thôi.”

Cơn giận dâng nghét tràn lên trong miệng tôi. Tôi đã biết các vị thần là những người tàn nhẫn. Người cha vô tình của tôi đã phớt lờ tôi mười bốn năm. Nhưng lời nguyện của Halcyon Green rõ ràng là *sai*. Nó thật kinh khủng.

“Ông nên phản công lại chứ,” tôi nói. “Ông không đáng phải nhận điều này. Hãy chạy trốn. Giết lũ quái vật này. Chúng tôi sẽ giúp.”

“Anh ấy nói đúng,” Thalia nói. “Nhân tiện, đây là Luke. Tôi là Thalia. Chúng tôi đã chiến đấu với vô số quái vật. Nhất định chúng tôi có thể giúp gì đó đấy, Halcyon.”

“Hãy gọi ta là Hal,” con leucrota nói. Ông lão buồn bã lắc đầu. “Nhưng các người không hiểu. Các người không phải là những người đầu tiên đến nơi này. Ta e là khi mới đặt chân vào đây, tất cả các á thần đều cảm thấy sẽ có hy vọng trốn thoát. Đôi khi ta cố giúp chúng. Nhưng không bao giờ thành công. Các cửa sổ được canh giữ bởi những tấm màn gây chết người...”

“Tôi có thấy rồi,” Thalia càu nhàu.

“... và cửa ra vào đã hoàn toàn bị yếm bùa. Nó cho phép mọi người đi vào, nhưng đi ra thì không.”

“Chúng ta sẽ xem xét vấn đề đó.” Tôi xoay người lại và áp tay mình lên ổ khóa. Tôi tập trung cho đến khi mồ hôi nhỏ giọt xuống cổ mình, nhưng chẳng có gì xảy ra. Sức mạnh của tôi đã bị vô hiệu hóa.

“Ta đã bảo rồi mà,” con leucrota chua chát nói. “Không ai trong chúng ta có thể rời đi. Có đánh nhau với các con quái vật cũng vô dụng. Chẳng có thứ kim loại nào mà loài người hay các vị thần biết đến làm chúng bị thương được.”

Để chứng minh, ông lão khẽ gạt mép chiếc áo khoác da răn sang một bên, làm lộ ra con dao găm trên dây thắt lưng. Ông rút lưỡi dao bằng đồng Celestial trông bén ngót ra và tiến đến buồng giam con quái vật.

Con leucrota gầm gừ với ông. Hal dùng dao đâm mạnh vào giữa các thanh chắn, nhắm ngay đầu con quái vật. Thông thường, với một cú đâm, đồng Celestial sẽ làm cho quái vật tan biến. Thế nhưng lưỡi dao đơn giản chỉ sượt qua mũi con leucrota, không để lại vết thương nào. Con leucrota lấy chân đá các thanh chắn, và Hal lùi lại.

“Các người thấy chưa?” con quái vật nói hộ Hal.

“Vì thế mà ông từ bỏ sao?” Thalia gặng hỏi. “Ông giúp lũ quái vật như chúng tôi vào đây và đợi chúng đến giết chúng tôi sao?”

Hal tra dao găm vào vỏ. “Cô bé à, ta rất lấy làm tiếc, nhưng ta chỉ có tí teo lựa chọn. Ta cũng bị nhốt ở trong này cơ mà. Nếu ta không hợp tác, lũ quái vật sẽ để ta chết đói. Chúng đã có thể giết các người ngay khi các người vào nhà, nhưng chúng đã lợi dụng ta để dụ các người lên gác. Chúng cho phép ta có bầu có bạn trong chốc lát. Điều đó làm ta bớt cô đơn. Và rồi... ừm, lũ quái vật thích dùng bữa vào lúc mặt trời lặn. Hôm nay, thời điểm đó là lúc 7:03 tối.” Ông ta khoát tay ra hiệu về phía cái đồng hồ hiển thị số trên bàn giấy, cho thấy giờ là *10:34 sáng*. “Sau khi các người chết rồi, ta... ta sẽ sống bằng phần thức ăn mà các người mang theo.” Ánh mắt đói khát của ông rơi xuống ba lô của tôi, và một cơn ớn lạnh chạy dọc sống lưng tôi.

“Ông cũng xấu xa y như lũ quái vật vậy,” tôi nói.

Ông lão cau mày. Tôi không quan tâm lắm đến việc liệu lời nói của mình có đụng chạm lòng tự ái của ông hay không. Trong ba lô tôi hiện có hai thanh Snicker, một cái bánh sandwich kẹp giăm bông, một bi-đông nước và một bình rượu thánh rỗng không. Tôi không muốn hết đời vì những thứ đó.

“Hai người có quyền căm ghét ta,” con leucrota nói bằng giọng của Hal, “nhưng ta không thể cứu các người. Vào lúc mặt trời lặn, rào chắn sẽ tự nâng lên. Lũ quái vật sẽ lôi các người đi và giết các người. Sẽ không ai có thể trốn thoát.”

Bên trong hàng rào của con quái vật, một tấm ván vuông trên bức tường phía sau mở ra. Ban nãy tôi còn không nhận thấy có tấm ván ở đó, nhưng ắt là nó dẫn đến phòng khác. Thêm hai con leucrota hiện ngang đi vào chuồng.

Cả ba con chăm chú nhìn tôi bằng đôi mắt đỏ rực, hàm chúng đớp đớp với vẻ đề phòng.

Tôi tự hỏi làm sao lũ quái vật ăn được với cái miệng kỳ lạ như thế. Như để trả lời cho thắc mắc của tôi, một con leucrota dùng miệng ngoạm lấy một mẫu áo giáp cũ. Miếng giáp che ngực bằng đồng Celestial trông khá dày để ngăn nhất đâm của một ngọn giáo, nhưng con leucrota siết chặt lấy nó bằng lực của một cái kềm mỏ quạp và tạo thành một lỗ có hình móng ngựa trên tấm kim loại.

“Như người thấy đấy,” một con leucrota khác nói bằng giọng của Hal, “những con quái vật này cực kỳ mạnh.”

Hai chân tôi cứ như cọng mì spaghetti nhào nước. Thalia bấu chặt tay vào cánh tay tôi.

“Bảo chúng đi đi,” cô cầu xin. “Hal, ông có thể bảo chúng đi chỗ khác không?”

Ông lão cau mày. Con quái vật đầu tiên nói: “Nếu tôi làm thế, chúng ta sẽ không thể nói chuyện.”

Con quái vật thứ hai tiếp lời với cùng giọng điệu: “Ngoài ra, bất cứ kế hoạch trốn thoát nào mà các người nghĩ ra thì cũng có người từng cố thử rồi.”

Con quái vật thứ ba nói: “Chuyện trò riêng tư là không cần thiết.”

Thalia đi tới đi lui, vẻ bồn chồn hết như lũ quái vật. “Chúng có hiểu chúng ta nói gì không? Ý tôi là, chúng chỉ bắt chước hay chúng có hiểu những từ chúng nói?”

Con leucrota thứ nhất phát ra một tiếng rên the thé. Rồi nó bắt chước giọng Thalia: “Chúng có hiểu những từ chúng nói?”

Dạ dày tôi rối bời. Con quái vật bắt chước y hệt giọng của Thalia. Nếu tôi nghe thấy giọng nói đó cầu cứu trong bóng tối, hẳn là tôi sẽ chạy đến ngay tắp lự.

Con quái vật thứ hai nói thay cho Hal: “Các sinh vật này thông minh, kiểu thông minh của lũ cú ầy. Chúng hiểu được các xúc cảm và vài cụm từ đơn giản. Chúng có thể nhử mồi bằng cách kêu la những từ như ‘Cứu tôi với!’ Nhưng ta không chắc lắm về việc chúng thật sự hiểu bao nhiêu từ ngữ của con người. Nhưng cũng chẳng sao. Các người không thể lừa được chúng.”

“Bảo chúng đi đi,” tôi nói. “Ông có máy tính. Hãy gõ ra những gì ông muốn nói. Nếu chúng tôi sẽ chết vào lúc mặt trời lặn, tôi không muốn mấy thứ đó cứ nhìn chăm chăm vào mình suốt cả ngày.”

Hal ngần ngừ. Rồi ông quay sang phía ba con quái vật và nhìn chúng chăm chăm. Sau một lúc, các con leucrota gầm ghè. Chúng nghênh ngang đi ra khỏi chuồng và tấm bảng đen đóng lại.

Hal nhìn tôi. Ông xòe hai tay mình như thể đang xin lỗi, hay đang đặt câu hỏi.

“Anh Luke,” Thalia lo lắng hỏi, “anh có kế hoạch nào không?”

“Chưa có,” tôi thú nhận. “Nhưng tốt hơn hết chúng ta nên có một cái vào lúc mặt trời lặn.”

Cảm giác chờ đợi đến giờ chết thật kỳ lạ. Thông thường, khi Thalia và tôi đánh nhau với quái vật, chúng tôi có khoảng hai giây để nghĩ ra kế hoạch tác chiến. Mỗi đe dọa trong gang tấc. Việc chúng tôi sinh hay tử diễn ra trong phút chốc. Giờ chúng tôi lại bị nhốt trọn ngày trong một căn phòng mà chẳng thể làm gì, biết rõ rằng lúc mặt trời lặn, khi rào chắn chuồng nâng lên, chúng tôi sẽ bị giày xéo đến chết rồi bị những con quái vật mà không có loại vũ khí nào có thể giết chết chúng xé banh xác. Sau đó Halcyon Green sẽ ăn các thanh Snicker của tôi.

Tình trạng chờ đợi này còn tồi tệ hơn cả một vụ tấn công.

Một phần trong tôi những muốn đánh ông lão đó bất tỉnh bằng cây gậy chơi golf và quăng ông ta cho các tấm màn cửa xử lý. Chí ít thì sau này ông ta không thể giúp các con quái vật nhử thêm á thần nào vào chỗ chết nữa. Nhưng tôi không thể buộc mình làm vậy. Hal quá yếu đuối và đáng thương. Ngoài ra, lời nguyện đó không phải do lỗi của ông. Ông đã bị nhốt trong căn

phòng này nhiều thập kỷ, buộc phải phụ thuộc vào lũ quái vật vì giọng nói và vì sự sinh tồn của mình, buộc phải tận mắt chứng kiến các á thần khác mất mạng, tất cả chỉ vì ông đã cứu sống một cô gái. Đó là cái kiểu công bằng gì thế này?

Tôi vẫn còn giận Hal vì đã dụ chúng tôi vào đây, nhưng tôi thấu hiểu lý do vì sao ông mất đi hy vọng sau quá nhiều năm như thế. Nếu có ai đáng phải một cây gậy chơi golf lên đầu thì người đó chỉ có thể là thần Apollo – và *tất cả* các bậc cha mẹ thánh thần vô trách nhiệm trên đỉnh Olympus.

Chúng tôi ngó nghiêng tìm hiểu căn hộ giam giữ Hal. Các kệ sách đầy kín từ sách lịch sử cổ đại cho đến tiểu thuyết kinh dị.

Hai người cứ tự nhiên đọc mọi thứ, Hal gõ trên máy tính. Nhưng mà nhớ chừa nhật ký của ta ra nhé. Nó là đồ cá nhân.

Ông lấy tay che một cuốn sách bằng da màu xanh lục đã tả tơi kể bên bàn phím.

“Được,” tôi nói. Tôi hoài nghi việc có cuốn sách nào sẽ giúp được gì cho chúng tôi, và tôi không hình dung nổi Hal có chuyện thú vị gì để viết lại trong nhật ký khi bị nhốt trong căn phòng này gần hết đời.

Ông chỉ cho chúng tôi xem thanh trình duyệt Internet trên máy tính. Tuyệt. Chúng tôi sẽ đặt bánh pizza và xem các con quái vật xơi tái người giao hàng. Không hữu ích lắm. Tôi cho là chúng tôi có thể viết email nhờ ai đó giúp đỡ, ngoại trừ việc chúng tôi chẳng có lấy bất cứ ai để mà liên lạc, và tôi chưa bao giờ sử dụng email. Thalia và tôi thậm chí còn không mang theo điện thoại di động. Từ những kinh nghiệm thương đau của hai đứa, chúng tôi đã rút ra một điều rằng khi các á thần sử dụng đồ công nghệ, nó thu hút lũ quái vật như máu thu hút cá mập vậy.

Chúng tôi di chuyển đến phòng tắm. Nó khá là sạch sẽ nếu xét đến việc Hal đã sống ở đây lâu đến thế. Ông có hai bộ quần áo da rắn dự phòng, hình như chỉ được giặt tay, treo trên thanh ngang phía trên bồn tắm. Tủ thuốc chất đầy đồ dùng cũ kỹ - các vật dụng dùng khi tắm rửa, thuốc men, bàn chải đánh răng, dụng cụ cấp cứu, bánh thánh và rượu thánh. Khi lục soát, tôi cố

không nghĩ đến việc những thứ này từ đâu ra, nhưng tôi không tìm thấy thứ gì có thể đánh bại mấy con leucrota đó.

Thalia đóng sầm một ngăn kéo lại, vẻ thất vọng. “Em không hiểu! Sao Amaltheia lại mang em đến đây? Có phải các á thần khác cũng đã đến đây vì con dê đó?”

Hal cau mày. Ông ra hiệu cho chúng tôi đi theo ông về lại chỗ máy tính. Ông cúi người xuống và gõ: *Con dê nào?*

Tôi thấy không có lý do gì để giữ bí mật. Tôi kể cho ông nghe việc chúng tôi đã đi theo con dê phân phối Pepsi phát sáng của thần Zeus vào Richmond, và cách nó chỉ cho chúng tôi đến ngôi nhà này.

Hal trông bối rối. Ông gõ: *Ta có nghe nói về Amaltheia, nhưng không biết tại sao nó lại mang các người đến đây. Các á thần khác bị kho báu trong ngôi nhà này thu hút. Ta cứ tưởng là các người cũng thế.*

“Kho báu nào?” Thalia hỏi.

Hal đứng thẳng dậy và chỉ vào cái tủ để đồ khá to của mình. Trong đó chứa đầy vật dụng của các á thần xấu số – những cái áo khoác quá nhỏ so với Hal, vài ngọn đuốc làm từ gỗ-và-nhựa-thông kiểu cổ, những mẫu áo giáp bị lõm vào và vài thanh kiếm bằng đồng Celestial gãy vụn. Thật là uổng phí. Tôi cần một thanh kiếm khác.

Hal xếp lại các thùng đựng sách, giày, vài thỏi vàng cùng một giỏ nhỏ đầy ắp kim cương mà dường như ông không quan tâm đến, từ đó để lộ ra cửa một két sắt bằng kim loại rộng sáu mươi centimet vuông trên sàn nhà và khoát tay ra hiệu như muốn nói: *Đây rồi.*

“Ông có thể mở nó ra không?” tôi hỏi.

Hal lắc đầu.

“Ông có biết có gì bên trong không?” Thalia hỏi.

Hal lại lắc đầu.

“Nó bị khóa rồi,” tôi đoán.

Hal gạt đầu cái rụp rồi đưa tay xoẹt một đường qua cổ.

Tôi quỳ xuống bên cái két sắt. Tôi không chạm vào nó, chỉ để tay lại gần khóa số. Hơi nóng làm ngón tay tôi tê tê, cứ như két sắt là một cái lò nóng bỏng rẫy. Tôi để đầu óc mình tập trung cho đến khi cảm nhận được máy móc bên trong. Tôi không thích những gì mình vừa phát hiện.

“Vật này không hay ho gì đâu,” tôi lầm bầm. “Cho dù bên trong nó có gì thì ắt đó là thứ vô cùng quan trọng.”

Thalia quỳ kế bên tôi. “Anh Luke, đây là lý do vì sao chúng ta có mặt ở đây.” Giọng cô ấy đầy phấn khích. “Thần Zeus muốn em tìm thấy cái này.”

Tôi hoài nghi nhìn cô ấy. Tôi không hiểu sao cô ấy có thể tin tưởng cha mình như thế. Thần Zeus đối xử với cô ấy cũng chẳng tốt hơn mấy so với những gì thần Hermes đã đối xử với tôi. Ngoài ra, có rất nhiều á thần đã từng bị đưa đường dẫn lối đến đây. Họ đều đã chết.

Thế nhưng cô ấy vẫn mãi nhìn tôi bằng đôi mắt xanh sẫm đó, và tôi biết, một lần nữa Thalia sẽ có được điều cô ấy muốn.

Tôi thở dài. “Em sắp yêu cầu anh mở nó ra phải không?”

“Làm vậy được chứ?”

Tôi cắn môi. Lần tới nếu lập đội với người nào khác, tôi nên chọn ai mà mình không thích lắm ấy. Vì tôi không thể nói không với Thalia.

“Có người đã cố mở cái này rồi,” tôi cảnh báo. “Trên tay cầm có một lời nguyền. Anh đoán là bất cứ người nào chạm vào nó sẽ bị đốt cháy thành tro.”

Tôi ngược nhìn Hal. Mặt mày Hal trở nên xám ngoét y hệt tóc ông. Tôi xem như đó là một lời thừa nhận.

“Anh tránh được lời nguyền đó không?” Thalia hỏi tôi.

“Anh nghĩ mình có thể,” tôi nói. “Nhưng anh lo về cái bẫy thứ hai.”

“Cái bẫy thứ hai?” cô ấy hỏi.

“Chưa có ai mó tay vào cái khóa số,” tôi nói. “Anh biết là vì có một hộp chất độc sẵn sàng bung ra khi em ấn số thứ ba. Nó chưa bị kích hoạt bao giờ.”

Nhìn thấy đôi mắt mở to của Hal, tôi đoán ông chưa biết chuyện này.

“Anh có thể thử vô hiệu hóa nó,” tôi nói, “nhưng nếu anh làm hỏng việc, nguyên cả căn hộ này sẽ tràn ngập khí độc. Chúng ta sẽ chết.”

Thalia nuốt xuống. “Em tin anh. Chỉ là... đừng để mắc sai sót nhé.”

Tôi quay sang nhìn ông lão. “Ông có thể nấp trong bồn tắm. Đắp khăn ướt lên mặt. Ông sẽ được an toàn.”

Hal bứt rứt nhích người. Lớp vải da rắn của bộ vest gờn gợn cứ như một con rắn còn sống, đang cố nuốt lấy thứ gì đó khó chịu. Cảm xúc hiện rõ trên mặt ông – sợ hãi, nghi ngờ, nhưng phần lớn là hổ thẹn. Tôi đoán ông không chịu nổi ý nghĩ mình sẽ nằm co rúm trong bồn tắm trong khi hai đứa trẻ mạo hiểm tính mạng. Hoặc có lẽ còn chút ít lòng can đảm của một á thần sót lại trong ông. Ông ra hiệu về phía kết sắt như muốn nói: *Cứ làm đi.*

Tôi chạm vào khóa số. Tôi tập trung đến độ tôi có cảm giác như mình đang nhắc một quả tạ hơn hai trăm ký. Mạch tôi đập mỗi lúc một nhanh hơn. Một vệt mồ hôi chảy xuống mũi tôi. Cuối cùng, tôi cảm nhận được sự chuyển động của các bánh răng. Tiếng kim loại kêu cọt két, các lẫy khóa kêu lách cách, rồi các chốt cài bật ra. Cẩn thận né chỗ tay cầm, tôi dùng đầu móng tay cạy cửa kết và lấy ra một lọ chất lỏng màu xanh lục còn nguyên.

Hal thở dài.

Thalia hôn má tôi, điều mà chắc là cô ấy không nên làm khi tôi đang cầm một ống chất độc chết người như thế này.

“Anh giỏi *quá*,” cô ấy nói.

Liệu điều đó có đáng để liều mạng như vừa rồi không nhỉ? Ừm, dĩ nhiên là quá đáng ấy chứ.

Tôi nhìn vào trong kết, và phần nào nhiệt tình trong tôi tan biến. “*Cái gì thế này?*”

Thalia thò tay vào, lấy ra một cái vòng tay.

Trông không giống vòng tay cho lắm, chỉ là một chuỗi các mắc xích bằng bạc sáng loáng.

Thalia cài nó lại quanh cổ tay mình. Chẳng có gì xảy ra.

Cô ấy cau mày. “Đáng lý nó nên *làm* điều gì đó chứ. Nếu thần Zeus cử em đến đây...”

Hal vỗ tay để làm chúng tôi chú ý. Đột nhiên đôi mắt ông long lên, trông cũng điên dại giống hệt mái tóc. Ông khoa chân múa tay liên hồi, nhưng tôi chịu, không biết ông đang cố nói gì. Cuối cùng ông giậm đôi bốt da rần, tỏ vẻ thất vọng và dẫn chúng tôi quay trở lại phòng chính.

Ông ngồi vào chỗ máy tính và bắt đầu gõ chữ. Tôi liếc nhìn đồng hồ trên bàn. Có lẽ trong ngôi nhà này thời gian trôi nhanh hơn, hoặc có thể khi bạn đang chờ chết thì thời gian cứ thế mà vùn vụt qua đi, nhưng hiện đã quá trưa. Chúng tôi chỉ còn có nửa ngày.

Hal cho chúng tôi xem đoạn văn ngắn ông mới viết xong: *Các người chính là những người đó!! Các người thực sự có được kho báu rồi!! Thật không thể tin được!! Cái két sắt đó đã bị niêm phong trước cả khi ta được sinh ra!! Thần Apollo bảo với ta rằng lời nguyện của ta sẽ chấm dứt khi chủ nhân kho báu thừa nhận nó!! Nếu người là chủ nhân...*

Phía dưới còn nhiều nữa, với nhiều dấu chấm than hơn, nhưng trước khi tôi đọc hết, Thalia lên tiếng, “Khoan đã. Tôi chưa bao giờ nhìn thấy cái vòng tay này. Sao tôi có thể là người sở hữu nó được? Và nếu lời nguyện của ông được cho là sẽ chấm dứt vào lúc này, điều đó có nghĩa là các con quái vật sắp biến mất đúng không?”

Một tiếng *lách cách, lách cách, lách cách* từ hành lang đã trả lời cho câu hỏi trên.

Tôi cau mày nhìn Hal. “Ông đã có lại giọng nói chưa?”

Ông há miệng nhưng không có bất cứ âm thanh nào phát ra. Hai vai ông sụm xuống.

“Có lẽ ý của thần Apollo là chúng tôi sẽ giải cứu cho ông,” Thalia nói.

Hal gõ một câu mới: *Hoặc có lẽ ta sẽ chết trong hôm nay.*

“Cám ơn, Ngài Vui Vẻ,” tôi nói. “Tôi tưởng ông có thể dự báo tương lai. Ông không biết chuyện gì sẽ xảy ra sao?”

Hal gõ: *Ta không thể làm vậy. Việc đó quá nguy hiểm. Người cũng biết chuyện gì đã xảy ra với ta khi ta cố sử dụng sức mạnh trong lần gần đây nhất rồi đấy.*

“Rõ rồi,” tôi càu nhàu. “Đừng làm điều gì dại dột. Cuộc sống tốt đẹp mà ông hiện đang có có thể đi tong đấy.”

Tôi biết câu đó có ý gì. Nhưng tính hèn nhát của người đàn ông này khiến tôi bực bội. Ông đã để các vị thần lợi dụng mình như bao cát quá lâu rồi. Giờ đã đến lúc ông đáp trả, tốt nhất là trước khi Thalia và tôi trở thành bữa ăn tiếp theo của các con leucrota.

Hal cúi đầu xuống. Ngực ông phập phồng, và tôi nhận ra ông đang lặng lẽ khóc.

Thalia nhìn tôi bằng ánh mắt căm ghét. “Sẽ ổn thôi, Hal. Chúng ta sẽ không từ bỏ. Cái vòng tay này ắt là một câu trả lời. Nó có một sức mạnh đặc biệt.”

Hal run rẩy hít vào. Ông quay sang bàn phím và gõ: *Nó bằng bạc. Dù nó có biến thành vũ khí đi chăng nữa thì cũng không làm các con quái vật bị thương đâu.*

Thalia quay sang nhìn tôi, ánh mắt cô ấy ánh lên vẻ cầu xin, ý nói: *Đến lượt anh đưa ra ý kiến hữu ích đấy.*

Tôi nhìn kỹ cái chuồng trống không cùng tấm kim loại mà những con quái vật đã theo đó rời đi. Nếu cửa căn hộ không chịu mở ra lần nữa và cửa sổ bị những tấm màn cửa a-xít ăn thịt người che phủ, thế thì tấm kim loại đó sẽ là lối ra duy nhất. Chúng tôi không thể sử dụng vũ khí làm từ kim loại. Tôi có một lọ chất độc, nhưng nếu tôi hiểu đúng thì nó sẽ khiến mọi người trong căn phòng này mất mạng ngay khi được phát tán. Hàng tá ý tưởng khác lướt qua đầu tôi, nhưng tôi nhanh chóng loại bỏ hết.

“Chúng ta sẽ phải tìm ra một loại vũ khí khác,” tôi quyết định. “Hal, cho tôi mượn máy tính nào.”

Hal trông ngờ vực, nhưng ông nhường ghế cho tôi.

Tôi nhìn chăm chăm vào màn hình. Thật ra thì tôi không dùng máy tính nhiều cho lắm. Như tôi đã nói, những món đồ công nghệ thu hút bọn quái vật. Nhưng thần Hermes là sứ giả truyền tin, dẫn đường và là thần thương nghiệp. Nói không chừng như thế nghĩa là ông ấy có chút quyền hành đối với mạng Internet. Tôi có thể sử dụng chương trình Google thần thánh để tìm kiếm nó ngay lúc này.

“Chỉ một lần này thôi,” tôi lầm bầm với màn hình, “cho phép tôi được làm điều này. Cho tôi thấy được sự lợi hại khi là con trai của ông nào.”

“Anh nói gì thế, anh Luke?” Thalia hỏi.

“Không có gì,” tôi nói.

Tôi mở trình duyệt web ra và bắt đầu gõ. Tôi tìm kiếm thông tin về con leucrota, hy vọng tìm được điểm yếu của chúng. Trên Internet chẳng nói gì nhiều về chúng, ngoại trừ thông tin chúng là các con vật trong truyền thuyết, chuyên dụ dỗ con mồi bằng cách giả giọng con người.

Tôi tìm tiếp “các loại vũ khí của Hy Lạp”. Có vài bức ảnh kiếm, giáo và máy bắn đá tuyệt đẹp, nhưng tôi hồ nghi về việc chúng tôi có thể giết chết các con quái vật bằng các tấm ảnh JPEG có độ phân giải thấp. Tôi gõ ra danh sách những thứ chúng tôi có trong phòng – đuốc, đồng Celestial, chất độc, các thanh Snicker, một cây gậy chơi golf – với hy vọng một công thức ma thuật nào đó tạo ra tia có sức mạnh kết liễu con leucrota sẽ xuất hiện. Nhưng vận may không hề xảy đến. Tôi gõ dòng chữ: “Giúp tôi giết con leucrota”. Thông tin gần giống nhất mà tôi có được là *Giúp tôi chữa lành bệnh bạch cầu*.

Đầu tôi ong ong. Tôi không có khái niệm về thời gian tìm kiếm thông tin cho đến khi tôi nhìn đồng hồ: bốn giờ chiều. Sao *có thể* thế được?

Trong khi đó, Thalia đang cố kích hoạt cái vòng đeo tay mới và cũng chẳng thu hoạch được gì. Cô ấy xoắn nó lại, gõ gõ, lắc lắc, mang vào mắt cá chân, ném vào tường và xoay tròn nó trên đầu, miệng thì hét lên “Thần Zeus!” Chẳng có chuyện gì xảy ra.

Chúng tôi nhìn nhau, và tôi biết hai đứa tôi đều cạn hết ý tưởng rồi. Tôi hồi tưởng lại những gì Hal Green từng kể. Mới đầu tất cả các á thần đều ấp ủ hy vọng. Bọn họ đều có ý tưởng để trốn thoát. Sau đó họ đều thất bại.

Tôi không thể để xảy ra chuyện đó. Thalia và tôi đã sống sót sau bao phen ác liệt để mà từ bỏ vào lúc này. Nhưng điều lạ là (ý tôi là theo nghĩa đen ấy), tôi không thể nghĩ ra điều gì khác để thử.

Hal bước đến và khoát tay ra hiệu về phía bàn phím.

“Cứ làm đi,” tôi chán nản nói.

Chúng tôi đổi chỗ cho nhau.

Sắp hết giờ, ông gõ. Tôi sẽ cố thử đoán tương lai.

Thalia cau mày. “Tôi nghĩ là ông có nói chuyện đó quá nguy hiểm mà.”

Không sao, Hal gõ. Luke nói đúng. Ta là một lão già hèn nhát, nhưng thần Apollo không thể trừng phạt ta nặng hơn những gì ông ấy đã làm đâu. Có lẽ ta sẽ nhìn thấy điều gì đó có ích. Thalia, đưa tay cho ta nào.

Ông quay sang phía Thalia.

Cô ấy ngần ngừ.

Phía bên ngoài căn hộ, các con leucrota gầm lên và cào lên hành lang. Chắc chúng đói bụng rồi.

Thalia đưa hai bàn tay cho Halcyon Green cầm lấy. Ông lão nhắm mắt lại và tập trung, cách thức tương tự như khi tôi sẫm soi một ổ khóa phức tạp.

Ông cau mày, rồi sau đó run rẩy hít vào. Ông ngược lên nhìn Thalia với nét mặt cảm thông, đoạn quay về phía bàn phím và ngần ngừ một lúc lâu trước khi bắt đầu gõ.

Người sẽ sống sót, Hal gõ.

“Đó... đó là điều tốt, đúng không?” cô ấy hỏi. “Sao ông trông buồn bã đến thế?”

Hal nhìn chăm chăm vào con trỏ đang chớp nháy. Ông gõ, *Một ngày nào đó sắp tới đây, người sẽ hy sinh tính mạng của mình để cứu bạn bè người.*

Theo ta thấy thì sự việc đó... thật khó để miêu tả. Nhiều năm tịch mịch. Người cao và đứng bất động, còn sống nhưng đang say ngủ. Người sẽ biến đổi một lần, và rồi lại biến đổi lần nữa. Con đường người đi sẽ u buồn và cô độc. Nhưng một ngày nào đó người sẽ tìm lại được gia đình của mình.

Thalia siết chặt hai nắm tay. Cô ấy mở miệng định nói gì đó rồi đi tới đi lui khắp phòng. Cuối cùng, cô ấy dấm mạnh tay vào các kệ sách. “Những câu đó thật vô nghĩa. Tôi sẽ hy sinh tính mạng của mình, nhưng lại vẫn còn sống. Biến đổi, đang ngủ? Ông gọi đó là tương lai sao? Tôi... tôi thậm chí còn không có lấy một mái ấm gia đình. Tôi chỉ có mẹ, và không đời nào tôi quay về với bà ấy.”

Hal bĩu môi. Ông gõ, *Ta rất lấy làm tiếc. Ta không thể kiểm soát những gì mình nhìn thấy. Nhưng ý ta không phải nói đến mẹ của người.*

Suýt nữa Thalia ngã ngửa vào màn cửa. Cô ấy kịp khựng người lại đúng lúc nhưng trông có vẻ choáng váng, như thể vừa mới bước ra khỏi tàu lượn siêu tốc.

“Thalia?” tôi hỏi, giọng nhẹ nhàng hết mức. “Em biết ông ấy đang ám chỉ gì sao?”

Cô ấy nhìn tôi qua khước mắt. Tôi không hiểu sao cô ấy lại lo lắng đến thế. Tôi biết cô ấy không thích nói về cuộc sống của mình khi còn ở L.A., nhưng cô ấy đã kể cho tôi rằng mình là con một, và cô ấy chưa bao giờ nhắc đến người thân nào ngoài mẹ mình.

“Không có gì,” sau rốt cô ấy cũng lên tiếng. “Quên đi. Tài bói toán của Hal cùn rồi.”

Tôi khá chắc Thalia thậm chí còn không tin vào điều đó.

“Ông Hal này,” tôi nói, “nhất định là còn có nhiều điều nữa chứ. Ông vừa bảo Thalia sẽ sống sót. *Bằng cách nào?* Ông có thấy gì về cái vòng đeo tay không? Hay về con dê? Chúng tôi cần *những điều có ích.*”

Ông buồn bã lắc đầu. Ông gõ, *Tôi không nhìn thấy gì về cái vòng tay. Tôi xin lỗi. Tôi biết chút ít về chuyện con dê Amaltheia, nhưng tôi không nghĩ nó*

sẽ giúp được gì. Con dê đó đã cho thần Zeus bú sữa khi ngài ấy còn bé. Sau đó, thần Zeus đã giết nó và dùng da nó làm khiên – cái khiên Aegis ấy.

Tôi gãi gãi cằm mình. Tôi khá chắc đó là câu chuyện mình đang cố nhớ lại lúc đầu về bộ da của con dê. Chuyện đó dường như quan trọng, dù tôi không đoán ra nguyên do. “Vậy là thần Zeus đã giết chết mẹ dê của mình sao. Những việc ‘kinh điển’ mà một vị thần thường làm. Thalia, em có biết gì về cái khiên đó không?”

Thalia gật đầu, rõ ràng cô ấy thấy nhẹ nhõm khi thay đổi chủ đề. “Nữ thần Athena gắn đầu của Medusa lên mặt trước và toàn bộ cái khiên được phủ đồng Celestial. Bà ấy và thần Zeus thay phiên nhau sử dụng nó khi tham gia chiến trận. Nó sẽ khiến kẻ thù của họ sợ chết khiếp.”

Tôi không hiểu thông tin đó giúp được gì. Nhưng rõ là con dê Amaltheia đã hồi sinh. Điều đó xảy ra như cơm bữa với lũ quái vật trong thần thoại – cuối cùng thì chúng vẫn được tái sinh từ đáy Tartarus đấy thôi. Nhưng sao Amaltheia lại dẫn chúng tôi đến đây?

Một ý nghĩ đáng sợ nảy ra trong đầu tôi. Nếu tôi bị thần Zeus lột da, chắc hẳn tôi sẽ cóc thích giúp ông ta nữa. Thật ra thì tôi có mối thù truyền kiếp với các con của thần Zeus. Có lẽ đó là lý do tại sao Amaltheia đã đưa chúng tôi đến ngôi biệt thự này.

Hal Green chìa hai tay mình về phía tôi. Nét mặt âm đạm của ông cho tôi biết giờ đến lượt xem bói của tôi.

Tôi thấy sợ. Sau khi nghe nói về tương lai của Thalia, tôi không muốn biết gì về tương lai của mình. Chuyện gì sẽ xảy ra nếu cô ấy sống sót, còn tôi thì không? Chuyện gì sẽ xảy ra nếu cả hai đều còn sống nhưng Thalia sẽ phải hy sinh để cứu tôi vào một lúc nào đó trong cuộc hành trình sau này, như Hal đã nói? Tôi không chịu nổi điều đó.

“Đừng, anh Luke,” Thalia cay đắng nói. “Các vị thần đã đúng. Những lời tiên tri của Hal sẽ chẳng giúp được cho ai.”

Ông lão chớp chớp đôi mắt sững nước. Đôi tay ông quá mong manh yếu ớt, thật khó tin là ông mang trong mình dòng máu của một vị thần bất tử.

Ông đã nói với chúng tôi rằng lời nguyện của ông sẽ kết thúc vào hôm nay, bằng cách này hay cách khác. Ông đã thấy trước rằng Thalia sẽ sống sót. Nếu ông nhìn thấy điều gì trong tương lai của tôi mà hữu ích, tôi đành phải cố thôi.

Tôi đưa tay cho ông.

Hal hít vào thật sâu và nhắm mắt lại. Lớp áo khoác da rắn lấp lánh như thể nó đang cố bong ra. Tôi buộc mình phải bình tĩnh.

Tôi có thể cảm nhận được nhịp mạch đập của Hal trên những ngón tay mình – một, hai, ba.

Đôi mắt Hal choàng mở. Ông giật mạnh tay mình ra và nhìn chăm chăm vào tôi, vẻ khiếp sợ.

“Được rồi,” tôi nói. Lưỡi tôi có cảm giác thô ráp. “Tôi đoán là ông đã nhìn thấy điều chẳng tốt đẹp gì cho lắm.”

Hal quay sang phía máy tính. Ông nhìn mãi vào màn hình một hồi lâu khiến tôi cứ ngỡ ông hôn mê rồi.

Cuối cùng, ông gõ, *Lửa. Ta nhìn thấy lửa.*

Thalia cau có. “Lửa sao? Ý ông là hôm nay ư? Điều đó sẽ giúp cho chúng ta?”

Hal ngược nhìn lên, vẻ mặt đầy khổ sở. Ông gật đầu.

“Còn nữa đây,” tôi giục giã. “Điều gì đã khiến ông sợ chết khiếp?”

Ông tránh ánh mắt của tôi, đoạn miễn cưỡng gõ, *Khó chắc lắm. Luke, ta cũng nhìn thấy sự hy sinh trong tương lai của người. Một lựa chọn. Nhưng đồng thời cũng là một sự phản bội.*

Tôi chờ đợi. Hal không nói thêm gì nữa.

“Một sự phản bội,” Thalia nói. Giọng cô ấy nghe hung dữ. “Ý ông là ai đó sẽ phản bội Luke? Vì Luke sẽ không bao giờ phản bội bất cứ ai.”

Hal gõ, *Con đường của cậu ta khó mà nhìn thấy rõ ràng. Nhưng nếu hôm nay cậu ta sống sót, cậu ta sẽ phản bội...*

Thalia chộp lấy bàn phím. “Đủ rồi! Ông đã nhử các á thần đến đây rồi tước đi hy vọng của họ bằng những lời tiên tri kinh khủng đó ư? Chả trách những người khác đã từ bỏ - cũng giống như ông đã từ bỏ. Ông thật là thảm hại!”

Cơn giận rục lên trong mắt Hal. Tôi không nghĩ người đàn ông này sẽ tức giận, nhưng ông đã đứng bật dậy. Trong giây lát, tôi nghĩ ông có thể nhào tới tấn công Thalia.

“Làm đi,” Thalia gầm lên. “Thử quất tôi cái đi. Ông còn chút hăng hái hoạt bát nào không?”

“Ngừng lại!” tôi ra lệnh. Hal Green rút lui ngay lập tức. Tôi thề là giờ ông lão đó sợ tôi chết khiếp, nhưng tôi không muốn biết ông ấy đã nhìn thấy gì trong các cảnh mộng. Cho dù tương lai của tôi có là ác mộng đi nữa, trước hết, hôm nay tôi buộc phải sống sót...

“Lửa,” tôi nói. “Ông vừa nhắc đến lửa.”

Ông gật đầu, rồi xòe hai tay ra, ra ý ông không còn gì để nói nữa.

Một ý tưởng từ từ hiện ra trong đầu tôi. Lửa. Vũ khí của Hy Lạp. Một trong số các vật dụng mà chúng tôi hiện đang có trong căn hộ này... danh sách mà tôi đã gõ vào thanh tìm kiếm, hy vọng tạo ra một công thức ma thuật.

“Có chuyện gì thế?” Thalia hỏi. “Em biết cái nhìn đó. Anh đã nghĩ ra điều gì đó.”

“Cho tôi mượn bàn phím nào.” Tôi ngồi vào máy tính và thực hiện một lượt tìm kiếm mới trên mạng.

Một trang viết ngay lập tức xuất hiện.

Thalia thò đầu nhìn qua vai tôi. “Anh Luke, làm thế sẽ tuyệt lắm đấy! Nhưng em tưởng vật đó chỉ có trong truyền thuyết mà thôi.”

“Anh không biết nữa,” tôi thừa nhận. “Nếu nó có thật, làm thế nào chúng ta tạo ra nó? Ở đây chẳng có công thức gì cả.”

Hal gõ cốc cốc xuống bàn để làm chúng tôi chú ý. Nét mặt ông đầy vẻ phấn khởi. Ông chỉ tay về phía các kệ sách.

“Các cuốn sách về lịch sử cổ đại,” Thalia nói. “Hal nói đúng. Rất nhiều cuốn xưa lắc xưa lơ. Chắc chúng sẽ có thông tin mà trên Internet không có.”

Cả ba chúng tôi chạy về phía kệ sách. Chúng tôi bắt đầu lôi hết đồng sách trên đó xuống. Chẳng mấy chốc thư viện của Hal như thể vừa bị bão thổi qua, nhưng dường như ông lão không quan tâm. Ông đảo qua các tựa sách và đọc lướt qua vài trang nhanh ngang ngửa chúng tôi. Nói thật là, nếu không có ông, chúng tôi sẽ không bao giờ tìm thấy câu trả lời. Sau nhiều lần tìm kiếm vô ích, ông lao đến chỗ chúng tôi, gõ vào một trang trong một cuốn sách bìa da cũ mèm...

Tôi xem danh sách các nguyên liệu thật tỉ mỉ, và cơn phấn khích trong tôi bùng nổ. “Chính là nó. Công thức của ‘Lửa Hy Lạp’.”

Làm sao tôi biết để tìm kiếm nó? Có thể là do cha tôi, thần Hermes, vị thần tài ba, đang hướng dẫn cho tôi, vì ông ấy rất rành về chất lỏng ma thuật và thuật giả kim. Có thể trước đây tôi đã nhìn thấy công thức này ở đâu đó, và việc tìm kiếm trong căn hộ đã kích hoạt ký ức đó.

Mọi thứ chúng tôi cần đều có trong phòng này. Tôi đã nhìn thấy tất cả các nguyên liệu khi chúng tôi lục lọi đồng quân nhu của các á thần bị đánh bại: nhựa thông từ các ngọn đuốc cũ, một chai rượu thánh, cồn từ bộ dụng cụ cấp cứu của Hal...

Thật sự thì tôi không nên viết ra hết cách làm, kể cả trong cuốn nhật ký này. Nếu ai đó tình cờ đọc được và biết bí quyết của “lửa Hy Lạp”... ừ thì, tôi không muốn chịu trách nhiệm cho việc thiêu rụi thế giới của người phạm.

Tôi nghiên cứu toàn bộ danh sách. Chỉ còn thiếu một thứ duy nhất.

“Chất xúc tác.” Tôi nhìn Thalia. “Chúng ta cần có sét.”

Cô ấy mở to mắt. “Luke, em không thể. Lần trước...”

Hal kéo chúng tôi đến chỗ máy tính và gõ, *Cô có thể triệu hồi sét sao????*

“Đôi khi thôi,” Thalia thừa nhận. “Con cái của thần Zeus có khả năng đó. Nhưng tôi không thể làm vậy trong này. Và dù chúng ta có ở bên ngoài thì tôi cũng vẫn gặp rắc rối trong việc kiểm soát cú đánh. Lần trước, suýt chút nữa tôi giết chết anh Luke rồi.”

Tóc gáy tôi dựng đứng cả lên khi tôi nhớ lại tai nạn đó.

“Sẽ ổn thôi.” Tôi cố nói với giọng tự tin. “Anh sẽ chuẩn bị hỗn hợp. Khi nó sẵn sàng, có một ổ điện dưới bàn máy tính. Em có thể triệu hồi một tia sét đánh vào ngôi nhà và làm nó nổ tung thông qua mạng điện.”

“Và khiến cho ngôi nhà chìm trong biển lửa,” Thalia thêm vào.

Hal gõ, *Điều đó cũng sẽ xảy ra nếu người thành công. Người có hiểu lửa Hy Lạp nguy hiểm thế nào không?*

Tôi nuốt xuống. “Có chứ. Đó là lửa ma thuật. Nó đốt cháy tất cả những gì nó chạm vào. Ông không thể dập tắt nó bằng nước hay bình cứu hỏa, hay bất cứ thứ gì. Nhưng nếu chúng ta có thể tạo ra một loại bom nào đó và ném nó vào mấy con leucrota...”

“Chúng sẽ bị thiêu cháy.” Thalia liếc nhìn ông lão. “Làm ơn nói với tôi rằng bọn quái vật đó không miễn dịch với lửa đi.”

Hal nhú mào. *Ta không nghĩ thế, ông gõ. Nhưng lửa Hy Lạp sẽ biến căn phòng này thành địa ngục. Nó sẽ lan ra toàn bộ ngôi nhà chỉ trong có mấy giây.*

Tôi nhìn về phía rào chắn trống không. Theo đồng hồ của Hal, chúng tôi đại khái còn khoảng một giờ trước khi mặt trời lặn. Khi thanh chắn nâng lên và các con leucrota tấn công, có lẽ chúng tôi vẫn còn cơ hội – đấy là nếu chúng tôi có thể đánh úp lũ quái vật bằng vụ nổ, và nếu bằng cách nào đó chúng tôi đi vòng qua chúng, đến được tấm ván phía sau cái chuồng mà không bị ăn thịt hay bị thiêu sống. Có quá nhiều giả thiết.

Cả tá chiến lược khác nhau lướt qua tâm trí tôi, nhưng tôi vẫn trần trụi với điều mà Hal đã nói: *sự hy sinh*. Tôi không thể dứt bỏ ý nghĩ rằng cả ba chúng tôi thoát ra ngoài và sống sót là bất khả thi.

“Hãy chế tạo lửa Hy Lạp thôi,” tôi nói. “Rồi chúng ta sẽ tính toán phần còn lại sau.”

Thalia và Hal giúp tôi gom những thứ cần thiết lại. Chúng tôi bắt đầu tại bếp lò của Hal và thực hiện vài màn nấu nướng vô cùng nguy hiểm. Thời gian trôi qua quá nhanh. Phía bên ngoài hành lang, các con leucrota gầm gừ và táp táp miệng.

Màn cửa sổ chặn hết tất cả ánh sáng mặt trời, nhưng nhờ đồng hồ mà chúng tôi biết mình sắp hết giờ.

Mặt mũi tôi lấm tấm mồ hôi khi tôi trộn các nguyên liệu vào với nhau. Mỗi khi chớp mắt, tôi lại nhớ đến những lời của Hal trên màn hình máy tính, như thể chúng được khắc sâu vào phía sau mắt tôi: *Một sự hy sinh trong tương lai. Một lựa chọn. Nhưng đồng thời cũng là sự phản bội.*

Ý ông là gì? Tôi tin chắc ông đã không kể cho mình nghe hết. Nhưng có một điều rõ ràng là: Tương lai của tôi làm ông khiếp sợ.

Tôi cố tập trung vào công việc. Tôi thật sự không biết mình đang làm gì, nhưng tôi chẳng có lựa chọn nào khác. Có lẽ thần Hermes đang để mắt trông chừng tôi, cho tôi mượn một vài bí quyết luyện giả kim của ông. Hoặc có lẽ tôi chỉ ăn may mà thôi. Cuối cùng, tôi có một nỗi đầy chất lỏng nhầy nhụa đen thui, thứ sau đó tôi rót vào một cái lọ thủy tinh cũ dùng đựng mứt. Tôi đậy chặt nắp lọ lại.

“Đây.” Tôi đưa cái lọ cho Thalia. “Em có thể nhắm trúng nó không? Lọ thủy tinh sẽ giúp nó không phát nổ cho đến khi chúng ta làm vỡ cái lọ.”

Thalia trông có vẻ bình tĩnh. “Em sẽ cố. Em cần vài đoạn dây điện lộ ra trên tường. Và để triệu hồi tia sét, việc đó sẽ phải mất một vài phút để tập trung. Chắc là hai người nên lùi lại, phòng trường hợp... hai người biết đó, tôi làm nổ hay đại loại thế.”

Cô ấy chộp lấy cái tuốt vít trong ngăn kéo tủ bếp của Hal, bò xuống dưới bàn máy tính và bắt đầu mài mò ổ điện.

Hal cầm cuốn nhật ký bằng da màu xanh lục lên. Ông ra hiệu cho tôi đi theo. Chúng tôi đi ra phía cửa gần nhất, tại đó, Hal lấy trong áo khoác ra một

cây bút và giở qua nhật ký một lượt. Tôi nhìn thấy các dòng chữ viết tay gọn gàng ngay ngắn nhưng lại khó đọc. Sau cùng, Hal tìm thấy một trang còn trống và viết nguệch ngoạc lên đó.

Ông đưa cuốn sách cho tôi.

Trên trang giấy đó viết, *Luke, ta muốn cậu nhận lấy cuốn nhật ký. Trong này có ghi lại các lời tiên tri cùng ghi chú về tương lai, các suy nghĩ của ta về việc ta đã sai ở đâu. Ta nghĩ nó có thể giúp ích cho cậu.*

Tôi lắc đầu. “Hal, vật này là của ông. Ông giữ nó đi.”

Ông nhận lại cuốn sách và viết, *Cậu có một tương lai quan trọng. Các lựa chọn của cậu sẽ làm thay đổi thế giới. Cậu có thể học hỏi từ các lỗi lầm của ta, viết tiếp cuốn nhật ký này. Nó có thể hữu ích khi cậu phải đưa ra các quyết định.*

“Các quyết định gì cơ?” tôi hỏi. “Ông đã nhìn thấy được gì mà ông lại sợ hãi như thế?”

Cây bút trong tay ông lão khựng lại trên trang giấy một hồi lâu. *Ta nghĩ cuối cùng ta cũng đã hiểu tại sao mình bị nguyên rủa, ông viết. Thần Apollo đã đúng. Đôi khi tương lai nên được giữ kín.*

“Hal, cha ông là một kẻ ngốc. Ông không đáng...”

Hal gõ liên tục vào trang giấy. Ông nguệch ngoạc viết, *Cứ hứa với ta cậu viết tiếp cuốn nhật ký này. Nếu ta ghi lại các ý nghĩ của mình sớm hơn, có thể ta đã tránh được vài sai lầm ngu ngốc. Và thêm một điều nữa...*

Ông đặt cây bút lên cuốn nhật ký và tháo con dao găm bằng đồng Celestial ra khỏi dây thắt lưng. Ông trao nó cho tôi.

“Tôi không thể nhận,” tôi bảo ông. “Ý tôi là, tôi rất cảm kích về việc này, nhưng tôi thích dùng kiếm hơn. Ngoài ra, ông sẽ đi cùng chúng tôi. Ông sẽ cần vũ khí.”

Ông lắc đầu và đặt con dao găm vào tay tôi. Ông lại viết: *Con dao là món quà của cô gái mà ta đã cứu. Cô ấy cam đoan với ta rằng con dao sẽ luôn bảo vệ cho chủ nhân của nó.*

Hal run rẩy hít vào. Ất là ông biết rõ lời cam kết đó nghe mới mĩa mai, chua chát làm sao, lời cam kết đã mang đến lời nguyện cho ông. Ông viết tiếp, *Một con dao găm thì không có sức mạnh hay tầm tấn công của một thanh kiếm, nhưng nó có thể là một vũ khí tuyệt vời khi thuộc về đúng người. Ta sẽ cảm thấy an tâm hơn khi biết cậu giữ nó.*

Ông nhìn vào mắt tôi, và rốt cuộc tôi cũng hiểu ông định làm gì. “Đừng thế,” tôi nói. “Tất cả chúng ta sẽ thoát ra ngoài.” Hal mím chặt môi. Ông viết, *Hai chúng ta đều biết đó là điều không thể. Ta có thể giao tiếp với lũ leucrota. Chọn ta làm mối nhử là hợp lý. Cậu và Thalia hãy chờ trong phòng để đồ nhé. Ta sẽ dụ bọn quái vật vào phòng tắm. Ta sẽ giúp cậu có vài giây để đến được lối ra trước khi ta kích nổ. Đó là cách duy nhất giúp cậu có thời gian.*

“Không,” tôi nói.

Nhưng nét mặt ông nghiêm nghị và kiên quyết. Ông không còn giống một ông lão nhút nhát nữa. Ông trông giống một á thần, sẵn sàng xông trận.

Tôi không thể tin ông lại chấp nhận hy sinh tính mạng để cứu lấy hai đứa trẻ vừa mới gặp, đặc biệt là sau khi ông phải chịu khổ sở trong từng ấy năm như thế. Và chưa hết, tôi không cần viết và giấy để nhận ra ông đang nghĩ gì. Đây là cơ hội chuộc tội của Hal. Ông sẽ thực hiện một việc quả cảm cuối cùng, và lời nguyện của ông sẽ kết thúc vào cuối ngày hôm nay, như thần Apollo đã từng đoán trước.

Ông nguệch ngoạc viết tiếp và trao cho tôi cuốn nhật ký. Từ cuối cùng là: *Hứa đi.*

Tôi hít sâu vào và gấp cuốn sách lại. “Được rồi. Tôi hứa.”

Sấm chớp làm rung chuyển ngôi nhà. Cả hai chúng tôi đều giật mình. Trên bàn máy vi tính, thứ gì đó kêu *Bụp!* Khói trắng bốc lên từ máy tính, và mùi như mùi lốp cháy tràn ngập khắp căn phòng.

Thalia ngồi thẳng người dậy, miệng cười toe toét. Bức tường sau lưng cô ấy rộp lên lỗ chỗ và ám đen. Ổ cắm điện tan chảy hoàn toàn, nhưng trong tay cô ấy, cái bình nứt chứa lửa Hy Lạp vẫn đang phát ra ánh sáng màu lục.

“Có ai đặt hàng một quả bom ma thuật không?” cô ấy hỏi.

Ngay lúc đó, đồng hồ chỉ 7:03. Rào chắn từ từ nâng lên, và tấm bảng sau lưng chúng tôi bắt đầu mở ra.

Chúng tôi đã hết giờ.

Ông lão chìa tay ra.

“Thalia,” tôi nói. “Đưa lửa Hy Lạp cho Hal.”

Cô ấy nhìn qua nhìn lại hai chúng tôi. “Nhưng...”

“Ông ấy buộc phải làm thế.” Giọng tôi nghe bối rối hơn bao giờ hết. “Ông ấy sẽ giúp chúng ta thoát khỏi đây.”

Khi cô ấy hiểu tôi muốn nói gì, nét mặt cô ấy tái nhợt. “Anh Luke, không.”

Các thanh chắn đã kéo lên được một nửa. Cánh cửa sập trên mặt đất dần hé mở. Một móng guốc màu đỏ thò qua khe hở. Bên trong cầu trượt, lũ leucrota gầm gừ và tấp táp.

“Không còn thời gian nữa,” tôi cảnh báo. “Đi thôi!”

Hal cầm lấy cái lọ đựng lửa trên tay Thalia. Ông mỉm cười với cô, nụ cười đầy can đảm, rồi gật đầu với tôi. Tôi nhớ từ cuối cùng ông viết: *Hứa đi.*

Tôi nhét cuốn nhật ký và con dao găm vào trong ba lô. Rồi tôi kéo Thalia vào trong phòng đựng đồ với mình.

Một giây sau, chúng tôi nghe thấy tiếng lũ leucrota lao vào phòng. Cả ba con quái vật rít lên gầm gừ rồi giậm chân giày xéo lên khắp đồ đạc trong phòng, nóng lòng muốn được cho ăn.

“Ở trong này!” giọng Hal vang lên. Đó ắt là giọng của một con quái vật đang nói hộ ông, nhưng giọng ông nghe đầy can đảm và tự tin. “Ta đã nhốt chúng vào phòng tắm! Vào đây nào, lũ chó lai xấu xí kia!”

Thật kỳ cục khi nghe một con leucrota sỉ nhục chính nó, nhưng mảnh khoe nọ dường như hiệu quả. Các sinh vật đó phóng đến chỗ phòng tắm.

Tôi nắm chặt tay Thalia. “Đến lúc rồi.”

Chúng tôi lao nhanh ra khỏi phòng đựng đồ và chạy như bay về phía phòng giam. Bên trong, tấm bảng đã đóng lại. Một trong ba con leucrota gầm gừ kinh ngạc và quay lại đuổi theo chúng tôi, nhưng tôi không dám quay đầu nhìn lại. Chúng tôi bò vào trong chuồng. Tôi nhào tới chỗ tấm bảng che lối ra, dùng cây gậy chơi golf của mình nạy nó ra.

“Đi, đi, đi thôi!” tôi hét lên.

Thalia bò lách qua khi tấm kim loại đó bắt đầu bẻ cong cây gậy chơi golf.

Trong phòng tắm, Hal hét lên, “Bọn mày biết đây là gì phải không, những con chó xấu xa từ Tartarus kia? Đây là bữa ăn cuối cùng của bọn mày!”

Con leucrota phóng xuống chỗ tôi. Tôi vắn người, hét lên, khi cái mõm xương xẩu của nó đập vào không khí, nơi trước đó là mặt tôi.

Tôi đâm được vào mõm nó, nhưng cứ như tôi vừa chạm phải một túi xi-măng ướt ấy.

Rồi thứ gì đó tóm lấy cánh tay tôi. Thalia kéo tôi về phía cầu trượt. Tấm bảng đóng lại, làm gãy cây gậy chơi golf.

Chúng tôi bò theo ống dẫn kim loại đến một phòng ngủ khác và loạng choạng đi về phía cửa.

Tôi nghe thấy Halcyon Green hét lên tiếng hô xung trận: “Vì thần Apollo!”

Và ngôi biệt thự rung chuyển với một tiếng nổ lớn.

Chúng tôi lao như bay vào trong hành lang, nơi đã bốc cháy. Lửa đã bén vào giấy dán tường và tấm thảm bốc khói nghi ngút. Cửa phòng ngủ của Hal đã bị thổi bay khỏi bản lề và lửa đang từ đó ủa ra như một trận tuyết lở, làm bốc hơi mọi thứ trên đường đi của nó.

Chúng tôi đến được cầu thang. Khói dày đặc, tôi không thấy được gì bên dưới. Chúng tôi sẩy chân suýt ngã và ho sặc sụa, hơi nóng làm mắt và phổi tôi nóng lên. Chạy xuống chân cầu thang rồi, trong khi tôi đang ngỡ chúng tôi sẽ ra được chỗ cánh cửa thì con leucrota va mạnh vào khiến tôi ngã ngửa.

Đó ắt là con đã đuổi theo chúng tôi vào buồng giam. Tôi cho là chỗ đó đủ xa để nó thoát khỏi vụ nổ, còn sống sau luồng hơi ban đầu, và bằng cách nào đó đã chạy khỏi phòng ngủ, dù nó trông không thích thú lắm với những gì mình vừa trải qua. Bộ lông đỏ của con leucrota cháy sém đen thui. Đôi tai nhọn của nó còn đang bắt lửa, một con mắt đỏ rực đã nhắm chặt và sưng phồng lên.

“Anh Luke!” Thalia hét lên. Cô ấy chộp lấy ngọn giáo đã nằm trên sàn phòng khiêu vũ cả ngày và đâm mũi giáo vào bên sườn con quái vật, nhưng điều đó chỉ khiến con leucrota thêm điên tiết mà thôi.

Nó đớp đớp cái hàm làm từ nẹp xương về phía cô ấy, một móng vuốt vẫn ghim chặt trên ngực tôi. Tôi không nhúc nhích gì được, và tôi biết con quái thú này có thể nghiền nát ngực mình, chỉ cần đè chặt thêm chút xíu thôi.

Hai mắt tôi cay xè vì khói. Tôi hầu như không thở nổi. Tôi nhìn Thalia cố đâm con quái vật lần nữa, và ánh sáng kim loại lóe lên đập vào mắt tôi – cái vòng tay bằng bạc.

Điều gì đó rất cuộc cũng được kích hoạt trong đầu tôi: câu chuyện về con dê Amaltheia, kẻ đã dẫn chúng tôi đến đây. Thalia đã được định trước sẽ là người tìm thấy kho báu. Nó thuộc về đứa con của thần Zeus.

“Thalia!” tôi thở khó nhọc. “Cái khiên! Nó được gọi là gì nhỉ?”

“Cái khiên nào?” cô ấy gào lên.

“Cái khiên của thần Zeus ấy!” tôi sực nhớ ra. “Aegis. Thalia, cái vòng tay – nó có từ mật mã!”

Đó là một suy đoán liều lĩnh. Tạ ơn thần thánh – hay tạ ơn sự may mắn thuần túy – Thalia hiểu ra. Cô ấy gõ vào cái vòng, nhưng lần này thì hét lớn, “Aegis!”

Ngay lập tức, cái vòng đeo tay giãn nở, bẹt ra thành một cái đĩa đồng thật rộng – một cái khiên với các thiết kế phức tạp được dát mỏng quanh vành khiên. Ở trung tâm, được nén chặt vào lớp kim loại là một cái khuôn nắn từ mặt người chết, khuôn mặt gớm ghiếc đến nỗi tôi sẽ bỏ chạy thật xa nếu tôi có thể làm điều đó. Tôi nhìn ra hướng khác, nhưng dư ảnh đã khắc sâu vào

trong đầu tôi – mái tóc răn, đôi mắt mở trừng trừng và khuôn miệng nhe ra những chiếc răng nanh.

Thalia giúi mạnh khiên về phía con leucrota. Con quái vật kêu ăng ăng như chó con và lùi lại, giúp tôi thoát khỏi sức nặng từ móng guốc của nó. Qua làn khói, tôi nhìn thấy con leucrota sợ hãi chạy thẳng vào tấm màn cửa gần nhất, giờ đang biến thành những cái lưỡi đen lấp lánh và nuốt gọn con quái vật. Con leucrota bốc hơi. Nó bắt đầu kêu thét, “Cứu với!” bằng giọng của nhiều người, chắc đó là giọng của các nạn nhân trong quá khứ, cuối cùng, nó tan ra trong các nếp gấp trơn tuột.

Tôi sẽ phải nằm đó, choáng váng và khiếp sợ, cho đến khi trần nhà bốc cháy đổ ập lên người tôi nếu như Thalia không nắm lấy tay tôi và hét, “Đi nhanh nào!”

Chúng tôi chạy bổ về phía cửa trước. Tôi đang tự hỏi mình sẽ mở nó như thế nào thì một ngọn lửa ủa xuống cầu thang và đuổi kịp chúng tôi. Cả căn nhà nổ tung.

Tôi không nhớ hai đứa tôi đã thoát ra bằng cách nào. Tôi chỉ có thể cho rằng sóng va chạm đã làm nổ cửa trước và đẩy chúng tôi ra bên ngoài.

Điều tiếp theo tôi nhận thức được là, mình đang nằm dang tay dang chân trên bưng bình, ho sặc sụa và thở hỗn hển khi một tháp lửa nổ ầm ầm trong bầu trời đêm. Họng tôi bị bỏng. Hai mắt tôi cứ như vừa bị vấy axit. Tôi tìm Thalia, nhưng thay vào đó tôi nhận ra mình đang nhìn chăm chăm vào khuôn mặt Medusa bằng đồng. Tôi hét lên, chẳng hiểu sao lại có đủ sức để đứng dậy và bỏ chạy. Tôi chạy mãi, chạy mãi cho đến khi tôi co rúm người lại ngồi phía sau bức tượng Robert E. Lee.

Ừm, tôi biết mà. Giờ nhắc lại chuyện đó nghe khá là buồn cười. Nhưng thật kỳ diệu là tôi đã không bị lên cơn đau tim hay bị xe tông. Cuối cùng Thalia bắt kịp tôi, ngọn giáo của cô ấy trở lại hình dạng ban đầu là ống hơi cay của Mace, cái khiên biến thành vòng đeo tay bằng bạc.

Chúng tôi đứng cạnh nhau xem ngôi biệt thự phát hỏa. Các viên gạch vỡ vụn. Màn cửa màu đen cháy đỏ rực. Mái nhà sập xuống và khói cuộn cuộn

bốc lên trời.

Thalia bật khóc. Nước mắt hiện rõ qua lớp bồ hóng trên mặt cô ấy.

“Ông ấy đã hy sinh,” cô ấy nói. “Sao ông ấy lại cứu chúng ta?”

Tôi ôm chặt cái ba-lô, cảm nhận lấy cuốn nhật ký và con dao găm bằng đồng ở bên trong – các di vật duy nhất của Halcyon Green.

Lòng ngực tôi thắt lại, như thể con leucrota nọ vẫn còn đang đè lên nó. Tôi đã phê phán Hal là một người nhút nhát, nhưng xét cho cùng, ông đã dũng cảm hơn tôi. Các vị thần đã nguyên rủa ông. Gần như cả đời ông đã bị giam cầm cùng những con quái vật. Hẳn là ông có thể dễ dàng bỏ mặc cho chúng tôi mất mạng như tất cả các á thần trước đó. Thế nhưng, ông đã chọn cách ra đi như một anh hùng.

Tôi cảm thấy có lỗi vì không cứu được ông. Tôi ước gì mình đã trò chuyện với ông lâu hơn. Ông đã nhìn thấy gì trong tương lai của tôi mà ông lại lo sợ nhiều đến thế?

Các lựa chọn của cậu sẽ làm thay đổi thế giới, ông cảnh báo.

Tôi không thích kiểu nói đó.

Âm thanh của các tiếng còi báo động đưa tôi quay lại hiện thực.

Là những kẻ bỏ nhà đi từ bé, Thalia và tôi thừa biết không nên tin vào cảnh sát hay bất cứ ai có chức có quyền. Người phạm sẽ muốn thăm vấn chúng tôi, có lẽ sẽ đưa chúng tôi vào trung tâm giam giữ trẻ vị thành niên hay giao cho cha mẹ nuôi tạm thời. Chúng tôi không thể để chuyện đó xảy ra.

“Đi thôi,” tôi bảo Thalia.

Chúng tôi băng qua các con phố ở Richmond cho đến khi tìm thấy một công viên nhỏ. Trong phòng vệ sinh công cộng, chúng tôi rửa mặt thật sạch. Rồi hai đứa nằm bẹp dí ở đấy mãi đến khi trời tối mịt.

Chúng tôi không nhắc lại những chuyện vừa rồi. Chúng tôi đi lang thang qua các khu dân cư và các khu công nghiệp trong tình trạng ngơ ngẩn. Chúng tôi chẳng có kế hoạch gì, mà cũng không có con dê phát sáng

nào để đi theo nữa. Hai đứa tôi mệt lử, nhưng cả tôi lẫn Thalia đều chẳng có cảm giác muốn ngủ hay ngừng lại nghỉ chân. Tôi muốn đi khỏi ngôi biệt thự đang cháy kia càng xa càng tốt.

Đây không phải là lần đầu tiên chúng tôi thoát chết trong gang tấc, nhưng chúng tôi chưa bao giờ phải trả giá bằng mạng sống của á thần khác. Tôi không cách nào giữ bỏ được nỗi buồn đau trong lòng.

Hứa đi, Halcyon Green từng viết như thế.

Tôi hứa, Hal, tôi nghĩ. Tôi sẽ học hỏi từ lỗi lầm của ông. Nếu các vị thần có đối xử không tốt với tôi, tôi sẽ đáp trả lại.

Được rồi, tôi biết là nói kiểu đó nghe điên khùng lắm. Nhưng tôi thấy cay đắng và tức giận. Nếu điều đó khiến các anh chàng trên đỉnh Olympus phật ý, thì không may thật đấy. Họ có thể xuống đây và nói thẳng với tôi.

Chúng tôi ngừng chân gần một nhà kho cũ. Trong ánh trăng mờ ảo, tôi trông thấy tên của tòa nhà xây bằng gạch đỏ được sơn trên bề mặt: XƯỞNG SẮT RICHMOND. Phần lớn các cửa sổ đều bị vỡ.

Thalia rùng mình. “Hai anh em mình có thể đi thẳng đến trại cũ của chúng ta,” cô ấy gợi ý. “Trên sông James. Chúng ta có đầy nhu yếu phẩm dưới đó.”

Tôi hồ hững gật đầu. Phải mất ít nhất một ngày mới đến được đó, nhưng đây là một kế hoạch hay ho so với các kế hoạch khác.

Tôi bẻ đôi cái bánh sandwich kẹp giảm bông đưa cho Thalia rồi hai đứa tôi lặng lẽ ăn. Thức ăn có vị như bìa các-tông ấy. Tôi vừa nuốt xuống miếng cuối cùng thì nghe thấy tiếng kim loại *lọc xọc* văng vẳng trong con hẻm gần đó. Hai tai tôi bắt đầu ù lên. Chúng tôi không phải là những người duy nhất ở đây.

“Có ai đó ở gần đây,” tôi nói. “Không phải người thường đâu.”

Thalia cứng người lại. “Sao anh chắc chắn vậy?”

Tôi không trả lời, chỉ đứng dậy lấy con dao găm của Hal ra, chủ yếu là muốn nương vào ánh sáng phát ra từ đồng Celestial. Thalia nắm chặt lấy ngọn giáo và triệu hồi Aegis. Lần này tôi biết tốt hơn là mình đừng nhìn vào

khuôn mặt của Medusa, nhưng sự hiện diện của nó vẫn làm tôi sờn cả gai ốc. Tôi không biết liệu cái khiên đó có đúng là *Aegis* không, hay chỉ là bản sao được tạo ra cho các anh hùng – nhưng ở nó vẫn tỏa ra sức mạnh. Tôi hiểu tại sao Amaltheia muốn Thalia đến và lấy nó đi.

Chúng tôi rón rén men dọc theo tường nhà kho.

Chúng tôi đi vào con hẻm cụt tối om dẫn đến một bãi bốc dỡ hàng với một đồng phế liệu cũ kỹ.

Tôi chỉ tay vào nền đất.

Thalia cau mày. Cô ấy thì thầm, “Anh có chắc không?”

Tôi gật đầu. “Có thứ gì đó bên dưới. Anh cảm nhận được mà.”

Ngay khi đó, một tiếng *KENG* inh tai vang lên. Một tấm thiếc sóng rung lên ở khu vực dỡ hàng. Có thứ gì đó – *ai đó* – ở bên dưới.

Rón rén tiến về gian bốc dỡ hàng, chúng tôi đứng trên một đồng kim loại. Ngọn giáo lăm lăm trong tay Thalia. Tôi ra hiệu cho cô ấy lùi lại. Tôi vươn tay về phía miếng kim loại lượn sóng và nhắm đếm, *Một, hai, ba!*

Ngay khi tôi nhắc tấm thiếc lên, có thứ gì đó bay vèo đến chỗ tôi – một vệt vải fla-nen và tóc vàng mờ mờ. Tiếng búa rít lên, đập thẳng vào mặt tôi.

Tình huống có thể sẽ diễn biến cực kỳ xấu. May thay, qua nhiều năm xông pha đánh nhau, phản xạ của tôi rất tốt.

Tôi hét lên, “Ồi!” và cúi người tránh cái búa, sau đó tóm lấy cổ tay của bé con. Cây búa trượt dài trên vỉa hè.

Bé con vùng vẫy. Trông nhóc chưa quá bảy tuổi.

“Không thêm quái vật nào nữa!” cô bé hét lên, đá vào chân tôi. “Cút đi!”

“Được rồi!” Tôi cố hết sức để giữ lấy bé con, nhưng cứ như tôi đang giữ một con mèo hoang vậy. Thalia trông choáng váng đến độ chẳng cục cựa gì được. Cô ấy vẫn còn giữ chặt ngọn giáo và cái khiên trên tay.

“Thalia,” tôi nói, “cất cái khiên của em đi! Em đang làm con bé sợ đấy!”

Thalia hoàn hồn. Cô ấy chạm vào cái khiên và nó biến lại thành vòng đeo tay, sau đó cô thả ngọn giáo xuống.

“Này, bé con,” cô ấy nói, giọng dịu dàng hơn nhiều so với giọng tôi từng nghe trước đây. “Ồn rồi. Bọn chị sẽ không làm đau em. Chị là Thalia. Đây là anh Luke.”

“Quái vật!” nhóc gào lên.

“Không,” tôi nói. Bé con tội nghiệp không còn chống cự mãnh liệt nữa nhưng vẫn run rẩy như điên, sợ hãi chúng tôi. “Nhưng bọn anh có biết lũ quái vật,” tôi nói. “Bọn anh cũng đánh nhau với chúng.”

Tôi ôm lấy cô bé, giờ thì lơ tay hơn nhiều. Cuối cùng nhóc ngừng dấm đá. Người nhóc lạnh ngắt. Bên dưới bộ pyjama bằng vải fla-nen toàn xương với xóc. Tôi tự hỏi nhóc con này không ăn gì trong bao lâu rồi. Thậm chí bé con còn nhỏ hơn tôi lúc tôi bỏ nhà ra đi.

Bất kể nỗi sợ hãi, bé con nhìn tôi, đôi mắt mở to. Chúng có màu xám, đẹp và trông lạnh lợi đến ngờ ngàng. Một á thần – không còn nghi ngờ gì nữa. Tôi có cảm giác cô nhóc này rất mạnh – hoặc nhóc sẽ thế, nếu sống sót.

“Anh giống em sao?” nhóc hỏi, vẫn nghi ngờ, nhưng nghe ra có hơi hơi hy vọng.

“Phải,” tôi cam đoan. “Bọn anh...” tôi ngần ngừ, không chắc liệu con bé có hiểu được mình là ai, hoặc liệu có bao giờ nhóc nghe đến từ *á thần* hay chưa. Tôi không muốn làm nhóc sợ hơn nữa. “Ừm, điều này thật khó giải thích, nhưng bọn anh là các chiến binh đánh hạ quái vật. Gia đình em đâu?”

Nét mặt nhóc đanh lại giận dữ. Cầm bé con run run. “Gia đình em ghét em. Họ không cần đến em. Em đã bỏ nhà đi.”

Tôi thấy đau lòng. Giọng nhóc mang nặng nỗi đau – nỗi đau gia đình. Tôi nhìn Thalia, và chúng tôi lặng lẽ đưa ra quyết định ngay tại đó. Chúng tôi sẽ chăm lo cho đứa bé này. Sau những gì đã diễn ra với Halcyon Green... ừm, việc này dường như là định mệnh. Chúng tôi nhìn thấy một á thần hy sinh vì chúng tôi. Giờ chúng tôi lại tìm thấy một cô bé con. Đây cũng gần như là cơ hội thứ hai vậy.

Thalia quỳ xuống bên tôi. Cô ấy đặt tay lên vai bé. “Nhóc tên gì?”

“Annabeth.”

Tôi không thể không mỉm cười. Tôi chưa bao giờ nghe thấy cái tên như thế, nhưng nó khá là hay, và nó có vẻ hợp với bé con. “Tên đẹp lắm,” tôi bảo nhóc. “Anh bảo em điều này nhé, Annabeth. Em khá là hung dữ đấy. Bọn anh có thể dùng một chiến binh như em.”

Đôi mắt bé con mở lớn. “Thật sao?”

“Ồ, đúng thế,” tôi nghiêm túc nói. Rồi tôi sực nghĩ ra một chuyện. Tôi đưa tay tìm con dao găm của Hal và rút nó ra khỏi thắt lưng. *Nó sẽ bảo vệ cho chủ nhân của nó*, Hal từng nói. Ông đã nhận được nó từ cô bé mà ông cứu mạng. Giờ định mệnh đã cho chúng tôi cơ hội để cứu một cô bé khác.

“Em có thích vũ khí thực sự để chém quái vật không?” tôi hỏi nhóc. “Đây là đồng Celestial. Hiệu quả hơn nhiều so với một cái búa đấy.”

Annabeth cầm lấy con dao và ngắm soi nó với vẻ tôn sùng. Tôi biết... nhóc cùng lắm chỉ mới có bảy tuổi. Tôi nghĩ gì mà đưa cho nhóc vũ khí chứ? Nhưng bé con là một á thần. Chúng tôi phải biết tự bảo vệ mình. Hercules mới bé xíu xiu đã siết chết hai con rắn trong nôi. Đến năm lên chín, tôi đã từng chiến đấu vô số lần để cứu lấy mạng mình. Annabeth có thể sử dụng vũ khí rồi.

“Dao chỉ dành cho các chiến binh quả cảm nhất và nhanh nhẹn nhất,” tôi bảo nhóc. Giọng tôi nghẹn lại khi nhớ đến Hal Green và cách ông ấy hy sinh để cứu chúng tôi. “Chúng không có tầm tấn công hay sức mạnh của một thanh kiếm, nhưng chúng rất dễ cất giấu và có thể tìm thấy điểm yếu trên bộ giáp của kẻ thù em. Một chiến binh thông minh mới có thể sử dụng dao. Trực giác mách bảo cho anh biết em khá thông minh.”

Annabeth cười rạng rỡ với tôi, và ngay lúc đó, mọi rắc rối của tôi dường như tan biến. Tôi thấy mình đã làm được một điều đúng đắn. Tôi thề với chính mình rằng sẽ không bao giờ để bé con gặp nguy hiểm.

“Em thông minh mà!” nhóc nói.

Thalia bật cười và vò tóc Annabeth. Cứ như vậy – chúng tôi có thêm một người đồng hành mới.

“Tốt hơn hết chúng ta nên lên đường thôi, Annabeth,” Thalia nói. “Bọn chị có một nơi trú ẩn an toàn trên sông James. Bọn chị sẽ lấy cho em ít quần áo và thức ăn.”

Nụ cười trên mặt Annabeth nhạt đi. Trong giây lát, ánh mắt nhóc lại trông vẻ dữ dội. “Hai người... hai người sẽ không mang em quay về nhà chứ? Hứa nhé?”

Tôi nuốt cục nghẹn trong cổ xuống. Annabeth còn quá nhỏ, nhưng nhóc đã học được một bài học cay đắng, cũng như Thalia và tôi. Các bậc phụ huynh đã bỏ rơi chúng tôi. Các vị thần nhẫn tâm, tàn nhẫn và lạnh lùng. Các á thần chỉ còn biết nương tựa nhau.

Tôi đặt tay lên vai Annabeth. “Giờ em là một thành viên trong gia đình *chúng ta*. Và anh hứa anh sẽ không bỏ rơi em như người thân của chúng ta đã làm. Đồng ý không?”

“Đồng ý!” bé con hạnh phúc nói, tay giữ chặt con dao găm mới.

Thalia nhạt ngọn giáo lên. Cô ấy mỉm cười tán thành với tôi. “Giờ thì đi thôi. Chúng ta không thể dừng ở đây quá lâu!”

Vậy nên giờ tôi đang làm nhiệm vụ canh gác và viết vào cuốn nhật ký của Halcyon Green – giờ là nhật ký *của tôi*.

Chúng tôi đang cắm trại trong cánh rừng phía nam Richmond. Ngày mai, chúng tôi sẽ đi về phía sông James và bổ sung thêm nhu yếu phẩm. Sau đó... tôi không biết nữa. Tôi vẫn đang nghĩ về các lời tiên tri của Hal Green. Một cảm giác đáng sợ đè nặng lên ngực tôi. Tương lai của tôi có gì đó rất đen tối. Có thể nó là một con đường dài vô tận, nhưng nó lại giống như một cơn mưa bão đầy sấm sét ở phía chân trời khếch tán không khí vậy. Tôi chỉ hy vọng mình có đủ sức mạnh để chăm lo cho các bạn mình.

Nhìn Thalia và Annabeth cuộn mình nằm ngủ bên đống lửa, tôi thấy kinh ngạc là nét mặt họ mới bình thản làm sao. Nếu tôi sắp đóng vai trò là “cha” của hai cô gái, tôi phải xứng đáng với sự tin tưởng của họ. Không ai trong

chúng tôi gặp may với cha mình. Tôi phải làm tốt hơn thế. Có lẽ tôi mới chỉ mười bốn, nhưng chẳng thể lấy điều đó ra làm lý do biện hộ. Tôi phải gắn kết sao cho mọi người trong gia đình mới sát cánh bên nhau.

Tôi nhìn về hướng bắc. Tôi mừng tượng xem tính từ đây mình sẽ phải mất bao lâu mới đến được nhà mẹ tôi ở Westport, Connecticut. Tôi tự hỏi vào lúc này mẹ tôi đang làm gì. Khi tôi rời đi, khả năng nhận thức của bà đang trong tình trạng rất kém...

Nhưng tôi không thấy có lỗi khi rời bỏ bà ấy. Tôi *buộc phải* làm thế. Nếu có bao giờ tôi gặp được cha mình, chúng tôi sẽ nói về chuyện này.

Ngay lúc này, tôi sẽ chỉ phải sống sót như mọi ngày. Tôi sẽ viết nhật ký khi có cơ hội, dù tôi hoài nghi chẳng biết mai này có ai đọc được nó không.

Thalia đang trở người dậy. Giờ đến lượt gác của cô ấy. Oa, tay tôi đau nhức. Tôi đã không viết gì trong một thời gian dài. Tốt hơn hết là tôi nên đi ngủ, và hy vọng là không nằm mộng thấy giấc mơ nào.

Luke Castellan — giờ sẽ dừng bút đây.

2. PERCY JACKSON VÀ CÂY QUYỀN TRƯỞNG CỦA THẦN HERMES



ANNABETH VÀ TÔI ĐANG NGHỈ NGƠI ở khu vực Great Lawn trong công viên Central Park thì đột nhiên cô ấy hỏi tôi.

“Cậu quên rồi phải không?”

Tôi rơi vào tình trạng báo động khẩn. Bạn sẽ dễ hết hoảng khi bạn là một cậu bạn trai mới. Tôi thừa nhận là mình đã cùng Annabeth chiến đấu với lũ quái vật trong nhiều năm qua. Chúng tôi đã sát cánh bên nhau đương đầu với cơn phẫn nộ của các vị thần. Chúng tôi đã đánh nhau với các Titan và bình thản đối mặt với cái chết vô số lần. Nhưng hiện tại chúng tôi đang hẹn hò, và chỉ cần cô ấy cau mày một cái là tôi lại sợ chết khiếp. Tôi đã làm gì sai nào?

Tôi thầm nhẩm lại danh sách đồ dùng dành cho buổi pic-nic: Khăn trải? Tíc. Món pizza có thêm ô-liu ăn kèm yêu thích của Annabeth? Tíc. Kẹo bơ cứng phủ sô-cô-la từ cửa hàng La Maison du Chocolat? Tíc. Nước sô-đa pha chanh mát lạnh? Tíc. Các vũ khí phòng khi ngày tận thế trong truyền thuyết của người Hy Lạp đột nhiên xảy đến? Tíc.

Vậy tôi đã quên gì nhỉ?

Tôi chợt muốn (chỉ một lúc thôi) nghĩ ra điều gì đó để lừa dối cô ấy. Có hai điều đã ngăn tôi làm thế. Thứ nhất, tôi không muốn nói dối Annabeth. Thứ hai, cô ấy quá thông minh. Cô ấy nhìn thấu tôi ngay ấy chứ.

Vì vậy, tôi đã làm việc mà mình làm tốt nhất. Tôi ngậy người nhìn cô ấy và không nói tiếng nào.

Annabeth trợn tròn mắt. “Percy, hôm nay là ngày mười tám tháng Chín. Chính xác thì điều gì đã xảy ra cách đây một tháng hả?”

“Sinh nhật của tớ,” tôi đáp.

Đấy là một câu trả lời đúng: ngày mười tám tháng Tám. Nhưng xét theo biểu cảm trên mặt Annabeth, thì đó không phải là câu trả lời mà cô ấy muốn nghe.

Dẫu vậy tôi vẫn nghĩ hôm nay Annabeth trông thật xinh đẹp. Cô ấy đang mặc chiếc áo phông màu cam của trại và quần soóc, nhưng hai cánh tay và đôi chân rám nắng của cô ấy dường như bừng sáng dưới ánh mặt trời, còn mái tóc vàng thì trải dài trên bờ vai. Trên cổ, cô ấy đeo một sợi dây da khâu các hạt đủ màu của Trại Con Lai - trại huấn luyện á thần của chúng tôi. Đôi mắt xám đang sáng chói như mọi khi. Tôi chỉ ước gì cái nhìn hung dữ đó không chĩa thẳng vào mình.

Tôi cố nghĩ lại cho kỹ. Một tháng trước, chúng tôi đã đánh bại tên Titan Kronos. Cô ấy muốn nhắc đến chuyện đó chẳng? Rồi Annabeth giành ngay lấy quyền chủ động.

“Nụ hôn đầu tiên của chúng ta, Ốc Tảo Biển à,” cô ấy nói. “Hôm nay là ngày chúng ta kỷ niệm một tháng quen nhau.”

“A... phải rồi!” Trong đầu tôi lại nghĩ: *Mọi người có ăn mừng những dịp như thế ư? Mình phải nhớ hết các ngày sinh nhật, lễ lộc và tất tần tật các ngày kỷ niệm sao?*

Tôi cố mỉm cười. “Đó là lý do cho buổi pic-nic tuyệt vời này, đúng không?”

Cô ấy ngồi xếp bằng lại. “Percy... tớ thích đi pic-nic. Thật đấy. Nhưng tối nay cậu đã hứa dành cho tớ một buổi ăn tối đặc biệt bên ngoài trại. Nhớ không? Không phải tớ *mong chờ* gì, nhưng cậu có nói cậu đã lên kế hoạch một vài thứ. Vậy...?”

Giọng cô ấy nghe đầy hy vọng, nhưng cũng không kém phần hoài nghi. Cô ấy đang đợi tôi thừa nhận một điều rõ như ban ngày rằng: tôi đã quên mất tiêu. Thôi xong rồi. Tôi là một cậu bạn trai thất bại mà.

Đừng chỉ vì tôi đã quên mà các bạn xem như đó là dấu hiệu rằng tôi không quan tâm gì đến Annabeth nhé. Thành thật mà nói, một tháng ở bên cô ấy vừa rồi quả thật rất tuyệt. Nhưng một buổi tối đặc biệt thì... tôi đã đề cập đến vụ đó lúc nào nhỉ? Có lẽ là sau khi Annabeth hôn tôi, vì việc đó đã làm cho tâm trí tôi mờ mịt. Có lẽ một vị thần Hy Lạp nào đó đã cải trang thành tôi và hứa hẹn với cô ấy như một trò chơi khăm. Hoặc có lẽ, tôi chỉ là một anh bạn trai tồi tệ.

Đã đến lúc phải thú nhận. Tôi hăng giọng. “À thì...”

Một vệt sáng đột ngột xuất hiện làm tôi lóa mắt, như thể ai đó vừa chiếu gương vào mặt tôi. Tôi nhìn xung quanh và thấy một chiếc xe giao hàng màu nâu đậu ngay giữa bãi cỏ, nơi không được phép đậu xe. Trên hông xe là dòng chữ:

CHÚNG TÔI LÀ CHỨNG SA RUỘT

Chờ đã... xin lỗi. Tôi mắc chứng khó đọc. Tôi nheo mắt nhìn và nghĩ chắc là dòng chữ trên nên đọc thế này:

CHUYỂN PHÁT NHANH HERMES

“Ồ tuyệt,” tôi lầm bầm. “Chúng ta có thư.”

“Gì cơ?” Annabeth hỏi.

Tôi chỉ vào chiếc xe. Viên tài xế bước ra ngoài. Ông vận đồng phục gồm áo sơ-mi và quần soóc lửng màu nâu, chân đi tất và giày đinh đen sành điệu. Mái tóc muối tiêu quần tít ló ra quanh mép chiếc mũ lưỡi trai cũng màu nâu. Trông ông khoảng ba mươi lăm tuổi, nhưng từ kinh nghiệm, tôi biết đích xác ông đã năm ngàn năm trăm tuổi rồi.

Thần Hermes. Sứ giả đưa tin của các vị thần. Một người bạn đặc biệt, người phân phối các nhiệm vụ mang tính chất anh hùng và thường gây ra các cơn đau nửa đầu.

Ông có vẻ buồn bã. Ông cứ vỗ vào mấy túi quần và vò đầu bứt tai mãi. Có lẽ ông đã đánh mất thứ gì quan trọng hoặc ông đã uống quá nhiều cà phê espresso ở tiệm Starbucks trên đỉnh Olympus. Cuối cùng, ông nhìn thấy tôi và vẫy tay ra hiệu, *Lại đây nào!*

Hành động ấy có thể mang nhiều nghĩa. Nếu ông đang đích thân chuyển một tin nhắn từ các vị thần, thì đấy là một tin xấu. Nếu ông muốn tôi làm gì đó, nó cũng chẳng phải là chuyện hay ho. Nhưng vì xét thấy ông vừa mới cứu nguy cho tôi khỏi việc giải thích với Annabeth, tôi thấy mình chẳng có gì phải bận tâm.

“Người này vô công rồi nghề thật đấy.” Tôi cố nói với giọng đầy tiếc nuối, như thể không phải mình vừa bị kéo ra khỏi vỉ nướng. “Chúng ta nên xem ông ấy muốn gì.”

Bạn chào đón một vị thần như thế nào? Nếu có một hướng dẫn lễ nghi, thì hẳn là tôi chưa đọc qua nó. Tôi không chắc là mình liệu có nên bắt tay, quỳ xuống, cúi đầu chào và hét lên, “Chúng tôi không xứng đáng!” hay không.

Tôi biết so với phần lớn các vị thần trên đỉnh Olympus thì thần Hermes tử tế hơn nhiều. Nhiều năm qua, ông đã giúp tôi một vài lần. Tiếc là mùa hè năm ngoái tôi đã đánh nhau với con trai á thần của ông ấy, Luke, người bị Titan Kronos dụ dỗ, trong một cuộc chiến sống còn vì vận mệnh của thế giới. Cái chết của Luke không phải hoàn toàn là lỗi của tôi, nhưng nó vẫn đặt ra một rào cản trong mối quan hệ giữa tôi với thần Hermes.

Tôi quyết định mở lời thật đơn giản. “Xin chào.”

Thần Hermes lướt mắt nhìn khắp công viên cứ như sợ bị trông thấy. Tôi không rõ vì sao ông lại bận tâm đến chuyện đó. Thường thì các vị thần vô hình với người phàm. Chẳng có ai trên bãi cỏ chú ý đến chiếc xe giao hàng cả.

Thần Hermes liếc nhìn Annabeth rồi lại nhìn tôi. “Ta không biết cô nhóc này sẽ ở đây. Cô ta phải thề là sẽ giữ mồm giữ miệng đấy.”

Annabeth khoanh tay lại. “*Cô nhóc* này có thể nghe thấy những gì ông nói đấy. Và trước khi tôi thề thốt bất cứ điều gì, tốt hơn hết ông nên cho chúng tôi biết có chuyện gì đã.”

Tôi không nghĩ là mình đã từng trông thấy một vị thần bồn chồn lo sợ. Thần Hermes vén một lọn tóc bạc quăn tít ra sau tai. Ông lại vỗ vào túi quần một lần nữa. Đôi tay ông dường như không biết phải làm gì.

Ông nhích người tới trước và thấp giọng nói. “Ý ta là thế đó, cô nhóc. Nếu những lời này đến được tai Athena, bà ấy sẽ chòng ghẹo ta mãi cho xem. Bà ấy luôn nghĩ mình thông minh hơn ta nhiều.”

“Đúng thế mà,” Annabeth nói. Dĩ nhiên là cô ấy có thành kiến rồi. Nữ thần Athena là mẹ cô ấy.

Thần Hermes trừng mắt nhìn cô. “Hứa nhé. Trước khi ta giải thích sai lầm của mình, cả hai đứa phải hứa giữ im lặng đấy.”

Tôi chợt nhận ra một chuyện. “Cây quyền trượng của ông đâu?”

Mắt thần Hermes giật giật. Trông ông như thể sắp khóc vậy.

“Ôi thánh thần ơi,” Annabeth nói. “Ông đã *làm mất* cây quyền trượng sao?”

“Ta không làm mất!” thần Hermes bật lại. “Nó đã bị ăn cắp. Và ta có bảo cô giúp đâu, cô nhóc!”

“Tốt,” cô ấy nói. “Vậy thì tự đi mà giải quyết rắc rối của ông nhé. Đi thôi, Percy. Chúng ta rời khỏi đây thôi.”

Thần Hermes cầu nhàu. Tôi nhận ra có lẽ mình sẽ phải chấm dứt cuộc chiến giữa một vị thần bất tử và bạn gái tôi, và tôi thì lại không muốn đứng về phía phe nào trong cuộc chiến đó.

Một tí thông tin ngoài lề nhé: Annabeth đã từng đi đây đi đó cùng với Luke, con trai thần Hermes. Qua thời gian, Annabeth đã phải lòng Luke. Khi Annabeth lớn hơn, Luke cũng có tình cảm với cô ấy. Rồi Luke trở thành kẻ xấu. Thần Hermes trách móc Annabeth vì đã không ngăn Luke biến chất. Annabeth đổ lỗi cho thần Hermes vì ông là một người cha tồi và chính ông đã tạo cơ hội cho Luke thành ra như vậy ngay từ lúc đầu. Luke đã chết trong cuộc chiến. Thần Hermes và Annabeth quay sang đổ lỗi cho nhau.

Choáng nhỉ? Chào mừng đến thế giới của tôi.

Dẫu sao thì tôi cũng đoán được mọi việc sẽ trở nên xấu đi nếu hai người kia giận điên lên, vì thế tôi chơi liều, chen vào giữa hai người họ. “Annabeth, nghe tớ nói này. Chuyện này có vẻ quan trọng. Để tớ nghe hết câu chuyện của ông ấy đã nhé, và tớ sẽ quay lại gặp cậu ở chỗ pic-nic của tụi mình nhé, được không?”

Tôi cười với cô ấy, nụ cười mà tôi hy vọng nó truyền đạt được thông điệp kiểu như: *Này, cậu biết tớ ở phe cậu mà. Các vị thần là những tên ngốc! Nhưng cậu có thể làm được gì nào?*

Chắc là biểu cảm trên mặt tôi lại trông như vậy: *Chuyện này không phải là lỗi của tớ đâu đấy! Làm ơn đừng giết tớ!*

Trước khi cô ấy kịp phản đối hay gây cho tôi những tổn hại về thể xác, tôi tóm lấy cánh tay của thần Hermes. “Chúng ta hãy vào văn phòng của ông nào.”

Thần Hermes và tôi ngồi ở sau xe giao hàng, trên hai cái thùng có dán nhãn RẮN ĐỘC. CÁI NÀY XONG RỒI. Có lẽ đây không phải là chỗ ngồi tốt nhất, nhưng nó còn tốt hơn nhiều so với vài thùng khác, những cái được dán nhãn THUỐC NỔ, KHÔNG NGỒI LÊN, và TRỨNG DRAGON, KHÔNG ĐƯỢC CẮT GẦN THUỐC NỔ.

“Vậy chuyện gì đã xảy ra?” tôi hỏi ông ấy.

Thần Hermes ngồi sụp xuống đồng thùng cần giao. Ông nhìn chăm chăm vào hai bàn tay trống không của mình. “Ta chỉ bỏ lại chúng trong một phút.”

“Chúng...” tôi nói. “Ồ, George and Martha?”

Thần Hermes gật đầu, tỏ vẻ đầy chán nản.

George và Martha là hai con rắn quấn quanh cây y hiệu của ông ấy – cây quyền trượng quyền năng. Chắc các bạn đã từng bắt gặp hình ảnh của cây y hiệu trong các bệnh viện, vì nó thường được dùng làm biểu tượng của giới bác sĩ. (Hẳn Annabeth sẽ tranh cãi và nói toàn bộ chuyện này là một quan niệm sai lầm. Y hiệu đó được cho là quyền trượng của thần y học Asclepius mới đúng, vân vân. Gì cũng được.)

Tôi khá là thích George và Martha. Tôi có cảm giác thần Hermes cũng thế, mặc dù ông luôn cãi nhau với chúng.

“Ta đã mắc một sai lầm ngu ngốc,” ông lầm bầm. “Ta bị trễ một chuyến giao hàng. Ta đã ngừng xe ở Trung Tâm Rockefeller và đang giao một thùng thăm chùi chân cho Janus thì...”

“Janus,” tôi nói. “Anh chàng hai mặt, vị thần giữ cửa ấy à.”

“Đúng, đúng. Cậu ta làm việc ở đó. Đài truyền hình.”

“Tôi có nghe lầm không?” Lần cuối cùng tôi gặp Janus, ông ta ở trong một mê cung ma thuật chết người, và trải nghiệm đó không mấy dễ chịu.

Thần Hermes trợn tròn mắt. “Chắc chắn là cậu *có xem* truyền hình gần đây rồi đấy. Rõ ràng là họ không biết khi nào chúng bắt đầu hay chấm dứt. Đó là vì Janus chịu trách nhiệm lập chương trình. Cậu ta thích xếp đặt các chương trình mới và hủy chúng sau hai phần. Xét cho cùng thì cậu ta là vị thần của sự khởi đầu và kết thúc mà ị. Dù sao thì khi đó ta đang mang cho cậu ta vài tấm thăm chùi chân có phép thuật, và ta đã đỗ xe cạnh một xe khác...”

“Ông lo lắng về việc đỗ xe cạnh một xe khác sao?”

“Cậu có để cho ta kể xong câu chuyện không?”

“Xin lỗi.”

“Vì thế ta đã để cây y hiệu của mình lên trên thanh chắn bùn và bê cái thùng chạy vào trong. Rồi ta nhận ra Janus cần ký nhận hàng, vì thế ta quay lại xe...”

“Và cây y hiệu đã biến mất.”

Thần Hermes gật đầu. “Nếu cái gã cục súc xấu xí đó làm tổn hại đến những con rắn của ta, ta thề với sông Styx rằng...”

“Khoan đã. Ông biết ai lấy cây quyền trượng sao?”

Thần Hermes khịt khịt mũi. “Dĩ nhiên. Ta đã kiểm tra các máy quay an ninh trong khu vực. Ta nói chuyện với các nữ thần gió nữa. Lẽ cố nhiên tên trộm là Cacus.”

“Cacus.” Nhiều năm qua, tôi đã có thói quen tỏ ra ngu ngơ khi mọi người thốt ra những cái tên Hy Lạp mà tôi không biết. Đó là một kỹ năng. Annabeth cứ bảo tôi phải đọc sách về thần thoại Hy Lạp, nhưng tôi thấy không cần thiết. Để mọi người giải thích cho bạn thì dễ hơn nhiều.

“Anh bạn cũ Cacus,” tôi nói. “Hắn là tôi có biết người này...”

“Ồ, hẳn ta là một tên khổng lồ,” thần Hermes tỏ ra coi thường. “Một tên khổng lồ *nhỏ* thôi, chứ không phải một trong những gã to con đâu.”

“Một tên khổng lồ nhỏ.”

“Đúng thế. Có lẽ cao khoảng ba mét.”

“Thế thì đúng là nhỏ thật,” tôi đồng ý.

“Hắn ta là một tên trộm khét tiếng. Trước đây đã từng đánh cắp gia súc của Apollo đấy.”

“Tôi tưởng *ông* mới là người đã đánh cắp gia súc của thần Apollo chứ.”

“Ừm, đúng là thế. Nhưng ta đã làm điều đó trước, và có phong cách hơn nhiều. Dẫu sao thì Cacus cũng luôn trộm vật dụng của các vị thần. Bực mình lắm. Hẳn thường trốn trong một cái hang trên Đồi Capitoline, nơi thành Rome được hình thành. Ngày nay, hẳn ở Manhattan. Ở đâu đó dưới mặt đất, ta chắc thế.”

Tôi hít một hơi thật sâu. Tôi đã nhận ra chuyện này sẽ đi đến đâu. “Giờ ông sẽ giải thích cho tôi lý do tại sao ông, một vị thần đầy quyền năng, không thể tự đi lấy lại cây quyền trượng của mình mà lại cần tôi, một thằng nhóc mười sáu tuổi, làm chuyện đó giúp ông.”

Thần Hermes nghiêng đầu. “Percy này, điều cậu vừa nói nghe cứ như đang mỉa mai ta ấy. Cậu thừa biết là các vị thần không thể đi khắp nơi huyên náo và lật tung các thành phố của con người để tìm kiếm các vật thất lạc. Nếu bọn ta làm vậy, New York sẽ bị hủy diệt mỗi khi Aphrodite làm mất lược chải tóc, và tin ta đi, chuyện đó xảy ra *như cơm bữa*. Bọn ta cần các anh hùng giúp mấy việc lật vật kiểu như thế.”

“Ừm-hừm. Và nếu ông tự mình đi tìm cây quyền trượng thì có lẽ là hơi xấu hổ nhỉ.”

Thần Hermes bĩu môi. “Được rồi. Đúng thế. Các vị thần khác chắc chắn sẽ chú ý đến điều đó. Ta, vị thần của kẻ trộm, lại bị ăn trộm. Và *cây y hiệu*, nói không hơn không kém, là biểu tượng sức mạnh của ta! Ta sẽ bị chế nhạo trong hàng thế kỷ cho mà xem. Chỉ mới nghĩ thế thôi ta cũng đã thấy kinh lắm rồi. Việc này cần được giải quyết lẹ lẹ và nhanh chóng trước khi ta trở thành trò cười cho cả Olympus.”

“Vậy... ông muốn chúng tôi tìm tên khổng lồ, lấy lại cây y hiệu và trả nó về cho ông. Một cách kín đáo.”

Thần Hermes mỉm cười. “Một lời đề nghị dễ thương đấy! Cảm ơn nhé. Và ta cần nó trước năm giờ chiều nay để ta có thể kết thúc việc giao hàng. Cây y hiệu đó được dùng làm bảng ký tên, thiết bị GPS, điện thoại, giấy phép đỗ xe, máy nghe nhạc iPod Shuffle của ta – thật đấy, ta không thể làm gì khi thiếu nó.”

“Năm giờ.” Tuy không đeo đồng hồ nhưng tôi khá chắc giờ ít nhất đã là một giờ chiều. “Ông có thể nói cụ thể hơn về nơi Cacus đang ẩn nấp không?”

Thần Hermes nhún vai. “Ta tin chắc cậu sẽ đoán ra nơi đó. Và một lời cảnh báo nhé: Cacus biết phun lửa đấy.”

“Tất nhiên,” tôi nói.

“Và nhớ lưu tâm đến cây y hiệu nhé. Đầu mút cây gậy có thể biến con người thành đá đấy. Ta đã từng làm vậy với Battus, một kẻ vô cùng ba hoa chích chòe... nhưng ta chắc là cậu sẽ cẩn thận. Và dĩ nhiên cậu sẽ giữ kín điều này như là một bí mật nhỏ của hai ta nhé.”

Ông mỉm cười thật quyến rũ. Tôi liên tưởng ông ấy vừa mới đe dọa sẽ biến mình thành đá nếu tôi hé răng với ai về vụ trộm.

Tôi nuốt xuống vị mùn chua trong miệng mình. “Dĩ nhiên.”

“Vậy cậu sẽ giúp ta chứ?”

Một ý tưởng xuất hiện trong đầu tôi. Đúng vậy – thỉnh thoảng tôi lại nảy ra vài ba ý tưởng.

“Thế nếu chúng ta trao đổi thì sao nhỉ?” tôi gợi ý. “Tôi giúp ông giải quyết tình huống xấu hổ của ông; ông giúp tôi giải quyết việc của tôi.”

Thần Hermes nhướn mày. “Cậu có gì nào?”

“Ông là vị thần của những người du hành, đúng không?”

“Dĩ nhiên.” Tôi nói cho ông ấy nghe mình muốn thưởng gì.

Tâm trạng của tôi đã tốt hơn khi tôi gặp lại Annabeth. Tôi đã sắp xếp gặp thần Hermes ở Trung tâm Rockefeller trễ nhất là vào lúc năm giờ, và sau đó chiếc xe giao hàng của ông biến mất trong một quầng sáng. Annabeth đợi tôi ở chỗ pic-nic, hai tay khoanh lại, có vẻ rất tức giận.

“Vậy?” cô ấy gặng hỏi.

“Tin tốt.” Tôi kể với cô ấy những gì chúng tôi phải làm.

Cô ấy đã không tát tôi, nhưng trông cô ấy muốn làm thế lắm. “Sao việc lần theo dấu một tên khổng lồ biết phun lửa lại là một tin tốt chứ? Và vì sao tớ lại phải giúp thần Hermes?”

“Ông ấy không tệ đến thế,” tôi nói. “Ngoài ra, hai con rắn vô tội đang gặp rắc rối. Geogre và Martha ắt phải sợ lắm...”

“Đây có phải là một trò đùa tinh vi không?” cô hỏi. “Hãy nói với tớ là cậu đã lên kế hoạch vụ này với thần Hermes, và thật ra chúng ta sẽ đi đến một bữa tiệc thật kinh ngạc cho ngày kỷ niệm của chúng ta.”

“Ừm... Ồ, không phải đâu. Nhưng sau đó, tớ hứa...”

Annabeth giơ tay lên. “Cậu dễ thương và tốt bụng lắm, Percy à. Nhưng làm ơn... đừng hứa gì nữa nhé. Chúng ta chỉ việc đi tìm tên khổng lồ đó thôi.”

Cô ấy xếp gọn khăn trải lại, nhét nó vào ba-lô và cất hết thức ăn đi. Buồn thật... vì tôi hầu như chưa được ăn miếng pizza nào. Thứ duy nhất Annabeth để ra ngoài là cái khiên của cô ấy.

Giống như rất nhiều các vật dụng có phép thuật khác, nó được thiết kế biến thành một vật nhỏ hơn để tiện mang theo. Cái khiên co lại cỡ bằng chiếc đĩa, vật mà chúng tôi vừa mới dùng xong. Rất tuyệt để bày món pho mát và bánh quy giòn.

Annabeth phủi các mảnh vụn trên đó đi và quăng cái đĩa lên không trung. Vừa xoay tròn nó vừa bung mở ra. Lúc đáp xuống bãi cỏ, nó đã là một cái khiên đồng có kích thước hoàn chỉnh, trên bề mặt bóng loáng của nó in hình nền trời.

Cái khiên từng rất có ích trong cuộc chiến với các Titan, nhưng tôi không chắc hiện tại nó giúp được gì cho chúng tôi.

“Cái đó chỉ hiện ra các hình ảnh ở trên trời thôi phải không?” tôi hỏi. “Cacus được cho là ở dưới lòng đất.”

Annabeth nhún vai. “Cũng đáng để thử chứ. Khiên, tớ muốn thấy Cacus.”

Ánh sáng gọn lăn tăn khắp bề mặt bằng đồng.

Thay vì hình ảnh phản chiếu, trước mắt chúng tôi là cảnh các nhà kho xập xệ và những con đường lỗ chỗ ổ gà. Một tháp nước cũ kỹ vươn lên trên tầng không khí mờ sương của thành phố.

Annabeth khịt mũi. “Cái khiên ngu ngốc này cũng có khiếu hài hước nhỉ.”

“Ý cậu là sao?” tôi hỏi.

“Đó là *Secaucus*, bang New Jersey. Hãy đọc cái biển trên tháp nước đi.” Cô ấy gõ lên mặt khiên đồng. “Được rồi, vui lắm đấy khiên. Giờ tớ muốn nhìn thấy – ý tớ là cho tớ biết vị trí của tên khổng lồ biết phun lửa Cacus.”

Hình ảnh lại thay đổi.

Lần này tôi nhìn thấy một quang cảnh quen thuộc của Manhattan: các khu nhà kho đã được nâng cấp, đường phố lát gạch, một khách sạn ốp kính và con đường sắt đôn cao biến thành một công viên đầy cây xanh và hoa dại. Tôi nhớ cách đây vài năm, khi nó khai trương, mẹ và cha dượng đã đưa tôi đến đó.

“Đó là công viên High Line,” tôi nói. “Ở quận Meatpacking.”

“Ừm,” Annabeth đồng ý. “Nhưng tên khổng lồ đâu rồi?”

Cô ấy nhíu mày tập trung. Cái khiên phóng to ra hình ảnh một đường giao nhau bị chặn bởi các chướng ngại vật màu cam và các biển hiệu đường vòng. Các thiết bị xây dựng nằm bất động dưới bóng râm của High Line. Trên đường là một hố vuông lớn, được rào lại bằng băng keo vàng của cảnh sát. Hơi nước từ miệng hố bốc lên ngùn ngụt.

Tôi gãi gãi đầu. “Sao cảnh sát lại phong tỏa một cái hố trên đường nhỉ?”

“Tớ nhớ ra rồi,” Annabeth nói. “Trong bản tin ngày hôm qua có nhắc đến.”

“Tớ không xem phần tin tức.”

“Một thợ xây bị thương. Một tai nạn kỳ quái nào đó đã diễn ra dưới mặt đất. Họ đang đào một đường hầm bảo dưỡng mới hay đại loại thế thì một ngọn lửa đột nhiên xuất hiện.”

“Lửa à,” tôi nói. “Có lẽ là một tên khổng lồ phun ra lửa chẳng?”

“Nghe có lý đấy,” cô ấy đồng ý. “Con người sẽ không hiểu chuyện gì đang xảy ra. Màn Sương Mù sẽ che khuất những gì họ thật sự thấy. Hẳn họ nghĩ tên khổng lồ là – tớ không biết nữa – một vụ nổ do rò rỉ khí gas hay đại loại thế.”

“Vậy chúng ta hãy bắt một chiếc taxi nào.”

Annabeth nhìn khắp bãi cỏ, vẻ nuối tiếc. “Ngày nắng đẹp đầu tiên sau nhiều tuần, và bạn trai tôi muốn đưa tôi đến một cái hang nguy hiểm để đánh nhau với một tên khổng lồ biết phun lửa.”

“Cậu thật tuyệt,” tôi nói.

“Tớ biết,” Annabeth nói. “Tốt hơn hết cậu nên lên kế hoạch cho điều gì đó tuyệt vời vào bữa tối đi.”

Taxi thả chúng tôi xuống đường West 15th. Phố xá ồn ã với âm thanh của những người bán dạo bên lề đường, công nhân, các cửa hàng và khách du lịch. Tại sao một nơi như Quận Meatpacking lại bỗng trở thành một khu vực tụ tập được ưa thích thì tôi không chắc lắm. Nhưng đó là điều tuyệt vời ở New York. Thành phố luôn thay đổi. Hình như đến cả bọn quái vật cũng muốn cư ngụ tại đây.

Chúng tôi đi đến công trường xây dựng. Hai cảnh sát đang đứng tại đường giao nhau, nhưng họ đã không chú ý gì đến khi chúng tôi đi thẳng lên vỉa hè và rồi lùi lại, nấp vào đằng sau các chướng ngại vật.

Cái hố trên đường xấp xỉ chừng một cánh cửa gara. Giàn ống được cố định phía trên nó bằng một hệ thống dây tời nào đó, và các thanh ngang của một cái thang kim loại được buộc chặt vào một bên miệng hố dẫn xuống dưới.

“Có ý tưởng gì không?” tôi hỏi Annabeth.

Tôi đoán là mình sẽ phải hỏi. Là con gái của nữ thần thông thái và chiến lược, Annabeth thích việc lập các kế hoạch.

“Chúng ta leo xuống dưới,” cô ấy nói. “Tìm tên khổng lồ. Lấy lại cây y hiệu.”

“Ồ,” tôi nói. “Cả hai đều khôn ngoan và mang tính chiến lược.”

“Cậu im miệng đi.”

Chúng tôi leo qua các chướng ngại vật, luồn qua đám băng cảnh báo và lên đến chỗ cái hố. Tôi thận trọng nhìn về phía nhân viên cảnh sát, nhưng họ không quay qua đây. Việc lên vào bên trong một cái hố đang bốc hơi đầy rủi

ro nằm ngay giữa một con đường giao nhau của New York dễ dàng đến mức lo ngại.

Chúng tôi leo xuống. Và leo xuống.

Cái thang dường như dẫn xuống mãi. Ô ánh nắng xuyên qua cái hố trên đầu chúng tôi ngày một nhỏ hơn và nhỏ hơn cho đến khi nó chỉ bằng một cái tem thư. Tôi không còn nghe thấy tiếng xe cộ lưu thông trong thành phố nữa, chỉ còn lại tiếng vọng của những giọt nước đang nhỏ giọt xuống. Cứ mỗi sáu mét hay khoảng thế lại có một ngọn đèn lập lòe mờ ảo bên cạnh cái thang, nhưng đường đi xuống vẫn tối tăm và làm người ta sờn gai ốc.

Áng chừng rằng đường hầm đang thông ra phía sau lưng mình tạo thành một nơi rộng hơn rất nhiều, tôi vẫn tập trung vào cái thang, cố không giảm lên hai tay Annabeth vì cô ấy đang leo xuống bên dưới tôi. Tôi không nhận ra chúng tôi đã đến được đáy hố cho đến khi tôi nghe thấy tiếng nước bắn tung tóe từ giày cô.

“Hephaestus thần thánh ơi,” cô kêu lên. “Percy, xem này.”

Tôi đáp xuống ngay sau cô ấy trên một vũng cạn nhỏ toàn bùn. Xoay người sang, tôi nhận ra chúng tôi đang đứng trong một cái hang có kích thước cỡ một nhà máy. Đường hầm nơi chúng tôi vừa leo xuống trông như một ống khói hẹp. Các bức tường đá tua tủa cấp, đường ống và các hàng gạch cũ – có thể là phần móng của những tòa nhà cũ. Mấy ống nước, có khi đã từng là đường cống, bị vỡ, tạo ra một tia nước phun đều đều dọc theo các bức tường, làm sàn nhà trở nên lầy lội. Tôi không muốn biết trong dòng nước đó có gì.

Ở đây chẳng mấy sáng sủa, còn cái hang thì giống như được pha tạp giữa công trình xây dựng và chợ trời. Nằm rải rác khắp hang là các sọt, thùng dụng cụ, các tấm gỗ nâng hàng và mấy chông ống thép. Thậm chí có cả một chiếc xe ủi đất bị lún phân nửa trong đống bùn.

Còn kỳ lạ hơn là: vài chiếc xe hơi cũ, không biết bằng cách nào đã được mang từ trên mặt đất xuống đây, chiếc nào chiếc nấy chất đầy va-li và hàng đồng ví tiền. Các giá áo quần bị quăng bừa bãi khắp nơi như thể ai đó đã dọn

sạch một cửa hàng bách hóa vậy. Tệ hơn cả, đang treo lủng lẳng trên những cái móc thịt ở một giàn giáo bằng thép không gỉ là một dãy thịt bò sống – đã lột da, moi ruột và sẵn sàng để đưa đi bán. Căn cứ theo mùi và đám ruồi thì chúng không phải là thịt mới. Cảnh tượng này suýt thì biến tôi thành người ăn kiêng, ngoại trừ sự thật khó chịu là tôi thích món hamburger thịt băm pho mát.

Chẳng có dấu hiệu nào của tên khổng lồ. Tôi hy vọng hẳn ta không ở nhà. Rồi Annabeth chỉ về phía xa xa cuối hang. “Có lẽ là ở dưới đó.”

Hướng thẳng vào trong bóng tối là một đường hầm với đường kính sáu mét, như thể do một con rắn khổng lồ tạo ra. Ồ... một ý nghĩ không hay ho chút nào.

Tôi không thích di chuyển sang phía bên kia hang động, đặc biệt là phải đi qua chợ trời nọ với đầy máy móc hạng nặng và xác của mấy con bò.

“Sao tất cả những thứ đó xuống được dưới này nhỉ?” Tôi những muốn huýt gió, nhưng lại sợ giọng mình vang vọng khắp cái hang.

Annabeth xem xét tỉ mỉ xung quanh. Hiển nhiên cô ấy không thích những gì mình vừa thấy. “Àt là họ đã kéo từng phần nhỏ của cái máy ủi xuống và lắp ráp nó dưới này,” cô khẳng định. “Tớ cho đó là cách hồi xưa họ đào hệ thống tàu điện ngầm.”

“Thế còn những thứ khác thì sao?” tôi hỏi. “Những chiếc xe ô-tô và, ừm, mấy tảng thịt ấy?”

Cô ấy cau mày. “Vài món trông giống hàng hóa bán dạo trên hè phố. Ví và áo khoác thì... nhất định tên khổng lồ đã mang chúng xuống đây vì lý do nào đó.” Cô ấy ra hiệu về phía chiếc xe ủi đất. “Trông cái thứ đó giống như vừa trải qua một cuộc chiến vậy.”

Khi hai mắt đã quen với bóng tối âm đạm trong hang, tôi mới hiểu ý cô ấy. Dải xích của cỗ máy đã bị hỏng. Ghế tài xế bị cháy khét lẹt. Phía trước giàn máy, cái lưỡi ủi lớn lồi lồm như thể nó từng đụng phải thứ gì đó... hay bị đâm.

Bầu không khí tĩnh lặng đến kỳ quái. Ngược nhìn lên đốm sáng nhỏ trên đầu, tôi thấy hoa cả mắt. Sao một cái hang to thế này có thể tồn tại bên dưới Manhattan mà không khiến các khu nhà trong thành phố đổ sập hay sông Hudson tràn vào cơ chứ? Nơi chúng tôi hiện đứng ắt phải nằm sâu dưới mực nước biển hàng trăm mét.

Điều thực sự khiến tôi bất an là đường hầm xa xa kia.

Tôi không nói rằng mình có khả năng đánh hơi ra quái vật giống anh bạn thần rừng Grover. Nhưng đột nhiên tôi hiểu ra lý do cậu ấy ghét việc ở bên dưới đất. Vì nó mang đến cảm giác áp bức và nguy hiểm. Các á thần không thuộc về nơi này. Có thứ gì đó đang đợi chúng tôi trong đường hầm nọ.

Tôi liếc nhìn Annabeth, hy vọng cô ấy có ý tưởng tuyệt vời nào đó – như là bỏ chạy. Thay vào đó, cô ấy bắt đầu đi về phía cái máy ủi.

Khi chúng tôi mới ra đến giữa hang thì trong đường hầm vọng lại một tiếng rên rỉ. Đúng lúc chúng tôi vừa cúi sụp người xuống phía sau chiếc xe ủi, tên khổng lồ từ trong bóng tối hiện ra, duỗi duỗi hai cánh tay khổng lồ của mình.

“Ăn sáng,” hắn ta quát tháo âm lên.

Giờ tôi đã có thể quan sát hắn ta một cách rõ ràng, và tôi ước thà mình không thấy còn hơn.

Hắn ta xấu đến mức nào sao? So sánh thế này nhé: Secaucus, New Jersey, trông đẹp hơn tên khổng lồ Cacus nhiều, và đó không phải là lời khen tặng dành cho ai.

Như thần Hermes đã nói, tên khổng lồ cao khoảng ba mét, do vậy hắn ta trông nhỏ con hơn vài tên khổng lồ mà tôi từng gặp. Nhưng bù lại, Cacus sáng sủa và lòn lẹt. Hắn ta có mái tóc xoắn tít màu cam, nước da xanh mét và những vết tàn nhang cũng màu cam. Khuôn mặt hắn ta vênh vênh đầy vết bần với cái bĩu môi thường trực, chiếc mũi vẹo vọ, đôi mắt mở lớn và cặp chân mày cong vồng, vì thế hắn vừa trông giật mình lẫn có vẻ không vui. Hắn ta vận một cái áo choàng dài mặc ở nhà bằng nhung đỏ, chân đi dép lê đồng bộ. Chiếc áo choàng ban mở, để lộ ra chiếc quần đùi mềm mại in họa

tiết Valentine và lông ngực rậm rạp màu đỏ/hồng/cam mà bạn không thể nào tìm thấy trong tự nhiên.

Annabeth khẽ nôn ọe. “Một tên khổng lồ màu hoe.”

Không may, tai tên khổng lồ rất thính. Hắn ta cau mày và quét mắt nhìn khắp cái hang, sau tập trung vào chỗ chúng tôi đang nấp.

“Ai ở đằng đó?” hắn ta rống lên. “Các người... nấp sau xe ủi.”

Annabeth và tôi bốn mắt nhìn nhau. Cô ấy nhăn nhó, *Ồi*.

“Ra đây ngay!” tên khổng lồ nói. “Ta không đánh giá cao hành động lén lút đâu! Xuất hiện đi.”

Điều đó nghe kinh khủng làm sao. Thế rồi, dù gì chúng tôi cũng đã bị lộ. Có lẽ tên khổng lồ sẽ lắng nghe lý do, bất kể việc hắn đang mặc quần đùi có in hình Valentine.

Tôi lấy cây bút bi của mình ra và mở nắp. Thanh Thủy Triều bằng đồng xuất hiện. Annabeth lấy khiên và dao găm ra. Chẳng thứ nào trong hai món vũ khí trông sẽ gây đe dọa với một anh chàng to lớn đến thế, tuy nhiên, chúng tôi vẫn cùng bước ra khỏi chỗ nấp.

Tên khổng lồ cười toe toét. “Ồ! Các á thần phải không nào? Ta muốn bữa sáng, và thế là hai người xuất hiện sao? Trời khá là chiều lòng người ấy nhỉ.”

“Chúng ta không phải là bữa sáng của người,” Annabeth nói.

“Không sao?” Tên khổng lồ đuổi người một cách lười nhác. Hai làn khói bay ra từ mũi hắn. “Ta cho là hai người sẽ có vị rất tuyệt khi ăn kèm tortillas, nước sốt salsa và trứng. *Món trứng rán á thần*. Chỉ nghĩ đến nó thôi cũng đã khiến ta đói bụng rồi!”

Hắn ung dung đi về phía dãy thịt bò ruồi bu chi chút.

Dạ dày tôi nhộn nhạo. Tôi lầm bầm, “Ồ, hắn ta thật sự sẽ không...”

Cacus giật lấy một tảng thịt ra khỏi móc. Hắn ta phun lửa lên đó – một luồng lửa đỏ rực liền nấu chín thịt trong vài giây nhưng dường như hai tay tên khổng lồ chẳng bị bỏng gì cả. Khi con bò đã giòn rụm và kêu xèo xèo,

Cacus há hàm, miệng mở rộng đến mức khó tin, và chén sạch tảng thịt chỉ với ba cú đớp bự, tính luôn cả xương và tất cả mọi thứ.

“Ừ,” Annabeth gượng nói. “Hắn ta thật sự đã làm thế.”

Tên khổng lồ ợ to. Hắn ta lau đôi tay dính mỡ bốc khói lên áo choàng và nhe răng cười với bọn tôi. “VẬY, nếu không phải là bữa ăn sáng thì hẳn các người là khách hàng của ta. Ta có thể mang đến gì giúp các người thấy thích thú đây?”

Giọng hắn ta nghe dễ chịu và thân thiện, như thể hắn ta rất vui khi nói chuyện với chúng tôi. Vì điều đó và cái áo choàng dài mặc ở nhà bằng nhung đỏ, hắn ta gần như trông chẳng đáng sợ lắm. Dĩ nhiên là trừ việc hắn cao đến ba mét, phun ra lửa và ăn nguyên con bò chỉ bằng ba cú đớp.

Tôi bước lên trước. Bảo tôi cố hủ cũng được, nhưng tôi muốn hắn ta chú tâm vào tôi chứ không phải là Annabeth. Tôi nghĩ đó là phép lịch sự của một chàng trai khi bảo vệ bạn gái mình khỏi bị đốt ra tro ngay lập tức.

“Ừm, đúng thế,” tôi nói. “Có khi chúng ta là khách hàng của người đấy. Người bán gì nào?”

Cacus cười lớn. “Ta bán gì sao? Mọi thứ, á thần à! Với các mức giá đại hạ giá, và các người không thể kiếm được cái giá nào thấp hơn thế đâu!” Hắn ta khoát tay ra hiệu khắp cái hang. “Ta có túi xách hàng hiệu này, vest Ý này, ừm... vài thiết bị xây dựng, hình như thế, và nếu các người đang kiếm một chiếc Rolex thì...”

Hắn ta mở banh chiếc áo choàng ra. Một dãy đồng hồ vàng và bạc sáng lấp lánh được gắn vào lớp áo trong.

Annabeth búng tay. “Đồ giả! Ta *biết* là mình từng nhìn thấy mấy thứ này rồi. Người đã lấy chúng từ những người bán hàng rong, phải không? Họ toàn làm ra các món hàng giả kém chất lượng đấy.”

Tên khổng lồ có vẻ khó chịu. “Không phải *hoàn toàn* là đồ giả đâu, quý cô. Ta chỉ đánh cắp thứ tốt nhất! Ta là con trai thần Hephaestus mà. Nhìn là ta biết đâu là đồ giả liền.”

Tôi cau mày. “Con trai thần Hephaestus? Thế chẳng phải người nên *chế tạo* ra đồ vật chứ sao lại đi đánh cắp chúng?”

Cacus khịt mũi. “Quá nhiều việc phải làm! Đôi khi, nếu tìm thấy thứ gì chất lượng tốt, đích thân ta sẽ tạo ra các bản sao. Nhưng phần lớn thì việc đánh cắp vẫn dễ dàng hơn. Ta bắt đầu với việc trộm gia súc, người biết đấy, chuyện xưa rồi. Ta yêu gia súc lắm lắm! Đó là lý do tại sao ta định cư ở quận Meatpacking. Rồi ta khám phá ra ở đây còn có nhiều thứ khác ngoài thịt!”

Hắn ta cười toe toét như thể đó là một phát hiện thú vị vậy. “Những người bán dạo, các cửa tiệm sành điệu – đây là một thành phố tuyệt vời, thậm chí còn tốt hơn nhiều so với Rome Cổ đại! Và các công nhân đã rất tốt bụng khi đào cho ta cái hang này.”

“Trước khi người làm cho họ bỏ chạy,” Annabeth nói, “và suýt chút nữa thì hại chết họ.”

Cacus cố không ngáp một cái. “Các người có chắc mình không phải là bữa sáng của ta không? Vì các người đang làm ta chán rồi đấy. Nếu các người không muốn mua gì, ta sẽ đi lấy sốt salsa và tortillas...”

“Bọn ta đang tìm một thứ đặc biệt,” tôi chen ngang. “Đồ thật nhé. Và có phép thuật. Nhưng ta đoán là người chẳng có thứ nào giống thế.”

“Ha ha!” Cacus vỗ tay. “Một người mua hàng sành điệu đấy. Nếu trong kho của ta không có thứ mà người cần, ta sẽ đánh cắp nó, và dĩ nhiên, giá cả phải chăng.”

“Quyền trượng của thần Hermes,” tôi nói. “Cây y hiệu.”

Mặt tên không lồ ửng đỏ y hết màu tóc của hắn. Hắn ta nheo mắt lại. “Ta hiểu rồi. Đáng ra ta nên biết là Hermes sẽ phái một ai đó đến. Hai người là ai? Con của thần trộm sao?”

Annabeth giơ con dao găm lên. “Hắn vừa gọi tớ là con của thần Hermes à? Tớ sẽ đâm vào...”

“Ta là Percy Jackson, con trai thần Poseidon,” tôi nói với tên khổng lồ. Tôi đưa tay ra giữ Annabeth lại. “Đây là Annabeth Chase, con gái nữ thần

Athena. Thỉnh thoảng bọn ta sẽ giúp các vị thần làm vài chuyện vặt vãnh, như - ồ, giết các Titan, giải cứu đỉnh Olympus, những chuyện như thế. Có lẽ người từng nghe thấy mấy chuyện đó rồi. Vì vậy, về cây y hiệu... sẽ tốt hơn cho người nếu người chỉ việc giao nó ra trước khi mọi việc trở nên khó chịu.”

Tôi nhìn vào mắt hấn ta và hy vọng lời đe dọa của mình sẽ hiệu quả. Tôi biết việc một thằng nhóc mười sáu tuổi đang cố hăm dọa một tên khổng lồ biết phun lửa dường như khá là buồn cười. Nhưng trước đây tôi đã đánh nhau với khá nhiều quái vật vô cùng nguy hiểm. Ngoài ra, tôi đã tắm mình trong sông Styx, điều đó khiến tôi miễn dịch với phần lớn các đòn tấn công chân tay. Điều đó xứng đáng có được một sự tín nhiệm nho nhỏ đúng không? Có lẽ Cacus đã nghe nhắc đến tôi. Biết đâu hấn ta sẽ run rẩy và rên rỉ, *Ôi Ngài Jackson. Thành thật xin lỗi! Tôi đã không nhận ra ngài!*

Thay vào đó hấn ta ngửa đầu ra sau và cười ngặt nghẽo. “Ồ, ta hiểu rồi! Người tưởng nói vậy là hù dọa được ta phải không! Nhưng than ôi, tên á thần duy nhất từ trước đến nay có thể đánh bại ta chỉ có mình Hercules mà thôi.”

Tôi quay sang Annabeth và bực tức lắc đầu. “Luôn là Hercules. Chuyện này thì liên quan gì đến Hercules?”

Annabeth nhún vai. “Anh ta có một người quảng bá rất tuyệt.”

Tên khổng lồ tiếp tục khoe khoang. “Trong nhiều thế kỷ qua, ta là nổi kinh hoàng của nước Ý! Ta đã đánh cắp vô số bò – nhiều hơn bất cứ tên khổng lồ nào. Các bà mẹ dùng tên ta để dọa lũ trẻ con. Họ thường nói thế này, ‘Chú ý đến cách xử sự của con đi, con yêu, nếu không Cacus sẽ đến và lấy cắp hết bò của con đấy!’”

“Kính thật,” Annabeth nói.

Tên khổng lồ cười toét miệng. “Ta biết chứ! Đúng không? Vậy hai tên á thần các người cũng nên bỏ cuộc đi. Các người sẽ không bao giờ lấy được cây y hiệu. Ta đã có kế hoạch dành cho nó rồi!”

Khi hấn giơ tay lên và nắm chặt lại, cây quyền trượng của thần Hermes liền xuất hiện trong tay hấn. Dù đã nhìn thấy món đồ kia nhiều lần nhưng tôi vẫn lạnh cả sống lưng. Các vật dụng của các vị thần chỉ việc phát huy sức mạnh. Cây quyền trượng làm bằng gỗ trắng trơn mịn dài gần một mét, trên đầu gậy là một quả cầu bạc và một con bồ câu đang chấp chới vỗ cánh. Quấn quanh cây quyền trượng là hai con rắn sống đang vô cùng kích động.

Percy! Giọng một con rắn vang lên trong đầu tôi. Tạ ơn thánh thần!

Một giọng khác trầm và gắt gỏng hơn nói, *À phải, ta đã không được ăn gì trong nhiều giờ.*

“Martha, George,” tôi nói. “Hai cậu ổn chứ?”

Sẽ tốt hơn nếu tôi có gì ăn, George kêu ca. Ở đây có mấy con chuột béo tốt đấy. Cậu bắt cho bọn tôi vài con nhé?

Thôi đi George! Martha khiển trách. Chúng ta có rắc rối khác quan trọng hơn. Tên khổng lồ này muốn giam giữ chúng ta!

Cacus hết nhìn tôi lại nhìn lũ rắn. “Đợi đã... Người có thể nói chuyện với rắn sao, Percy Jackson? Tuyệt quá! Bảo chúng tốt hơn hết nên hợp tác đi. Ta là chủ nhân mới của chúng, và chúng chỉ được ăn khi chịu nhận lệnh của ta.”

Thật trơ tráo! Martha rít lên. Cậu đi bảo với cái thằng màu hoe đó...

“Yên nào,” Annabeth cắt ngang. “Cacus, hai con rắn sẽ không bao giờ nghe lệnh người. Chúng chỉ làm việc cho thần Hermes. Vì người không thể dùng cây quyền trượng nên nó vô dụng thôi. Hãy trả nó lại và chúng ta sẽ xem như chuyện này chưa từng xảy ra.”

“Ý kiến hay đấy,” tôi nói.

Tên khổng lồ cắn nhả. “Ồ, ta sẽ tìm ra sức mạnh của cây quyền trượng, cô nhóc à. Ta sẽ làm cho những con rắn chịu hợp tác với ta!”

Cacus lắc lắc cây y hiệu. George và Martha vặn vẹo và rít lên, nhưng dường như chúng bị dính chặt vào cây quyền trượng. Tôi biết cây y hiệu có thể biến thành tất tần tật những thứ hữu dụng như – một thanh kiếm, điện

thoại di động, máy quét giá để việc so giá cả khi mua sắm được dễ dàng. Và có lần George đã nhắc đến công năng nào đó gây đau đớn - “trạng thái laze”. Tôi thật sự không muốn Cacus tìm ra tính năng đặc biệt đó.

Cuối cùng, tên khổng lồ gầm lên vì thất vọng. Hắn vụt mạnh cây quyền trượng vào tảng thịt bò gần nhất và ngay lập tức khối thịt biến thành đá. Hết cái xác này đến cái xác khác lần lượt hóa đá cho đến khi cái giá nặng đến nỗi đổ sụp xuống. Sáu con bò đá granit vỡ vụn.

“Giờ, *chuyện này* khá là thú vị!” Cacus ngoác miệng cười.

“Ồ ồ.” Annabeth lùi lại một bước.

Tên khổng lồ vung quyền trượng về phía chúng tôi. “Đúng thế! Ta sẽ nhanh chóng kiểm soát được cái này và trở nên quyền phép như Hermes. Ta sẽ có thể đi đến bất cứ đâu! Ta sẽ đánh cắp bất cứ thứ gì ta muốn, tạo ra đồ giả y như thật và bán chúng khắp thế giới. Ta sẽ trở thành chúa tể của những người bán hàng rong!”

“Ý nghĩ đó,” tôi nói, “thật vô cùng xấu xa đấy.”

“Ha-ha!” Cacus giương cao cây y hiệu trong niềm vui chiến thắng. “Ta đã từng hoài nghi, nhưng giờ đây ta bị thuyết phục rồi. Việc trộm lấy cây quyền trượng này là một ý tưởng tuyệt vời! Giờ hãy xem xem ta dùng nó để giết các người như thế nào.”

“Chờ đã!” Annabeth nói. “Vậy ra việc trộm cây quyền trượng không phải là ý của người?”

“Giết chúng!” Cacus ra lệnh cho hai con rắn. Hắn ta chỉ cây y hiệu vào chúng tôi, nhưng phần đầu bằng bạc của cây y hiệu chỉ phun ra vài tờ giấy. Annabeth nhặt lên một tờ và đọc.

“Người sẽ cố giết bạn ta bằng Groupons,” cô nói. “Giảm tám mươi lăm phần trăm các bài học đàn piano.”

“Gừ!” Cacus trừng mắt nhìn những con rắn và phun ra một luồng lửa rắn đe trên đầu chúng. “Tuân lệnh ta!”

George và Martha hốt hoảng vạy vẹo.

Ngừng ngay đi! Martha thét lên.

Bọn ta là động vật máu lạnh! Geogre phản đối. *Lửa không tốt cho bọn ta!*

“Cacus này!” tôi hét lên, cố làm hấn ta chú ý. “Trả lời câu hỏi của bọn ta. Ai đã bảo người lấy cắp cây quyền trượng?”

Tên khổng lồ cười khẩy. “Đồ á thần ngu ngốc. Khi người đánh bại Kronos, người nghĩ là mình đã loại trừ *hết* kẻ thù của các vị thần phải không? Thật ra người chỉ trì hoãn sự sụp đổ của đỉnh Olympus thêm một thời gian thôi. Thiếu cây quyền trượng, Hermes sẽ không thể chuyển các thông điệp. Hệ thống liên lạc của thần linh trên Olympus sẽ loạn cả lên, và đó chỉ là chút hỗn loạn đầu tiên mà các bạn của ta đã lên kế hoạch.”

“Bạn của người?” Annabeth hỏi.

Cacus lờ đi câu hỏi. “Không quan trọng. Các người sẽ không còn sống lâu lắm đâu, và ta làm vụ này chỉ vì tiền mà thôi. Với cây quyền trượng này, ta sẽ kiếm được hàng nghìn đô! Thậm chí triệu! Giờ thì đứng yên đó. Có lẽ ta sẽ nhận được giá hời cho hai bức tượng á thần.”

Tôi không hứng thú với những lời đe dọa như thế. Vài năm trước, khi đánh nhau với Medusa, tôi đã nghe hăm dọa đủ rồi. Tôi chả sợ đánh nhau với gã này, nhưng tôi không thể phó mặc George và Martha vào tay hấn. Ngoài ra, thế giới cũng đã có đủ người bán hàng rong. Không ai đáng phải chịu mở cửa và nhìn thấy một gã khổng lồ biết phun lửa cầm trên tay một cây quyền trượng ma thuật và một bộ sưu tập đồng hồ Rolex giá.

Tôi nhìn Annabeth. “Đến giờ đánh nhau rồi nhỉ?”

Cô ấy cười ngọt ngào với tôi. “Đây là câu thông minh nhất mà cậu đã nói trong cả sáng nay.”

Chắc các bạn đang nghĩ là: Chờ đã, các cậu chỉ tấn công mà không có lấy một kế hoạch nào sao?

Nhưng Annabeth và tôi đã kề vai sát cánh chiến đấu bên nhau nhiều năm rồi. Chúng tôi biết rõ khả năng của nhau. Chúng tôi có thể đoán trước được hành động của người kia. Có lẽ là tôi ngượng nghịu và căng thẳng khi là bạn trai của cô ấy thật đấy, nhưng chiến đấu cùng cô ấy ư? Chuyện thường thôi.

Hừm... nói vậy nghe không ổn lắm. Ờ, thì nó là thế đấy.

Annabeth vòng sang tấn công vào mé trái tên khổng lồ. Tôi thì lao thẳng vào hắn ta. Kiếm của tôi chưa kịp với đến chỗ hắn thì Cacus há miệng và phun lửa.

Phát hiện khiến mọi người sửng sốt tiếp theo của tôi là: hơi thở phun ra lửa này thật nóng à nha.

Dù đã cố nhảy qua một bên, nhưng tôi có thể nhận thấy hai cánh tay bắt đầu ấm lên và áo quần của tôi bắt lửa. Tôi lăn qua đồng bùn để dập tắt lửa và hất ngã một giá áo khoác nữ.

Tên khổng lồ rống lên. “Nhìn xem người vừa làm gì kìa! Mấy món đó là đồ Prada giả y như thật của ta!”

Annabeth tận dụng thời điểm gã khổng lồ xao lãng để tấn công. Từ sau lưng Cacus, cô ấy lao tới và đâm vào sau đầu gối hắn ta – thường là điểm yếu của bọn quái vật. Cô ấy nhảy tránh đòn tấn công bằng cây y hiệu của Cacus, suýt chút nữa thì đập trúng người cô. Đầu gậy bằng bạc va sầm vào xe ủi đất và toàn bộ chiếc xe biến thành đá.

“Ta sẽ giết người!” Cacus trượt chân suýt ngã, từ cái chân bị thương của hắn ta, máu thần thánh màu vàng chảy ra.

Hắn ta phun lửa vào Annabeth, nhưng cô ấy đã tránh được luồng lửa đó. Bất thành linh, tôi nhào lên tấn công và dùng thanh Thủy Triều chém ngang chân còn lại của tên khổng lồ.

Các bạn nghĩ thế hắn là đủ, đúng không? Nhưng chưa đâu.

Cacus gào lên vì đau đớn. Với một tốc độ đáng ngạc nhiên, hắn ta xoay người lại, dùng mu bàn tay đập vào người tôi, đánh bay tôi đi và điều tiếp theo tôi nhận thức được là mình đâm sầm vào một đồng bò bằng đá vỡ vụn. Tâm nhìn của tôi nhòa đi. Annabeth hét lớn, “Percy!” nhưng giọng cô ấy nghe như thể đang ở dưới mặt nước.

Di chuyển đi! Giọng Martha vang lên trong đầu tôi. *Hắn ta sắp tấn công đấy!*

Lăn sang trái! George nói, điều này là một trong số những gợi ý hữu ích hơn mà nó từng đưa ra. Tôi làm theo khi cây y hiệu đập mạnh xuống đồng đá tôi vừa mới nắm lên.

Tôi nghe thấy một tiếng *KENG!* Và tên khổng lồ hét lên, “Gừ!”

Tôi loạng choạng đứng dậy. Annabeth vừa mới động cái khiên thẳng vào hông tên khổng lồ. Là chuyên gia bị trường học trục xuất, tôi từng bị đá ra khỏi vài học viện quân sự, nơi mà họ vẫn còn tin rằng việc phát vào hông là tốt cho một người. Công bằng mà nói, tôi cũng hiểu cái cảm giác khi bị đánh vào chỗ đó bằng một vật phẳng thật lớn, thế rồi hông tôi thắt lại vì đồng cảm.

Cacus lão đảo, nhưng trước khi Annabeth có thể ra đòn trừng phạt lần nữa, hắn quay lại và giật phắt lấy cái khiên. Hắn ta vò chất liệu đồng Celestial như vò một tờ giấy và quăng nó ra sau lưng.

Với vật có phép thuật nọ thì làm vậy là quá nhiều rồi.

“Đủ rồi!” Cacus chĩa quyền trượng vào Annabeth.

Tôi vẫn còn choáng váng. Sống lưng tôi cứ như thể vừa qua đêm trong Cung Điện Giường Nước Crusty, dù vậy, tôi nghiêng ngả bước đến, cố giúp Annabeth. Trước khi tôi đến được chỗ cô ấy, cây y hiệu đã thay hình đổi dạng. Nó biến thành một chiếc điện thoại di động và nhạc chuông bài “Macarena” vang lên. George và Martha, giờ có kích thước như một con giun, đang quần quanh màn hình.

Cú vừa rồi được đấy, George nói.

Chúng ta đã nhảy điệu này ở đám cưới của chúng ta, Martha nói. *Nhớ không cưng?*

“Lũ răn ngu ngốc!” Cacus lắc chiếc di động một cách kịch liệt.

Ặc! Martha kêu lên.

Cứu—tôi! Giọng Geogre run rẩy. *Cứ – làm theo lời – tên mặc áo choàng tắm – đó!*

Chiếc điện thoại biến lại thành cây quyền trượng.

“Giờ thì, cứ xử cho đàng hoàng vào!” Cacus cảnh báo lũ rắn. “Không tao sẽ cho bọn bay thành túi Gucci giả bây giờ!”

Annabeth chạy đến bên tôi. Chúng tôi cùng lùi lại cho đến khi đến được chỗ cái thang.

“Chiến lược cho trò đuổi bắt của chúng ta không hiệu quả lắm,” cô ấy bảo, miệng thở hỗn hà hỗn hển. Tay áo phong bên trái của cô ấy đang bốc khói, nhưng nhìn chung thì cô ấy ổn. “Có gợi ý nào không?”

Tại tôi vẫn còn ù ù. Giọng cô ấy nghe như đang ở dưới nước.

Chờ đã... ở dưới nước.

Tôi ngược nhìn đường hầm – tất cả các đường ống bị vỡ kia được gắn vào tường đá: ống nước rồi ống cống. Là con trai thần biển, đôi khi tôi có thể điều khiển được nước. Tôi tự hỏi ...

“Ta không thích các người!” Cacus hét lên. Hẳn ta nghênh nghênh ngang ngang bước đến chỗ chúng tôi, mũi bốc khói. “Đến lúc kết thúc vụ này rồi.”

“Bám chặt vào,” tôi bảo Annabeth rồi đặt bàn tay còn trống của mình lên eo cô ấy.

Tôi tập trung tâm trí tìm kiếm nguồn nước phía trên đầu chúng tôi. Việc đó không khó lắm. Khi đã nhận thấy một lượng áp suất đầy nguy hiểm trong mạng ống nước của thành phố, tôi dồn hết chúng vào các ống nước vỡ.

Cacus lừng lững án ngữ trước mặt chúng tôi, miệng hẳn ta rực sáng như lò lửa. “Có trăn trối gì không, á thần?”

“Nhìn lên đi,” tôi bảo hẳn.

Hẳn làm theo.

Tôi ghi tạc vào lòng thế này: Khi cho phát nổ hệ thống cống của Manhattan thì đừng có đứng dưới nó.

Toàn bộ hang động rung chuyển khi một ngàn ống nước bên trên nổ tung. Một thác nước không-được-sạch cho lắm đổ ào xuống mặt Cacus. Tôi kéo Annabeth bỏ chạy rồi mang theo cô ấy nhảy ngược vào mép dòng nước xiết.

“Cậu đang...?” Giọng cô ấy ghen ghen. “Aaaa!”

Tôi chưa bao giờ muốn làm điều này, nhưng hiện tại, tôi dùng ý chí buộc mình xuôi ngược dòng như cá hồi, nhảy từ dòng chảy này sang dòng chảy khác khi nước tuôn xối xả vào trong hang. Nếu bạn đã bao giờ thử chơi trò chạy ngược lên một đường trượt ướt nhẹ thì giờ tôi cũng giống vậy đấy, ngoại trừ cái góc chín mươi độ và không có đường trượt – chỉ có nước là nước.

Xa xa bên dưới tôi nghe thấy tiếng gầm rú của Cacus khi hàng ngàn, hay thậm chí hàng triệu ga-lông nước bắn đổ ầm xuống mặt hắn. Trong khi đó Annabeth hết hét lại nôn rồi đánh tôi, gọi tôi bằng những biệt danh thú vị như “Đồ ngọc! Thằng khờ - xấu xa – ngọc xị –” và trên tất cả là “Giết cậu!”

Cuối cùng, một mạch nước phun kinh khủng cũng đẩy chúng tôi vọt lên trên mặt đất và an toàn đáp xuống vỉa hè.

Khách bộ hành và cảnh sát lùi lại, hốt hoảng la hét khi nhìn thấy Old Faithful⁽⁵⁾ phiên bản nước cống của chúng tôi. Tiếng bánh xe kêu rít và xe cộ tông vào đuôi nhau khi các bác tài ngừng lại để nghĩa qua cảnh hỗn loạn.

Tôi ra lệnh làm khô người – một mẹo hữu ích – nhưng mình mấy tôi vẫn bốc mùi khá gớm. Những cục bông gòn cũ vương trên tóc Annabeth và một miếng giấy gói kẹo ướt nhẹ dán chặt vào mặt cô ấy.

“Chuyện này,” cô ấy nói, “tởm quá!”

“Nói một cách lạc quan thì,” tôi nói, “chúng ta vẫn còn sống.”

“Mà không có cây y hiệu!”

Tôi nhăn mặt. Ấy da... chuyện nhỏ như con thỏ. Biết đâu tên khổng lồ chết đuối rồi. Rồi hẳn ta sẽ bị phân hủy và quay lại Tartarus giống như phần lớn quái vật bị đánh bại, và chúng tôi có thể đến lấy lại cây y hiệu.

Nghe ra cũng có lý nhĩ.

Mạch nước phun yếu dần, theo sau là tiếng nước đang rút dần vào đường hầm nghe ầm ầm, như thể ai đó trên đỉnh Olympus vừa giật nước cái toilet thần thánh vậy.

Rồi giọng một con rắn vang vẳng vẳng trong đầu tôi. *Bị miệng tôi lại đi*, George nói. *Dù có là tôi thì cũng gớm quá, và tôi ăn thịt chuột.*

Sắp đến rồi! Martha cảnh báo. Ôi không! Tôi nghĩ tên khổng lồ đã đoán ra...

Một vụ nổ làm rúng động cả con đường. Một chùm ánh sáng xanh từ đường hầm vọt ra, xé một đường rãnh lên hông một tòa nhà văn phòng ốp kính, làm tan chảy các cửa sổ và lớp bê-tông bốc hơi. Tên khổng lồ leo ra khỏi cái hố, cái áo choàng mặc nhà bằng nhung bốc khói, và mặt mày hăn thì đầy các vết nhót lầy.

Hăn ta trông không vui. Trong tay hăn, cây y hiệu giờ giống một khẩu bazô-ka với những con rắn uốn quanh nòng và họng súng xanh lè.

“Được rồi,” Annabeth uể oải nói. “Ừm, đó là gì thế?”

“Đó,” tôi đoán, “chắc là trạng thái la-ze.”

Gởi đến những ai sống ở quận Meatpacking (chú thích) một lời xin lỗi. Do khói, các cảnh tượng hoang tàn đổ nát, và tình trạng hỗn loạn, mà giờ chắc các bạn chỉ có thể gọi nó là Quận Cuốn Gói, vì sẽ có khá nhiều người trong các bạn phải chuyển đi.

Thế nhưng, điều thật sự ngạc nhiên là chúng tôi không gây *thêm* thiệt hại nào nữa.

Annabeth và tôi bỏ chạy khi một tia la-ze khác đục thủng con đường bên trái chúng tôi thành một đường hào. Nhựa đường rơi lả tả xung quanh như hoa giấy.

Đằng sau chúng tôi, Cacus hét lớn, “Các người đã làm hỏng số đồng hồ Rolex kia của ta! Chúng không phải loại không thấm nước, bọn bay biết mà! Vì thế bọn bay phải chết!”

Chúng tôi cắm đầu chạy. Tôi hy vọng sẽ dụ được gã quái vật này tránh xa khỏi người phạm vô tội, nhưng điều đó khá khó khi chúng tôi hiện đang ở trung tâm New York. Phương tiện giao thông tắc nghẹt trên đường phố. Khách bộ hành la hét và bỏ chạy khắp mọi hướng. Hai nhân viên cảnh sát

mà tôi nhìn thấy lúc sớm thì chẳng thấy bóng dáng đâu cả, có thể họ đã bị đám đông cuốn đi đâu đó rồi.

“Công viên!” Annabeth chỉ về phía các con đường đôn cao của High Line. “Nếu chúng ta có thể làm cho hẵn rời xa mặt đường...”

BÙM! Tia la-ze cắt xẹt qua một chiếc xe bán thức ăn đậu gần đó. Người bán hàng chui ra khỏi cửa sổ xe với một nắm thịt xiên nướng.

Annabeth và tôi chạy như điên về phía cầu thang dẫn lên công viên. Tiếng còi báo động vang lên ở phía xa xa, nhưng tôi không muốn có thêm nhiều cảnh sát dính líu đến vụ này. Việc thực thi pháp luật của người phạm sẽ chỉ làm cho mọi việc trở nên phức tạp, và qua Màn Sương Mù, cảnh sát thậm chí còn có thể nghĩ rằng Annabeth và tôi là người gây ra rắc rối. Chỉ là bạn sẽ không bao giờ biết đến điều đó thôi.

Chúng tôi leo đến chỗ công viên. Tôi cố xác định phương hướng. Vào hoàn cảnh khác, tôi sẽ thường thức vẻ đẹp của dòng sông Hudson lấp lánh và các nóc nhà của khu dân cư xung quanh. Thời tiết thật đẹp. Các luống hoa thi nhau khoe sắc trong công viên.

Công viên High Line không có lấy một bóng người, có thể vì giờ đang là giờ đi làm, hoặc vì các du khách đã lạnh chân bỏ chạy khi nghe thấy các tiếng nổ.

Ở đâu đó phía dưới, Cacus vẫn đang gầm rống, chửi rủa và chào mời những người phạm bị khủng bố tinh thần mua mấy chiếc đồng hồ Rolex hồng với mức chiết khấu cao. Tôi đoán chúng tôi chỉ có vài giây trước khi bị hẵn tìm thấy.

Tôi đưa mắt nhìn khắp công viên, hy vọng tìm được thứ gì đó hữu ích. Đập vào mắt tôi là những chiếc ghế dài, lối đi bộ và rất nhiều cây. Tôi ước gì chúng tôi đồng hành với một đứa con của nữ thần Demeter. Có lẽ họ có thể quần tên khổng lồ lại bằng những cành nho, hay biến những bông hoa thành phi tiêu của ninja. Tôi chưa bao giờ tận mắt thấy đứa con nào của nữ thần Demeter làm vậy, nhưng chỉ nghĩ thôi cũng thấy ý tưởng đó thật ngẫu à nha.

Tôi nhìn Annabeth. “Đến lượt cậu đưa ra sáng kiến đấy.”

“Tớ đang suy nghĩ đây.” Lúc đánh nhau, trông cô ấy rất xinh đẹp. Tôi biết nhận xét như vậy thật điên rồ, đặc biệt là sau khi chúng tôi vừa mới từ một thác nước chất thải leo lên, nhưng đôi mắt xám của Annabeth sáng lấp lánh khi cô ấy chiến đấu vì mạng sống của mình. Khuôn mặt cô ấy ngời sáng như mặt của một nữ thần, và tin tôi đi, tôi đã nhìn thấy các nữ thần rồi. Cái cách mà chuỗi hạt đất sét của Trại Con Lai dán sát vào cổ cô – Được rồi, xin lỗi. Hơi bị xao lãng một chút ấy mà.

Cô ấy chỉ tay. “Ở kia!”

Cách đó vài trăm mét, các đường xe lửa cũ tách ra và thêm nhà ga đơn cao tạo thành hình một chữ Y. Mẫu chữ Y ngắn này là một ngõ cụt – một phần của công viên vẫn đang ở trong tình trạng thi công. Các đồng bao đất và ô trồng cây nằm trên nền sỏi. Nhô ra phía ngoài rìa đường ray là một tay điều khiển cần trục, và ắt hẳn ở có một cái cần cẩu. Cao cao trên đầu chúng tôi, một cái móc kim loại lớn lơ lửng treo trên tay cần – chắc chúng được sử dụng để kéo các vật dụng làm vườn lên.

Tôi chợt hiểu được kế hoạch của Annabeth, và tôi cảm giác như thể mình đang cố nuốt một đồng 25 cent vậy. “Không,” tôi nói. “Việc đó quá nguy hiểm.”

Annabeth nhướn mày. “Percy, cậu *biết* tớ là cao thủ trong trò gấp thú chứ.”

Đúng vậy đấy. Tôi từng đưa cô ấy đến khu trò chơi ở đảo Coney, và chúng tôi quay trở về với một bao thú nhồi bông. Nhưng cái cần cẩu này *to khủng khiếp*.

“Đừng lo,” cô ấy cam đoan. “Trên đỉnh Olympus tớ giám sát thiết bị còn lớn hơn cái này.”

Bạn gái của tôi: một sinh viên năm hai ưu tú, á thần, và - ồ, đúng rồi – kiến trúc sư trưởng dự án tái thiết kế lại cung điện của các vị thần trên đỉnh Olympus trong thời gian rảnh rỗi.

“Nhưng cậu có thể vận hành nó không?” tôi hỏi.

“Dễ như ăn kẹo ấy mà. Chỉ việc dụ hăn đến đây. Giữ cho hăn bận rộn trong khi tớ gấp hăn lên.”

“Và rồi?”

Cô ấy mỉm cười, kiêu cười khiến tôi mừng vì mình không phải là tên khổng lồ.

“Rồi cậu sẽ biết. Nếu cậu có thể giựt lại cây y hiệu trong khi hăn ta mất tập trung thì quá tuyệt.”

“Còn gì nữa không?” tôi hỏi. “Cậu muốn dùng khoai tây chiên và đồ uống chứ?”

“Im miệng đi, Percy.”

“CHẾT NÀY!” Cacus sầm sập bước lên bậc thềm và tiến vào công viên High Line. Hăn ta phát hiện ra chúng tôi và ì à ì ạch đi đến với quyết tâm khó mà lay chuyển được.

Annabeth bỏ chạy. Cô ấy đến được chỗ cần cầu và nhảy qua bên kia đường ray, leo nhanh xuống tay cần kim loại như thể nó là một nhánh cây vậ. Đoạn, cô ấy biến mất khỏi tầm nhìn của tôi.

Tôi giơ thanh kiếm lên và đối mặt với tên khổng lồ. Chiếc áo choàng dài bằng nhung đỏ của hăn rách tả tơi. Đôi dép lê lạc đầu mất. Mái tóc màu hoe ép sát vào đầu như một chiếc mũ tắm nhớt nhờn. Hăn ta nhắm khẩu ba-zô-ka sáng lòe lòe về phía tôi.

“George, Martha,” tôi gọi, hy vọng chúng có thể nghe thấy mình. “Làm ơn thoát khỏi tính năng la-ze đi.”

Chúng tôi đang cố, cưng à! Martha nói.

Bụng tôi đau, Geogre nói. Tôi nghĩ hăn ta làm trầy cái bụng của tôi rồi.

Tôi từ từ lùi xuống phía cuối đường ray, nép người đi về phía tay cần. Cacus cũng đi theo. Giờ thì hăn chặn tôi lại, dường như không vội giết tôi ngay. Hăn ngừng lại cách chỗ tôi đứng khoảng sáu mét, ngay phía bên kia bóng của cái móc cần cầu. Tôi cố tỏ ra như thể bị dồn vào thế bí và hoảng sợ. Việc đó không khó lắm.

“VẬY,” Cacus gầm lên. “CÓ TRẦN TRỐI GÌ KHÔNG?”

“*Cứu tôi với,*” tôi nói. “A. Ồi. Những từ đó thì thế nào? Ờ, và thần Hermes giỏi bán hàng hơn người nhiều.”

“GỪ!” Cacus hạ cây y hiệu la-ze xuống.

Cần cầu chẳng nhúc nhích gì cả. Dù Annabeth có thể làm cho nó hoạt động, tôi vẫn băn khoăn không biết cô ấy làm cách nào để nhận biết mục tiêu bên dưới. Đáng ra tôi nên nghĩ đến điều đó sớm hơn.

Cacus bóp cò, và thành linh cây y hiệu biến đổi hình dáng. Tên khổng lồ cố hạ gục tôi bằng một cái máy quét thẻ tín dụng, nhưng thứ duy nhất vọt ra khỏi máy là một tờ biên lai.

Yeah! Trong đầu tôi vang lên tiếng hét của George. *Một-không dành cho những con rắn!*

“Cây quyền trượng ngu ngốc!” Cacus chán ghét ném cây y hiệu xuống, và đó là cơ hội mà tôi đang chờ đợi. Tôi phóng người lên trước, chộp lấy cây quyền trượng rồi lăn qua dưới chân tên khổng lồ.

Khi tôi đứng dậy, chúng tôi đã đổi vị trí cho nhau. Cacus đứng quay lưng lại với cái cần cầu. Tay cần điều khiển nằm ngay đằng sau hắn ta, với cái móc lơ lửng ngay trên đầu hắn.

Không may, cái cần cầu vẫn bất động. Và Cacus vẫn muốn giết chết tôi.

“Người đã dập tắt lửa của ta bằng cái thứ nước cống đáng nguyên rủa đó,” hắn gầm lên. “Giờ người lại ăn cắp luôn cây quyền trượng của ta.”

“Vật mà *người* đã đánh cắp trái phép ấy à,” tôi nói.

“Điều đó không quan trọng.” Cacus bẻ các đốt ngón tay. “Người cũng không sử dụng được cây quyền trượng. Chỉ tay không thôi ta cũng đã có thể giết người rồi.”

Cái cần cầu từ từ nhúc nhích và gần như không phát ra tiếng. Tôi nhận ra dọc theo một bên tay cần có gắn mấy chiếc gương – dạng như gương chiếu hậu giúp cho người ta vận hành dễ hơn ấy. Và phản chiếu trong một số những tấm gương đó là đôi mắt xám của Annabeth.

Cái kẹp mở ra và bắt đầu hạ thấp xuống.

Tôi mỉm cười với tên khổng lồ. “Thật ra, Cacus à, tao còn một vũ khí bí mật khác.”

Mắt tên khổng lồ sáng lên, vẻ tham lam. “Một vũ khí khác? Tao sẽ đánh cắp nó! Ta sẽ sao chép lại và bán thứ đồ giả đó đi để kiếm lời! Mà đó là gì thế?”

“Tên cô ấy là Annabeth,” tôi nói. “Và cô ấy giống tao đây.”

Cái kẹp rơi xuống, đập mạnh vào đầu Cacus và hạ hẳn đo ván. Khi tên khổng lồ còn đang choáng váng, cái kẹp kẹp lấy ngực hắn, sau đó nhấc bổng hắn lên không trung.

“Ca-cái gì thế này?” Khi ở cách mặt đất sáu mét, tên khổng lồ lấy lại ý thức. “Thả ta xuống!”

Hắn ta vùng vẫy một cách vô vọng và cố phun lửa, nhưng kết quả là chỉ phun ra được thêm một ít bùn mà thôi.

Annabeth đứng đưa tay cần qua lại lấy đà, còn tên khổng lồ thì chửi rủa và giãy giụa. Tôi sợ toàn bộ cần cầu sẽ bị lật ngược, nhưng Annabeth kiểm soát nó thật hoàn hảo. Khi tên khổng lồ vào vị trí cao nhất của vòng cung rồi, cô ấy vẩy mạnh tay cần lần cuối và nhả kẹp ra.

“Aaaaaaaaaa!” Tên khổng lồ bay vèo qua các nóc nhà thẳng đến bên kia bến tàu Chelsea và bắt đầu lao về phía sông Hudson.

“George, Martha,” tôi nói. “Hai cậu chuyển sang tính năng la-ze lần nữa vì tớ được không?”

Rất sẵn lòng, Geogre nói.

Cây y hiệu biến thành một khẩu ba-zô-ka công nghệ cao đầy nguy hiểm.

Tôi nhắm vào tên khổng lồ đang rơi và hét lên, “Bắn!”

Một chùm tia sáng màu xanh xuất hiện, và tên khổng lồ rã ra thành một ánh sao tuyệt đẹp vụt qua bầu trời.

Cảnh đó, George nói, mới tuyệt làm sao. Giờ tôi được phép có một con chuột không?

Tôi đồng ý với George, Martha nói. Một con chuột sẽ rất thú vị.

“Các cậu xứng đáng có nó,” tôi nói. “Nhưng trước hết chúng ta nên đi xem Annabeth thế nào đã.”

Cô ấy chờ tôi ở bậc thềm công viên, miệng cười toe toét.

“Quá tuyệt chứ hả?” cô hỏi.

“Hết xấy,” tôi đồng ý. Khó mà hôn cho thật lãng mạn khi người bạn ướt sũng nước bắn, nhưng rốt cuộc chúng tôi vẫn có một nụ hôn tuyệt vời nhất.

Hôn xong, tôi nói, “Những con chuột.”

“Chuột á?” cô ấy hỏi.

“Cho hai con răn,” tôi nói. “Và rồi...”

“Ôi thánh thần ơi.” Cô ấy lấy di động ra và kiểm tra thời gian. “Gần năm giờ chiều rồi. Chúng ta phải mang cây y hiệu trả lại cho thần Hermes!”

Đường sá kẹt cứng phương tiện cứu hộ và các vụ tai nạn nhỏ, vì thế chúng tôi quay về bằng tàu điện ngầm. Hơn nữa, tàu điện ngầm lúc nào chẳng có chuột. Không đi sâu vào các chi tiết khủng khiếp làm gì, tôi có thể khẳng định với các bạn rằng George và Martha đã giúp giải quyết vấn đề về vật gây hại. Khi chúng tôi đi về phía bắc, chúng cuộn tròn quanh cây y hiệu và mẫn nguyện ngủ với hai cái bụng phình ra.

Chúng tôi gặp thần Hermes tại bức tượng Atlas ở Trung tâm Rockefeller. (Luôn tiện, bức tượng chẳng giống Atlas thật chút nào, nhưng đó lại là một câu chuyện khác.)

“Tạ ơn Ba nữ thần Mệnh!” thần Hermes kêu lên. “Ta suýt từ bỏ hy vọng rồi”

Ông cầm lấy cây y hiệu và vỗ lên đầu hai con răn đang ngủ. “Nào nào, bạn của ta. Giờ chúng mày đã về nhà rồi.”

Zzzzz, Martha ngáy ro ro.

Ngon tuyệt, George ngủ mớ.

Thần Hermes thở phào nhẹ nhõm. “Cám ơn cậu, Percy.”

Annabeth hăng giọng.

“À phải rồi,” vị thần nói tiếp, “và cả cô nữa, cô nhóc. Ta chỉ còn đủ thời gian hoàn tất việc giao hàng! Nhưng chuyện gì đã xảy ra với Cacus?”

Chúng tôi thuật lại mọi chuyện. Khi tôi kể đến đoạn Cacus nói có người đã gợi ý cho hắn trộm cây y hiệu, và về việc các vị thần đang có các kẻ thù khác, khuôn mặt thần Hermes càng lúc càng sa sầm.

“Cacus muốn cắt đứt hệ thống liên lạc của các vị thần à?” thần Hermes suy ngẫm. “Điều đó thật mỉa mai, nếu xét đến việc thần Zeus từng bị đe dọa...”

Giọng ông nhỏ dần.

“Là gì ạ?” Annabeth hỏi. “Thần Zeus từng bị đe dọa về việc gì?”

“Không gì cả,” thần Hermes nói.

Rõ ràng đây là một lời nói dối, nhưng tôi đã học được rằng tốt hơn hết không nên đối nghịch với các vị thần khi họ nói dối bạn. Họ thường hay biến bạn thành những động vật có vú nhỏ bé lông xù hoặc cây trồng trong chậu.

“Được thôi...” tôi nói. “Ông có ý tưởng nào khi Cacus nhắc đến những kẻ thù khác, hay ai là người muốn hắn ăn trộm cây y hiệu của ông không?”

Thần Hermes có vẻ bồn chồn. “Ồ, vô số ấy chứ. Thần linh bọn ta *thật sự* có nhiều kẻ thù.”

“Khó tin đấy,” Annabeth nói.

Thần Hermes gật đầu. Hình như ông không nhận ra ý mỉa mai trong lời nói của cô ấy, hoặc là ông đang mãi suy nghĩ. Tôi có cảm giác sớm hay muộn gì lời cảnh báo của tên khổng lồ cũng sẽ trở lại ám ảnh chúng tôi, nhưng lúc này rõ là thần Hermes sẽ không cung cấp thông tin cho chúng tôi nữa.

Vị thần gượng cười. “Dù sao đi nữa thì, làm tốt lắm, cả hai người đấy! Giờ ta phải đi. Quá nhiều điểm phải đến...”

“Có một vấn đề nho nhỏ về phần thưởng của tôi,” tôi nhắc ông.

Annabeth cau mày. “Phần thưởng nào?”

“Ngày kỷ niệm một tháng chúng ta yêu nhau ấy,” tôi nói. “Chắc chắn là cậu không quên rồi.”

Cô ấy há hốc miệng và ngậm lại ngay. Hiếm khi tôi làm cho cô ấy không nói nên lời. Nhất định tôi phải thưởng thức những giây phút hiếm hoi ấy.

“À phải, phần thưởng của cậu.” Thần Hermes nhìn chúng tôi từ đầu đến chân. “Ta nghĩ chúng ta sẽ phải bắt đầu từ áo quần mới. Nước cống Manhattan sẽ không làm cho các người đi xa được. Phần còn lại thì sẽ dễ thôi. Vị thần du hành xin phục vụ các bạn.”

“Ông ấy đang nói gì thế?” Annabeth hỏi.

“Một điều ngạc nhiên đặc biệt cho bữa tối ấy mà,” tôi nói. “Tớ đã hứa với cậu ấy.”

Thần Hermes xoa xoa tay. “George, Martha, nói tạm biệt nào.”

Tạm biệt, George và Martha, giọng nói ngái ngủ của George vang lên.

Zzz, Martha vẫn ngáy khi khi.

“Có thể sắp tới ta sẽ không gặp lại cậu trong một khoảng thời gian đấy Percy,” thần Hermes cảnh báo. “Nhưng... được rồi, tận hưởng đêm nay nhé.”

Ông nói cứ như dự báo một điềm xấu vậy, nên tôi lại băn khoăn về điều mà ông đã chưa kể. Rồi ông búng tay, và mọi vật xung quanh chúng tôi tan biến.

Bàn của chúng tôi đã sẵn sàng. Người chủ xếp cho chúng tôi ngồi ở mái hiên trên nóc một tòa nhà nhìn ra Paris rực rỡ ánh đèn và sông Seine đầy ắp thuyền bè. Tháp Eiffel bừng sáng ở phía xa xa.

Tôi đang mặc vest. Tôi hy vọng có ai đó chụp được mình lúc này, vì tôi không thường *ăn mặc* như vậy. May mắn là thần Hermes đã sử dụng phép thuật để sắp xếp chuyện này. Mặt khác, tôi không tự thắt cà vạt được. Hy vọng là nhìn tôi tươm tất đâu ra đấy, vì Annabeth trông thật lộng lẫy. Cô ấy mặc một chiếc áo đầm không tay màu lục sậm, phô bày mái tóc vàng và thân

hình thon gọn khỏe mạnh. Chiếc vòng của trại đã được thay bằng một chuỗi ngọc trai màu xám, cùng màu với màu mắt của cô ấy.

Người phục vụ mang ra bánh mì mới nướng và pho mát, một sô-đa dành cho Annabeth, và một Coca kèm theo đá cho tôi (vì tôi là một kẻ cực dở mảng văn hóa). Chúng tôi ăn tối với đủ các món mà tôi còn không tài nào phát âm nổi tên của chúng – nhưng hết thấy đều rất ngon. Phải mất gần nửa tiếng Annabeth mới hết choáng và cất tiếng.

“Chuyện này... thật không tưởng.”

“Tớ chỉ muốn mang lại điều tốt nhất cho cậu,” tôi nói. “Và cậu thì lại nghĩ là tớ đã quên mất tiêu chứ gì.”

“Cậu đã quên, Ốc Tảo Biển.” Nhưng nụ cười của cô ấy cho tôi biết cô ấy không giận. “Thế nhưng, bàn cứu nguy này tuyệt đấy. Tớ rất ấn tượng.”

“Dĩ nhiên rồi, tớ mà lì.”

“Cậu thực sự làm rất tốt.” Cô ấy với tay sang bên kia bàn và nắm lấy tay tôi. Nét mặt cô ấy trở nên nghiêm túc. “Có ý tưởng nào về lý do thần Hermes lo lắng như thế không? Tớ có cảm giác rằng đỉnh Olympus đang có chuyện không ổn.”

Tôi lắc đầu. *Có thể sắp tới ta sẽ không gặp lại cậu trong một khoảng thời gian đấy*, vị thần đã nói thế, hàm ý ngầm cảnh báo tôi về chuyện gì đó sắp xảy ra.

“Chúng ta hãy cùng nhau thưởng thức tối nay đã,” tôi nói. “Thần Hermes sẽ đưa chúng ta quay trở về vào lúc nửa đêm.”

“Giờ là lúc đi dạo dọc theo bờ sông,” Annabeth gợi ý. “Và Percy này... hãy thấy thoải mái khi lên kế hoạch cho ngày kỷ niệm hai tháng của chúng ta nhé.”

“Ôi thần thánh ơi.” Tôi thấy hoảng sợ khi nghĩ đến đó. Tôi đã sống sót được một tháng với tư cách là bạn trai của Annabeth, vì thế tôi đoán mình chưa làm rối tung mọi chuyện. Thực tế tôi chưa bao giờ là người may mắn. Nếu cô ấy đã thấy chúng tôi có tương lai – nếu cô ấy vẫn lên kế hoạch ở bên tôi trong tháng tới, thế thì bấy nhiêu đó là đủ may mắn cho tôi rồi.

“Thế giờ chúng ta đi dạo nhé?” Tôi lấy cái thẻ tín dụng mà thần Hermes đã nhét vào túi áo vest của mình – một cái thẻ Olympus Express kim loại màu đen – và đặt nó lên bàn. “Tớ muốn khám phá Paris cùng một cô gái xinh đẹp.”

BÀI PHÒNG VẤN VỚI GEORGE VÀ MARTHA, NHỮNG CON RẮN CỦA THẦN HERMES

1. Thật vinh dự được trò chuyện với các bạn. Các bạn biết đấy, hai người khá là nổi tiếng.

GEORGE: *Đúng thế, anh bạn. Chúng tôi là “yếu xì” – những con rắn rất quan trọng. Không có chúng tôi, cây quyền trượng của thần Hermes sẽ chẳng là gì ngoài việc là một nhánh cây già cỗi chán chết đi được ấy chứ.*

MARTHA: *Xì-xì-xì... ông ấy có thể nghe hết đấy. Thần Hermes này, nếu ông có nghe thấy, chúng tôi nghĩ ông thật tuyệt.*

GEORGE: *Đúng thế, chúng tôi rất vui vì ông đã bắt được chúng tôi, thần Hermes à. Làm ơn đừng không cho chúng tôi ăn.*

2. Cảm tưởng của hai bạn khi làm việc cho thần Hermes?

MARTHA: *Chúng tôi làm việc cùng thần Hermes, cưng à. Không phải làm cho.*

GEORGE: *Đúng thế, cho dù ông ấy có bắt được chúng tôi và biến chúng tôi thành một phần của cây quyền trượng thì cũng không có nghĩa ông ấy sở hữu chúng tôi. Chúng tôi là những người bạn trung thành và ông ấy sẽ buồn chán nếu không có chúng tôi ở bên. Và hiện ông ấy trông khá là ngốc khi không có cây quyền trượng của mình, chẳng phải sao?*

3. Phần thú vị nhất trong công việc của hai người là gì?

MARTHA: *Tôi thích nói chuyện với các á thần trẻ tuổi. Những đứa trẻ đó thật dễ thương. Thế nhưng, thật buồn khi nhìn chúng biến thành người xấu...*

GEORGE: *Chuyện về gã Kronos đó thật chẳng ra sao, nhưng chúng ta đừng nói về những chuyện buồn như thế nhé. Hãy nói đến những chuyện vui vẻ như các tia la-ze và việc đi khắp thế giới với thần Hermes ấy.*

4. Được thôi, thế hai người sẽ làm gì khi thần Hermes chấm dứt việc giao hàng, chuyển sang làm người bảo trợ cho các lễ khách và các tên trộm, và làm sứ giả đưa tin cho các vị thần?

GEORGE: *Ừm, anh biết đấy, không phải là chúng tôi vô dụng đâu. Gì chứ, anh nghĩ chúng tôi cứ nắm vắt vẻo và tắm nắng trên cây quyền trượng suốt ngày sao?*

MARTHA: *George, suyt, cậu đang tỏ ra thô lỗ đó.*

GEORGE: *Nhưng anh ta nên biết chúng ta là những người không thể thiếu.*

MARTHA: *Geogre định nói là chúng tôi làm rất nhiều việc cho thần Hermes. Trước hết, chúng tôi mang đến sự ủng hộ về mặt tinh thần cho thần Hermes, và tôi thích nghĩ rằng bộ dáng dễ chịu của chúng tôi giúp ích cho các á thần trẻ tuổi khi thần Hermes chuyển đến cho họ tin không tốt.*

GEORGE: *Chúng tôi làm những việc còn bảnh hơn thế nhiều. Thần Hermes có thể dùng cây quyền trượng làm que lừa gia súc, máy phát la-ze, thậm chí là điện thoại di động, và khi ông ấy làm thế, thật đấy, lúc đó chúng tôi là ăng-ten.*

MARTHA: *Và khi ông ấy giao hàng và các khách hàng cần ký biên nhận, tôi...*

GEORGE: *Cô ấy là cây bút, tôi là cuốn sổ ghi chép.*

MARTHA: *George, đừng chen ngang như thế.*

GEORGE: *Tất cả những gì tôi muốn nói là thần Hermes sẽ không hoàn thành công việc của mình nếu không có chúng tôi!*

5. Điện thoại, sổ ghi chép, bút – nghe có vẻ hai người ôm đồm nhiều chức vụ nhỉ.

GEORGE: *Anh vừa nói lũ chuột phải không?*

MARTHA: *Không, không, anh ấy nói chức vụ. Vì làm khá nhiều công việc nên chúng tôi phải đảm đương những chức vụ khác nhau.*

GEORGE: *Lũ chuột thật ngon lành.*

MARTHA: *Không phải lũ chuột, mà là CHỨC VỤ...*

GEORGE: *Nguyên cả câu chuyện về chuột này khiến tôi thấy đói bụng. Chúng ta cùng đi ăn trưa nào.*

LEO VALDEZ VÀ HÀNH TRÌNH TÌM KIẾM BUFORD



LEO ĐỔ LỖI CHO WINDEX⁽⁶⁾. Lẽ ra cậu nên biết mới phải chứ. Giờ thì toàn bộ công trình – công sức làm việc trong hai tháng qua – có thể nổ tung vào mặt cậu theo đúng nghĩa đen đấy.

Cậu giận dữ lao vào Boong-ke 9, nguyên rủa chính mình vì đã quá ngu ngốc, trong khi các bạn cậu cố làm cho cậu bình tĩnh lại.

“Được rồi,” Jason nói. “Bọn tớ ở đây là để giúp cậu.”

“Hãy kể cho bọn tớ nghe chuyện gì đã xảy ra,” Piper giục giã.

Tạ ơn Chúa vì họ đã đáp lại lời kêu gọi khẩn cấp của cậu nhanh chóng đến thế. Leo không thể tiết lộ với ai khác. Có những người bạn thân ở bên khiến cậu cảm thấy dễ chịu hơn, mặc dầu cậu không chắc liệu họ có thể giúp ngăn chặn thảm họa hay không.

Jason trông thật bảnh và tự tin như thường lệ - cậu ấy sở hữu vẻ đẹp của một anh chàng yêu lướt sóng với mái tóc vàng cùng đôi mắt màu xanh da trời. Vết sẹo trên miệng và thanh kiếm bên hông tạo cho cậu ấy vẻ ngoài mạnh mẽ, như thể cậu ấy có khả năng giải quyết hết mọi việc.

Piper đứng kế bên Jason trong trang phục quần jeans và áo phông cam của trại. Mái tóc nâu dài được tết gọn sang một bên. Con dao găm Katoptris lấp lánh nơi thắt lưng. Bất kể tình huống, đôi mắt đa sắc sáng long lanh như thể cô ấy đang cố nín cười vậy. Từ hồi Jason và cô ấy chính thức là một đôi, Piper rất hay có vẻ mặt như thế.

Leo hít một hơi thật sâu. “Được rồi các cậu. Chuyện này *nghiêm trọng* lắm. Buford đã biến mất. Nếu chúng ta không tìm nó về, toàn bộ nơi này sẽ nổ tung.”

Đôi mắt Piper mất đi một ít tia sáng mang ánh cười. “Nổ tung? Ừm... được rồi. Hãy bình tĩnh và nói cho bọn tớ nghe xem Buford là ai.”

Chắc Piper không cố ý, nhưng là con-của-nữ-thần-Aphrodite, cô ấy được kế thừa năng lực gọi là *lời nói mê hoặc*, khiến cho mọi người khó mà từ chối không làm theo những gì cô ấy nói. Leo nhận thấy các bắp thịt của mình giãn ra. Tinh thần cậu thông thoáng hơn chút ít.

“Vậy thì,” cậu nói. “Đến đây nào.”

Cậu dẫn họ băng qua sàn xưởng, cẩn thận đi men theo vài công trình còn nguy hiểm hơn của mình. Trong hai tháng ở Trại Con Lai, Leo đã dành phần lớn thời gian gắn bó với Boong-ke 9. Xét cho cùng, chính cậu đã tìm ra lại cái xưởng bí mật này. Giờ với cậu mà nói, nó được xem như ngôi nhà thứ hai. Nhưng cậu biết các bạn mình vẫn cảm thấy không thoải mái khi ở đây.

Cậu không thể trách họ. Được xây thông vào vách đá vôi ở tận sâu trong rừng, Boong-ke vừa là kho vũ khí - xưởng máy vừa là ngôi nhà an toàn dưới lòng đất, với một ít sự điên rồ của phong cách Vùng 51^(Z) được thêm vào theo một chừng mực tốt đẹp nào đó. Các dãy bàn làm việc trải dài vào trong bóng tối. Các khoang dụng cụ, phòng để đồ, lồng chứa đầy dụng cụ hàn và hàng đống vật liệu xây dựng tạo thành một mê cung các lối đi rộng lớn. Leo đoán cho đến nay mình chỉ mới biết đến một phần mười khu Boong-ke này. Phía trên đầu là một loạt các lối đi trên không cùng ống dẫn khí nén dùng để vận chuyển đồ dùng, kèm theo đó là hệ thống đèn chiếu sáng và dàn âm thanh công nghệ cao mà Leo vừa khám phá ra.

Một băng-rôn ma thuật lớn treo chính giữa phòng sản phẩm. Leo vừa tìm được cách để thay đổi dòng chữ hiện ra trên đấy, giống như màn hình JumboTron ở Quảng trường Thời Đại, vì thế giờ cái băng-rôn đó đề là: *Giáng sinh vui vẻ! Tất cả quà của bạn đều thuộc về Leo!*

Cậu dẫn các bạn mình đến khu vực chế tạo chính yếu. Cách đây vài thập kỷ, anh bạn kim loại của Leo, con rồng bằng đồng tên Festus, đã được tạo ra ở đây. Hiện tại Leo đang nhàn nhã lắp ghép niềm vui và tự hào của cậu – con tàu *Argo II*.

Vào thời điểm này, nó trông chưa ra dáng cho lắm. Sống thuyền đã được bố trí xong xuôi – một thanh đồng Celestial dài chừng ba mươi mét (tính từ đầu đến đuôi thuyền) được uốn cong như một cây cung. Các tấm ván ở phần thấp nhất của thân thuyền sau khi được đặt vào vị trí tạo thành hình một cái bát trứng nối với nhau bằng giàn giáo. Các cột buồm nằm một bên, đã sẵn sàng để lắp đặt. Hình chạm đầu mũi thuyền là đầu rồng bằng đồng – trước kia vốn là đầu của Festus – nằm gần đó, được bọc cẩn thận trong một lớp vải nhung, chờ lắp vào vị trí danh dự của nó.

Leo dành hầu hết thời gian tập trung cho phần giữa con thuyền - chính xác là phía dưới đấy - nơi cậu đang lắp ráp động cơ giúp chiếc chiến thuyền này hoạt động.

Cậu leo lên giàn giáo và nhảy vào đáy thuyền. Jason và Piper làm theo.

“Thấy không?” Leo nói.

Gắn chặt vào sống thuyền, hệ thống động cơ trông giống khung tập leo trèo công nghệ cao được chế tạo từ các ống dẫn, pit-tông, bánh răng bằng đồng, đĩa phép thuật, lỗ thông hơi nước, dây điện và khoảng một triệu bộ phận máy móc bình thường lẫn có chứa phép thuật khác. Leo trượt vào bên trong và chỉ về phía buồng đốt.

Vật đó thật là đẹp, một khối cầu bằng đồng có kích thước của một trái bóng rổ, bề mặt toàn các ống trụ bằng kính dựng đứng, vì thế nó trông giống một ngôi sao làm từ máy móc. Các đường dây điện màu vàng dẫn từ đáy ống nối với các phần khác nhau của động cơ. Mỗi ống trụ chứa đầy một chất

lưu ma thuật riêng biệt và vô cùng nguy hiểm. Nằm chính giữa quả cầu là một đồng hồ điện tử hiển thị các con số 66: 21. Bảng bảo dưỡng để mở. Bên trong, lõi trống rỗng.

“Đó là vấn đề của các cậu,” Leo thông báo.

Jason gãi đầu. “Ừm... bọn tớ đang nhìn vào cái gì thế?”

Leo cho rằng điều này khá là rõ ràng, nhưng Piper trông cũng bối rối.

“Được rồi,” Leo thở dài, “các cậu muốn một lời giải thích đầy đủ hay ngắn gọn đây?”

“Ngắn gọn,” Piper cùng Jason đồng thanh trả lời.

Leo ra hiệu về phía cái lõi trống không. “Bộ phận/thiết bị điều hướng sẽ nằm ở đây. Nó là một con quay đa chiều kiểm soát dòng chảy. Mười hai ống thủy tinh bên ngoài ấy ư? Chúng chứa nhóc những thứ nguy hiểm, đầy uy lực. Cái ống đỏ phát sáng là lửa Lemnos lấy từ các lò rèn của cha tớ. Còn cái thứ tối tăm này sao? Đó là nước sông Styx. Những thứ trong các ống sẽ gia tăng sức mạnh cho con thuyền, được chưa nào? Giống các thanh kích hoạt phóng xạ trong một lò phản ứng hạt nhân vậy. Nhưng tỷ lệ hỗn hợp phải được kiểm soát, và thiết bị bấm giờ đã được khởi động hoàn toàn.”

Leo gõ vào đồng hồ điện tử, giờ đang hiển thị con số 65:15. “Điều này có nghĩa rằng thiếu đi bộ phận điều hướng, thứ này sẽ cháy vào buồng đốt cùng một lúc, trong sáu mươi lăm phút nữa. Vào thời điểm đó, chúng ta sẽ có được một phản ứng vô cùng ghê gớm.”

Jason và Piper nhìn cậu chăm chăm. Leo bắn khoả không biết liệu có phải mình vừa nói tiếng Anh không nữa. Đôi khi, lúc bị kích động, cậu lại chuyển sang nói tiếng Tây Ban Nha như mẹ cậu vẫn thường làm trong nhà xưởng của bà. Nhưng cậu khá chắc là mình đã dùng tiếng Anh để nói chuyện.

“Ừm...” Piper hăng giọng. “Liệu cậu có thể giải thích ngắn gọn hơn chút nữa không?”

Leo vỗ tay vào trán mình. “Được thôi. Một giờ. Các chất lưu trộn lẫn vào nhau. Boong-ke sẽ nổ tung. Một phần tư dặm khu rừng sẽ biến thành cái hố

bốc khói.”

“Ồ,” Piper nhỏ giọng nói. “Sao cậu không... chỉ việc tắt nó đi nhỉ?”

“Ừ” thì, tớ đã không nghĩ đến điều đó!” Leo nói. “Để tớ chỉ việc tắt công tắc này và – *Không*, Piper. Tớ không thể tắt nó. Đây là một bộ phận máy móc đòi hỏi đến sự khéo léo. Mọi thứ phải được lắp ráp theo trình tự nhất định vào đúng một khoảng thời gian cố định nào đó. Một khi buồng đốt được trang bị xong, như thế này, cậu không thể chỉ để những cái ống nằm yên một chỗ như thế. Động cơ phải được đưa vào hoạt động. Đồng hồ đếm ngược sẽ tự kích hoạt, và tớ phải lắp bộ phận điều hướng vào trước khi nhiên liệu đạt đến trạng thái tự ổn định. Chuyện hẳn sẽ đâu vào đó, trừ phi... ừm, tớ đã làm mất bộ phận điều hướng.”

Jason khoanh hai tay lại. “Cậu đã *làm mất* nó. Cậu có đồ dự phòng chứ? Không thể lấy thêm một cái khác từ dây thắt lưng đồ nghề sao?”

Leo lắc đầu. Sợi dây đồ nghề phép thuật của cậu có khả năng chế ra nhiều thứ tuyệt vời. Bất kỳ kiểu dụng cụ phổ biến nào – các loại búa, tua-vít, kìm cộng lực, bất cứ thứ gì – Leo có thể lấy nó ra khỏi những chiếc túi bằng cách nghĩ về nó. Nhưng sợi thắt lưng không thể tạo ra các dụng cụ phức tạp hay các vật dụng phép thuật.

“Tớ mất một tuần mới hoàn thành được bộ phận điều hướng,” cậu nói. “Và đúng thế, tớ có làm dư thêm một cái. Tớ luôn làm thế. Nhưng cái đó cũng bị mất luôn. Cả hai cái đều nằm trong ngăn kéo của Buford.”

“Buford là ai thế?” Piper hỏi. “Và sao cậu lại chứa những bộ phận điều hướng của cậu trong ngăn kéo của người đó?”

Leo trợn tròn mắt. “Buford là một cái bàn.”

“Một cái bàn,” Jason lặp lại. “Tên là Buford.”

“Đúng, một cái bàn.” Leo tự hỏi liệu thính giác của các bạn mình có vấn đề hay không. “Một cái bàn phép thuật biết đi. Cao khoảng chín tấc, mặt bàn bằng gỗ gụ, đế bằng đồng, ba chân có thể di chuyển. Tớ đã cứu nó từ một trong số các cửa hàng bán đồ dùng và sửa chữa lại. Nó giống những cái bàn

của cha tớ trong phân xưởng của ông. Một phụ tá tuyệt vời; mang theo tất cả những bộ phận máy móc quan trọng của tớ.”

“VẬY ĐIỀU GÌ ĐÃ XẢY RA VỚI NÓ?” Piper hỏi.

Leo cảm thấy cục nghẹn đang trôi lên trong cổ mình. Cảm giác tội lỗi gần như là quá lớn. “Tớ... tớ đã bắt cần. Tớ đánh bóng nó bằng Windex, và... nó bỏ chạy.”

Jason trông như thể cậu ấy đang cố tính toán một phương trình toán học. “Để tớ nói lại cho rõ ràng nhé. Cái bàn của cậu bỏ chạy... vì cậu đã đánh bóng nó bằng Windex.”

“Tớ biết, tớ là một thằng ngốc!” Leo rên rỉ. “Một thằng ngốc có tài, nhưng vẫn là một thằng ngốc. Buford *ghét* bị đánh bóng bằng Windex. Nó thích mỗi loại Pledge hương chanh với công thức giữ ẩm tối đa. Tớ đã bị quản trí. Tớ nghĩ rằng chỉ một lần thôi thì nó sẽ không chú ý. Rồi tớ quay đi một lúc để lắp các ống đốt, và khi tớ xoay lại tìm Buford...”

Leo chỉ về phía cánh cửa Boong-ke mở lớn. “Nó đã biến mất. Một ít dầu đầu và bu-lông dẫn ra phía bên ngoài. Nó hiện có thể ở bất cứ nơi nào, và nó giữ cả hai bộ phận điều hướng đấy!”

Piper liếc nhìn đồng hồ điện tử. “VẬY... CHÚNG TA CÓ ĐÚNG MỘT GIỜ ĐỂ TÌM RA CÁI BÀN CHẠY TRỐN CỦA CẬU, LẤY LẠI THIẾT-BỊ-GÌ-ĐÓ, LẮP NÓ VÀO TRONG ĐỘNG CƠ NÀY, NẾU KHÔNG *Argo II* SẼ NỔ TUNG, PHÁ HỦY BOONG-KE 9 VÀ GẦN NHƯ TOÀN BỘ KHU RỪNG.”

“Căn bản là thế,” Leo nói.

Jason cau mày. “Chúng ta nên cảnh báo các trại viên khác. Chúng ta có thể phải sơ tán họ.”

“Không!” Leo nghẹn ngào. “Nghe này, vụ nổ sẽ không phá hủy toàn bộ trại. Chỉ khu rừng mà thôi. Tớ khá chắc đấy. Đến sáu mươi lăm phần trăm chắc chắn ấy.”

“Ồ, nghe mới nhẹ nhõm làm sao,” Piper lẩm bẩm.

“Ngoài ra,” Leo nói, “chúng ta không có thời gian, và tớ-tớ *không thể* kể với những người khác. Nếu họ phát hiện ra tớ đã làm rối tung mọi chuyện như thế nào...”

Jason và Piper nhìn nhau. Màn hình đồng hồ hiển thị con số 59:00.

“Được thôi,” Jason nói. “Nhưng tốt hơn hết là chúng ta nên nhanh lên.”

Khi họ lê bước xuyên qua khu rừng, mặt trời bắt đầu lặn. Thời tiết ở trại được điều khiển bằng phép thuật, vì thế trời không lạnh và có tuyết rơi như những nơi còn lại của Long Island, dù thế, Leo vẫn có thể khẳng định lúc này đã là cuối tháng Mười hai. Trong bóng râm của các cây sồi khổng lồ, không khí lạnh lẽo và ẩm ướt. Mặt đất phủ đầy rêu kêu lóc bóc dưới chân họ.

Leo rất muốn triệu hồi một ngọn lửa trên tay. Kể từ khi đến trại, cậu ngày càng trở nên thành thạo việc đó hơn, nhưng cậu biết các tinh linh tự nhiên trong khu rừng không thích lửa. Cậu không muốn bị thêm bất cứ nữ thần rừng nào hét vào mặt nữa.

Đêm trước Giáng sinh. Leo không thể tin là đã đến ngày này. Cậu đã làm việc vất vả trong Boong-ke 9, hầu như không chú ý rằng các tuần đang nhanh chóng trôi qua. Thường thì vào những dịp lễ hội cậu sẽ cư xử ngốc nghếch, chơi khăm các bạn mình, ăn mặc như Taco Claus (nhân vật cậu tự nghĩ ra), rồi bỏ món tacos nhân thịt bò kiểu Mexico kèm pho-mát vào tất hay túi ngủ, đổ eggnog⁽⁸⁾ xuống áo sơ-mi của các bạn, hay phịa ra phần lời linh tinh cho các bài thánh ca Giáng sinh. Năm nay cậu hoàn toàn nghiêm túc và làm việc chăm chỉ. Bất cứ giáo viên nào từng dạy Leo đều sẽ bật cười nếu nghe cậu miêu tả chính mình như thế.

Vấn đề là, trước đây Leo chưa bao giờ lo lắng quá nhiều đến một công trình nào đó. Con tàu *Argo II* phải được hoàn tất vào tháng Sáu nếu họ muốn lên đường thực hiện nhiệm vụ quan trọng đúng lúc. Và trong khi tháng Sáu dường như còn lâu lắc nữa mới đến, Leo biết rằng mình hầu như không có đủ thời gian để hoàn thành nó đúng hạn. Thậm chí dù toàn bộ các á thần ở nhà thần Hephaestus có đang giúp cậu, việc dựng một chiếc chiến thuyền

phép thuật biết bay vẫn là một nhiệm vụ vô cùng khó khăn. So ra thì phóng một tàu con thoi của NASA trông còn dễ dàng hơn. Họ đã gặp nhiều trở ngại, nhưng tất cả những gì Leo nghĩ đến được là phải hoàn thành cho xong con thuyền này. Nó sẽ là một kiệt tác của cậu.

Ngoài ra, cậu muốn cái đầu rồng được lắp vào. Cậu nhớ anh bạn cũ Festus, chú rồng đã bị vỡ vụn và bốc cháy trong nhiệm vụ lần trước của họ. Thậm chí nếu Festus không bao giờ trở lại y như cũ, Leo hy vọng mình có thể phục hồi lại bộ não của nó bằng cách sử dụng nguồn năng lượng của con thuyền. Nếu Leo có thể mang lại cho Festus sinh mệnh thứ hai, cậu sẽ không còn cảm thấy phiền lòng nữa.

Nhưng chẳng có điều nào trong số những điều cậu muốn sẽ xảy ra nếu cái buồng đốt nổ tung. Nó sẽ chấm dứt mọi thứ. Không thuyền. Không Festus. Không nhiệm vụ. Leo sẽ chẳng có ai để mà đổ lỗi ngoài bản thân cậu. Cậu thật sự ghét Windex.

Jason quỳ xuống bên bờ một con suối. Cậu ấy chỉ ra một ít dấu vết trên mặt bùn. “Những cái đó giống vết chân một cái bàn không?”

“Hay một con gấu trúc Mỹ,” Leo gợi ý.

Jason cau mày. “Mà không có móng sao?”

“Piper?” Leo hỏi. “Cậu nghĩ sao?”

Cô thở dài. “Chỉ vì tớ là người da đỏ không có nghĩa là tớ có thể lần theo dấu một đờ dùng ở nơi hoang dã như thế này.” Cô ấy trầm giọng lại: “‘Đúng thế, *hỡi những người bạn trung thành*. Một cái bàn ba chân đã băng qua lối này cách đây một tiếng.’ Quý tha ma bắt, tớ không biết.”

“Được rồi, xì,” Leo nói.

Piper mang trong mình nửa dòng máu người Cherokee, nửa còn lại của một nữ thần Hy Lạp. Thịnh thoảng thật khó để khẳng định phần nào khiến cô cảm thấy dễ xúc động hơn.

“Nó chắc là dấu chân của một cái bàn,” Jason kết luận. “Điều đó có nghĩa Buford đã băng qua con suối này.”

Đột nhiên mặt nước kêu ùng ục. Một cô gái vận áo đầm dài xanh lấp lánh trời lên khỏi con suối. Cô có mái tóc xanh lục xõa dài, đôi môi màu xanh dương và làn da tái mét, vì thế cô trông giống nạn nhân chết đuối. Đôi mắt cô mở to đầy sợ hãi.

“Sao các người có thể nói to như thế chứ?” cô rít lên. “Họ sẽ nghe thấy mất!”

Leo chớp mắt. Cậu chưa bao giờ quen với điều này – các tinh linh tự nhiên thành hình ló ra khỏi ra các thân cây, dòng suối và những thứ giống vậy.

“Cô là thủy thần sao?” cậu hỏi.

“Suyt! Họ sẽ giết tất cả chúng ta đấy! Họ ở ngay *đằng ấy* thôi!” Cô chỉ ra sau lưng mình, vào đám cây cối bên kia con suối. Không may, dường như đó cũng là hướng Buford vừa đi qua.

“Được rồi,” Piper nhẹ nhàng nói, đồng thời quỳ xuống kế bên mặt nước. “Chúng tôi cảm ơn lời cảnh báo của cô. Tên cô là gì?”

Nữ thủy thần trông có vẻ như muốn chạy trốn, nhưng giọng nói của Piper khó mà từ chối được.

“Brooke,” cô gái màu xanh ngập ngừng trả lời.

“Brooke trong từ ‘suối’⁽⁹⁾?” Jason thêm vào.

Piper đánh mạnh vào chân cậu ấy. “Được rồi, Brooke. Tôi là Piper. Chúng tôi sẽ không để bất cứ ai làm hại cô. Chỉ cần nói cho chúng tôi biết ai làm cho cô sợ thế.”

Sắc mặt nữ thủy thần trở nên kích động hơn. Nước kêu ùng ục xung quanh cô. “Các chị họ điên khùng của tôi. Các cậu không thể ngăn họ lại. Họ sẽ xé các cậu ra thành từng mảnh đấy. Không ai trong chúng ta được an toàn! Giờ thì đi ngay đi. Tôi phải đi trốn đây!”

Brooke tan biến vào trong làn nước.

Piper đứng dậy. “Những người chị họ điên khùng sao?” Cô ấy cau mày nhìn Jason. “Có ý kiến gì về những điều cô ấy nói không?”

Jason lắc đầu. “Có lẽ chúng ta nên nhỏ giọng lại.”

Leo nhìn chăm chăm vào con suối. Cậu đang cố hình dung ra thứ gì đáng sợ đến nỗi có thể xé tan xác một tinh linh sông. Sao bạn có thể xé toạc nước cơ chứ? Cho dù thứ đó có là gì đi nữa, cậu cũng không muốn gặp nó.

Thế nhưng cậu có thể nhìn thấy dấu chân của Buford ở phía bên kia con suối – những dấu vuông nhỏ trên mặt bùn, tiến thẳng về hướng nữ thủy thần vừa mới cảnh báo họ.

“Chúng ta phải đi theo dấu vết nhỉ?” cậu nói, chủ yếu là để thuyết phục chính mình. “Ý tớ là... chúng ta là các anh hùng và đại loại thế. Chúng ta có thể đối phó với bất cứ thứ gì. Đúng không?”

Jason rút kiếm ra – một thanh gladius nguy hiểm với lưỡi bằng vàng Imperial. “Đúng thế. Dĩ nhiên rồi.”

Piper rút dao găm ra khỏi bao. Cô ấy nhìn chòng chọc vào lưỡi dao như thể hy vọng Katoptris sẽ cho cô ấy thấy một viễn cảnh có ích. Đôi khi con dao đã làm thế thật. Nhưng nếu có nhìn thấy chuyện gì quan trọng, cô ấy cũng không nói ra.

“Các chị họ điên khùng,” cô ấy lầm bầm. “Chúng tôi đến đây.”

Khi họ lần theo dấu vết của cái bàn vào sâu hơn trong rừng, chẳng ai nói thêm gì nữa. Chim chóc cũng không cất tiếng hót. Lũ quái vật không còn gầm rú. Như thế tất cả các sinh vật sống khác trong khu rừng đủ thông minh để rời đi khỏi đó.

Cuối cùng, họ đến được một khoảng rừng thưa rộng cỡ bãi đỗ xe của siêu thị. Bầu trời trên đầu họ âm u xám xịt. Cỏ cháy khô, và mặt đất lở chỗ hố rãnh như thể ai đó đã thực hiện một màn lái xe kinh hoàng bằng thiết bị thi công. Ở chính giữa khoảng rừng thưa là một đồng đá tảng cao chín mét.

“Ồ,” Piper thốt lên. “Không hay rồi.”

“Tại sao?” Leo hỏi.

“Ở đây sẽ gặp điềm xấu,” Jason nói. “Đây là vị trí của chiến trường.”

Leo cau mày. “Chiến trường nào?”

Piper nhướn mày. “Sao cậu lại không biết gì nhi? Các trại viên khác bàn tán về nơi này mọi lúc mọi nơi cơ mà.”

“Dạo này tớ hơi bận một chút,” Leo nói.

Leo cố không tỏ ra gay gắt, nhưng đúng là cậu đã bỏ lỡ rất nhiều hoạt động ngày thường ở trại – những cuộc chiến bằng tàu chiến cỡ ba tầng chèo, các cuộc đua xe ngựa, tán tỉnh các cô gái. Hoạt động cuối cùng mới là phần tệ nhất. Khi mà cuối cùng Leo cũng có “cơ hội” với những cô gái xinh đẹp nhất trại, vì Piper đã trở thành người đứng đầu nhà nữ thần Aphrodite, thì cậu lại quá bận để nhờ cô ấy sắp xếp hộ. Buồn thế cơ đấy.

“Cuộc Chiến Chốn Mê Cung.” Piper hạ giọng xuống, nhưng cô giải thích cho Leo rằng đồng đá tảng này từng được gọi là Năm Tay Thần Zeus, đây là lúc nó còn trông giống thứ gì đó chứ không chỉ là một đồng đá. Từng có lối vào một mê cung phép thuật ngay ở đây, và một đội quân quái vật hùng hậu đã đi xuyên qua nó để xâm chiếm trại. Các trại viên đã chiến thắng – dĩ nhiên là thế rồi, vì trại vẫn còn đây – nhưng đó là một trận chiến vô cùng dữ dội. Vài á thần đã hy sinh. Khoảng rừng trống này vẫn được xem như đã bị nguyên rủa.

“Tuyệt,” Leo căn nhắc. “Buford đã chạy vào nơi nguy hiểm nhất khu rừng. Sao nó không chạy ra bãi biển hay một tiệm bán hamburger thì có phải tốt hơn không.”

“Nhân nói về nó...” Jason nhìn chăm chú xuống mặt đất. “Chúng ta làm thế nào để lần theo dấu của nó đây? Chẳng có dấu vết gì ở đây cả.”

Mặc dầu thích được ở lại vòng cây bên ngoài hơn, Leo vẫn đi theo các bạn vào trong khoảng rừng thưa. Họ tìm kiếm dấu vết của cái bàn, nhưng khi đi về phía đồng đá tảng, họ chẳng trông thấy gì. Leo lấy một chiếc đồng hồ từ dây thắt lưng đồ nghề và đeo vào cổ tay. Phỏng chừng còn bốn mươi phút cho đến lúc một tiếng *bùm* lớn vang lên.

“Nếu có nhiều thời gian hơn,” cậu nói, “tớ có thể chế ra một thiết bị dò tìm, nhưng...”

“Buford có mặt bàn hình tròn phải không?” Piper cắt ngang. “Với các lỗ thông hơi nhỏ ở một bên?”

Leo trở mắt nhìn cô. “Sao cậu biết?”

“Vì nó ở ngay đằng kia kìa.” Cô chỉ tay.

Không còn nghi ngờ gì nữa, Buford đang lạch bà lạch bạch đi về phía cuối xa kia của khoảng rừng thưa, hơi nước phụt ra từ các lỗ thông hơi của nó. Trong khi họ nhìn theo, nó khuất dạng vào trong đám cây cối.

“Chuyện này dễ thôi mà.” Jason bắt đầu đi theo, nhưng Leo đã giữ cậu ấy lại.

Những sợi tóc sau gáy cậu cứ dựng đứng cả lên. Cậu không rõ lý do cho lắm. Rồi cậu nhận ra mình nghe thấy có tiếng nói vang lên từ khu rừng bên trái họ. “Ai đó đang đến!”

Cậu kéo các bạn ra sau đồng đá tảng.

Jason thì thầm, “Leo...”

“Suyt!”

Mười hai cô gái chân trần nhảy chân sáo vào khoảng rừng trống. Họ là các thiếu nữ vận áo đầm kiểu tunic bằng vải lụa đỏ và tía lưng nhùng. Mái tóc họ dính đầy lá cây, và phần lớn đều đội vòng nguyệt quế. Vài người mang theo những cây gậy kỳ lạ trông giống ngọn đuốc. Các cô gái cười âm ỉ và nhún nhảy quanh người nhau, ngã nhào xuống mặt cỏ và lão đảo như thể họ bị chóng mặt vậy. Tất cả đều tuyệt đẹp, nhưng Leo không có cảm giác muốn tán tỉnh họ.

Piper thở dài. “Họ chỉ là các nữ thần cây thôi, Leo.”

Leo cuống quýt ra hiệu cho cô ở yên chỗ. Cậu thì thầm, “Các cô chị họ điên khùng!”

Mắt Piper mở lớn.

Khi các nữ thần cây tiến đến gần, Leo bắt đầu nhận ra điểm kỳ quái ở họ. Những cây gậy đó không phải đuốc. Chúng là những cành gỗ được xoắn lại, trên đầu mỗi cây gậy là một quả thông lớn, và một số còn có những con rắn

sống nhẵn quần quanh. Những chiếc vòng nguyệt quế của các cô gái cũng chẳng phải là nguyệt quế. Mái tóc họ được tết bằng đám răn hồ lục bé xíu. Các cô gái cười ngật nghẻo và hát vang khi họ đi loạng choạng quanh trảng đất. Dường như bọn họ đang có một quãng thời gian vui vẻ, nhưng giọng họ đượm vẻ hung ác điên cuồng sao đó. Nếu loài báo có thể hát, Leo nghĩ chúng sẽ phát ra âm thanh như thế này.

“Họ say sao?” Jason thì thầm.

Leo cau mày. Nói theo kiểu các cô gái hành xử thì đúng thế thật, nhưng cậu cho là có chuyện gì đó nữa đang xảy ra. Cậu mừng là các nữ thần cây không nhìn thấy ba người bọn cậu.

Rồi sự việc trở nên phức tạp. Ở cánh rừng bên phải họ, có thứ gì đó rống lên. Cây cối xào xạc, và một con drakon lao nhanh ra khoảng rừng trống, trông ngái ngủ và phát cú, như thể tiếng hát của các nữ thần cây đã đánh thức nó dậy vậy.

Leo đã nhìn thấy vô số quái vật trong rừng. Trại cố tình giữ chúng như là một thử thách cho các trại viên. Tuy nhiên, con này to lớn và đáng sợ hơn so với các con còn lại.

Con drakon có kích thước xấp xỉ một toa tàu điện ngầm. Nó không có cánh, nhưng mồm lại đầy những chiếc răng giống dao găm. Lửa bốc ra cuộn cuộn từ hai lỗ mũi. Lớp vảy óng ánh như bạc bao phủ cả cơ thể như một chiếc áo giáp xích sáng loáng. Khi con drakon nhìn thấy các nữ thần cây, nó rống lên lần nữa và phun lửa lên trời.

Các cô gái dường như không để ý lắm. Họ vẫn tiếp tục chơi trò nhào lộn, cười đùa và vui vẻ đuổi theo nhau khắp nơi.

“Chúng ta phải giúp họ,” Piper thì thầm. “Họ sẽ bị giết chết mất!”

“Hượm đã,” Leo nói.

“Leo,” Jason rầy cậu. “Chúng ta là các anh hùng. Chúng ta không thể để các cô gái vô tội...”

“Chỉ là tớ vẫn cảm thấy ớn lạnh!” Leo khẳng khẳng. Có điều gì đó về các cô gái này khiến cậu cảm thấy lo lắng – một câu chuyện cậu chỉ nhớ có một

nửa. Là người đứng đầu nhà thần Hephaestus, Leo đảm trách nhiệm vụ tìm đọc về các đồ vật phép thuật, phòng trường hợp một ngày nào đó cậu cần phải tạo ra chúng. Cậu chắc chắn là mình từng đọc về các cây quyền trượng trái thông có rắn quấn quanh. “Xem kìa.”

Cuối cùng, một trong số các cô gái nhận ra sự hiện diện của con drakon. Cô ta thích thú ré lên, như thể vừa mới thấy một chú cún con xinh xắn vậy. Cô ta nhảy chân sáo về phía con quái vật và các cô gái khác cũng làm theo, miệng vẫn hát và cười, dường như để làm cho con drakon lúng túng thì phải. Chắc nó không quen với việc những con mồi của mình vui vẻ đến thế.

Một nữ thần cây vận chiếc áo đầm đỏ tươi thực hiện một màn nhào lộn và đáp xuống trước mặt con drakon. “Người là Dionysus sao?” cô ta hỏi một cách đầy hy vọng.

Đó dường như là một câu hỏi ngu ngốc. Đúng thế, Leo chưa bao giờ gặp thần Dionysus, nhưng cậu khá chắc rằng thần rượu không phải là một con drakon thờ ra lửa.

Con quái vật phun lửa vào chân cô gái. Cô ta chỉ đơn giản là nhảy ra khỏi khu vực nguy hiểm. Con drakon bất ngờ tấn công và đớp gọn cánh tay cô ta trong hàm nó. Leo cau mày, tin chắc cánh tay của nữ thần cây sẽ bị tấp mất ngay trước mắt mình, nhưng cô ta đã giật mạnh ra, vài chiếc răng của con drakon bị gãy. Cánh tay cô ta vẫn lành lặn như cũ. Con drakon kêu lên, nghe vừa như tiếng gầm vừa như tiếng rên rỉ.

“Ồ nghịch ngợm!” cô gái mắng. Rồi cô ta quay sang các cô bạn đang vui vẻ của mình. “Không phải Dionysus! Kẻ này phải tham gia vào bữa tiệc của chúng ta thôi!”

Mười hai nữ thần cây hét lên vui sướng và bao vây con vật.

Piper nín thở. “Họ đang - ồ, thánh thần ời. Không!!”

Leo thường không cảm thấy tiếc thương cho lũ quái vật, nhưng những gì xảy ra kế tiếp thật là đáng sợ. Các cô gái lao mình về phía con drakon. Tiếng cười vui vẻ của họ biến thành tiếng gầm gừ hung ác. Họ tấn công bằng các cây quyền trượng có gắn quả thông, bằng những móng tay đã biến thành

móng vuốt trắng ớn, bằng những chiếc răng đã dài ra thành nanh như nanh sói.

Con quái vật phun lửa và loạng choạng lùi lại, cố bỏ chạy, nhưng các thiếu nữ quá đông. Các nữ thần cây cấu xé cho đến khi con drakon từ từ sụm xuống và hóa thành bột, linh hồn của nó quay lại Tartarus.

Jason nuốt khan. Leo đã từng chứng kiến bạn mình trong đủ kiểu tình huống nguy hiểm, nhưng cậu chưa bao giờ nhìn thấy Jason tái nhợt như lúc này.

Piper đang che mắt mình lại, lẩm bẩm, “Ôi, thánh thần ơi. Ôi, thánh thần ơi.”

Leo cố giữ cho giọng mình không run rẩy. “Tớ đã đọc về các nữ thần cây này. Họ là những môn đệ của thần Dionysus. Tớ quên mất họ được gọi là gì...”

“Các Maenad.” Piper run rẩy. “Tớ có nghe về họ. Tớ nghĩ họ chỉ tồn tại vào thời cổ xưa Họ tham dự các bữa tiệc của thần Dionysus. Khi họ trở nên quá kích động...”

Cô ấy chỉ về phía khoảng rừng thưa. Cô không cần phải nói thêm gì nữa. Nữ thủy thần Brooke đã từng cảnh báo ba người về các cô chị họ điên khùng thích xé xác nạn nhân của mình.

“Chúng ta phải đi khỏi đây,” Jason nói.

“Nhưng họ đang chặn giữa chúng ta và Buford!” Leo thì thầm. “Chúng ta chỉ còn có...” Cậu kiểm tra đồng hồ. “Ba mươi phút để lắp bộ phận điều hướng vào!”

“Tớ có thể mang chúng ta bay đến chỗ Buford.” Jason nhắm chặt mắt mình lại.

Leo biết trước đây Jason đã từng chế ngự được gió – chỉ là một trong số các lợi thế khi là con trai siêu bảnh của thần Zeus – nhưng lần này, không có gì xảy ra.

Jason lắc đầu. “Tớ không biết nữa... không khí có cảm giác như bị khuấy động. Có thể những nữ thần cây đó đang làm rối loạn mọi thứ. Thậm chí các tinh linh gió cũng quá sợ hãi để đến gần.”

Leo liếc nhìn lại con đường mà họ vừa đi qua. “Chúng ta phải rút vào trong rừng. Nếu có thể đi bọc quanh các Maenad...”

“Các cậu,” Piper kêu lên đầy sợ hãi.

Leo ngược nhìn. Cậu đã không nhận ra là các Maenad đang tiến đến, leo lên các tảng đá mà không hề gây ra một tiếng động, điều đó thậm chí còn đáng sợ hơn cả tiếng cười của họ. Họ đứng trên đỉnh đồng đá nhìn xuống, mỉm cười một cách duyên dáng, móng tay và răng đã trở lại bình thường. Những con rắn hổ lục nằm cuộn tròn khắp tóc chúng.

“Xin chào!” Cô gái trong chiếc đầm màu đỏ tươi tươi cười với Leo. “Cậu là Dionysus sao?”

Chỉ có một câu trả lời duy nhất cho câu hỏi đó.

“Đúng thế!” Leo hét lên. “Hoàn toàn chính xác. Ta là Dionysus.”

Cậu đứng dậy và cố đáp lại nụ cười của cô gái.

Nữ thần cây vỗ tay vui sướng. “Tuyệt! Chúa tể Dionysus của tôi sao? Thật chứ?”

Jason và Piper cũng đứng lên, vũ khí sẵn sàng trong tay, nhưng Leo hy vọng sẽ không có trận chiến nào diễn ra. Cậu đã nhìn thấy các nữ thần cây này di chuyển nhanh như thế nào. Nếu họ quyết định chuyển sang trạng thái máy chế biến thức ăn, Leo ngờ rằng mình và các bạn sẽ không có lấy một cơ hội.

Các Maenad cười khúc khích, nhảy múa và xô đẩy lẫn nhau. Vài người rơi khỏi đồng đá và đập mạnh xuống đất. Nhưng điều đó không làm họ thấy phiền lòng. Họ chỉ việc đứng dậy và tiếp tục nô đùa.

Piper thúc nhẹ vào sườn Leo. “Ừm, Chúa tể Dionysus, ngài đang làm gì thế?”

“Mọi thứ đều ổn cả.” Leo nhìn các bạn mình như thể muốn nói, *Thật ra, thật ra là chẳng ổn chút nào cả.* “Các Maenad là người hầu của ta. Ta quý mến các cô ấy lắm.”

Các Maenad reo hò và xoay tròn quanh người cậu. Một số lấy những cái ly từ trong không khí ra và bắt đầu nốc cạn... bất cứ thứ gì có bên trong.

Cô gái trong chiếc đầm đỏ ngập ngừng nhìn Piper và Jason. “Chúa tể Dionysus, hai người này là vật hiến tế cho bữa tiệc sao? Chúng tôi có nên xé chúng ra từng mảnh không?”

“Không, không!” Leo nói. “Một lời đề nghị thật tuyệt, nhưng, ừm, các người biết đấy, chúng ta nên bắt đầu với những chuyện nhỏ nhất nhất. Như là giới thiệu chẳng hạn.”

Cô gái nheo mắt lại. “Chắc chắn ngài sẽ nhớ tên tôi, thưa chúa tể. Tôi là Babette.”

“Ừm, đúng rồi!” Leo nói. “Babette! Dĩ nhiên rồi.”

“Và đây là Buffy, Muffy, Bambi, Candy...” Babette liền thoảng thêm một đồng tên nữa, tất cả phần nào có liên quan mật thiết với nhau. Leo liếc nhìn Piper, tự hỏi liệu đây có phải là một kiểu trò đùa từ nhà nữ thần Aphrodite hay không. Các nữ thần cây này hoàn toàn phù hợp với nhà của Piper. Nhưng Piper trông như đang cố để không gào to lên. Bởi vì hai cô nàng Maenad đang lướt tay khắp vai Jason và cười khúc khích.

Babette bước đến gần Leo. Cô ta có mùi lá thông. Mái tóc xoắn sẫm màu xõa ra phủ lấy hai bờ vai và các nốt tàn nhang lốm đốm khắp mũi. Một chiếc vòng làm từ các con rắn san hô nhúc nha nhúc nhích trước trán cô ta.

Da các tinh linh tự nhiên thường có màu lục nhạt do chứa chất diệp lục, nhưng với các Maenad này, trông như thể máu của họ là màu đỏ anh đào Kool-Aid. Đôi mắt họ đỏ ngầu. Đôi môi thì đỏ hơn nhiều so với môi người thường. Da họ có màng với các mao mạch sáng rực.

“Ngài đã chọn một hình dạng thú vị đấy, thưa chúa tể.” Babette xem xét kỹ càng mặt và tóc của Leo. “Trẻ trung. Đáng yêu, tôi cho là thế. Thế nhưng... hơi gầy và thấp.”

“Hơi gầy và thấp?” Leo cố kìm lại vài câu trả lời mình đã chọn sẵn. “Ừm, các người biết đấy. Chủ yếu là do ta sẽ đi theo phong cách *đáng yêu* ấy mà.”

Các Maenad khác bao quanh Leo, mỉm cười và ngậm nga. Nếu là trong tình huống thông thường, việc được các cô gái nóng bỏng vây quanh với Leo sẽ *hoàn toàn* ổn thỏa, nhưng lần này thì không. Cậu không thể nào quên được việc răng và móng của các Maenad đã dài ra như thế nào ngay trước khi họ xé xác con drakon.

“VẬY, thưa ngài.” Babette rê ngón tay dọc theo cánh tay Leo. “Ngài đã ở đâu thế? Chúng tôi tìm ngài rất lâu rồi đấy!”

“Ta đã ở...?” Leo luống cuống suy nghĩ. Cậu biết thần Dionysus từng là giám đốc Trại Con Lai trước khi cậu đến. Rồi vị thần ấy đã được gọi quay trở lại Đỉnh Olympus để hỗ trợ giải quyết các tên khổng lồ. Nhưng thần Dionysus ở đâu vào những ngày này ư? Leo không biết. “Ồ, các người biết đấy, ta đang, ừm, làm những việc có liên quan đến rượu ấy mà. Đúng thế. Rượu vang đỏ. Rượu vang trắng. Tất cả các loại rượu vang khác. Ta thích rượu vang lắm. Ta đã quá bận rộn cho công việc...”

“Công việc!” Maenad tên Muffy rít lên, áp chặt hai tay vào tai cô ta.

“Công việc!” Buffy chùi chùi lưỡi mình như thể đang cố xóa sạch cái từ kinh dị ấy.

Các Maenad thả ly xuống, chạy vòng vòng và la hét, “Công việc! Tội báng bổ thần thánh! Giết chết công việc!” Một số bắt đầu mọc ra những móng vuốt dài. Những ả khác đâm đầu vào các tảng đá, mà kẻ bị hại là tảng đá chứ không phải đầu họ.

“Ý ngài ấy là tiệc tùng!” Piper hét lên. “Tiệc tùng! Ngài Dionysus đã bận rộn tiệc tùng trên khắp thế giới.”

Các Maenad dần dần bình tĩnh lại.

“Tiệc tùng?” Bambi cẩn thận hỏi.

“Tiệc tùng!” Candy thở phào nhẹ nhõm.

“Đúng thế!” Leo chùi mồ hôi trên hai tay mình. Cậu nhìn Piper với vẻ biết ơn. “Ha-ha. Tiệc tùng. Đúng thế. Ta đã bận tiệc tùng ấy mà.”

Babette vẫn mỉm cười, nhưng không còn vẻ thân thiện nữa. À ta chăm chú nhìn Piper. “Đây là ai vậy, thưa ngài? Một người mới gia nhập vào với các Maenad sao, có lẽ thế nhỉ?”

“Ồ,” Leo nói. “Cô ấy là, ừm, người lên kế hoạch cho các bữa tiệc của ta.”

“Tiệc tùng!” một Maenad khác hét lên, hình như tên ả ta là Trixie thì phải.

“Thật đáng tiếc.” Móng tay Babette bắt đầu dài ra. “Chúng ta không thể để con người chứng kiến các cuộc chèn ép thiêng liêng của chúng ta được.”

“Nhưng tôi *có thể* là một người mới!” Piper liền lên tiếng. “Các cô có trang web không? Hay là một danh sách các yêu cầu? Ờ, các cô lúc nào cũng say rượu hết sao?”

“Say rượu!” Babette nói. “Đừng ngốc thế. Chúng tôi chỉ là các Maenad vị thành niên mà thôi. Chúng tôi vẫn chưa thể chạm đến rượu. Cha mẹ chúng tôi sẽ nghĩ gì đây?”

“Các cô có *cha mẹ* sao?” Jason phủi tay các Maenad khỏi vai cậu ấy.

“Không say xin!” Candy hét lên. À ta quay tít vòng vòng và rồi ngã xuống, làm đổ chất lỏng màu trắng có bọt ra khỏi ly rượu của mình.

Jason hăng giọng. “VẬY... các cô uống gì nếu không phải là rượu?”

Babette cười lớn. “Nước giải khát cho các mùa lễ hội! Hãy nhìn sức mạnh của gậy nùm thông!”

À ta đâm mạnh cây gậy có đầu quả thông xuống mặt đất và một mạch nước màu trắng sôi sùng sục xuất hiện. “Eggnog!”

Các Maenad khác lao đến để lấy đầy ly rượu.

“Chúc mừng Giáng sinh!” một ả hét lên.

“Tiệc tùng nào!” một ả khác nói.

“Giết sạch mọi thứ!” ả thứ ba lên tiếng.

Piper bước lùi lại. “Các cô... đã uống eggnog?”

“Ha!” Buffy òng ọc uống hết ly eggnog của mình và cười với Leo, một nụ cười toe toét đầy bọt. “Giết sạch mọi thứ! Với một vài hạt nhục đậu khấu!”

Leo quyết định sẽ không bao giờ uống cái món eggnog đó thêm một lần nào nữa.

“Nhưng chuyện trò chùng đó là đủ rồi, thưa ngài,” Babette nói. “Ngài thật nghịch ngợm khi luôn giấu mình! Ngài đã thay đổi địa chỉ e-mail và số điện thoại. Người ta có thể nghĩ rằng Dionysus vĩ đại đang cố tránh các Maenad của ngài đấy!”

Jason gạt tay một cô ả khác khỏi vai mình. “Tôi không thể hình dung được lý do thần Dionysus lại làm điều đó.”

Babette đánh giá Jason. “Người này là vật hiến tế, chắc là thế rồi. Chúng ta nên bắt đầu hội hè đình đám bằng cách xé tan xác hắn ta ra. Cô gái lên kế hoạch cho bữa tiệc có thể chứng tỏ mình bằng cách giúp đỡ chúng ta làm việc đó!”

“Hoặc,” Leo nói, “chúng ta sẽ bắt đầu với vài món khai vị. Xúc Xích Pho Mát Chiên Giòn. Món Bánh Cuộn Taquito. Có lẽ là một ít khoai tây chiên và pho mát. Và... chờ đã, ta biết rồi! Chúng ta cần một cái bàn để đặt tất cả các món lên.”

Nụ cười trên mặt Babette dần tan biến đi. Những con rắn phun phì phì quanh cây quyền trượng quả thông của ả ta. “Một cái bàn?”

“Xúc Xích Pho Mát?” Trixie thêm vào đây hy vọng.

“Đúng, một cái bàn!” Leo búng tay và chỉ về cuối khoảng rừng thưa. “Các cô biết không – ta nghĩ mình vừa nhìn thấy một cái đang đi về hướng đó. Sao các cô không đợi ở đây, uống eggnog hay gì khác cũng được, còn ta và các bạn mình sẽ đi lấy cái bàn. Bọn ta sẽ quay lại ngay!”

Cậu dợm rời đi, nhưng hai trong số các Maenad đã đẩy cậu lùi lại. Cú đẩy dường như không mang ý vui đùa.

Đôi mắt Babette giờ thậm chí còn đỏ hơn nữa. “Sao chúa tể Dionysus của tôi lại thích thú với đồ đạc nhỉ? Con báo của ngài đâu? Còn ly rượu của ngài nữa?”

Leo nuốt xuống. “Ừ nhỉ. Ly rượu. Ta thật là ngốc.” Cậu thò tay vào túi đồ nghề của mình, thăm cầu nguyện nó sẽ tạo ra một ly rượu cho cậu, nhưng món đồ ấy không hẳn là một dụng cụ. Cậu chộp được cái gì đó, lấy nó ra, và nhận ra mình đang cầm một cái tắc kê chữ thập.

“Này, nhìn xem,” cậu gượng nói. “Chắc nó cũng có chút phép thuật thần thánh nào đấy, hửm? Bữa tiệc tùng nào mà chẳng có... một cái tắc kê chữ thập?”

Các Maenad nhìn cậu chòng chọc. Một vài ả cau mày. Những ả khác thì liếc mắt quan sát cậu từ chỗ thức uống eggnog.

Jason bước đến cạnh cậu. “Này, ừm, thần Dionysus... có lẽ chúng ta nên nói chuyện. Giống như là, chuyện riêng ấy. Ngài biết đấy... về vấn đề buổi tiệc ấy mà.”

“Chúng tôi sẽ quay lại ngay!” Piper thông báo. “Hãy cứ đợi ở đây nhé, các cô gái. Được không?”

Giọng cô ấy khá sôi nổi với lời nói mê hoặc, nhưng các Maenad dường như chẳng bị tác động.

“Không, người sẽ phải ở lại.” Ánh mắt Babette xoáy sâu vào Leo. “Người không hành xử như Dionysus. Những ai bán bỏ thần thánh, những ai *dám* làm việc thay vì tiệc tùng – chúng đều phải bị xé toạc. Và bất kỳ ai dám đóng giả thần thánh, hẳn ta còn phải chết một cách đau đớn hơn rất nhiều lần.”

“Rượu!” Leo hét lên. “Ta có nhắc đến là ta yêu rượu nhiều như thế nào chưa nhỉ?”

Babette trông có vẻ không bị thuyết phục. “Nếu người là vị thần tiệc tùng, vậy người sẽ biết trình tự các cuộc chè chén say sưa của bọn ta. Chứng minh đi! Hãy dẫn dắt bọn ta!”

Leo cảm thấy mình mắc kẹt rồi. Cậu đã từng bị mắc lại trong một cái hang trên núi Pikes Peak, bao quanh là một bầy người sói. Một lần khác, cậu bị kẹt trong nhà máy bỏ hoang với một gia đình Cyclops xấu xa. Nhưng tình

huống lần này – đứng giữa một khoảng rừng thưa trống toác với mười hai cô gái xinh đẹp – lại càng tệ hại hơn *rất nhiều*.

“Dĩ nhiên rồi!” Cậu ré lên. “Các cuộc chè chén say sưa. Vậy chúng ta sẽ bắt đầu với trò Hokey Pokey⁽¹⁰⁾...”

Trixie càu nhàu. “Không phải, thưa ngài. Hokey Pokey xếp vị trí *thứ hai*.”

“À phải,” Leo nói. “Đầu tiên sẽ là cuộc thi gập ngựa người chui qua xà, rồi *đến* Hokey Pokey. Rồi, ừm, trò gắn đuôi lừa⁽¹¹⁾...”

“Sai!” Đôi mắt Babette trở nên đỏ quạch. Sắc đỏ Kool-Aid trong mạch máu thêm đậm hơn, tạo thành một mạng lưới các đường đỏ như dây thường xuân bên dưới lớp da ả ta. “Cơ hội cuối cùng, và ta thậm chí còn cho người một gợi ý. Chúng ta bắt đầu bằng việc hát bài Bacchanalian Jingle. Người nhớ chứ?”

Leo cảm thấy lưỡi mình thô ráp.

Piper đặt tay lên cánh tay cậu. “Dĩ nhiên là ngài ấy nhớ.” Ánh mắt cô ý bảo, *Chạy*.

Các khớp ngón tay của Jason trên cán kiếm trở nên trắng bệch.

Leo ghét phải hát hò. Cậu hăng giọng và bắt đầu líu lo bài hát đầu tiên xuất hiện trong đầu mình – ca khúc nào đấy cậu từng xem trực tuyến khi làm việc trên *Argo II*.

Sau vài câu, Candy rít lên. “Đó không phải bài Bacchanalian Jingle! Mà là nhạc hiệu cho phim *Psych!*”

“Giết chết những kẻ đáng ngờ!” Babette hét lên.

Chỉ cần nghe qua, Leo biết đó là một tín hiệu thoát hiểm.

Cậu thực hiện một mảnh lời đáng tin cậy. Từ dây thắt lưng đồ nghề, cậu chộp lấy một bình dầu và tạt thành đường vòng cung trước mặt mình, làm các Maenad ướt sũng. Cậu không muốn làm ai bị thương, nhưng cậu tự nhắc mình nhớ những cô gái này không phải là con người. Họ là các tinh linh tự nhiên nhất quyết muốn xé toác cậu thành từng mảnh. Cậu triệu hồi lửa trên tay và làm cho dầu bốc cháy.

Một bức tường lửa bao phủ lấy các nữ thần cây. Jason và Piper xoay ngoắt một trăm tám mươi độ và bỏ chạy. Leo theo ngay sau họ.

Cậu cứ tưởng sẽ nghe thấy tiếng gào thét của các Maenad. Thay vào đó lại là những tiếng cười lớn. Cậu liếc ra sau và nhìn thấy các Maenad đang nhún nhảy qua tường lửa bằng chân trần. Những chiếc áo đầm đang bốc khói, nhưng dường như các ả không quan tâm. Họ nhảy qua lửa như thể đang chơi đùa dưới vòi phun nước vậy.

“Cám ơn, những kẻ đáng ngờ kia!” Babette cười vang. “Sự điên cuồng khiến cho bọn ta miễn nhiễm với lửa, nhưng nó làm bọn ta thấy buồn buồn! Trixie, gọi đến những kẻ đáng ngờ đó một món quà cảm ơn nào!”

Trixie nhảy lên đồng đá tảng. Ầm ta ôm lấy tảng đá có kích thước của một cái tủ lạnh và nhắc nó lên trên đầu mình.

“Chạy!” Piper nói.

“Chúng ta đang chạy đấy thôi!” Jason tăng tốc.

“Chạy nhanh hơn nữa!” Leo hét lên.

Họ đến được rìa khoảng rừng thưa thì một bóng đen bay vọt qua đầu họ.

“Hướng sang trái!” Leo gào lên.

Họ lao nhanh vào rừng cây. *Thịch*. Tảng đá rơi xuống kể bên họ kèm theo một âm thanh vang dội, chỉ cách chỗ Leo đứng vài phân. Lúc họ đang trượt xuống khe núi, Leo sẩy chân. Cậu đâm sầm vào Jason và Piper, kết quả là bọn họ cùng lăn lông lốc xuống dốc như một quả cầu tuyết. Họ lao ào ào vào con suối của Brooke, giúp đỡ nhau đứng lên và loạng choạng tiến vào sâu hơn trong rừng. Phía sau họ, Leo nghe thấy các Maenad cười đùa la hét, dù dĩ Leo quay trở lại để họ có thể xé xác cậu.

Vì lý do này hoặc lý do khác, Leo đã không bị dụ.

Jason kéo Piper và Leo ra sau một cây sồi lớn rồi đứng lại để thở. Khuỷu tay Piper bị trầy xước khá nặng. Ống quần bên trái của Jason rách te tua gần hết, vì thế trông như trên chân cậu ấy là một cái áo choàng không tay bằng

vải denim. Dù thế nào chẳng nữa, họ cũng đã lăn được xuống đồi mà không tiêu đời bởi vũ khí của chính mình. Một phép lạ.

“Ta đánh bại các Maenad bằng cách nào đây?” Jason hỏi. “Họ miễn nhiệm với lửa. Họ mạnh lắm.”

“Ta không thể giết họ,” Piper nói.

“Phải có cách nào đó chứ,” Leo thêm vào.

“Không. Ta *không thể* giết họ,” Piper lặp lại. “Bất cứ ai giết chết một Maenad đều dính phải lời nguyền từ thần Dionysus. Hai cậu không đọc các câu chuyện cổ sao? Người nào giết môn đệ của ông ấy đều sẽ phát điên và bị biến thành loài vật hay... ừm, những thứ tệ hại.”

“Còn kinh hơn việc để cho các Maenad xé xác chúng ta sao?” Jason hỏi.

Piper không trả lời, khuôn mặt cô đầy mồ hôi. Leo quyết định không hỏi chi tiết.

“Điều này mới tuyệt làm sao,” Jason nói. “Vậy ra chúng ta phải ngăn họ lại mà không được giết họ. Ai có tấm keo dính côn trùng nào thật lớn không?”

“Bọn họ đông gấp bốn lần chúng ta,” Piper nói. “Ngoài ra...” Cô nắm lấy cổ tay Leo và xem đồng hồ. “Chúng ta còn hai mươi phút cho đến khi Boong-ke 9 nổ tung.”

“Đây là nhiệm vụ bất khả thi,” Jason kết luận.

“Chúng ta chết chắc rồi,” Piper đồng ý.

Nhưng tâm trí Leo đang xoay vòng vòng, tiến vào trạng thái tăng tốc. Cậu luôn đạt được hiệu suất cao nhất khi sự việc trở nên bất khả thi.

Ngăn chặn các Maenad mà không cần phải tiêu diệt họ... Boong-ke 9... *tấm keo dính côn trùng*. Một ý tưởng chợt xuất hiện, hệt như một trong số những chiếc máy kỳ cục điên rồ của cậu, tất cả các bánh răng và pit-tông được lắp vào ăn khớp với nhau một cách hoàn hảo.

“Tớ nghĩ ra rồi,” cậu reo lên. “Jason, cậu sẽ đi tìm Buford. Cậu biết nó chạy hướng nào rồi đấy. Đi vòng lại và tìm nó, rồi mang nó quay về Boong-

ke, nhanh lên nhé! Một khi đã cách đủ xa với các Maenad, biết đâu cậu lại kiểm soát được các ngọn gió. Sau đó cậu có thể bay.”

Jason cau mày. “Thế còn hai cậu?”

“Bọn tớ sẽ giúp cậu đánh lạc hướng các Maenad,” Leo nói, “bằng cách thẳng tiến đến Boong-ke 9.”

Piper ho khan. “Tớ xin lỗi, nhưng chẳng phải Boong-ke 9 sắp nổ sao?”

“Đúng thế, nhưng nếu đưa được các Maenad vào trong, tớ có cách để chăm lo cho họ.”

Jason hoài nghi. “Ngay cả khi cậu có thể làm thế, tớ sẽ vẫn phải tìm thấy Buford và lấy lại bộ phận điều hướng mang về cho cậu trong vòng hai mươi phút. Nếu không, cậu, Piper và một tá nữ thần cây điên khùng đó sẽ nổ banh xác.”

“Tin tớ đi,” Leo cam đoan. “Và giờ chỉ còn lại mười chín phút.”

“Tớ thích kế hoạch này.” Piper rướn người tới hôn Jason. “Phòng trường hợp tớ bị nổ tung. Làm ơn nhanh lên nhé.”

Jason thậm chí chẳng kịp đáp lại. Cậu ấy lao nhanh như chớp vào rừng.

“Đi thôi,” Leo bảo Piper. “Hãy mời các Maenad đến chỗ của tớ nào.”

Trước kia Leo đã từng tham gia nhiều trò chơi trong rừng – phần lớn là trò cướp cờ - nhưng ngay cả phiên bản đánh trận chính thức của Trại Con Lai cũng chẳng đáng sợ mấy so với việc chạy trốn các Maenad. Trong nắng chiều nhạt dần, Piper và cậu thoái lui về phía Boong-ke, miệng thở ra khói. Thành thạo Leo sẽ hét lên, “Bữa tiệc ở đây!” để các Maenad biết vị trí của họ. Việc đó khá là khó khăn, đòi hỏi đến sự khéo léo, vì Leo phải ở đủ xa nhằm tránh bị tóm, nhưng cũng đủ gần để các Maenad không mất dấu họ.

Thi thoảng cậu lại nghe thấy những tiếng kêu la kinh hãi khi các Maenad tình cờ đi ngang qua chỗ vài quái vật hoặc tinh linh tự nhiên xấu số. Một lần, có tiếng thét sồn gai ốc xuyên thủng không gian, theo sau là âm thanh nghe như tiếng một cái cây bị một đội quân sóc chuột hung dữ tiêu diệt. Leo

sợ đến nỗi suýt không di chuyển được. Cậu đoán là sự sống của nữ thần rừng tội nghiệp nào đó vừa mới kết thúc. Leo biết các tinh linh tự nhiên có thể tái sinh, nhưng tiếng kêu hấp hối trước khi chết vẫn là âm thanh kinh khủng nhất mà cậu từng nghe.

“Những kẻ đáng ngờ!” Babette hét vang khắp cánh rừng. “Đến đây tiệc tùng cùng bọn ta nào!”

Giọng ả ta mỗi lúc một gần hơn. Bản năng của Leo mách bảo cậu phải tiếp tục chạy. Quên Boong-ke 9 đi. Có thể cậu và Piper sẽ chạy đến được rìa vụn.

Sau đó sao nữa... bỏ mặc Jason mất mạng ư? Khiến các Maenad tan xác, và rồi Leo có thể phải hứng chịu lời nguyền của thần Dionysus? Mà liệu vụn có *giết* được các Maenad không? Leo không biết. Chuyện gì sẽ xảy ra nếu các Maenad sống sót và tiếp tục tìm kiếm thần Dionysus? Thế nào bọn họ cũng sẽ tìm thấy các trại viên khác. Không, đó không phải là một lựa chọn. Nhất định Leo phải bảo vệ các bạn mình. Cậu vẫn có thể cứu lấy con thuyền *Argo II*.

“Đằng này!” cậu hét lên. “Bữa tiệc ở nhà tôi!”

Cậu chộp lấy cổ tay Piper và chạy hết tốc lực về Boong-ke.

Cậu nhận thấy các Maenad đang đến gần chỗ mình nhanh hơn, qua tiếng bước chân trần đang chạy băng băng trên cỏ, tiếng cành cây gãy, tiếng những ly eggnog đập vào những tảng đá.

“Sắp đến rồi.” Piper chỉ qua bên kia cánh rừng. Cách đó khoảng chín mươi mét, một vách đá vôi trắng đứng xuất hiện, đánh dấu lối vào Boong-ke 9.

Leo có cảm giác tim mình đập rộn như cái buồng đốt ở trạng thái tới hạn vậy, nhưng rồi họ cũng đến được chỗ vách đá. Cậu vỗ tay vào lớp đá vôi. Lửa cháy thành đường khắp mặt vách đá, dần lộ ra đường nét của một cánh cửa khổng lồ.

“Đi thôi! Đi thôi!” Leo giục.

Cậu đã phạm phải sai lầm khi liếc nhìn ra sau. Cách đó không xa, ả Maenad đầu tiên xuất hiện bên ngoài cánh rừng. Đôi mắt ả ta đỏ ngầu. ả cười toe toét với cái miệng đầy răng nanh rồi vung phần móng tay đã biến thành móng vuốt chém lên cái cây gần nhất, chẻ nó ra làm đôi. Một cơn lốc lá cây nho nhỏ cuộn lên quanh ả, như thể ngay cả không khí cũng đang trở nên mất kiểm soát.

“Nào, á thần!” ả ta gọi lớn. “Hãy cùng ta đến các buổi tiệc tùng nào!”

Leo biết yêu cầu ấy là điên rồ, nhưng lời nói của ả ta cứ lùnh bùng trong tai cậu. Một phần trong cậu muốn chạy về phía ả ta.

Ồi chà, nhóc, cậu tự nhủ. Quy tắc Vàng dành cho các Á thần đây: Mi sẽ không chơi trò Hokey Pokey với những kẻ tâm thần.

Thế nhưng cậu vẫn bước một bước đến chỗ ả Maenad.

“Dừng lại đi, Leo.” Lời nói mê hoặc của Piper đã cứu cậu, khiến cậu đứng sững ngay tại chỗ. “Sự điên rồ của thần Dionysus đang tác động đến cậu đấy. Cậu *không* muốn chết cơ mà.”

Cậu run rẩy hít thật sâu. “Đúng thế. Họ sẽ trở nên mạnh hơn. Chúng ta phải nhanh lên.”

Cuối cùng, cánh cửa Boong-ke cũng hé mở. ả Maenad hầm hè. Các bạn của ả từ trong rừng ủa ra, đồng loạt tấn công cậu.

“Quay người lại!” Piper ra lệnh cho các Maenad bằng giọng điệu có sức thuyết phục nhất của mình. “Bọn ta đang đứng sau lưng các người bốn mươi lăm mét!”

Đó là một gợi ý vô cùng buồn cười, nhưng lời nói mê hoặc ngay lập tức phát huy tác dụng. Tất cả các Maenad xoay lại và chạy ngược về con đường mà họ vừa mới đi qua, rồi lảo đảo dừng lại, trông cứ ngẩn cả ra.

Leo và Piper chui nhanh vào trong Boong-ke.

“Đóng cửa lại sao?” Piper hỏi.

“Không!” Leo nói. “Chúng ta cần họ vào đây.”

“Chúng ta cần ư? Kế hoạch là gì?”

“Kế hoạch.” Leo cố để đầu óc mình minh mẫn.

Họ có nhiều nhất là ba mươi giây trước khi máy ả Maenad ủa vào. Động cơ của *Argo II* sẽ nổ tung trong – cậu kiểm tra đồng hồ - ối, thánh thần ơi, còn mười hai phút thôi sao?

“Tớ phải làm gì đây?” Piper cất tiếng hỏi. “Nào, Leo.”

Tâm trí Leo dần thông thoáng hơn. Đây là địa bàn *của cậu*. Cậu không thể để các ả Maenad đó giành phần thắng.

Leo vồ lấy hộp điều khiển bằng đồng với một nút đỏ trên bàn làm việc gần nhất. Cậu đưa nó cho Piper. “Tớ cần hai phút. Cậu leo lên các lối đi trên kia. Đánh lạc hướng mấy ả Maenad đó như cậu đã làm bên ngoài ấy, được không? Khi tớ ra lệnh, dù ở bất cứ đâu, cậu cũng phải ấn cái nút đó. Nhưng *không* được ấn nó trước khi tớ bảo nhé.”

“Cái này có tác dụng gì?” Piper thắc mắc.

“Chưa có gì. Tớ phải đi đặt bẫy đã.”

“Hai phút.” Piper gạt đầu dứt khoát. “Cậu có chừng ấy thời gian.”

Cô ấy chạy đến cái thang gần nhất và bắt đầu leo lên, trong khi Leo phóng như bay về phía cuối các lối đi, chộp lấy vài món đồ từ rương đồ nghề và tủ vật dụng. Cậu mang theo các linh kiện máy móc và dây điện, gạt mở mở công tắc và kích hoạt thiết bị cảm biến hẹn giờ trên các bảng điều khiển bên trong Boong-ke. Cậu không còn bận tâm mình hiện đang làm gì, tốc độ còn nhanh hơn một nghệ sĩ dương cầm nghĩ về nơi mình đặt tay trên phím đàn. Cậu chỉ lao đi như bay khắp Boong-ke, mang tất cả các bộ phận đến lắp ghép.

Cậu nghe thấy tiếng các ả Maenad chen nhau tiến vào Boong-ke. Khựng lại một chốc vì ngạc nhiên, bọn họ trầm trồ á ố, thích thú với cái hang lớn đầy các vật lấp lánh.

“Người đang ở đâu?” Babette gọi lớn. “Chúa tể Dionysus giả mạo của ta! Hãy dự tiệc cùng bọn ta nào!”

Leo cố tìm cách bỏ ngoài tai giọng ả ta. Rồi cậu nghe thấy tiếng Piper, ở đâu đó trên các lối đi trên cao, gọi lớn: “Chúng ta thử khiêu vũ kiểu bốn cặp theo hình vuông thì thế nào nhỉ? Bên trái, quay!”

Các ả Maenad bối rối la hét.

“Tóm lấy bạn nhảy của mình!” Piper hô lên. “Xoay cô ấy đi nào!”

Thêm nhiều tiếng la hét, kêu thét cùng vài tiếng *CẠCH CẠCH*. Hình như vài ả Maenad vừa xô nhau vào các vật thể kim loại nặng trĩu.

“Ngừng lại!” Babette hét lớn. “Không được tóm lấy đồng bạn của mình! Tóm tên á thần đó!”

Piper ra thêm vài mệnh lệnh nữa, nhưng dường như lời nói mê hoặc đang mất dần ảnh hưởng.

Leo nghe thấy tiếng bước chân nện mạnh trên các thanh ngang của cái thang.

“Leo?” Piper hét to. “Đã hết hai phút chưa?”

“Chỉ một giây nữa thôi!” Leo tìm thấy thứ cuối cùng mà cậu cần – một chồng vải vàng sáng lấp lánh có kích thước bằng một cái chăn. Cậu nhét tấm kim loại vào một ống dẫn khí nén gần đó và kéo cần gạt. Xong – giả sử là kế hoạch sẽ hiệu quả.

Cậu chạy đến chính giữa Boong-ke, ngay trước con thuyền *Argo II* và hét lớn, “Này! Ta ở đây này!”

Cậu chìa hai tay mình ra và cười toe toét. “Đến đây nào! Đến tiệc tùng với ta nào!”

Leo liếc nhìn máy đếm trên động cơ thuyền. Còn sáu phút rưỡi nữa. Cậu ước gì mình đã không nhìn sang hướng ấy.

Các ả Maenad leo xuống thang và thận trọng bao vây cậu. Leo nhảy nhót và hát ngẫu nhiên các bài nhạc hiệu trên truyền hình, hy vọng làm thế sẽ khiến họ do dự. Cậu cần tất cả các Maenad tập trung lại trước khi bật bẫy.

“Hát theo nào!” cậu nói.

Các ả Maenad càu nhàu. Đôi mắt đỏ như máu của họ trông đầy giận dữ và khó chịu. Những chiếc vòng rắn trên đầu phun phì phì. Các cây gậy núp thông lập lòe ánh lửa màu tím.

Babette là người cuối cùng tham gia bữa tiệc. Nhìn thấy Leo đứng một mình, không vũ trang và đang nhảy múa, ả ta thích chí cười lớn.

“Người đủ thông minh để chấp nhận số mệnh của mình,” ả ta nói. “Chúa tể Dionysus *thật sự* sẽ hài lòng lắm đây.”

“Ừm, về chuyện đó ấy à,” Leo nói. “Ta nghĩ có lý do để ông ấy đổi số điện thoại của mình. Các người chẳng phải môn đệ của ông ấy. Các người là những kẻ theo đuôi cuồng tín điên khùng. Các người không tìm thấy ông ấy vì ông ấy không *muốn* gặp các người nữa.”

“Nói dối!” Babette nói. “Bọn ta là các tinh linh của thần rượu! Ông ấy tự hào về bọn ta!”

“Dĩ nhiên rồi,” Leo khiêu khích. “Ta cũng có vài người bà con dở hơi. Ta không trách Ngài D. được.”

“Giết hẳn ta!” Babette rít lên.

“Khoan!” Leo giơ hai tay lên. “Các người có thể giết ta, nhưng chẳng phải các người muốn có một bữa tiệc *thực thụ* sao?”

Y như cậu hy vọng, các ả Maenad đều lưỡng lự.

“Tiệc tùng?” Candy hỏi.

“Tiệc tùng?” Buffy lặp lại.

“Ồ, đúng thế!” Leo ngược lên và hét về phía các lối đi trên không: “Piper? Đã đến lúc quay cái thứ đó rồi đấy!”

Trong ba giây dài đến không ngờ, chẳng có chuyện gì xảy ra. Leo chỉ đứng đó, cười toe toét với một tá nữ thần cây điên cuồng, những người muốn thái cậu ra thành các khối á thần vừa miệng.

Rồi toàn bộ Boong-ke vù vù khởi động. Xung quanh các ả Maenad, các đường ống lộ ra khỏi mặt sàn và xịt khói màu tím. Hệ thống ống dẫn khí nén phun ra các vỏ bào kim loại nhỏ, trông như hoa giấy lấp la lấp lánh. Tầm

bằng-rôn ma thuật phía trên họ tỏa sáng và thay đổi dòng chữ trên đó, CHÀO MỪNG, CÁC NỮ THẦN CÂY THẦN KINH!

Có tiếng nhạc phát ra từ dàn âm thanh – các bài hát của Rolling Stones, ban nhạc yêu thích của mẹ Leo. Cậu thích nghe chúng trong lúc làm việc, vì điều đó gợi cho cậu nhớ đến những năm tháng tươi đẹp trước kia, khi cậu đến xưởng của mẹ mình chơi đùa.

Rồi hệ thống dây tời ngoặt vào đúng vị trí, và một quả cầu gương bắt đầu hạ xuống ngay trên đầu Leo.

Tại lối đi trên không bên trên, Piper nhìn chăm chăm vào mớ hỗn loạn mà cô đã tạo ra bằng cách ấn một nút bấm, miệng cô cứ há hốc cả ra. Thậm chí các ả Maenad đều có vẻ bị ấn tượng bởi bữa tiệc trong tức khắc này của Leo.

Nếu có thêm vài phút nữa, Leo sẽ chế ra thêm nhiều thứ tốt hơn – một máy chiếu la-ze, pháo hoa, có thể là một số món tráng miệng và một cái máy chứa thức uống. Nhưng với những gì cậu đã làm trong hai phút thì cũng không tệ lắm. Một vài ả Maenad bắt đầu khiêu vũ bốn cặp theo hình vuông. Người thì nhảy Hokey Pokey.

Chỉ có Babette trông không bị ảnh hưởng. “Cái trò lường gạt này là gì?” ả ta gặng hỏi. “Người không tạo ra một bữa tiệc dành cho thần Dionysus!”

“Ồ, không sao?” Leo liếc nhìn lên. Quả cầu gương đã gần trong tầm với. “Người chưa được thấy trò lường gạt cuối cùng của ta đâu.”

Quả cầu mở bung ra. Một cái móc sắt rơi xuống, và Leo nhảy lên chụp lấy nó.

“Tóm lấy hắn ta!” Babette hét vang. “Các Maenad, tấn công!”

May mắn là, ả ta gặp rắc rối trong việc gây chú ý với họ. Piper đã bắt đầu hướng dẫn nhảy bốn cặp lần nữa, làm họ lúng túng với các mệnh lệnh dở khóc dở cười. “Quay trái, quay phải, cụng đầu vào nhau! Ngồi xuống, đứng lên, trồng cây chuối!”

Dây ròn rọc kéo Leo lên cao, các Maenad tụ tập lại bên dưới cậu, tạo thành một nhóm đầu ra đấy. Babette nhảy lên vồ lấy cậu. Móng vuốt của ả ta vọt hụt hai chân cậu.

“Đã đến lúc!” cậu lẩm bẩm một mình, cầu nguyện rằng thiết bị bấm giờ đã được đặt chính xác.

BUP! Ống dẫn khí nén gần nhất bắn ra bức màn bằng vàng có dạng mắt lưới trùm lên các ả Maenad như một cái dù, bao họ lại. Một cú bắn tuyệt hảo.

Các ả Maenad vùng vẫy, hòng tìm cách thoát khỏi tấm lưới. Họ cố gạt nó ra, vừa cắn xé vừa chém đứt các sợi dây bằng răng và móng tay, nhưng khi họ đâm đá rồi gãy giũa, tấm lưới đơn giản là biến đổi hình dáng, dần cứng lại thành một cái lồng hình lập phương bằng sáng lấp lánh.

Leo cười toe toét. “Piper, ấn nút thêm lần nữa!”

Cô làm theo. Tiếng nhạc tắt đi. Bữa tiệc kết thúc.

Leo từ móc sắt nhảy xuống cái lồng mới được tạo ra. Cậu giẫm giẫm lên phần nóc, chỉ để chắc chắn, nhưng cậu cảm thấy nó cứng như titan vậy.

“Thả bọn ta ra!” Babette hét lên. “Đây là trò ma thuật xấu xa gì thế này?”

Ả ta lao người vào các thanh chắn, tuy nhiên, dù ả có khỏe đến đâu thì cũng không ăn nhằm gì với vàng cả. Các Maenad khác rít lên và gào thét, đồng thời dùng các cây gậy nùm thông đập mạnh vào lồng.

Leo nhảy xuống đất. “Thưa các quý cô, giờ đây sẽ là bữa tiệc *của riêng ta*. Cái lồng này được làm từ tấm lưới của thần Hephaestus, một biện pháp nhỏ nhỏ mà cha ta nghĩ ra. Có thể các người đã nghe nói đến câu chuyện. Ông đã bắt quả tang vợ mình, nữ thần Aphrodite, đang tăng tịu với thần Ares, vì thế thần Hephaestus đã ném tấm lưới vàng bao lấy hai người kia và treo họ lên để mọi người chiêm ngưỡng. Họ bị kẹt trong đó mãi cho đến khi cha ta quyết định thả họ ra. Còn tấm lưới ở đây ư? Nó được làm từ cùng một chất liệu. Nếu hai vị thần không thể thoát khỏi nó, các người cũng không có cửa đâu.”

Leo tin chắc rằng cậu đúng về điều đó. Trong nhà tù, các Maenad phát điên đang nổi cơn thịnh nộ, họ leo lên người nhau và cố xé rách các mắt lưới, tiếc là không thành công.

Piper nhanh nhẹn xuống thang và đến bên cậu. “Leo, cậu thật *tuyệt*.”

“Tớ biết mà.” Cậu nhìn màn hình hiển thị số kế bên động cơ thuyền. Trái tim cậu trĩu nặng. “Chỉ còn khoảng hơn hai phút nữa. Rồi tớ sẽ hết tuyệt vời.”

“Ôi không.” Nét mặt Piper xịu xuống. “Chúng ta cần phải ra khỏi đây!”

Đột nhiên, Leo nghe thấy một âm thanh quen thuộc vang lên từ lối vào Boong-ke: tiếng hơi nước phụt phụt, các bánh răng cốt kết cọt kẹt, tiếng *leng keng lanh canh* của những cái chân kim loại đang chạy trên sàn nhà.

“Buford!” Leo kêu lên. Cái bàn tự động vui mừng chạy về phía cậu, kêu phì phì om sòm, khiến các học tử của nó phát ra tiếng động lách ca lách cách.

Jason đi đằng sau nó, cười toe toét. “Đang đợi bọn tớ sao?”

Leo ôm chầm lấy cái bàn làm việc nhỏ. “Cho tao xin lỗi mày nhé, Buford. Tao hứa sẽ không bao giờ tự cho mình là đúng nữa đâu. *Chỉ* dùng Pledge hương chanh với công thức giữ ấm tối đa mà thôi, bạn thân yêu. Bất cứ lúc nào mày muốn nhé!”

Buford phì phèo hơi nước đầy hạnh phúc.

“Ừm, Leo này?” Piper giục. “Còn vụ nổ thì sao?”

“Đúng rồi!” Leo mở học tử trước của Buford và chộp lấy bộ phận điều hướng. Cậu chạy về phía buồng đốt. Còn hai mươi ba giây. Ồ, tốt. Không cần phải vội vã.

Cậu sẽ chỉ có một cơ hội duy nhất để sửa sai. Leo cẩn thận lắp bộ phận điều hướng vào đúng vị trí. Cậu đóng buồng đốt lại và nín thở. Động cơ bắt đầu kêu rền. Các ống trụ thủy tinh nóng rực và phát sáng. Nếu Leo không miễn nhiệm với lửa, cậu khá chắc mình sẽ có một vết cháy nắng xấu xí lắm.

Thân thuyền lắc mạnh. Toàn bộ Boong-ke dường như rung lên.

“Leo?” Jason căng thẳng hỏi.

“Chờ đã,” Leo nói.

“Thả bọn ta ra!” bên trong cái lồng vàng, Babette rít lên. “Nếu người tiêu diệt bọn ta, thần Dionysus sẽ làm cho các người phải khốn đốn đấy!”

“Chắc ông ấy sẽ gởi cho bọn tôi thiệp cảm ơn ấy chứ,” Piper lầm bầm. “Nhưng chuyện đó chẳng sao. Tất cả chúng ta sẽ chết chung.”

Lách cách, lách cách, lách cách. Các khoang khác nhau của buồng đốt mở ra. Các chất lỏng và khí cực kỳ nguy hiểm chảy qua bộ phận điều hướng. Động cơ rung rinh. Rồi sức nóng hạ xuống, sự rung lắc lịch kịch giảm dần thành âm thanh máy nổ đều đều dễ chịu.

Leo đặt tay lên thân thuyền, giờ đang nhẹ nhàng rung với năng lượng từ phép thuật. Buford âu yếm cọ vào chân cậu và phun hơi nước phì phèo.

“Đúng thế đấy, Buford.” Leo quay lại nhìn các bạn mình với vẻ tự hào. “Đó là âm thanh của một động cơ sẽ *không* bị nổ.”

Leo không nhận ra mình đã căng thẳng nhiều như thế nào cho đến khi cậu ngất đi.

Lúc tỉnh lại, cậu thấy mình đang nằm trên một cái võng gần *Argo II*. Toàn bộ thành viên nhà thần Hephaestus đều có mặt ở đó. Họ đã đưa động cơ đi vào trạng thái hoạt động ổn định và tất cả đều đang biểu lộ sự kinh ngạc với tài năng xuất sắc của Leo.

Khi cậu đứng lên, Jason và Piper kéo cậu sang bên, cam đoan họ không kể cho bất cứ ai nghe về việc con thuyền sém tí thì đã nổ tung như thế nào. Sẽ không một ai biết về sai lầm nghiêm trọng suýt đã xóa sổ cả khu rừng.

Thế nhưng Leo không tài nào ngừng run rẩy. Thiếu chút nữa thì cậu hủy hoại mọi thứ. Để bình tĩnh lại, cậu lôi chai Pledge hương chanh ra và cẩn thận đánh bóng Buford. Rồi cậu lấy bộ phận điều hướng dự phòng ra khỏi ngăn kéo của Buford, đặt vào trong tủ đựng vật dụng *không* có chân rồi khóa lại. Để phòng ngừa ấy mà. Buford có thể trở nên thất thường.

Một giờ sau, bác Chiron và anh Argus từ Nhà Lớn đến để lo vụ các Maenad.

Anh Argus, đội trưởng đội an ninh, là một anh chàng tóc vàng cao lớn với hàng trăm con mắt trên khắp cơ thể. Anh ấy có vẻ xấu hổ khi biết một tá Maenad nguy hiểm đã thâm nhập vào địa hạt của mình mà mình lại chẳng

chú ý đến. Anh Argus không bao giờ nói chuyện, nhưng mặt anh ấy đỏ bừng và tất cả các con mắt trên người anh ấy đều nhìn chăm chăm vào sàn nhà.

Bác Chiron, giám đốc trại, trông như bị làm phiền hơn là lo lắng. Bác ấy cúi nhìn các Maenad một cách chăm chú – điều bác ấy có thể làm khi là một nhân mã. Từ thắt lưng trở xuống, bác ấy là một con ngựa trắng. Từ thắt lưng trở lên, bác ấy là một người đàn ông trung niên để râu có mái tóc nâu quăn tít, cung và ống tên đeo sau lưng.

“Ồ, lại là họ ư,” bác Chiron nói. “Chào Babette.”

“Bọn ta sẽ tiêu diệt các người!” Babette rít lên. “Bọn ta sẽ nhảy múa cùng các người, cho các người ăn những món tráng miệng ngon tuyệt, tiệc tùng với các người cho đến rạng sáng rồi xé các người ra thành từng mảnh!”

“À há.” Bác Chiron trông chẳng sợ hãi chút nào. Bác quay sang Leo và những người bạn của cậu. “Làm tốt lắm, ba đứa. Lần cuối cùng những cô gái này đến tìm thần Dionysus, họ đã gây ra khá nhiều thiệt hại. Các cháu đã bắt được họ trước khi mọi chuyện trở nên không thể kiểm soát. Nếu biết họ bị tóm, hỡi Thần Dionysus sẽ hài lòng lắm.”

“Vậy ra họ làm ông ấy khó chịu sao?” Leo hỏi.

“Dĩ nhiên rồi,” bác Chiron nói. “Ngài D ghét câu lạc bộ người hâm mộ ông ấy chẳng kém gì ông ấy ghét các á thần vậy.”

“Bọn ta không phải câu lạc bộ người hâm mộ!” Babette rên rỉ. “Bọn ta là các môn đệ, là những người được ngài ấy lựa chọn, bọn ta đặc biệt!”

“Ừm hừm,” bác Chiron lại ừ hừ.

“Vậy...” Piper bứt rứt không yên. “Thần Dionysus sẽ đồng ý cho chúng ta tiêu diệt họ đúng không ạ?”

“Ồ không, ông ấy sẽ không đồng ý đâu!” bác Chiron nói. “Bọn họ vẫn sẽ là các môn đệ của ông ấy, ngay cả khi ông ấy ghét họ. Nếu các cháu động đến họ, thần Dionysus sẽ buộc phải làm cho các cháu trở nên điên điên khùng khùng hoặc sẽ giết các cháu. Chắc là cả hai. Vậy nên giải quyết như thế này là tốt lắm.” Bác ấy nhìn anh Argus. “Vẫn tiến hành như lần trước chứ nhỉ?”

Anh Argus gật đầu rồi ra hiệu cho một trong số các trại viên nhà thần Hephaestus, người lái đến một chiếc xe nâng, nhắc cái lồng lên.

“Bác sẽ làm gì với họ?” Jason hỏi.

Bác Chiron mỉm cười đầy thân ái. “Chúng ta sẽ tống họ đến một nơi mà họ cảm thấy như đang ở nhà, bằng cách đưa họ lên chuyến xe buýt đến thành phố Atlantic.”

“Ái chà,” Leo nói. “Chẳng phải nơi đó đã đủ rắc rối rồi sao?”

“Đừng lo,” bác Chiron cam đoan. “Các Maenad sẽ nhanh chóng chán tiệc tùng thôi. Họ sẽ mệt mỏi và cạn kiệt sức lực cho đến sang năm. Họ dường như thường xuất hiện vào khoảng các dịp lễ. Khá là gây khó chịu.”

Các Maenad bị chở đi. Bác Chiron và anh Argus quay trở lại Nhà Lớn, các trại viên trong nhà Leo giúp cậu khóa Boong-ke 9 lại vì trời đã tối.

Thường thì Leo sẽ làm việc cho đến lúc rạng sáng, nhưng cậu quyết định hôm nay mình đã vất vả đủ rồi. Dù sao thì đêm nay cũng là đêm trước Giáng sinh. Cậu xứng đáng được nghỉ ngơi.

Trại Con Lai không hẳn là tổ chức ăn mừng lễ Giáng sinh của người phàm, nhưng tại đêm lửa trại, mọi người đều có tâm trạng vui vẻ. Vài trại viên đang uống eggnog. Leo, Jason và Piper lờ món ấy đi và thay vào đó, cả ba uống sô-cô-la nóng.

Họ lắng nghe các bài hát đồng ca và ngắm nhìn những tia lửa từ đồng lửa trại cuồn cuộn bay về phía các vì sao.

“Một lần nữa, các cậu lại cứu mạng tớ,” Leo nói với các bạn mình. “Cảm ơn nhé.”

Jason mỉm cười. “Sẵn lòng giúp cậu làm bất cứ điều gì, Valdez ạ. Cậu có chắc giờ *Argo II* sẽ được an toàn không?”

“An toàn á? Không đâu. Nhưng nó không còn trong tình trạng cháy nổ nguy hiểm nữa. Chắc thế.”

Piper cười lớn. “Tuyệt. Tớ cảm thấy tốt hơn rồi đấy.”

Họ ngồi đấy, lặng im tận hưởng những giây phút bầu bạn bên nhau, nhưng Leo biết đây chỉ là một khoảng lặng yên bình ngắn ngủi. Chiến thuyền *Argo II* phải được hoàn thành vào ngày hạ chí. Rồi họ sẽ phải rời đi để thực hiện cuộc phiêu lưu quan trọng nhất của họ - đầu tiên là tìm kiếm nhà cũ của Jason, trại La Mã. Sau đó... các tên khổng lồ đang chờ đợi họ. Đất Mẹ Gaea, kẻ thù mạnh nhất của các vị thần, đang chỉ huy các đội quân của bà ta tiêu diệt đỉnh Olympus. Để ngăn chặn Gaea, Leo và các bạn sẽ phải đi thuyền đến Hy Lạp, quê hương xa xưa của các vị thần. Đồng thời Leo cũng biết mình có thể chết bất cứ lúc nào trên đường đi.

Dẫu thế, vào lúc này, cậu quyết định tận hưởng khoảng thời gian vui vẻ mà bản thân đang có. Khi sinh mệnh bạn phụ thuộc vào thiết bị bấm giờ của một vụ nổ không thể tránh, đó là tất cả những gì bạn có thể làm.

Cậu nâng ly sô-cô-la nóng của mình lên. “Vì những người bạn.”

“Vì những người bạn,” Piper và Jason đồng ý.

Leo ngồi đấy cho đến khi người hát chính nhà thần Apollo đề nghị tất cả bọn họ nhảy Hokey Pokey. Thế là Leo quyết định đã đến giờ đi ngủ.

MỘT LỜI NHẮN TỪ RICK RIORDAN

Series **PERCY JACKSON** ban đầu là một câu chuyện kể đầu giường dành cho con trai tôi, Halley. Vào mùa xuân năm 2002, khi Haley vào lớp một, thằng bé bắt đầu gặp rắc rối ở trường. Chúng tôi nhanh chóng phát hiện ra thằng bé mắc chứng hiếu động thái quá và chứng khó đọc. Điều này khiến cho việc đọc trở nên khó khăn với Halley, nhưng Halley lại rất thích thần thoại Hy Lạp, là môn mà tôi đã dạy ở trường trung học trong nhiều năm. Để giúp con trai duy trì hứng thú với việc đọc, khi ở nhà, tôi đã kể cho Haley nghe các câu chuyện thần thoại đó. Khi tôi hết chuyện để kể, thằng bé đã yêu cầu tôi sáng tác ra một câu chuyện mới. Kết quả là câu chuyện về Percy Jackson, một á thần sống ở thời hiện đại mắc chứng hiếu động thái quá/khó đọc, đã được truyền cảm hứng viết ra bởi chính sự cố gắng của con trai tôi.

Năm tháng qua đi, Haley và Percy cùng nhau lớn lên. Percy trở thành một anh hùng. Haley làm được vài việc khá là quả cảm. Thằng bé đã học được cách khắc phục những hạn chế trong việc học, đạt danh hiệu xuất sắc ở trường, trở thành một con mọt sách, và – đã làm tôi vô cùng sửng sốt khi – quyết định viết những cuốn sách của chính mình. Thằng bé vừa hoàn thành xong bản thảo tiểu thuyết đầu tay, dài hơn bất cứ cuốn sách nào tôi từng viết! Tôi cũng phải thừa nhận rằng kỹ năng viết của con trai vượt xa mình khi tôi ở tuổi mười sáu như Haley.

Vào thời điểm viết câu chuyện này, Haley và Percy bằng tuổi nhau – mười sáu. Tôi lấy làm kinh ngạc khi thấy cả hai đứa đã tiến xa như thế nào. Khi lên kế hoạch viết các câu chuyện cho cuốn sách này, tôi chợt nghĩ chắc Haley sẽ có điều gì đó muốn nói về thế giới của Percy. Xét cho cùng, thằng bé là người đã truyền cảm hứng để tôi sáng tác. Nếu không có sự động viên cổ vũ của Halley, tôi sẽ không bao giờ viết ra được *Kẻ Cắp Tia Chớp*.

Tôi đã hỏi Haley là liệu thằng bé có muốn đóng góp gì cho cuốn *Nhật Ký Á Thần* này không. Halley ngay lập tức nhận lấy thử thách. Kết quả là chuyện kể “Con Trai Nữ Thần Phép Thuật”, trong đó Haley đã tạo ra một

phạm vi mới trong thế giới của Percy, được thành hình. Câu chuyện của thằng bé xoay quanh một câu hỏi hấp dẫn: Sau *Vị Thần Cuối Cùng*, chuyện gì đã xảy ra với các á thần gia nhập đội quân của Kronos?

Các bạn sẽ được tái ngộ với một á thần trong số đó. Ngoài ra là vài câu trả lời cho các thắc mắc về cách thức Màn Sương Mù hoạt động cũng như lý do tại sao quái vật có thể “đánh hơi” thấy các anh hùng. Ước gì tôi cũng nghĩ ra được các ý tưởng này!

Mọi việc dường như trở nên thích hợp khi Haley và tôi đã quay lại điểm xuất phát ban đầu. Thằng bé, người đã truyền cảm hứng cho tôi sáng tạo ra Percy Jackson, giờ đang tự mình viết về thế giới của Percy. Tôi xin hân hạnh giới thiệu với các bạn “Con Trai Nữ Thần Phép Thuật”, câu chuyện đầu tiên của Haley Riordan.

CON TRAI NỮ THẦN PHÉP THUẬT

Tác giả: HALEY RIORDAN

“**THÔNG THƯỜNG, TÔI SẼ MỜI AI ĐÓ** đặt câu hỏi khi tôi kết thúc bài diễn thuyết, nhưng thay vì làm vậy, lần này, tôi muốn hỏi các bạn một câu.” Người đàn ông lùi lại một bước, cố nhìn vào mắt từng người một trong số cả ngàn thính giả bên dưới. “Khi bạn chết đi, chuyện gì sẽ xảy ra? Câu hỏi đó dường như khá là ngây ngô nhỉ? Nhưng có ai trong số các bạn biết câu trả lời không?”

Cả thính phòng lặng thinh, hết như những gì ông dự tính...

Tiến sĩ Claymore không trông đợi ai đó sẽ đưa ra câu trả lời sau bài diễn thuyết mà ông vừa trình bày. Ông còn nghĩ thậm chí sẽ không có người nào dám thử giơ tay nêu đáp án.

Tuy nhiên, như mọi khi, có người lại phá tan hy vọng của ông.

Lần này là một cậu bé tóc nâu, da tàn nhang ngồi ở hàng đầu thính phòng. Claymore nhận ra cậu – đó chính là cậu bé đã chạy đến gặp ông ở bãi đỗ xe, kể cho ông nghe cậu là một người hâm mộ ông cuồng nhiệt như thế nào và việc cậu đã đọc hết sách của ông ra sao...

“Cháu?” Tiến sĩ Claymore hỏi cậu. “Cháu nghĩ mình biết sao? Thế thì xin đứng lên, tất cả mọi người đều *nóng lòng* muốn nghe cháu nói.”

Cậu bé đầy hào hứng lúc trước giờ dường như lại im thin thít.

Claymore biết thật tàn nhẫn khi biến một đứa trẻ vô tội thành kẻ ngốc. Nhưng đồng thời ông cảm thấy đó là điều cần thiết.

Claymore chỉ là một diễn viên đang trình diễn cho những người tài trợ mình như bất cứ ông bầu giỏi nào trong một buổi trình diễn ảo thuật. Và cậu bé này đã tình nguyện trở thành một phần trong tiết mục của ông.

Lúc này, toàn bộ thính giả đang chăm chú nhìn cậu bé. Người đàn ông ngồi kế bên cậu – cha cậu, Claymore đoán thế - đang bút rút không yên trên

ghế của mình.

Với quá nhiều sự chú ý chĩa vào như thế, Claymore ngờ rằng đứa trẻ này thậm chí không còn sức để thở. Cậu nhóc trông yếu đuối – gầy trơ xương và ngưng nghịu, chắc chắn là đích làm trò cười ở trường.

Nhưng rồi cậu nhóc có vẻ bề ngoài yếu ớt đó đã làm một việc thật bất ngờ. Cậu đứng dậy và cất tiếng.

“Chúng ta đều không biết,” cậu nói. Cả cơ thể cậu đang run rẩy, nhưng cậu nhìn thẳng vào mắt Claymore. “Ông phê phán ý kiến của mỗi cá nhân về kiếp sau. Xét cho cùng, sau nghiên cứu của mình, sao ông lại muốn có câu trả lời từ mọi người? Chẳng phải chính ông đã tìm thấy cho mình câu trả lời rồi sao?”

Claymore không đáp ngay. Nếu cậu bé dùng từ “thiên đường” hay “đâu thai”, ông sẽ nhanh chóng phản bác lại, nhưng các nhận xét này hoàn toàn khác biệt. Chúng làm cho màn trình diễn vừa rồi của ông trở nên vô cùng khập khiễng. Thính giả quay sang nhìn ông với ánh mắt chỉ trích, như thể họ nhận ra rằng nếu bám theo những từ ngữ vô cùng đơn giản của cậu bé sẽ dễ hiểu hơn là tác phẩm để đời của Claymore.

Dù vậy, giống như bất cứ ông bầu giỏi nào, Claymore đã lên trước kế hoạch dự trù. Ông không để thính phòng im lặng lâu hơn năm giây. Vì nếu thế, ông sẽ có vẻ như đang tỏ ra căng thẳng. Nếu ngắn hơn, thì y như thể ông đang bị cậu nhóc đá kích bất ngờ. Sau một khoảng lặng thích hợp, ông đưa ra câu trả lời mình đã cân nhắc kỹ càng.

“Tôi hỏi tất cả các bạn vì chính bản thân tôi vẫn đang tìm kiếm đáp án,” ông giữ chặt lấy bục giảng. “Và các chân lý phức tạp nhất thường có xuất phát điểm đơn giản nhất. Vào giây phút lâm chung, tôi muốn biết chắc chắn trăm phần trăm rằng điều gì đang chờ đợi mình phía trước. Tôi tin là mỗi một người trong số các bạn cũng sẽ có cùng cảm nhận như tôi vậy.”

Khán phòng vỗ tay nhiệt liệt. Claymore đợi họ ngừng rồi nói lời kết.

“Cuốn sách mới của tôi, *Con Đường Đến Với Cái Chết*, sẽ sớm được ra mắt,” ông kết thúc. “Nếu các bạn muốn biết nhiều hơn, tôi lấy làm vinh dự

khi các bạn đọc nó. Giờ tôi xin chúc các bạn một buổi tối tốt lành. Tôi hy vọng tất cả các bạn sẽ tìm thấy câu trả lời mà mình tìm kiếm.”

Vài thính giả đứng lên vỗ tay hoan hô ông. Claymore thoáng nhoén cười với mọi người lần cuối trước khi bước xuống sân khấu. Nhưng một khi đã khuất khỏi tầm mắt thính giả, ông trở nên cau có.

Đây là những gì đang diễn ra trong đời ông – thực hiện hết chương trình này đến chương trình khác như một con vật nào đó trong gánh xiếc. Ông là người nhìn xa trông rộng, nhưng cùng lúc, là trò cười cho thiên hạ. Có lẽ chỉ có chừng một tá thính giả hiểu được chút ít tác phẩm của ông. Thậm chí ông cũng biết số người chấp nhận nó còn ít hơn con số ấy.

Sự ngu dốt tuyệt đối của người hâm mộ làm ông thấy chán ghét.

“Ông Claymore!” Người chủ trì chương trình của ông chạy lon ton ra sau sân khấu, biểu cảm trên mặt Claymore chuyển từ cau có sang nụ cười tươi rói. Xét cho cùng, bà ta là người trả tiền thù lao cho ông mà.

“Ông là một siêu sao đấy, ông Claymore!” bà ta suýt thì nhảy ra khỏi đôi giày cao gót của mình. “Chúng tôi chưa bao giờ có đồng thính giả như thế!”

Người phụ nữ đứng vững lại, và Claymore ngạc nhiên khi gót giày đã không gãy vụn dưới sức nặng của bà ta. Đó chắc là một ý nghĩ không lịch sự cho lắm, nhưng người phụ nữ này cao gần bằng ông, mà ông thì được xem như thuộc tuýp người cao to. Cách chính xác nhất để miêu tả bà ta hẳn sẽ là một người bà khuôn mẫu, kiểu người thường nướng bánh quy và đan áo len. Thế nhưng, so với hầu hết những người bà thì thân hình bà ta to lớn hơn. Và sự hăng hái nhiệt tình của bà ta thật mãnh liệt, gần giống như một người đói khát. Mà đói khát cái gì mới được chứ? Ông tự hỏi. Claymore cho là thêm nhiều bánh quy hơn nữa.

“Cảm ơn bà,” ông nghiêng răng nói. “Nhưng thật ra tôi là *Tiến sĩ* Claymore.”

“Ừm, ông thật tuyệt!” bà ta cười toét miệng. “Ông là tác giả đầu tiên mà chúng tôi bán cháy vé đấy!”

Trong một thành phố nhỏ như thế này, dĩ nhiên là tôi sẽ làm đầy ắp thánh phòng rồi, Claymore nghĩ. Đã có hơn một nhà phê bình sách gọi ông là trí tuệ vĩ đại nhất kể từ sau Stephen Hawking. Thậm chí ngay khi còn bé, ông đã từng sử dụng tài hùng biện để bản thân trong mắt giáo viên và các bạn cùng trang lứa dường như chẳng thua kém gì thần thánh. Hiện tại, ông được người ta kính trọng tương đương các chính trị gia và các nhà khoa học.

“Tôi thuyết giảng chân lý, và mọi người mong mỏi muốn biết thật sự thì cái chết là như thế nào,” ông viện dẫn lý lẽ từ cuốn sách mới của mình.

Người phụ nữ hình như có chút ham hư vinh và rõ ràng là sẽ tiếp tục ca ngợi ông nhiều tiếng nữa, nhưng bà ta đã đáp ứng được mục đích của chính mình; vì thế Claymore tận dụng cơ hội đó để rời đi. “Giờ tôi cần về nhà, bà Lamia ạ. Chúc bà buổi tối an lành.”

Nói xong, ông rời khỏi tòa nhà và ulla mình vào khí trời ban đêm khô lạnh.

Ông sẽ không bao giờ đồng ý diễn thuyết ở một nơi chán ngắt như Keeseville, New York này nếu như không sở hữu một căn nhà tại đây. Một thánh phòng rộng lớn thật sự nổi bật trong cái thành phố nhỏ bé kỳ lạ này, nơi ông đến để có thể yên tĩnh viết sách.

Với dân số xấp xỉ hai ngàn người, Claymore đoán rằng lượng thánh giả đông đúc tối nay ắt phải đến từ khắp nơi trong bang. Bản thân ông chính là một sự kiện đặc biệt, chỉ diễn ra một lần trong đời. Nhưng với Claymore thì đó là một việc vớ vẩn mà các nhà xuất bản yêu cầu ông làm. Chỉ là một ngày làm việc khác ở văn phòng mà thôi.

“Tiến sĩ Claymore, xin đợi đã!” một giọng nói vang lên phía sau ông, nhưng ông lờ đi.

Nếu đó chẳng phải là người tài trợ cho ông, ông không buộc phải trả lời. Chẳng còn lý do gì nữa... sự kiện đã kết thúc. Nhưng rồi ai đó chộp lấy cánh tay ông.

Ông quay lại và trừng mắt. Là cậu bé đó, người đã cố làm ông trở nên ngu ngốc.

“Tiến sĩ Claymore!” cậu bé thờ đốc. “Khoan đi đã. Cháu cần hỏi ông một vài điều.”

Claymore mở miệng định quở trách cậu bé, nhưng rồi ông khựng lại.

Cha cậu nhóc đứng sau nó vài bước. Chí ít thì Claymore cho rằng người đó là cha cậu. Họ cùng có mái tóc màu nâu và vóc người cao gầy lêu nghêu.

Ông cứ tưởng người đàn ông sẽ mắng cậu nhóc vì nó tỏ ra không lễ phép, nhưng người cha chỉ đứng ngây ra nhìn Claymore.

“Tại sao, đúng rồi, xin chào,” Claymore gượng cười nhìn về phía người cha. “Đây là con trai ông sao?”

“Nó chỉ muốn hỏi ông một câu ngắn gọn thôi,” người cha lơ đãng đáp.

Claymore miễn cưỡng quay sang nhìn cậu bé, không giống cha mình, đôi mắt cậu nhóc bùng cháy sự kiên định mãnh liệt.

“Tôi cho rằng đây là lỗi của tôi,” Claymore nói một cách nhã nhặn nhất có thể. “Tôi nên cho cậu thêm thời gian để phát biểu vào cuối bài diễn thuyết.”

“Điều cháu sắp nói vô cùng quan trọng,” cậu bé nói. “Vì thế ông làm ơn hãy đón nhận nó một cách nghiêm túc ngay cả khi nó nghe có vẻ kỳ lạ nhé?”

Claymore cố kìm nén mong muốn được đi khỏi đây. Ông không thích phải chiều lòng mọi người, nhưng bộ mặt công chúng của ông quan trọng với doanh số bán sách. Ông không thể để người cha ngu ngốc của cậu bé này tuyên bố với cả thế giới rằng họ vừa mới bị từ chối một cách thô lỗ.

“Cháu cứ hỏi đi,” Claymore nói. “Tôi đang nghe đây.”

Cậu bé đứng thẳng người lại. Dù gầy nhom như một cành con, nhưng cậu cao gần bằng Claymore.

“Chuyện gì xảy ra nếu ai đó tìm được cách ngăn cản cái chết?”

Từ sự thay đổi trong giọng điệu của cậu, Claymore cảm nhận được cơn ớn lạnh tràn đến trong huyết quản ông. Giọng nói ấy không còn căng thẳng lo âu nữa, mà thay vào đó là trầm và lạnh như đá.

“Điều đó là không thể,” Claymore khẳng định. “Tất cả sinh vật sống đều sẽ suy tàn theo thời gian. Đến một thời điểm nào đó, cơ thể chúng ta sẽ ngừng hoạt động. Đó là...”

“Ông đã không trả lời câu hỏi,” cậu bé cắt ngang. “Làm ơn cho cháu biết ý kiến trung thực nhất của ông.”

“Tôi không có câu trả lời,” Claymore vắn lại. “Tôi không phải nhà văn. Tôi không cho phép mình thực hiện những điều bất khả thi.”

Cậu bé cau mày. “Tệ thật đấy. Cha ơi, giấy đâu ạ?”

Người đàn ông lấy trong túi áo ra một mẫu giấy và đưa cho Claymore.

“Đây là địa chỉ liên lạc của cháu,” cậu bé nói. “Nếu ông nghĩ ra, hãy gọi cho cháu nhé?”

Claymore trở mắt nhìn cậu, cố không để lộ sự bối rối. “Cháu có hiểu tôi nói gì không thể? Tôi không thể trả lời câu hỏi của cháu.”

Cậu bé nhìn ông với ánh mắt nghiêm nghị. “Xin ông thử suy nghĩ hộ cháu đấy, Tiến sĩ Claymore. Vì nếu ông không làm thế, cháu sẽ chết mất.”

Trên đường về nhà, Claymore cứ liếc nhìn kính chiếu hậu trong xe. Thật lòng mà nói, ông thấy mình thảm hại quá. Cậu bé chỉ đang cố làm ông mất tự tin. Ông không thể để mình chán nản vì những chuyện như thế.

Thời điểm về đến đường lái xe vào nhà, ông cảm giác như mình đã vượt qua chuyện đó. Nhưng rồi ông nhận thấy chính mình đang đặt lại hệ thống báo động trong nhà.

Claymore sống một mình trong căn nhà tự thiết kế. Một trong số các tài năng của ông là nghề kiến trúc sư, và ông muốn ngôi nhà của mình phản ánh trung thực mọi mặt trong con người ông. Vô cùng hiện đại với các đường nét cân đối, nằm ở vị trí tránh xa con đường. Hệ thống camera an ninh và các cánh cửa sổ gắn chắn song bảo vệ cho sự riêng tư của ông, nhưng bên trong, đồ đạc trong các phòng được trang hoàng giản dị, tao nhã và tiện dụng.

Không vợ, không con cái – chẳng có ai trong nhà để làm phiền ông. Thậm chí chả có lấy một con mèo. *Đặc biệt* là không có mèo.

Đây là nơi nghỉ ngơi thoải mái và là ốc đảo *của chính ông*. Sống ở đây luôn khiến đầu óc căng thẳng của ông thấy nhẹ nhõm.

Đúng thế, ngôi nhà xinh đẹp này quả thực đã giúp ông không nghĩ đến cậu nhóc đó. Nhưng chẳng bao lâu sau, ông nhận ra chính mình đang ngồi ở bàn làm việc, đọc tấm thiệp mà người cha đã trao cho ông.

ALABASTER C. TORRINGTON
273 MORROW LANE
518-555-9530518-555-9530

Mã vùng 518, nghĩa là có thể họ sống ở Keeseville. Và Claymore chợt nhớ đến một con đường Morrow Lane nằm đâu đó lưng chừng tuyến đường đến đầu kia thành phố. Alabaster Torrington là tên cậu bé hay tên người cha? Alabaster là một cái tên khá là lỗi thời. Bạn ít biết đến nó, vì phần lớn các bậc phụ huynh không đặt tên con họ theo tên một loại đá⁽¹²⁾.

Claymore lắc đầu. Ông nên ném cái thiệp và quên nó đi thôi. Các cảnh tượng trong cuốn tiểu thuyết *Misery* của Stephen King vẫn đọng lại trong đầu ông⁽¹³⁾. Tuy nhiên, chẳng phải hệ thống báo động là dùng cho trường hợp đó sao, ông tự nhủ; để giữ cho những người hâm mộ quá khích tránh xa ấy. Nếu có ai đó gõ cửa nhà ông dồn dập lúc nửa đêm, cảnh sát sẽ được phái đến ngay lập tức.

Và đừng cho là Claymore không phòng bị. Ông sở hữu một bộ sưu tập súng cầm tay khá lớn, được ông giấu khắp nơi trong nhà. Thêm một phương tiện phòng vệ ầu cũng không phải là quá cẩn thận.

Ông thở dài, ném mẫu giấy lên bàn cùng với các thứ lặt vặt khác. Việc gặp mặt người lạ ở các sự kiện đối với ông chẳng phải chuyện hiếm. Xét cho cùng, với lượng độc giả có chút thông minh từng mua sách của ông, sẽ có ít nhất ba người cầm chúng lên vì họ nghĩ rằng chúng là sách hướng dẫn ăn kiêng.

Tất cả những điều đó chứng minh Claymore không đơn độc trong một thung lũng tối tăm với những người đó. Ông an toàn, ông đang ở nhà, và chẳng có nơi nào tốt hơn nơi này.

Ông mỉm cười với chính mình, ngả người tựa lên ghế làm việc. “Đúng thế, không có gì phải lo lắng,” ông tự nhủ. “Chỉ là một ngày làm việc nữa ở văn phòng mà thôi.”

Ngay lúc đó, tiếng chuông điện thoại vang lên, và nụ cười Claymore biến mất.

Ai mà cần gì vào giờ này cơ chứ? Đã gần mười một giờ đêm. Bất kỳ ai biết điều, hoặc sẽ đang ngủ hoặc nằm cuộn người trên giường với một cuốn sách hay.

Ông định bụng sẽ không trả lời, nhưng điện thoại vẫn không ngừng reo – điều này thật kỳ lạ, xét đến việc hộp thư thoại của ông thường hoạt động sau tiếng chuông thứ tư. Cuối cùng, sự tò mò đã đánh bại ông.

Ông đứng dậy và bước vào phòng sinh hoạt. Vì muốn đơn giản, ông chỉ lắp một đường dây điện thoại trong nhà. Tên người gọi hiển thị: MARIAN LAMIA, 518-555-4164518-555-4164.

Lamia... Đó là người phụ nữ đã tổ chức hội thảo.

Ông cau mày và miễn cưỡng nhắc máy lên, đồng thời ngồi xuống đi-văng.

“Xin chào, Claymore nghe.” Ông không cố che giấu sự khó chịu trong giọng nói của mình. Đây là nhà ông, và việc buộc ông phải trả lời một cú điện thoại cũng chẳng hơn gì so với việc đích thân xông bừa vào nhà. Ông hy vọng bà Lamia đó có lý do chính đáng.

“Ông Claymore!” Bà ta gọi tên ông như thể sắp công bố ông vừa trúng số vậy. “Xin chào, xin chào, xin chào! Ông đang làm gì vậy?”

“Bà có biết giờ là mấy giờ rồi không, bà Lamia?” Claymore hỏi bằng giọng gay gắt nhất mà mình có thể biểu lộ ra được. “Bà có điều gì quan trọng muốn nói với tôi sao?”

“Có chứ! Thật ra tôi muốn nói với ông chuyện đó ngay lập tức!”

Ông thở dài. Người này khiến tâm trạng ông chuyển từ hơi khó chịu sang vô cùng tức giận chỉ trong ba mươi giây.

“Vậy thì đừng có lái nhái những lời vô nghĩa nữa,” ông căn nhắc. “Bà nói đi! Tôi là một người bận rộn và sẽ không tử tế với người quấy rầy tôi đâu.”

Đầu dây bên kia chột im lặng. Claymore gần như tin rằng mình đã làm bà ta sợ hãi. Nhưng mãi sau rồi bà ta cũng nói tiếp, giọng lạnh lùng hơn.

“Được đấy, ông Claymore. Chúng ta không cần phải giả vờ nói chuyện một cách lịch sự, nếu đó là điều ông muốn.”

Ông suýt thì bật cười. Nghe như người phụ nữ này đã công khai là mình đang cố dọa dẫm ông.

“Cảm ơn,” Claymore nói. “Chính xác thì bà muốn gì?”

“Tối nay ông có gặp một đứa trẻ, và nó đã đưa cho ông thứ gì đó,” Lamia huých toẹt. “Tôi muốn ông đưa lại vật đó cho tôi.”

Ông nhăn mặt. Sao bà ta biết chuyện cậu nhóc? Bà ta đã theo dõi ông sao?

“Tôi không đánh giá cao việc bà theo dõi tôi, nhưng tôi đoán trong trường hợp này chuyện ấy chẳng còn quan trọng. Tất cả những gì đứa trẻ kia đưa cho tôi chỉ là một mẫu giấy có viết địa chỉ của nó. Tôi sẽ cảm thấy không thoải mái nếu tôi đưa nó cho bà, người tôi chỉ mới gặp hôm qua.”

Đầu dây bên kia lại im lặng. Ngay khi Claymore chuẩn bị đặt điện thoại xuống, người phụ nữ lên tiếng hỏi, “Ông có tin vào Chúa không, ông Claymore?”

Ông trợn mắt, thấy vô cùng chán ghét người phụ nữ này. “Bà không biết khi nào thì nên ngừng lại sao? Tôi không tin bất cứ điều gì mà tôi không thể tự mình nhìn thấy hoặc cảm nhận. Vậy nên nếu bà đang hỏi tôi theo bối cảnh tôn giáo, câu trả lời là không.”

“Thật đáng tiếc,” giọng bà ta gần như là một lời thì thầm. “Như thế khiến cho công việc của tôi trở nên khó khăn hơn.”

Claymore dập mạnh điện thoại.

Người đàn bà kia bị gì vậy nhỉ? Bà ta bắt đầu cuộc nói chuyện bằng cách gần như thông báo rằng, “Tôi đang theo dõi ông đấy,” và rồi cố cải đạo cho ông nữa chứ. Thế là quá nhiều để cho thấy bà ta là một người bà tốt bụng.

Điện thoại lại réo vang – tên người gọi là Lamia – nhưng Claymore hoàn toàn không có ý định nhắc máy. Ông rút dây điện thoại ra, và mọi việc chấm dứt tại đó.

Có lẽ ngày mai ông sẽ gọi tường trình đến sở cảnh sát. Rõ ràng bà Lamia kia đã bị loạn trí. Thế quái nào mà bà ta lại muốn có địa chỉ của cậu bé đó? Bà Lamia muốn gì từ cậu bé cơ chứ?

Claymore rùng mình. Có một sự thúc giục kỳ lạ trong ông muốn ông cảnh báo cho cậu bé. Nhưng không, đó không phải là chuyện của ông. Ông sẽ để cho mấy kẻ tâm thần đó tự xử trí với nhau, nếu đây là những gì họ muốn. Ông sẽ không xen vào cuộc xung đột giữa hai người họ.

Đặc biệt, không phải vào tối nay. Đêm nay, ông cần được ngon giấc.

Claymore biết rõ tính tò mò và sự phấn khích có thể bóp méo các giấc mơ của một người. Nhưng cái cơ đó không thể giải thích cho điều đang xảy ra.

Ông nhận ra mình đang ở trong một căn phòng rộng lớn, cũ kỹ và phủ đầy bụi. Nó trông giống một nhà thờ không được lau chùi trong cả thế kỷ. Nơi đây chẳng có chút ánh sáng nào ngoài tia sáng màu lục nhạt mờ mờ ở cuối căn phòng. Nguồn sáng bị một cậu bé đang đứng chắn mất lối đi ngay trước mặt ông che khuất. Mặc dầu không thể nhìn rõ ràng, nhưng Claymore chắc chắn đó chính là đứa trẻ ở thính phòng. *Cậu ta* đang làm gì trong giấc mơ của Claymore?

Claymore - người được gọi là người điều khiển giấc mơ - thường biết khi nào họ đang mơ và có thể tỉnh dậy tùy ý. Hiện tại, ông có thể tự đánh thức mình nếu muốn, nhưng ông quyết định không vội làm vậy. Ông đang tò mò.

“Chị ta lại tìm thấy con,” cậu bé lên tiếng. Cậu không nói với Claymore. Lưng cậu đang quay về phía ông, và dường như cậu đang nói chuyện với ánh sáng màu xanh lục kia. “Con không biết liệu lần này mình có thể đánh bại chị ta nữa không. Và con phát hiện thấy chị ta đang đến gần.”

Trong giây lát, chẳng có tiếng trả lời. Rồi, cuối cùng, giọng một người phụ nữ vang lên từ trước cửa phòng. Giọng điệu bà ta dừng dừng, không để lộ tâm trạng, và có điều gì đó về giọng nói ấy khiến Claymore lạnh cả sống lưng.

“Con biết là ta không thể giúp con, con trai ạ,” bà ta cất tiếng. “Đó cũng là con gái ta. Ta không thể đứng về phía một trong hai con được.”

Người cậu bé căng cứng như thể sắp sửa cãi lại bà ta, nhưng rồi cậu kìm lại. “Con... con hiểu, thưa Mẹ.”

“Alabaster, con biết là ta yêu con,” người phụ nữ nói. “Nhưng trận chiến này là do chính con lựa chọn. Con đã chấp nhận lời chúc phúc của Kronos. Con đánh nhau với đội quân của hãn nhân danh ta. Giờ con không thể chỉ đơn giản là quay về với đội quân của con và cầu xin sự tha thứ. Họ sẽ không bao giờ giúp con. Ta đã phải thỏa hiệp để con được an toàn đến giây phút này, nhưng ta không thể can thiệp vào trận chiến giữa con và *người kia*.”

Claymore cau mày. Cái tên Kronos nhắc ông nhớ đến người đứng đầu các Titan trong thần thoại Hy Lạp, con trai của nữ thần đất và thần bầu trời, nhưng phần còn lại của cuộc nói chuyện thì ông không hiểu. Claymore từng hy vọng sẽ nhận thức được một vài điều từ giấc mơ này, nhưng giờ nó có vẻ vô nghĩa – khi mang tính thần thoại và truyền thuyết hơn. Chẳng là gì ngoài những điều hư cấu vô dụng.

Cậu bé, tức Alabaster, bước đến chỗ ánh sáng màu lục. “Lẽ ra Kronos không thua cuộc mới phải! Mẹ đã nói lợi thế giành chiến thắng thuộc về các Titan! Mẹ cũng nói với con rằng Trại Con Lai sẽ bị tiêu diệt!”

Khi cậu bé di chuyển, rốt cuộc Claymore cũng có thể nhìn thấy người phụ nữ mà cậu đang nói chuyện cùng. Bà quỳ ở cuối lối đi, mặt ngược cao như thể đang cầu nguyện với cái cửa sổ kính màu bản bản phía trên bệ thờ. Bà mặc một chiếc đầm trắng với họa tiết trang trí màu bạc lộng lẫy, giống như các dấu hiệu phép thuật hay biểu tượng trong thuật giả kim. Mái tóc đen chớm đến ngang vai.

Dù đang quỳ trên rác và bụi bẩn, nhưng người phụ nữ đó trông khá là sạch sẽ. Và thực tế thì bà chính là nơi phát ra thứ ánh sáng màu lục lờ mờ đang bao lấy bà như một vòng hào quang.

Bà nói chuyện mà không nhìn đến cậu bé. “Alabaster, ta chỉ đơn thuần mách cho con nghe kết quả có khả năng nhất. Ta không cam đoan với con điều đó sẽ xảy ra. Ta chỉ muốn con biết các lựa chọn, để con chuẩn bị cho những gì có thể chờ đợi con phía trước.”

“Được rồi,” cuối cùng Claymore cũng lên tiếng. “Tôi đã nghe đủ rồi. Câu chuyện lỗ bịch này giờ ngừng tại đây thôi!”

Ông muốn nhanh chóng tỉnh dậy. Nhưng vì lý do nào đó ông không thể làm thế.

Cậu bé xoay người lại và nhìn ông hồi lâu với vẻ ngạc nhiên. “Ông?” Cậu quay sang nhìn người phụ nữ đang quỳ. “Sao ông ta lại ở đây? Con người không được phép đặt chân vào nhà một vị thần!”

“Ông ta ở đây vì mẹ đã mời ông ta vào,” người phụ nữ nói. “Con đã nhờ ông ta giúp đỡ, đúng không? Ta hy vọng ông ta sẽ sẵn lòng giúp hơn nếu ông ta hiểu được...”

“Đủ rồi!” Claymore hét lên. “Thật lỗ bịch! Chuyện này không có thật! Đây chỉ là một giấc mơ, và với tư cách là người tạo ra nó, tôi yêu cầu được tỉnh giấc!”

Người phụ nữ vẫn không nhìn ông, nhưng giọng bà nghe khá là vui vẻ. “Rất tốt, Tiến sĩ Claymore. Nếu đó là điều ông muốn, ta sẽ giúp ông.”

Claymore mở choàng mắt ra. Ánh nắng đang ủa qua các cửa sổ trong phòng ngủ.

Kỳ lạ... Khi chọn chấm dứt một giấc mơ, ông thường thức dậy ngay lập tức, vào lúc nửa đêm. Tại sao giờ lại là buổi sáng nhỉ?

Ừm, trái lại, giấc mơ khiến cho cậu bé hôm qua dường như bớt đáng sợ hơn. Lời chúc phúc của Kronos? Ngôi nhà của một vị thần? Alabaster nghe cứ như là thành viên trong một nhóm sắm vai hơn là một tên nhóc tâm thần

mất trí. Các Titan? Claymore cố không bật cười. Cho ông là gì, trẻ lên năm sao?

Claymore cảm thấy nhẹ nhõm và khỏe khoắn. Giờ là lúc bắt đầu công việc thường nhật vào mỗi buổi sáng của ông.

Ông cởi bỏ đồ ngủ, tắm rửa và chọn lấy bộ quần áo thường ngày – cùng kiểu ông đã mặc trong buổi diễn thuyết tối qua: quần tây, áo sơ-mi, giày da màu nâu được đánh bóng. Claymore không tự tin khi ăn mặc xuềnh xoàng.

Ông mặc thêm áo khoác bằng vải tuýt và bắt đầu thu thập đồ đạc cá nhân của mình.

Máy tính xách tay: có. Ví: có. Chìa khóa: có.

Rồi ông ngần ngừ. Ông còn cần thêm một thứ nữa. Đó hoàn toàn là sự phòng ngừa thái quá, nhưng sẽ giúp ông an tâm hơn. Ông mở ngăn kéo bàn làm việc lấy ra khẩu súng ngắn nhỏ nhất – chín mi-li-mét – và nhét nó vào túi áo khoác.

Đêm qua, cậu bé Alabaster kia đã làm lung lay tư tưởng của ông. Nhiều đến mức Claymore đã đi ngủ mà chẳng viết được một dòng, điều mà ông không thể để xảy ra ngay lúc này, khi mà hạn chót cho cuốn sách của ông đã gần kề. Ông không cho phép người hâm mộ quá khích nào ảnh hưởng đến tâm tình và tác phẩm của ông. Nếu điều đó có nghĩa là ông phải mang theo vật gì để có cảm giác an toàn, vậy thì ông sẽ làm như thế.

Quán Café Black. Tên quán là một trò chơi chữ dở tệ, thế nhưng Claymore vẫn trở lại quán hết ngày này đến ngày khác. Xét cho cùng, nơi này bán café ngon nhất Keeseville. Mặt khác, nó là quán café *duy nhất* ở Keeseville...

Ông đã khá là thân quen với chủ quán. Ngay khi ông bước vào bên trong, Burly Black là người đầu tiên chào ông, “Howard! Khỏe không? Vẫn như thường lệ chứ?”

Burly đúng là... ừm, lực lưỡng. Khuôn mặt săn gọn, hai cánh tay to khỏe đầy hình xăm cùng vẻ mặt cáu kỉnh thường trực sẽ đưa anh ta vào danh sách

một băng nhóm đua xe mô-tô bất kỳ nào. Chiếc tạp dề *Hôn Đầu Bếp* là thứ duy nhất khiến anh ta trông giống một người phục vụ.

“Chào buổi sáng,” Claymore đáp lại, ngồi xuống ghế ở quầy phục vụ và lấy máy tính xách tay ra. “Đúng thế, như thường lệ.”

Lúc này ông đã viết đến chương bốn mươi sáu, điều đó khiến cho công việc của ông dễ dàng hơn. Sẽ không có thêm sự hỗ trợ nào cho các độc giả. Nếu đến lúc này mà họ vẫn còn chưa ngộ ra vấn đề thì sẽ là không bao giờ hiểu được cả.

Café và bánh kẹp việt quất xuất hiện trước mặt Claymore, nhưng ông không chú ý gì nhiều đến chúng. Ông đang ở trong thế giới của chính mình, những ngón tay di chuyển trên bàn phím, câu chữ và suy nghĩ của ông dần hiện ra theo một khuôn mẫu dường như không thể hiểu nổi, nhưng Claymore thừa biết những ý tứ đó thật xuất sắc.

Tách café cạn dần. Miếng bánh kẹp giờ chỉ còn lại vài mẩu vụn. Các vị khách khác đến rồi đi, nhưng chẳng ai làm phiền Claymore. Không có gì quan trọng hơn công việc của ông. Đây là những gì ông cần làm để kiếm sống.

Nhưng rồi thế giới riêng của ông tiêu tan khi một người phụ nữ ngồi xuống kế bên.

“Ông Claymore, thật ngạc nhiên làm sao! Tôi không ngờ lại gặp ông ở đây!”

Cơ giận dữ sục sôi bên trong ông. Ông ấn tổ hợp Control-S⁽¹⁴⁾ và đóng máy tính xách tay lại. “Bà Lamia, thật may tôi là một người đàn ông văn minh, bằng không tôi sẽ kéo cái ghế đó ra đây.”

Bà ta bĩu môi, nhìn ông bằng ánh mắt ngây thơ vô tội, nhưng với một người phụ nữ ở độ tuổi bà ta, hành động đó chẳng mang lại sức thuyết phục. “Làm thế không hay lắm đâu, ông Claymore. Tôi chỉ muốn chào ông thôi mà.”

Ông quắc mắt nhìn bà ta. “Là *Tiến sĩ* Claymore.”

“Tôi xin lỗi,” bà ta miễn cưỡng nói. “Tôi luôn quên... tôi không nhớ tên tốt cho lắm, ông biết đấy.”

“Việc duy nhất tôi muốn bà làm là đi cho khuất mắt tôi,” ông nói. “Tôi từ chối cải đạo sang bất cứ một tín ngưỡng nào mà bà thuộc về.”

“Tôi chỉ muốn nói chuyện,” bà ta cố nài. “Không phải là về các vị thần. Mà về thằng nhóc tên Alabaster.”

Ông nhìn bà ta với ánh mắt đầy nghi ngờ. Sao bà ta lại biết tên cậu bé? Claymore đã không hề nhắc đến nó trong cuộc nói chuyện điện thoại tối qua.

Bà Lamia mỉm cười. “Tôi tìm Alabaster được một thời gian rồi. Tôi là chị nó.”

Claymore cười lớn. “Bà không thể bịa ra lời nói dối nào tốt hơn sao? Bà còn già hơn cả cha thằng bé!”

“Ừm, bề ngoài có thể dối gạt mà.” Dường như đôi mắt bà ta long lanh không được tự nhiên, màu lục phát quang, giống hệt ánh sáng trong giấc mơ của Claymore. “Thằng nhóc đó che giấu bản thân rất tốt,” bà ta tiếp tục. “Tôi phải thừa nhận rằng nó ngày càng giỏi trò *ngụy trang bằng phép thuật* hơn. Tôi hy vọng bài diễn thuyết của ông sẽ khiến nó xuất đầu lộ diện, và đúng thế thật. Nhưng trước khi tôi kịp tóm lấy nó, nó đã trốn thoát. Đưa cho tôi địa chỉ của nó, rồi tôi sẽ để cho ông yên.”

Claymore cố tỏ ra bình tĩnh. Bà ta chỉ là một bà già điên khùng, đang làm nhảm những điều vô lý. Mặc dầu từ *ngụy trang bằng phép thuật*... Claymore biết từ La Tinh đó. Nó có nghĩa là *việc bỏ bùa che giấu nơi ẩn trốn*. Người đàn bà này là ai vậy nhỉ, sao bà ta lại muốn cậu bé? Rõ ràng rằng bà ta muốn làm hại Alabaster.

Khi Claymore chăm chú nhìn bà ta, ông nhận ra còn một điều khác nữa... Bà Lamia không chớp mắt. Đã *bao giờ* ông nhìn thấy bà ta chớp mắt chưa nhỉ?

“Bà biết sao không? Tôi chán ngấy và mệt mỏi vì chuyện này rồi.” Giọng Claymore run run mặc dù ông không muốn thế. “Black, cậu vẫn đang nghe chứ?”

Ông nhìn qua phía quầy phục vụ tìm Burly. Vì lý do nào đó, Burly không trả lời ông. Anh ta vẫn tiếp tục lau chùi các tách café.

“Ồ, cậu ta không nghe tiếng ông đâu.” Giọng Lamia hạ thấp xuống thành âm thanh thì thào kèn kẹt mà ông đã nghe qua điện thoại vào tối hôm qua. “Bọn tôi có thể kiểm soát Màn Sương Mù theo ý muốn. Anh ta còn chẳng biết là tôi hiện có mặt ở đây nữa cơ.”

“Màn Sương Mù?” Claymore hỏi. “Bà đang nói cái quỷ gì thế? Chắc chắn là bà mất trí rồi!”

Ông đứng dậy, theo bản năng lùi lại, thọc tay vào túi áo khoác của mình. “Burly, làm ơn tống bà ta ra khỏi đây trước khi bà ta làm hỏng hết buổi sáng của tôi!”

Burly vẫn không đáp lời. Ánh mắt người đàn ông to lớn đó nhìn xuyên qua Claymore như thể ông không có mặt ở đó vậy.

Lamia cười với ông, vẻ tự mãn. “Ông biết không, ông Claymore, tôi nghĩ trước giờ mình chưa gặp được người phạm nào ương bướng như ông đâu. Có lẽ ông cần một sự chứng minh nào đó.”

“Bà không hiểu sao, bà Lamia? Tôi không có thời gian cho chuyện này! Giờ tôi sẽ đi khỏi đây, còn về phần...”

Ông chẳng kịp nói hết câu thì Lamia đã đứng lên và cơ thể bà ta bắt đầu phát sáng. Đôi mắt bà ta biến đổi trước tiên. Hai tròng mắt phồng to, rực sáng màu xanh lục đậm. Hai con ngươi dẹp lại thành hai đường ti hí như họ nhà rắn. Bà ta duỗi một tay ra, và ngay lập tức những ngón tay teo cứng, móng tay biến thành móng vuốt, giống hệt vuốt thằn lằn.

“Tôi có thể giết ông ngay bây giờ đây, *ông Claymore*,” bà ta thì thầm.

Chờ đã... Không, đó không phải là một lời thì thầm. Mà nghe giống tiếng kêu xì xì của một con rắn hơn.

Claymore lấy khẩu súng trong túi áo khoác ra và chĩa thẳng vào đầu Lamia. Ông không hiểu chuyện gì đang xảy ra – có lẽ là một loại ma túy gây ảo giác nào đó đã được bỏ vào tách café của ông. Nhưng ông không thể để người phụ nữ này – *sinh vật* này – thắng ông được.

Những móng vuốt đó có thể là ảo ảnh, nhưng bà ta vẫn đang chuẩn bị tấn công ông.

“Bà thật sự cho rằng tôi sẽ cư xử một cách tự mãn gần một kẻ điên nếu tôi không chuẩn bị thứ gì tự vệ sao?” ông hỏi.

Bà ta gầm gừ và lao đến, giương hết móng vuốt của bà ta ra.

Claymore chưa bao giờ bắn bất cứ thứ gì, nhưng bản năng của ông đã tự làm điều đó. Ông bóp cò. Lamia loạng choạng lùi lại, rít lên.

“Sinh mệnh là thứ vô cùng mong manh,” ông nói. “Có lẽ bà nên đọc sách của tôi! Tôi chỉ hành động để tự vệ mà thôi!”

Bà ta lại lao tới tấn công. Claymore bắn thêm hai phát nữa vào đầu người phụ nữ, và bà ta đổ ập xuống sàn.

Ông mong chờ sẽ có nhiều máu hơn chảy ra... nhưng điều đó không quan trọng. “Cậu-cậu nhìn thấy tình huống chứ, Burly?” ông gặng hỏi. “Tôi buộc phải làm thế!”

Ông quay sang nhìn Black, rồi cau mày. Burly vẫn đang lau chùi các tách café.

Burly không thể nào không nghe thấy tiếng súng. Sao chuyện đó có thể xảy ra nhỉ? *Tại sao chứ?*

Và rồi thêm một điều không thể nữa xảy ra. Xác chết dưới chân ông bắt đầu cục cựa.

“Tôi hy vọng giờ ông đã hiểu, ông Claymore.” Lamia đứng lên và nhìn trừng trừng vào ông với con mắt rắn còn sót lại. Toàn bộ nửa bên trái khuôn mặt bà ta đã bị thổi bay đi, nhưng nơi đáng lý ra phải có máu và xương lại là một lớp cát đen thật dày.

Hình ảnh đó trông như thể Claymore vừa mới phá hủy một phần của lâu đài cát... và thậm chí phần đó còn đang từ từ tái tạo lại.

“Bằng việc tấn công tôi bằng vũ khí của người phạm,” bà ta rít lên, “ông đã tuyên chiến với con của nữ thần Hecate! Và tôi không đón nhận cuộc chiến theo cách nhẹ nhàng đâu!”

Đây... đây không phải là một giấc mơ, ảo ảnh do ma túy hay bất cứ thứ gì khác. Chuyện này là không thể... Sao chuyện này lại là thật cơ chứ? Sao bà ta vẫn còn sống?

Tập trung nào! Claymore tự nhủ. Chắc chắn điều này là thật, vì nó chỉ vừa mới xảy ra!

Và vì thế, là một người theo thuyết lô-gíc, Claymore đã làm điều hợp lý nhất. Ông cầm chắc súng rồi bỏ chạy.

Lần cuối cùng Claymore nhìn thấy một dụng cụ khóa bánh xe cách đây đã nhiều năm rồi, trên chiếc xe thuê ông đỗ trái quy định ở Manhattan – nhưng hiện tại, dĩ nhiên, vào một buổi sáng như bao buổi sáng khác, một chiếc khóa xuất hiện trên lốp xe của ông. Việc lái xe đi không còn là một lựa chọn tốt nữa.

Lamia đang tiến đến mỗi lúc một gần hơn. Bà ta lê bước ra khỏi quán café, mắt trái bà ta đang dần phục hồi với ánh mắt vô cùng giận dữ.

Một chiếc xe chạy ngang qua và Claymore cố vẫy nó ngừng lại, nhưng cũng giống như những gì vừa mới diễn ra với Black, tài xế dường như không để ý thấy ông.

“Ông không hiểu sao?” Lamia rít lên. “Các anh em người phàm của ông không thể nhìn thấy ông! Ông đang ở trong thế giới của tôi!”

Claymore không tranh cãi. Ông chấp nhận lời giải thích của bà ta cho việc vừa mới xảy ra.

Bà ta đi nghiêng ngả, ung dung tiến về phía ông. Giờ đây bà ta ít giống một con rắn hơn, mà lại tựa tựa như con mèo đang vờn mồi.

Ông cũng không đánh bại được bà ta. Claymore chỉ còn năm viên đạn. Nếu ba viên vào đầu chả ngăn nổi bà ta, ông không cho là những thứ khác sẽ giúp ích được mình, trừ phi là một quả lựu đạn cầm tay thì may ra.

Claymore có một lợi thế. Dù có suy diễn thế nào đi chăng nữa thì ông cũng không phải là một vận động viên, nhưng trông Lamia khó mà di chuyển từ ghế đi-văng đến tủ lạnh cho nhanh được. Ông có thể chạy đi và sống sót lâu hơn bà ta, cho dù bà ta có là loại quái vật nào đi chăng nữa.

Giờ bà ta đang ở cách ông khoảng ba mét. Claymore cười mỉa đầy thách thức với bà ta rồi quay người lại và chạy như bay theo trục đường chính. Chỉ có khoảng mười hai cửa hàng ở trung tâm thị trấn, và đường phố quá ư là thoáng đãng. Ông sẽ phải rẽ sang đại lộ thứ hai, có thể cắt đuôi bà ta ở con phố ngang nào đó. Rồi ông sẽ về nhà, khởi động hệ thống an ninh và liên lạc với cảnh sát. Một khi đã ở nhà, ông sẽ...

“Incantare: Gelu Semita!” Lamia hét lên đằng sau ông.

Đó là tiếng La-tinh... một câu thần chú. Bà ta đang đọc một thần chú nào đó.

Claymore chưa kịp có thời gian để dịch cụm từ thì không khí quanh người ông dường như hạ xuống chừng mười bảy độ. Dù chẳng có lấy đám mây nào trên trời, mưa đá vẫn bắt đầu rơi xuống. Ông xoay người lại, nhưng Lamia đã biến mất.

“Câu thần chú: Con đường Băng giá...” ông lớn tiếng dịch câu thần chú đó ra, hơi thờ ông bốc khói. “Thật vậy sao? Bà ta đang sử dụng phép thuật sao? Điều này lỗi bịch quá!”

Rồi giọng bà ta vang lên phía sau ông: “Ông đúng là một người thông minh đấy, ông Claymore. Giờ thì tôi đã hiểu sao em trai tôi lại tìm kiếm ông.”

Ông quay người về phía giọng nói, nhưng một lần nữa, bà ta không ở hướng đó.

Muốn tiếp tục trêu chọc ông đây mà... Tốt thôi. Ông sẽ phải làm nhiều việc hơn là chỉ chạy trốn. Bà ta không phải là con người, nhưng ông sẽ tiếp cận bà ta như bất cứ kẻ địch nào. Ông sẽ phải nghiên cứu kỹ kẻ thù, nhận biết các điểm yếu của bà ta.

Rồi ông sẽ tìm được lối thoát cho mình.

Ông chìa tay về phía đám mưa đá. “Cách đây mười phút, có thể là tôi cho rằng chuyện này không thể xảy ra được, nhưng tôi hiểu một điều: nếu đây là cách thể hiện mức độ sức mạnh của bà, chẳng trách chúng tôi không thấy được

nhều quái vật giống như bà vậy!” Ông cười toe toét. “Àt là chúng tôi đã giết hết chúng rồi!”

Bà ta giận dữ rít lên. Mưa đá rơi xuống thêm nặng hạt hơn, cả không gian tràn ngập sương mù giá lạnh. Ông chìa súng ra, sẵn sàng chờ đợi bà ta tấn công mình ở bất cứ hướng nào.

Dù không quan tâm nhiều lắm đến những điều hư cấu, ông cũng đã dành cả sự nghiệp mình cho việc nghiên cứu các tín ngưỡng cổ đại. Các câu thần chú thật ra là một khái niệm đơn giản: nếu bạn thốt ra một điều gì với đủ sức mạnh ẩn đằng sau, việc đó có thể trở thành sự thật.

Câu thần chú vừa rồi nhất định là một dạng thần chú hoán chuyển nào đó. Nếu không bà ta sẽ không dùng từ *semita*. Bà ta đang tạo ra một con đường cho riêng mình, và lớp băng này là cách thức di chuyển – che giấu vị trí và khiến cho Claymore khó mà di động hay đoán trước đòn tấn công tiếp theo.

Bà ta cố ý làm Claymore cảm thấy nản lòng, nhưng ông buộc mình phải tập trung. Mặt đất quanh ông giờ đã phủ đầy băng giá. Ông vẫn đứng im và đờng tai lắng nghe, biết rằng bà ta sẽ lợi dụng cơ hội nào đó để tấn công ông.

Có lẽ bà ta đang vờn ông, nhưng Claymore không định chết dưới tay một kẻ ngốc như bà ta, nhất là khi bà ta dễ dàng nổi giận trước sự nhạo báng của ông như thế...

Claymore nghe thấy tiếng giày cao gót lạo xạo trên lớp băng, để lộ ra vị trí hiện tại của bà ta. Lập tức ông quay người lại, tránh sang bên, đúng lúc bà ta cào trúng nơi ông đang đứng. Trước khi bà ta kịp lấy lại thăng bằng, ông nã súng.

Xương bánh chè trái của bà ta nổ tung thành bụi đen, và cơn mưa đá ngừng lại. Lamia loạng choạng, mặc dầu nhìn vẻ mặt thì vết thương thậm chí cũng chả làm bà ta sợ hãi.

Nửa dưới một bên chân bà ta đã bị phân hủy, nhưng nó đang tái tạo lại.

Claymore không mong rằng mình sẽ giết được bà trong lần này. Ông cẩn thận quan sát bà ta tự lành lại, tính thời gian bà ta phục hồi. Với mỗi một

viên đạn, ông ước tính mình có khoảng một phút.

“Người vẫn chẳng hiểu gì hết, người phàm ạ!” bà ta nói. “Những vũ khí đó không thể giết chết ta! Chúng chỉ làm cho ta chậm lại mà thôi!”

Claymore nhìn bà ta và cười lớn. “Nếu bà nghĩ tôi đang cố giết bà, bà thật sự là một kẻ dở người đấy! Rõ ràng giờ tôi đã biết bà bất tử, vậy tại sao tôi còn phải cố làm vậy cơ chứ? Không, tôi không thể giết bà. Nhưng tôi đã lượm lặt được vài điều thú vị trong khoảng thời gian chúng ta ở bên nhau.” Ông chĩa súng vào bà ta. “Bà không muốn giết tôi ngay lúc này. Nếu không bà sẽ chẳng phung phí thời gian trút mưa đá xuống người tôi. Bà muốn làm tôi sợ, hy vọng tôi sẽ dẫn bà đến chỗ thằng bé. Cậu ta là mối đe dọa của bà, đúng không? Tất cả những gì tôi cần làm là tìm được cậu ta, và rồi cậu ta có thể dễ dàng đánh bại bà. Và tôi biết chính xác cậu bé đang ở đâu!”

Khi chân đã được gắn xong, bà ta rít lên, nhưng Claymore lại bắn vào chân bên kia.

“Nếu có đủ đạn, tôi có thể ngồi đây suốt cả ngày!” Claymore cười nhạo. “Bà thật vô dụng! Có lẽ tôi nên kiếm một cái máy hút bụi rồi chấm dứt mọi chuyện với bà mới được!”

Ông cứ ngỡ kẻ độc ác kia sẽ nhận ra là lúc này bà ta đang phó mặc cho ông định đoạt, nhưng vì lý do nào đó, bà ta vẫn tiếp tục mỉm cười.

Mưa đá đã hoàn toàn chấm dứt Mọi thứ trên mặt đất giờ tan biến vào hư vô, vì thế Claymore dám chắc dù bà ta vừa sử dụng câu thần chú nào thì nó cũng đã kết thúc. Sao bà ta vẫn cả gan mỉm cười như thế nhỉ?

“Người đứng là tên người phàm ngạo mạn nhất mà ta từng gặp! Tốt thôi! Nếu người không đưa ta đến chỗ thằng bé, ta sẽ rất hân hạnh được tiêu diệt người!” Bà ta đung đưa chiếc lưới như lưới rã. “*Incantare: Templum Incendere!*”

“Ngôi đền Lửa,” Claymore dịch ra.

Chắc đây là một câu thần chú tấn công – ông sắp bị thiêu cháy bằng lửa theo cách nào đó. Claymore bắn cái chân vừa mới tái tạo của bà ta thành bụi và bỏ chạy.

Câu thần chú chắc chắn không có tác dụng ngay lập tức, nhưng ông không định tìm hiểu xem nó hoạt động như thế nào. Ông sẽ tận dụng lợi thế từ thực tế rằng không có người phạm nào có thể nhìn thấy mình.

Claymore chạy nước rút quay trở lại quán Café Black và đẩy cửa tiến vào.

Ắt là Black đang có quãng thời gian cực kỳ vui vẻ với công việc lau chùi các tách café vì anh ta vẫn đang làm thế.

Claymore không quan tâm. Ông thò tay vào túi quần Black và chộp lấy chùm chìa khóa xe bán tải của anh ta – thậm chí Black còn không nhận thấy hành động đó.

Ngay khi Claymore nghĩ rằng mình đang hành sự thật thuận lợi, ông nghe thấy cái giọng the thé của Lamia vang lên: “Người thật sự cho ta là kẻ ngốc sao?”

Bà ta ở ngay phía sau ông... nhưng sao điều này lại có thể xảy ra chứ? Ông đã đoán là thời gian tái tạo của bà ta mất khoảng một đến hai phút. Chẳng thể nào bà ta lại theo kịp ông nhanh đến như thế.

Claymore không kịp phản ứng. Ngay đúng lúc ông vừa xoay người, bà ta liền bấu chặt những cái vuốt thằn lằn đó quanh cổ ông và khẩu súng của ông rơi ngay xuống sàn.

“Ta đã dạo bước khắp thế gian này hàng ngàn năm nay!” bà ta rít lên, đôi mắt xanh lục đậm trừng trừng nhìn ông. “Người chỉ là một kẻ người trần mắt thịt! Mù quáng! Ta từng giống như người vậy, trước đây ấy. Ta nghĩ rằng mình trội hơn các vị thần. Ta là con gái của nữ thần phép thuật Hecate. Chính Zeus cũng từng phải lòng ta! Ta đã cho là mình bình đẳng với ông ta! Nhưng rồi hãy xem các vị thần đã làm gì với ta?”

Bà ta siết cổ ông mạnh hơn, và Claymore há miệng để lấy thêm không khí. “*Hera đã tàn sát các con ta ngay trước mắt ta! Á ta...! Người đàn bà đó...!*”

Một giọt nước mắt chảy dài xuống khuôn mặt đầy vảy nọ, nhưng Claymore chẳng mấy may quan tâm đến câu chuyện thảm thiết của sinh vật

kia. Ông huých gối thật mạnh vào ngực bà ta và nghe thấy tiếng những chiếc xương sườn gãy răng rắc thật đúng ý.

Lamia bật ngửa ra sau. Hy vọng là xương sườn của bà ta sẽ cần thời gian để liền lại. Bà ta gập cong người, thở khò khè, như thế quá đau, không đứng lên được.

“Ta đã triệu hồi Đền thờ Lửa,” bà ta nói. “Đó là câu thần chú sẽ phá hủy nơi thiêng liêng của người – bất cứ nơi nào mà người đặt niềm tin vào nhiều nhất. Có lẽ ta không thể khiến người cảm nhận được nỗi đau của ta, nhưng ta vẫn có thể mang đi những gì quý giá nhất với người! Ta có thể tước đoạt tất cả bằng một cái vẫy tay!”

Đột nhiên nhiệt độ trong quán tăng lên, như thể nơi đây là một phòng tắm hơi và nhiệt độ cứ dần gia tăng.

Những cái bàn bắt lửa đầu tiên, rồi đến ghế, và sau đó...

Claymore cuống cuống lao về phía Black, người vẫn đang vui vẻ lau chùi những tách café.

“*Incantare: Stulti Carcer!*” Lamia kêu lên.

Hai chân Claymore bỗng nặng như chì. Ông cố buộc mình di chuyển, nhưng không thể. Ông như bị dính keo vào chỗ đang đứng vậy.

Lửa bắt đầu lan lên tạp dề của Black. Ngay sau đó toàn bộ cơ thể anh ta cháy phừng phừng. Điều kinh khủng nhất là anh ta còn không nhận ra điều gì đang xảy ra với mình.

Claymore hét lớn gọi anh ta, nhưng chẳng ích gì. Ông phải chứng kiến người bạn thật sự và duy nhất của mình ở Keeseville bị thiêu cháy ngay trước mắt mình.

“Thần linh có thể làm thế đấy!” Lamia gào lên. “Họ có thể xóa sổ mọi thứ mà người yêu quý chỉ trong một giây, và ta cũng vậy!” Bà ta quay sang hướng máy tính xách tay của ông. “Ta sẽ hủy diệt cái đó nữa – tác phẩm mới nhất của người!”

Bà ta khoát tay ra hiệu và ngọn lửa từ phía bên kia quầy bar ồ ạt tiến về phía ấy. Lớp vỏ nhựa bắt đầu tan chảy. “Hãy cố cứu nó đi, Claymore!” bà ta chế nhạo. “Nếu bây giờ ông đến đó và dập lửa, sẽ không quá muộn đâu.”

Bà ta gập tay lại và Claymore chợt thấy hai chân mình có cảm giác.

“Đi đi, anh chàng bé con,” bà ta rít gào. “Cứu lấy những gì quý giá nhất của người đi. Người sẽ thất bại! Cũng giống như ta...”

Lamia không kịp nói hết câu vì năm đấm của Claymore đã bay thẳng vào mặt bà ta.

Bà ta đổ ầm xuống một cái bàn. Claymore tấn công bà ta bằng một cú đấm khác, tay ông giờ bị bao phủ bởi cát đen. “Sao bà có thể đứng yên và ăn nói như thế sau khi tước đi mạng sống một con người?” ông hét lớn.

Bà ta vươn hai bàn tay đầy móng vuốt về phía ông, nhưng Claymore đã hất chúng đi. Ông lật ngược cái bàn lại và bà ta rơi bịch xuống sàn.

“Bà đã giết anh ta!” ông gào to. “Burly chẳng liên quan gì đến chuyện này, thế mà bà đã giết anh ta! Tôi không quan tâm bà là loại quái vật nào! Vì vào thời điểm tôi xong việc với bà, bà sẽ ước rằng thà *Hera* giết chết bà còn hơn!”

Bà ta mở miệng. “*Incantare: Stu...!*”

Claymore đá vào hàm bà ta, và hàm dưới tan biến thành cát.

Ngọn lửa đang mỗi lúc một lớn hơn. Khói cay xè thiêu đốt phổi Claymore, nhưng ông không để ý đến. Ông đá và đấm vào người Lamia, biến bà ta thành một đồng cát khi bà ta cố tái tạo lại, hết lần này đến lần khác.

Thế nhưng... ông biết mình không thể tiếp tục làm vậy mãi. Ông không thể để cơn giận dữ kết thúc cuộc đời mình. Đó là những gì Lamia muốn. Dù ông có làm gì đi nữa, bà ta vẫn sẽ không sao, nhưng ông thì không được như thế – nội khói thôi cũng đủ làm ông khó thở. Ông phải ra khỏi đây. Nếu không thì đồng cát dưới chân ông cuối cùng vẫn chiến thắng.

Phải mất ít nhất một phút bà ta mới tái tạo xong, ông đoán thế, đủ thời gian cho ông biến khỏi nơi này.

Ông nhìn xuống đồng cát đang xoáy tít, tự hỏi liệu nó có nghe thấy ông nói hay không. “Lần gặp tới, tôi sẽ biết được cách kết liễu bà. Bà sẽ chết chắc đấy. Một khi bà mọc lại hai chân, tôi đề nghị là bà nên bỏ trốn thì hơn.”

Ông nhặt súng từ dưới sàn lên và bắn vào đồng cát – viên đạn cuối cùng, vì Burly Black.

Làm vậy vẫn chưa đủ. Công lý phải được thực thi, và nếu linh cảm của Claymore đúng, ông biết chính xác ai sẽ là người thực hiện điều đó.

Khi cảnh sát khám phá ra ông đã lấy chiếc bán tải của Black, liệu họ có đổ lỗi cho ông về vụ cháy không? Liệu họ có buộc tội ông giết Black không?

Một con quái vật thực thụ đang đuổi theo ông, trong khi Claymore lại có thể bị xem là kẻ thù của pháp luật. Nếu là trong tình huống khác, hẳn ông sẽ cảm thấy điều đó khôi hài đến phi lý; nhưng lần này thì không, không phải khi Black đã chết.

Chắc chắn Black sẽ đồng ý cho Claymore lấy xe thôi... Claymore đạp ga, phóng đi bằng vận tốc nhanh nhất có thể mà không gây ra tai nạn.

Lamia sở hữu một mớ thần chú tùy ý sử dụng. Còn tất cả những gì Claymore có được chỉ là một phút chạy trước.

Claymore không thích những trở ngại, nhưng ông có cách biến những bất lợi trở thành lợi thế của mình. Xưa giờ, dù chẳng có lấy một lợi thế nào trong đời, nhưng ông đã cố gắng hoàn thành xong học vị Tiến sĩ và trở thành một tác giả thành công. Bằng tài năng, ông đã gây dựng được tiếng tăm cho mình. Dẫu có bị đẩy vào một thế giới kỳ lạ nào đó, nơi lũ quái vật và các vị thần còn tồn tại, ông cũng không cho phép mình thua cuộc. Không phải với Lamia, không phải với Hecate, hay bất cứ ai.

Ông đỗ xe trước ngõ và chạy vào bên trong, trang bị lại hệ thống báo động, đồng thời khóa chặt cánh cửa sau lưng mình.

Ông không định nán lại lâu hơn một phút, nhưng hệ thống cảnh báo sẽ báo trước cho ông biết phòng trường hợp Lamia đến đây nhanh hơn dự tính.

Ông cố tập trung suy nghĩ. Ất là cậu bé Alabaster biết điều gì đó về Lamia. Trong giấc mơ của Claymore, Alabaster đã nói với người phụ nữ mặc đồ trắng cậu đang bị săn đuổi. Người phụ nữ đã cảnh báo Alabaster rằng bà ta không thể can thiệp vào cuộc chiến của con cái mình. Thế có nghĩa người phụ nữ đó là nữ thần Hecate, còn Lamia và Alabaster đều là con bà ta, đang mắc kẹt trong một cuộc chiến một mất một còn nào đó.

Chuyện gì xảy ra nếu ai đó tìm được cách ngăn cản cái chết? ở bên ngoài thính phòng, cậu bé đã hỏi ông như vậy. Alabaster cần có cách để đánh bại Lamia, kẻ sống dai như đĩa. Nếu không Lamia sẽ lấy mạng *cậu ta*. Vì thế cậu ta bắt tay với chuyên gia về cái chết xuất sắc nhất – Tiến sĩ Howard Claymore.

Ông cầm tấm thiệp trên bàn làm việc lên và bấm số trên di động. Nhưng câu trả lời ông nhận được không hẳn là tiếng kêu la nhờ giúp đỡ.

“Ông muốn gì?” cậu bé hỏi bằng giọng lạnh tanh. “Tôi biết câu trả lời của ông là Không rồi. Vậy thì giờ có chuyện gì đây? Ông muốn tôi nói với ông rằng giấc mơ tối qua không phải là sự thực sao?”

“Tôi không phải thằng ngốc,” Claymore vừa vặn lại vừa điều chỉnh hệ thống báo động trên đường ra khỏi nhà. “Tôi vừa biết chuyện đó là thực, và tôi cũng biết luôn rằng *chị gái* cậu đang cố giết tôi. Tôi mới bị tấn công trong khu mua sắm, có khả năng là vì cậu đã yêu cầu tôi giúp cậu.”

Cậu bé dường như sững sốt đến nỗi không nói nên lời. Cuối cùng, khi Claymore chui vào xe của Black, Alabaster hỏi, “Nếu bà ta tấn công ông, sao giờ ông vẫn còn sống?”

“Như tôi đã nói, tôi không phải là một thằng ngốc,” Claymore đáp lại. “Nhưng kết quả của việc cậu lôi kéo tôi vào vụ này là một người bạn của tôi đã chết.”

Ông giải thích ngắn gọn những gì đã xảy ra trong quán Café Black.

Lại thêm một đổi im lặng nữa.

Claymore khởi động xe. “Vậy?”

“Chúng ta cần phải ngừng nói chuyện,” Alabaster lên tiếng. “Bọn quái vật có thể lần theo các cuộc điện thoại. Hãy đến nhà tôi và tôi sẽ giải thích tôi cần ông làm gì. Nhanh lên nhé.”

Claymore quăng điện thoại lên ghế và giậm mạnh chân ga.

Đường nhà Alabaster là một con phố cụt, một ngõ cụt chẳng có gì đằng sau ngoài các vách đá vôi hướng về phía sông Hudson. Điều đó có nghĩa là họ sẽ không bao giờ bị tấn công từ sau tới, nhưng như thế đồng nghĩa với việc chẳng có lối nào tháo chạy.

Không phải ngẫu nhiên mà Alabaster dựng nhà ở đây, Claymore cho là thế. Alabaster có ý rằng đây sẽ là nơi cậu ta có thể dễ dàng phòng vệ, cho dù là mất đi cơ hội tháo lui. Một địa điểm hoàn hảo cho đợt kháng cự cuối cùng.

Thực tế, số nhà 273 nằm ở tận cùng con phố cụt.

Chẳng có gì thu hút, chẳng có gì đặc biệt. Cỏ cần được cắt tỉa và tường cần sơn mới. Đó không phải là ngôi nhà đẹp nhất thế giới, nhưng nó vừa đủ để một gia đình bình bình gọi là nhà.

Claymore bước lên gõ cửa. Ông không phải đợi lâu.

Người ra mở cửa là người đàn ông Claymore đã gặp hôm qua, cha của Alabaster. Đôi mắt đờ đẫn của ông ta chăm chú nhìn Claymore, và rồi ông ta mỉm cười. “Chào anh bạn! Mời vào. Tôi đã pha sẵn trà cho ông đó.”

Claymore cau mày. “Thật tình thì vào lúc này tôi không quan tâm lắm đến việc đó. Chỉ cần đưa tôi đến gặp con trai ông thôi.”

Vẫn tiếp tục mỉm cười, người đàn ông dẫn Claymore vào trong.

Không giống bên ngoài, phòng khách vô cùng cầu kỳ. Mọi thứ đều bóng loáng, sắp xếp ngăn nắp và không có lấy một chút bụi. Trông như thể tất cả các vật dụng này vừa mới được tháo ra khỏi lớp bọc nhựa vậy.

Lửa cháy lách tách trong lò sưởi, và theo như hứa hẹn, trà đã đặt sẵn trên bàn nước.

Claymore lờ tách trà đi. Ông ngồi xuống ghế sofa. “Ông Torrington đúng không? Ông thực sự hiểu tình huống mà tôi gặp phải rồi phỏng? Tôi đến đây để tìm kiếm các câu trả lời.”

“Trà sẽ nguội mất,” người đàn ông lên tiếng, miệng nhoen cười vui vẻ. “Ông uống đi!”

Claymore nhìn vào mắt ông ta. Đây là vũ khí bí mật của ông ta sao? “Ông có gốc không thế?”

Người đàn ông chưa kịp đáp lại thì cánh cửa dẫn đến phòng chính mở ra, và cậu bé bước vào.

Vẫn đầy tàn nhang và mái tóc nâu như ngày hôm qua, nhưng áo quần trên người cậu lại hết sức kỳ quái. Cậu ta mặc áo vest chống đạn bên ngoài áo sơ-mi dài tay màu xám đậm. Quần cũng màu xám, nhưng điều kỳ lạ nhất về bộ áo quần của cậu ta là các ký hiệu.

Các hoa văn vô nghĩa được vẽ nguệch ngoạc ngẫu nhiên khắp áo sơ-mi và quần. Trông như cậu ta đã để cho một đứa trẻ năm tuổi nào đó nổi điên lên với một cây bút lông dầu Sharpie màu lục.

“Tiến sĩ Claymore,” cậu ta nói, “đừng bận tâm tới việc nói chuyện cùng cộng sự của tôi. Ông ấy sẽ không kể cho ông điều gì thú vị đâu.”

Mọi sự bất an và lo lắng dường như biến mất khỏi người cậu bé. Cậu đứng thẳng người và dáng vẻ quả quyết, như lúc cậu cố chế giễu Claymore trong thính phòng vậy.

Claymore liếc người đàn ông rồi quay sang nhìn Alabaster. “Sao lại thế? Chẳng phải ông ấy là cha cậu ư?”

Alabaster cười to. “Không phải.” Cậu thả người xuống ghế sofa và cầm một tách trà lên. “Ông ấy là Người Sương Mù. Tôi đã tạo ra ông ấy với vai trò người giám hộ, vì thế mọi người không phải đặt câu hỏi với tôi.”

Mắt Claymore mở lớn. Ông nhìn người đàn ông có vẻ như đang tập trung lắng nghe cuộc nói chuyện của họ. “Tạo ra ư? Bằng phép thuật, ý cậu là vậy sao?”

Alabaster gật đầu, thọc tay vào túi quần và lấy ra một tờ giấy hoa dùng để viết thư trắng trơn. Cậu ta đặt nó trên bàn và gõ lên đó hai cái.

Người đàn ông, Người Sương Mù, tan biến ngay trước mắt Claymore, biến thành hơi nước khi ông ta bị hút vào tờ giấy. Người Sương Mù biến mất rồi, Alabaster cầm tờ giấy lên, và Claymore có thể nhìn thấy trên tờ giấy đó giờ có in bức phác họa thô một người đàn ông màu xanh lục.

“Đấy, thế tốt hơn nhiều.” Alabaster cố mỉm cười. “Sau một lúc nữa ông ấy sẽ bực mình cho xem. Tôi biết điều này với một người phàm mà nói thật khó tiếp thu được.”

“Tôi sẽ cố,” Claymore nói qua loa với cậu ta. “Tôi quan tâm nhiều hơn về chuyện của Lamia, đặc biệt là cách để giết bà ta.”

Alabaster thở dài. “Tôi đã nói với ông rồi đấy, tôi không biết. Đó là lý do tôi nhờ đến sự giúp đỡ từ ông. Ông còn nhớ điều tôi đã hỏi trong bãi đỗ xe không?”

“Chuyện gì xảy ra nếu ai đó tìm được cách ngăn chặn cái chết?” Claymore nhắc lại. “Sao điều đó lại quan trọng? Có liên quan gì đến sự tái tạo của Lamia không?”

“Không, tất cả bọn quái vật đều như thế. Có hai cách để kết liễu một quái vật: Cách thứ nhất là dùng một vật liệu kim loại thần thánh. Cách thứ hai là một loại phép thuật trói buộc có thể ngăn chúng không tái tạo trong thế giới này. Nhưng việc giết bà ta không quan trọng; tôi đã làm được điều đó. Vấn đề là bà ta sẽ không chết.”

Claymore nhướn một bên mày. “Ý cậu là gì khi cậu nói *sẽ không chết* ấy?”

“Chính xác từng chữ một đấy,” Alabaster giải thích. “Nếu tôi giết bà ta, bà ta sẽ không chết hẳn, cho dù tôi có thử bất cứ cách nào đi chăng nữa. Hầu hết khi bị phân hủy, linh hồn của bọn quái vật sẽ quay lại Tartarus và phải mất nhiều năm, có thể là hàng thế kỷ chúng mới có thể tái sinh. Nhưng Lamia thì ngay lập tức sẽ quay lại. Đó là lý do tôi đến tìm ông. Tôi biết ông đã nghiên cứu các khía cạnh tâm linh về cái chết, chắc là nhiều hơn ai khác

trên thế giới này. Tôi đang hy vọng ông có thể nghĩ ra cách làm cho thứ gì đó không sống lại sau khi chết.”

Claymore nghĩ về điều cậu bé nói trong một giây, rồi lắc đầu. “Tôi không muốn gì khác hơn ngoài việc tiêu diệt sinh vật đó, nhưng chuyện này vượt quá khả năng của tôi. Tôi cần hiểu thế giới của cậu nhiều hơn – cách các vị thần và quái vật hoạt động, và các quy tắc phép thuật của cậu. Tôi cần thông tin.”

Alabaster cau mày, sau đó nhấp một ngụm trà. “Tôi sẽ kể cho ông nghe những gì tôi có thể tiết lộ, nhưng có lẽ chúng ta không có nhiều thời gian. Lamia đang mỗi lúc một nhìn thấu lớp thần chú che giấu của tôi.”

Claymore ngả người ra sau. “Trong giấc mơ của tôi, nữ thần Hecate đã nói rằng cậu là thành viên trong đội quân của Kronos. Chắc chắn sẽ còn nhiều thành viên khác nữa. Sao cậu không nhờ đến sự giúp đỡ của họ?”

Alabaster lắc đầu. “Phần lớn họ đều đã chết. Có một cuộc chiến diễn ra giữa các vị thần và các Titan vào mùa hè năm ngoái và đa phần con lai – các á thần như tôi, đã chiến đấu vì đỉnh Olympus. Còn tôi về phe Kronos.”

Cậu bé run rẩy hít một hơi trước khi tiếp tục. “Con tàu chuyên chở chính của chúng tôi, *Công Chúa Andromeda*, đã bị phe các con lai địch thủ phá hủy. Chúng tôi đang trên đường tấn công Manhattan, nơi đặt căn cứ của các vị thần. Tôi đã ở trên con tàu đó lúc các á thần phe bên kia cho nổ tung nó. Tôi là người duy nhất còn sống vì tôi có khả năng dùng thần chú để bảo vệ mình. Sau đó, ừm... cuộc chiến không xảy ra như chúng tôi muốn. Tôi đã chiến đấu trên chiến trường để chống lại kẻ thù, nhưng phần lớn quân đồng minh của chúng tôi lại bỏ chạy. Đích thân Kronos hành quân đến đỉnh Olympus và đã bị con trai thần Poseidon đánh bại. Sau cái chết của Kronos, các vị thần trên đỉnh Olympus dẹp tan hết những cuộc kháng cự còn sót lại. Một cuộc thảm sát. Nếu tôi nhớ đúng thì mẹ tôi đã bảo rằng Trại Con Lai và đồng minh của họ tổng cộng chỉ có mười sáu người chết. Trong khi phe chúng tôi lên đến hàng trăm.”

Claymore nhìn Alabaster. Mặc dầu Claymore sẽ không cho là mình đồng cảm, nhưng ông có cảm giác thương tiếc đứa bé này, vì đã phải trải qua nhiều chuyện như thế khi còn quá trẻ. “Nếu đội quân của cậu bị tiêu diệt hoàn toàn, sao cậu có thể trốn thoát?”

“Không phải tất cả chúng tôi đều bị vậy,” Alabaster nói. “Phần lớn các con lai còn lại bỏ trốn hoặc bị bắt. Họ quá mất tinh thần nên đã gia nhập vào hàng ngũ kẻ thù. Có một lệnh đại xá, tôi đoán ông gọi nó như thế - một thỏa thuận được đàm phán bởi đứa trẻ đã giết Kronos. Đứa trẻ đó thuyết phục các vị thần trên đỉnh Olympus chấp nhận các *tiểu thần*, những người từng theo phe Kronos.”

“Như mẹ cậu, nữ thần Hecate ấy à,” Claymore nói.

“Đúng vậy,” Alabaster chua chát nói. “Trại Con Lai quyết định họ sẽ chấp nhận bất cứ đứa con nào của các tiểu thần. Họ sẽ xây cho chúng tôi các ngôi nhà ở trại và giả vờ rằng họ đã không tàn sát chúng tôi một cách mù quáng vì tội kháng cự. Phần lớn các tiểu thần đã chấp nhận đàm phán hòa bình ngay khi các vị thần trên đỉnh Olympus đề xuất, nhưng mẹ tôi thì không. Ông biết đấy... tôi không phải là đứa con duy nhất của nữ thần Hecate phục vụ dưới trướng của Kronos. Hecate chưa bao giờ có nhiều con – nhưng tôi là đứa mạnh nhất, vì thế các anh chị em đã tuân theo sự lãnh đạo của tôi. Tôi đã thuyết phục hầu hết bọn họ tham gia trận chiến... nhưng tôi là người duy nhất còn sống. Nữ thần Hecate đã mất nhiều đứa con á thần hơn các vị thần khác trong cuộc chiến đó.”

“Đó là lý do tại sao bà ấy từ chối lời đề nghị của họ?” Claymore phỏng đoán.

Alabaster nhấp thêm một ngụm trà. “Đúng vậy. Ít ra thì bà cũng là người từ chối đầu tiên. Tôi xúi bà ấy tiếp tục chiến đấu. Nhưng các vị thần cho rằng họ không muốn một nữ thần nổi loạn làm hỏng niềm vui chiến thắng của họ, vì thế họ đã thỏa thuận với bà ấy. Họ sẽ vĩnh viễn không ban đặc ân nào cho tôi và trục xuất tôi khỏi trại của họ mãi mãi - đó là sự trừng phạt vì tôi đã có thái độ như thế - nhưng họ sẽ tha chết cho tôi nếu nữ thần Hecate

quay lại với họ. Đó là một kiểu nói khác đi thôi, chung quy vẫn là nếu bà ấy *không* gia nhập, chắc chắn họ sẽ lấy mạng tôi.”

Claymore cau mày. “Vậy ra ngay chính các vị thần cũng chẳng đủ cao cả và toàn năng để không dùng đến thủ đoạn đe dọa.”

Alabaster nhìn chăm chăm vào lò sưởi ấm áp bằng ánh mắt chán ghét. “Tốt hơn hết không nên mừng tượng họ như các vị thần. Tốt nhất là cứ nghĩ về họ như một kiểu Mafia thần thánh ấy. Họ dùng lời đe dọa để buộc mẹ tôi chấp thuận thỏa thuận đó. Và trong quá trình thỏa thuận thì đá tôi ra khỏi trại để tôi không *làm hư* các anh chị em khác của tôi.” Cậu ta uống hết tách trà. “Nhưng tôi sẽ không bao giờ cúi đầu trước các vị thần trên đỉnh Olympus sau những hành động tàn bạo mà họ đã thực hiện. Những kẻ đi theo họ đều đui mù. Tôi sẽ không đời nào đặt chân vào trại của họ, và nếu tôi làm thế, việc đó sẽ chỉ mang lại cho cậu con trai của Poseidon những gì cậu ta đáng được nhận.”

“Vậy cậu không có ai giúp cho sao,” Claymore nói. “Và con quái vật Lamia đang đuổi theo cậu... tại sao lại thế?”

“Tôi ước gì mình biết.” Alabaster đặt tách trà trống không xuống. “Kể từ khi bị trục xuất, tôi đã đánh nhau và hạ gục rất nhiều quái vật đuổi theo tôi. Chúng nhận ra các á thần theo bản năng. Một con lai cô độc như tôi là một mục tiêu hấp dẫn. Nhưng Lamia thì khác. Bà ta là con của nữ thần Hecate từ thời cổ xưa. Dường như bà ta có mối thù cá nhân truyền kiếp với tôi. Cho dù tôi có ra tay bao nhiêu lần thì bà ta cũng không chết hẳn. Bà ta làm cho tôi mệt mỏi, buộc tôi chuyển từ thành phố này đến thành phố khác. Các câu thần chú bảo vệ của tôi đã bị đẩy đến giới hạn đỉnh điểm. Giờ tôi thậm chí còn chẳng thể ngủ mà không có bà ta cố phá vỡ các chương ngại mà tôi dựng nên.”

Claymore chăm chú nhìn cậu bé kỹ hơn và nhận ra quầng thâm dưới mắt cậu. Chắc là Alabaster đã không ngủ trong nhiều ngày qua.

“Cậu ở một mình bao lâu rồi?” Claymore hỏi. “Việc trục xuất cậu diễn ra khi nào?”

Alabaster nhún vai như thể cậu cũng chẳng nhớ. “Bảy hay tám tháng trước, nhưng hình như là lâu hơn nữa. Thời gian đối với những đứa con lai như chúng tôi có sự khác biệt. Chúng tôi không sống nhàn hạ như người phàm. Phần lớn các con lai không sống nổi qua tuổi hai mươi.”

Claymore không đáp lại. Ngay cả với ông mà nói, chuyện này vô cùng cuốn hút. Đứa trẻ này là một á thần thực thụ, con trai của một người phàm và nữ thần Hecate.

Ông chả hiểu vì sao kiểu kết hợp đó lại có thể xảy ra, nhưng rõ ràng là nó có thực, vì cậu bé đó đang ở đây, và hiển nhiên cậu ta không phải là một người bình thường. Claymore tự hỏi liệu Alabaster có khả năng tái tạo như Lamia không. Ông hoài nghi về điều đó. Dù có là anh chị em với nhau hay không, Alabaster luôn nhắc đến Lamia như một quái vật. Đó không phải cách mà bạn dùng để gọi người thân của mình.

Cậu bé thật sự cô độc. Các vị thần đã trục xuất cậu. Lũ quái vật muốn giết cậu, trong đó một con còn là chị ruột. Bạn đồng hành duy nhất của cậu là một Người Sương Mù, người hiện ra từ tờ giấy viết thư khổ ba nhân năm. Và bằng cách nào đó, đứa trẻ này vẫn sống sót. Claymore không thể không ấn tượng với cậu.

Alabaster bắt đầu rót cho mình một tách trà khác, thỉnh thoảng khựng lại. Một trong số các biểu tượng nguệch ngoạc trên tay áo phải đang phát ra ánh sáng màu xanh lá non.

“Lamia đến rồi,” cậu ta thì thầm. “Tôi đủ sức tìm chân bà ta ngoài kia một lúc, nhưng...”

Có tiếng vỡ đồ vang lên nghe như tiếng nổ của bóng đèn, và biểu tượng trên tay áo vỡ bung như thủy tinh, các mảnh ánh sáng màu lục bắn tung tóe.

Alabaster đánh rơi cái tách. “Không thể nào! Bà ta không có cách nào phá vỡ phòng tuyến của tôi bằng phép thuật của bà ta, trừ phi bà ta...” Cậu nhìn chòng chọc vào Claymore. “Thánh thần ơi. Claymore, bà ta đang lợi dụng ông!”

Claymore cứng người lại. “Lợi dụng tôi? Cậu đang nói gì thế?”

Trước khi Alabaster kịp trả lời, một dấu hiệu phép thuật khác trên áo sơ-mi của cậu phát nổ. “Đứng lên nào! Chúng ta cần phải rời khỏi đây ngay bây giờ! Bà ta vừa mới chọc thủng phòng tuyến thứ hai của tôi.”

Claymore đứng bật dậy. “Khoan đã! Nói cho tôi biết đi! Bà ta đã lợi dụng tôi như thế nào?”

“Ông không thoát được bà ta; mà là bà ta đã để cho ông đi!” Alabaster trừng mắt nhìn ông. “Ông bị một câu thần chú bám vào người, nó đã làm rối loạn các ký hiệu phép thuật của tôi! Thánh thần ơi, sao tôi có thể ngu ngốc đến vậy chứ!”

Claymore siết chặt hai nắm tay mình. Ông đã từng giỏi giang hơn cơ mà.

Ông đã quá bận tìm hiểu các quy tắc của thế giới này và vạch ra một kế hoạch nhưng lại không ngờ rằng Lamia cũng sử dụng chiến lược riêng của bà ta. Giờ thì sai lầm của ông đã đưa bà ta đến đúng ngay mục tiêu cần tìm.

Alabaster chạm nhẹ vào ngực Claymore. “*Incantare: Aufero Sarcina!*”

Thêm một tiếng nổ khác. Lần này các mảnh ánh sáng màu lục bay ra khỏi áo sơ-mi của Claymore và ông loạng choạng lùi lại. “Cậu đã làm...?”

“Tháo gỡ câu thần chú của Lamia,” Alabaster giải thích. “Và giờ...”

Alabaster gõ lên vài dấu hiệu phép thuật trên áo quần cậu và tất cả chúng vỡ tan. Như thế đáp lại, một dấu hiệu trên ống quần cậu bắt đầu phát sáng màu xanh lá non.

“Tôi vừa mới gia tăng sức mạnh cho các bức tường bên trong, nhưng chúng ta không có cách nào cầm chân bà ta lâu hơn. Tôi biết ông muốn hiểu, tôi biết ông muốn đặt ra thêm nhiều câu hỏi, nhưng đừng làm thế. Tôi sẽ không để ông chết. Hãy cứ đi theo tôi, và nhanh lên nào!”

Cho đến tận hôm nay, Claymore đã từng bối rối, sợ hãi, e ngại và khó chịu với những gì vượt quá đức tin của ông. Nhưng giờ thì ông đã được trải nghiệm một cảm giác mà mình chưa từng có trong nhiều năm qua. Tiến sĩ Claymore uy quyền, tự tin bắt đầu hoảng loạn.

Tất cả chuyện này là một cái bẫy. Lamia không thể bị đánh bại quá dễ dàng như thế. Đó là trò mưu mẹo để bà ta phá vỡ các hàng phòng ngự của Alabaster. Và tất cả đều là lỗi của ông.

Alabaster chạy ra ngoài, và Claymore đi theo sau, lăm bằm hết mọi câu chửi rủa mà ông biết – và ông cũng biết khá nhiều đấy nhỉ.

Ban nãy ông đã không nhận thấy nó, nhưng một mái vòm màu lục sáng lấp lánh hiện đang che phủ toàn bộ ngôi nhà và trải xuống ít nhất nửa lô đất. Ánh sáng màu lục dường như đang yếu dần đi, cũng như dấu hiệu phép thuật trên chân Alabaster.

Mặc dù cách đây một lúc bầu trời còn trong xanh và đầy nắng, nhưng giờ thì các đám mây bão lờn vờn trên đầu họ, oanh tạc phòng tuyến bằng các tia sét.

Lamia đang ở ngoài kia, và lần này bà ta không còn chơi đùa nữa. Bà ta đến đây để giết họ.

Claymore chửi thề thêm câu nữa.

Ra đến đường, Alabaster ngừng chạy và nhìn lên bầu trời. “Chúng ta không thể trốn thoát. Bà ta đã nhốt chúng ta trong này. Cơn bão là một câu thần chú trời buộc. Tôi không thể phá giải nó khi vẫn còn phòng tuyến phía trên. Không còn cơ hội bỏ chạy nữa; chúng ta phải chiến đấu thôi.”

Claymore nhìn cậu, vẻ không tin nổi. “Xe của Black ở ngay kia. Chúng ta có thể lên xe và...”

“Và sau đó thì sao?” Alabaster nhìn trả lại ông, làm Claymore cứng người ngay tại chỗ. “Việc chúng ta lái xe nhanh như thế nào không quan trọng. Tất cả những gì chúng ta định làm sẽ giúp cho bà ta có mục tiêu tấn công lớn hơn. Ngoài ra, đó hẳn là điều bà ta muốn từ một người phạm như ông. Đừng can thiệp vào chuyện này – tôi đang cố cứu sống ông đấy!”

Claymore quắc mắt nhìn cậu, máu ông sôi trào. Ông đến đây để giúp đỡ cậu chứ không phải đứng yên một chỗ và cảm thấy mình thật vô dụng. Ông chuẩn bị tranh cãi thì một dấu hiệu phép thuật phát sáng trên ống quần Alabaster vụt bùng lên thành một ngọn lửa. Cậu bé cau mày vì đau, khuỵu

gối xuống. Phía trên họ, mái vòm màu lục vỡ tan tàn, phát ra âm thanh như thể một triệu cửa sổ bị vỡ vụn.

“Em trai!” Lamia la lớn, át cả tiếng sấm ầm ầm. “Chị đã đến đây!”

Các tia chớp bao quanh họ, làm các cột điện bật gốc và cây cối bốc cháy.

Mọi người xung quanh hình như chẳng ai chú ý đến chuyện đang xảy ra. Cách đó vài ngôi nhà, một người đàn ông đang tưới nước cho bãi cỏ. Bên kia đường, một người phụ nữ đang leo ra khỏi chiếc SUV và nói chuyện điện thoại, không hề hay biết cây thích nhà bà ta đang cháy. Cùng một loại lửa đã giết chết Burly... Hình như đối với các con lai và lũ quái vật, thế giới người phàm chỉ là nơi hứng chịu thiệt hại song song mà thôi.

Alabaster buộc mình đứng dậy, lấy một tấm thẻ ghi chú trong túi quần ra. Thay vì là hình một người đàn ông, tấm thẻ này lại có hình một thanh kiếm được vẽ sơ sài. Khi Alabaster gõ nhẹ lên đó, hình vẽ bắt đầu phát sáng, rồi đột nhiên thanh kiếm không còn thô sơ nữa.

Một thanh kiếm bằng vàng ròn nhô ra khỏi tấm thẻ, sáng lấp lánh và thành hình trong tay Alabaster. Thanh kiếm được khắc các dấu hiệu phép thuật phát sáng màu lục, giống hệt ký hiệu trên áo quần Alabaster. Và dù thanh kiếm ắt phải nặng đến bốn mươi lăm ký, Alabaster vẫn dễ dàng cầm nó bằng một tay.

“Lùi ra phía sau tôi và đừng di chuyển,” cậu ta giậm mạnh chân lên mặt đất.

Lần đầu tiên trong đời mình, Claymore không hề tranh cãi.

“Lamia!” Alabaster hướng về phía bầu trời và hét lớn. “CỰU NỮ HOÀNG CỦA VƯƠNG QUỐC LIBYA VÀ LÀ CON GÁI CỦA NỮ THẦN HECATE! BÀ LÀ MỤC TIÊU CỦA TÔI, VÀ LƯỠI KIẾM CỦA TÔI SẼ TÌM THẤY BÀ. *Incantare: Persequor Vestigium!*”

Các biểu tượng trên thanh kiếm của Alabaster cháy sáng mãnh liệt hơn, và từng dấu hiệu phép thuật trên áo quần cậu cũng sáng bừng như các ngọn đèn pha thu nhỏ. Những câu thần chú đan xen bao lấy cậu, và cả cơ thể cậu dường như phát ra sức mạnh.

Cậu quay sang Claymore, hiện đang bước lùi lại. Đôi mắt Alabaster phát ra ánh sáng màu xanh, giống hệt mắt Lamia.

Cậu bé mỉm cười. “Chúng ta sẽ ổn thôi, ông Claymore. Các anh hùng không bao giờ chết cả, đúng không?”

Claymore muốn mở miệng tranh cãi, vì thật ra mà nói dường như các anh hùng trong thần thoại Hy Lạp *lúc nào cũng* chết.

Nhưng ông chưa kịp nói gì thì có tiếng sấm rền, và quái vật Lamia xuất hiện ở rìa bãi cỏ.

Alabaster lao đến tấn công.

Khi Alabaster giơ cao kiếm lên, cậu cảm nhận được điều gì đó mà mình chưa hề nhận thấy kể từ khi cậu cùng đội quân của Kronos đánh chiếm Manhattan – sự sẵn sàng hy sinh vì chính nghĩa. Cậu đã lôi Claymore vào vụ này. Cậu không thể để một người phàm nào khác chết vì con quái vật này nữa.

Nhát chém đầu tiên của cậu trúng đích, và tay phải của Lamia biến thành cát.

Đối với lũ quái vật bình thường, một vết thương do thanh kiếm làm từ vàng Imperial gây ra sẽ là một án tử, nhưng Lamia chỉ cười cười.

“Em trai, sao em lại cố chấp thế? Chị đến đây để nói chuyện thôi mà...”

“*Nói dối!*” Alabaster chém một phát, chặt mất cánh tay trái của bà ta. “Bà là điều hổ thẹn cho thanh danh của mẹ! Sao bà không chết đi nhỉ?”

Lamia cười với cậu, khuôn miệng đầy những chiếc răng y như răng cá sấu. “Ta không chết vì bà chủ cứu sống ta.”

“Bà chủ của bà?” Alabaster cau mày. Cậu có cảm giác là bà ta đang không nói về nữ thần Hecate.

“Ồ, đúng thế.” Lamia tránh được cú tấn công của cậu. Hai tay bà ta vừa mới tái tạo lại. “Tuy Kronos thất bại, nhưng giờ bà chủ của ta đã thức giấc. Bà ấy vĩ đại hơn bất cứ Titan hay vị thần nào. Bà sẽ tiêu diệt đỉnh Olympus và dẫn đường cho con cái của nữ thần Hecate đến với thời vàng son của họ.

Chẳng may là, bà chủ của ta không tin người. Bà ấy không muốn người sống để can thiệp vào chuyện đó.”

“Bà và bà chủ của mình biến đến Tartarus là tất cả những gì tôi quan tâm!” Alabaster hét lên, bổ đầu Lamia ra làm hai. “Bà hiện đang liên minh với các vị thần sao? Có phải Hera đã phái bà đến giết tôi không?”

Hai bên miệng của Lamia rên rĩ. “*Đừng* nhắc cái tên kia trước mặt ta! Bà già đó đã tiêu diệt cả gia đình ta! Người không hiểu sao, em trai? Người không đọc các câu chuyện thần thoại về ta sao?”

Alabaster cười khẩy. “Tôi không thèm đọc về những con quái vật vô dụng như bà!”

“*Quái vật ư?*” bà ta kêu lên, khuôn mặt bà ta dính lại với nhau. “*Hera* mới là quái vật! Mụ ta đã giết hết những người phụ nữ mà chồng mụ ta yêu. Mụ săn đuổi con của họ vì ghen tuông và thù hận! Mụ đã giết các con của ta! *Các con của ta!*”

Cánh tay phải của Lamia đã tái tạo xong hoàn toàn, và bà ta chặn nó trước mặt mình, cánh tay run rẩy vì giận dữ. “Ta vẫn có thể nhìn thấy các thi thể bất động không chút sự sống của con mình ngay trước mắt... Altheia muốn trở thành một nghệ sĩ. Ta còn nhớ những ngày con bé theo học việc các nhà điêu khắc giỏi nhất trong vương quốc... Con bé là một thần đồng. Tài năng của nó khiến cả Athena cũng phải ganh tị. Demetrius thì còn năm ngày nữa là đến sinh nhật mười tuổi. Nó là một cậu bé mạnh khỏe và tuyệt vời, luôn cố làm mẹ mình tự hào. Chẳng bé sẵn sàng thực hiện bất cứ điều gì để chuẩn bị cho ngày nó là vua của Libya. Cả hai đều chăm chỉ học hỏi, cả hai đều có tương lai tươi sáng phía trước. Thế nhưng Hera đã làm gì nào? Mụ sát hại chúng một cách tàn nhẫn chỉ vì muốn trừng phạt ta tội chấp nhận sự tán tỉnh của Zeus! Mụ ta xứng đáng phải chịu chết dần chết mòn ở Tartarus!”

Alabaster lại tấn công. Lần này Lamia đã làm điều không thể - bà ta chặn ngang thanh kiếm, bắt lấy lưỡi kiếm bằng vàng Imperial bằng móng vuốt bò sát của bà ta.

Alabaster cố kéo thanh kiếm ra, nhưng Lamia đã nhanh tay giữ lại. Bà ta ghé sát mặt mình vào mặt cậu.

“Người biết điều gì sẽ xảy ra tiếp không hả, em trai?” bà ta thì thầm. Hơi thở bà ta có mùi như mùi máu tươi mới chảy. “Cuộc đời với tư cách là một nữ hoàng của ta đã chấm dứt, nhưng sự căm thù trong ta chỉ mới bắt đầu. Tận dụng sức mạnh của Mẹ, ta đã tạo ra một câu thần chú vô cùng đặc biệt, cho phép tất cả quái vật trên thế gian này ngửi thấy mùi hôi thối của bọn con lai...” Bà ta mỉm cười. “Biết đâu sau khi vài ngàn đứa như người đi đời, Hera, nữ thần của gia đình, cuối cùng cũng hiểu được nỗi đau của ta!”

Alabaster như ngừng thở. “Bà vừa mới nói gì??”

“Đúng thế, người đã nghe thấy đấy! Ta là kẻ đã khiến cho cuộc sống của các người trở thành một cơn ác mộng sống động! Ta đã ban cho lũ quái vật khả năng theo dấu các á thần! Ta là Lamia, đờ tử của lũ con lai thối tha! Và một khi người chết đi, các anh chị em khác của chúng ta sẽ tuân theo ta như nữ hoàng của chúng. Chúng sẽ gia nhập với ta hoặc sẽ chết! Bà chủ ta – Đất Mẹ - đã hứa hẹn rằng bà ấy sẽ trả lại các con cho ta.” Lamia thích thú cười lớn. “Chúng sẽ sống lại, và tất cả những gì ta cần làm là giết chết người!”

Alabaster giật được thanh kiếm khỏi móng vuốt của bà ta, nhưng Lamia đã đến quá gần. Bà ta giơ vuốt định móc lấy tim cậu. Một tiếng *BUP!* chói tai vang lên và Lamia loạng choạng lùi lại, một lỗ đạn xuất hiện ở phần ngực đầy vảy. Alabaster vung kiếm lên, chém ngang eo bà ta, và Lamia vỡ vụn thành một đống cát đen.

Alabaster liếc ra sau nhìn Claymore, người đang đứng cách cậu khoảng ba mét về phía tay phải, trên tay cầm một khẩu súng. “Ông đang làm gì ở đây? Bà ta có thể giết ông đấy!”

Claymore mỉm cười. “Tôi thấy cậu đang làm một việc không đáng y hệt tôi, vì thế tôi nghĩ mình sẽ giúp cậu một tay. Tôi phải làm gì đó với viên đạn cuối cùng của mình.”

Alabaster chăm chăm nhìn ông với vẻ kinh ngạc. “Thánh thần ơi, ông thật là kiêu ngạo.”

“Gần đây tôi nghe từ đó hơi nhiều. Tôi sẽ xem nó như một lời khen.” Claymore nhìn xuống cơ thể đang dần tái tạo lại của Lamia. “Ngay lúc này mà có một cái máy hút bụi Swiffer thì hữu ích biết bao. Bà ta sẽ quay lại bất cứ giây phút nào.”

Alabaster cố suy nghĩ, nhưng cậu cảm thấy kiệt sức. Phần lớn các câu thần chú đã biến mất. Các hàng rào phòng thủ của cậu đã bị phá hủy. “Chúng ta phải ra khỏi đây.”

Claymore lắc đầu. “Trước đó việc chạy trốn cũng có ích gì cho cậu đâu nào. Chúng ta cần có cách để giải quyết bà ta. Bà ta nói sinh mạng của mình được kéo dài nhờ vào chủ bà ta...”

“Đất Mẹ,” Alabaster hiểu ra. “Gaea. Thời cổ đại bà ta đã cố lật đổ các vị thần một lần. Nhưng việc đó giúp gì được cho chúng ta?”

Claymore bốc một nắm cát đen và nhìn nó uốn éo, cố tái tạo lại. “Đất...” ông ngẫm nghĩ. “Nếu việc đưa Lamia quay về lại Tartarus không khả thi, nếu bà ta cứ sống dai như đĩa, chẳng nhẽ không có cách nào cầm tù bà ta trên mặt đất này sao?”

Alabaster cau mày. Rồi cậu chợt nhận ra một điều.

Cậu từng mong người đàn ông này, thiên tài này, có một câu trả lời phức tạp hơn cơ. Alabaster trông chờ rằng nếu mình kể cho Claymore nghe về Địa ngục và những thứ sẽ hạ được lũ quái vật, trí tuệ vĩ đại nhất thế kỷ có thể cho cậu biết cách kết liễu Lamia vĩnh viễn.

Nhưng câu trả lời vừa rồi đơn giản hơn thế nhiều. Claymore chỉ không biết cách giải quyết vấn đề.

Họ không thể làm cho Lamia *chết* vĩnh viễn. Nữ thần đất Gaea chỉ việc đưa bà ta quay về thế giới loài người hết lần này đến lần khác. Nhưng nếu họ không cố đưa bà ta quay lại Tartarus thì sao? Chuyện gì sẽ xảy ra nếu mặt đất trở thành nhà giam của Lamia?

Alabaster nhìn vào mắt ông. “Chúng ta phải quay vào trong nhà tôi! Tôi nghĩ mình biết cách ngăn bà ta lại.”

“Cậu có chắc không?” Claymore hỏi. “Bằng cách nào?”

Alabaster lắc đầu. “Không còn thời gian đâu! Chỉ cần tìm cuốn sách trên bàn đầu giường tôi. Có được nó, chúng ta có thể ngăn bà ta lại. Giờ thì đi thôi!”

Claymore gật đầu, và họ chạy về phía cửa trước.

Alabaster có sức mạnh để ngăn bà ta ngay từ đầu mà lại không hề hay biết. Nhưng giờ cậu đã có câu trả lời. Và sẽ chẳng có con quái vật nào trên thế gian này có thể ngăn cậu.

Claymore quá mệt vì cứ chạy tới chạy lui.

Anh bạn trẻ Alabaster trông như thể có thể chạy thêm nhiều dặm nữa bất chấp thanh kiếm bốn mươi lăm ký cậu ta đang mang theo. Và Alabaster đã phải chống cự lại các cuộc tấn công của Lamia suốt nhiều tuần qua.

Claymore lại là chuyện khác. Sau khi lẩn tránh Lamia chỉ trong vài giờ, ông sắp bất tỉnh. Các con lai ắt là có sức khỏe hơn người.

Alabaster lao vút qua phòng khách. Cậu liếc nhìn ra sau, cười toe toét và ra hiệu cho Claymore chạy nhanh hơn. “Nó đã ở đây từ trước! Thánh thần ơi, tôi ước gì mình biết được điều đó!”

Tiếng sấm rền đi đùng bên ngoài, Claymore cau mày. “Cậu có thể nói chuyện đó sau, khi nào chúng ta thắng đã. Hy vọng viên đạn phép thuật của cậu thật sự có hiệu quả.”

Alabaster gật đầu. “Tôi chắc mà. Mỗi thực thể không thể bị đánh bại đều có điểm yếu. Xe tăng thì là nóc, Achilles là gót chân, và Lamia có cái này.”

Nhìn nét mặt của Alabaster, Claymore suýt mỉm cười. *Đây là* cậu bé sống vô tư lự mà đáng lẽ ra cậu nên thế - chứ không phải một chiến binh con lai được cho là sẽ chết ở độ tuổi hai mươi.

Cậu có vẻ giống một cậu nhóc mười sáu tuổi bình thường với một cuộc đời đầy tươi đẹp phía trước...

Biết đâu sau khi Lamia chết, Alabaster có thể sống cuộc đời ấy. Có lẽ, một lúc nào đó, các vị thần sẽ để cho cậu được sống như thế...

Thế còn *Claymore* sẽ làm gì? Toàn bộ đời ông đã cống hiến cho việc tìm kiếm câu trả lời về cái chết, nhưng hôm qua ông đã khám phá ra rằng mọi thứ mình tin tưởng chỉ là dối trá. Hay đúng hơn, những điều ngỡ như sai lầm mà ông gạt bỏ suốt cuộc đời mình thật ra đều là sự thật.

Claymore phải làm gì để xoay chuyển tình huống hiện tại đây? Một người đàn ông trung niên chẳng có sức mạnh đặc biệt có thể làm gì gây tác động đến thế giới của các vị thần và lũ quái vật?

Cuộc đời trước kia của ông dường như vô nghĩa – các thời hạn cuối nộp bản thảo, các buổi ký tặng sách. Cuộc đời đó đã tan biến theo chiếc máy tính xách tay trong quán Café Black. Liệu thế giới mới này có chỗ cho một con người phàm trần như ông không?

Alabaster dẫn ông đi lên cầu thang và vào một phòng ngủ nhỏ. Các bức tường được bao phủ bởi cùng những dấu hiệu phép thuật màu xanh lục từng có trên áo quần Alabaster. Tất cả chúng phát sáng khi cậu bước vào và cầm lên một cuốn sổ ghi chép trên bàn đầu giường.

“Đây là một câu thần chú dạng tốc ký,” cậu giải thích. “Tôi chắc nó sẽ hiệu quả. Nó phải thế!”

Cậu bé quay sang phía Claymore, lúc này đang đứng chờ cậu ở cửa. Nụ cười trên khuôn mặt Alabaster biến mất. Nét mặt cậu vô cùng khiếp sợ.

Một phần giây sau, Claymore hiểu được lý do tại sao. Những móng vuốt lạnh lẽo chọc vào gáy ông. Giọng nói của Lamia khàn khàn bên tai ông.

“Người chỉ cần hô một từ trong câu thần chú đó, ta sẽ giết ông ta,” Lamia đe dọa. “Bỏ cuốn sách xuống, và có lẽ ta sẽ tha chết cho ông ta.”

Claymore nhìn cậu nhóc thật lâu, mong chờ cậu đọc câu thần chú, nhưng y hết một tên ngốc, cậu thả cuốn sách xuống.

“Cậu đang làm gì thế?” Claymore gầm lên. “Đọc câu thần chú ngay!”

Alabaster vẫn đứng yên như phỗng, như thể cả ngàn người đang chú mục vào cậu vậy. “Tôi-tôi không thể... Bà ta sẽ...”

“Đừng lo cho tôi!” Claymore hét lên, còn Lamia chọc những cái móng sâu hơn vào cổ ông.

Rồi bà ta thì thầm bên tai ông: “*Incantare: Templum Incendere.*”

Cuốn sách dưới chân Alabaster bốc cháy.

“Cậu đang làm gì thế, thằng bé ngốc ngếch kia?” Claymore quát cậu. “Cậu thông minh hơn cơ mà, Alabaster! Nếu không đọc câu thần chú, cậu cũng sẽ đi đời luôn đấy!”

Một giọt nước mắt lăn dài trên má Alabaster. “Ông không hiểu sao? Tôi không muốn bất cứ ai phải chết vì tôi nữa. Chính tôi đã đưa các anh chị em của mình đến chỗ chết!”

Claymore cau mày. Cậu nhóc không *nhìn thấy* cuốn sách đang cháy sao?

Lamia cười khúc khích khi bìa sách cuộn lại rồi hóa ra tro. Các trang khác sẽ bắt lửa ngay thôi. Chẳng còn thời gian để thuyết phục thằng bé cứng đầu này. Claymore sẽ phải khuyến khích cậu ta hành động.

“Alabaster... điều gì sẽ xảy ra khi chúng ta rời bỏ thế gian này?”

“Đừng nói thế!” Alabaster hét to. “Ông sẽ không sao đâu!”

Nhưng Claymore chỉ lắc đầu. Ông là vật cản duy nhất ngăn Alabaster đọc cuốn sách, vì vậy con đường ông phải chọn đã quá rõ ràng. Ông phải tiêu diệt trở ngại cuối cùng trên lối đi của Alabaster.

Để báo thù cho Burly, để cứu đứa bé này khỏi các vị thần, ông biết mình phải làm gì.

“Alabaster, lúc trước cậu từng bảo với tôi các anh hùng sẽ không chết. Có lẽ cậu đúng, nhưng tôi có thể nói cho cậu hay một điều.” Claymore nhìn vào mắt cậu nhóc. “Tôi không phải là anh hùng.”

Dứt lời, Claymore ngựa mạnh người ra sau, đè lên Lamia. Cả hai ngã nhào vào hành lang. Claymore quay sang, cố tóm lấy con quái vật, hy vọng sẽ tận dụng được cho Alabaster vài giây, nhưng ông thừa biết mình không thể giành phần thắng trong cuộc chiến này.

Tiếng hét khiếp sợ của Alabaster từ xa xa vọng lại. Rồi ông bị cuốn đi, mang đến một thế giới khác. Bàn tay lạnh lẽo của thần chết trùm lấy Howard Claymore như một nhà tù băng băng.

Chẳng có người lái đò nào chào đón ông, thậm chí một chiếc thuyền cũng không. Ông bị lôi qua dòng nước sông Styx lạnh thấu xương, bị đưa đến với những hình phạt bất kỳ đang chờ đợi vì cuộc đời mà ông đã trải qua trước đó.

Ông có thể cố khẳng định mình là một người có tư tưởng lành mạnh, đang giảng giải điều hay lẽ phải cho mọi người, nhưng ngay cả chính ông cũng biết điều đó không đúng. Ông chối bỏ dù là ý niệm nhỏ nhất về các vị thần và khinh thường bất cứ ai tôn sùng họ. Giờ đây, tất cả bọn họ đang cười vào mặt ông – tuy nhiên, nếu có điều gì mà ông học được từ sáu tiếng đồng hồ qua, thì đó là các vị thần này chẳng hề hài hước chút nào.

Lúc bị lôi qua dòng chảy lạnh như băng, ông chợt nghĩ đến một chuyện. Tiếc nhĩ, nếu Alabaster không phải là kẻ thù của các vị thần, nói không chừng Claymore còn được xem như một anh hùng vì đã cứu mạng thằng bé.

Nhưng số phận đã soạn sẵn kế hoạch khác cho ông. Khi Claymore đối mặt với sự phán quyết, ông vẫn sẽ bị trừng phạt vì đã giúp đỡ một kẻ phản bội.

Điều đó mĩa mai thay, thật đấy... Ông đã chết khi làm việc tốt, nhưng ông có thể bị cầm tù vĩnh viễn trong bóng tối. Đây là nỗi sợ của ông từ hồi còn bé, chết và bị thiên đàng từ chối.

Đương nhiên, ngay khi trôi bồng bềnh qua làn nước lạnh giá này, nụ cười vẫn rạng ngời trên gương mặt ông.

Việc Alabaster không đi cùng ông trong chuyến hành trình này nói lên một điều: Lamia đã không giết cậu. Không còn con tin cản trở, chắc chắn Alabaster sẽ bùng nổ và đọc câu thần chú đánh bại Lamia.

Bấy nhiêu đó cũng đủ làm Claymore mãn nguyện, bất kể hình phạt nào mà các vị thần quyết định dành cho ông.

Lúc bấy giờ ông sẽ là người chiến thắng, và vĩnh viễn về sau vẫn thế.

Nhưng, ngạc nhiên chưa, số phận đã không sắp xếp cho ông như thế. Trong bóng tối trên đầu Claymore, một vầng sáng lơ mờ hiện ra, mỗi lúc một sáng hơn và ấm áp hơn. Một bàn tay xuyên qua màn đêm vươn về phía ông – bàn tay một phụ nữ. Là một người đàn ông theo chủ nghĩa lô-gích, ông làm điều hợp lý nhất: Cầm lấy bàn tay ấy.

Khi mắt đã thích nghi với ánh sáng, ông nhận ra mình đang ở trong nhà thờ. Không phải nhà thờ thánh lung linh trên thiên đàng, mà là một nơi xập xệ đổ nát. Ngôi nhà thờ đầy bụi, bẩn thỉu mà ông từng nhìn thấy trong các giấc mơ của mình. Và đang cầu nguyện ở bệ thờ là một phụ nữ còn trẻ mặc lễ phục – mẹ của Alabaster, nữ thần Hecate.

“Tôi cho rằng bà đang chờ tôi nói lời cảm ơn,” Claymore cất tiếng. “Vì đã cứu sống tôi, chắc thế.”

“Không phải,” nữ thần Hecate nghiêm nghị nói. “Vì ta đã không cứu sống ông. Ông vẫn chết.”

Theo bản năng, thường thì Claymore sẽ cãi lại, nhưng ông không làm thế. Cũng chẳng cần phải thông minh gì mới phát hiện ra trái tim bạn đang không đập. “Thế sao tôi ở đây? Sao bà mang tôi đến đây?”

Ông tiến về phía bệ thờ và ngồi trên đống rác kế bên Hecate, nhưng bà không nhìn ông. Bà vẫn nhắm mắt và cầu nguyện. Khuôn mặt bà trông giống một bức tượng Hy Lạp – làn da nhợt nhạt, xinh đẹp và không tuổi.

“Ta đã cứu *chúng*,” bà nói với ông. “Cả hai đứa con ta. Ông sẽ ghét ta vì điều đó.”

Cả hai... Bà ấy đã cứu Lamia...

Claymore cho rằng thật không khôn ngoan khi hét vào mặt một nữ thần, nhưng ông không nhịn được. “Bà đã bảo Alabaster rằng mình không thể can thiệp!” ông gặng lại. “Thế mà sau khi tôi hy sinh để giúp cậu bé, bà đã chen ngang vào phút cuối cùng và cứu con quái vật đó sao?”

“Ta không muốn có thêm đứa con nào phải chết,” nữ thần Hecate nói. “Giải pháp của Alabaster sẽ hữu hiệu. Nhờ vào sự hy sinh vị tha của ông, nó đã có thời gian lấy lại cuốn sách và tìm thấy câu thần chú. Đó là một câu

thần chú ràng buộc – phần đảo của một câu thần chú được viết ra để chữa lành và bổ sung sức mạnh cho một cơ thể sống. Nếu thằng bé dùng nó với Lamia, con bé sẽ trở thành một đồng cát đen. Dù không chết nhưng Lamia cũng không tái tạo lại được mà sẽ sống trong hình dạng đó mãi mãi. Ta đã cho ngừng sự việc đó lại trước khi nó có thể xảy ra.”

Claymore chớp mắt. Giải pháp của cậu bé hẳn là đều thông minh và đơn giản. Ông thấy khâm phục Alabaster hơn bao giờ hết.

“Sao bà không để cậu bé làm vậy?” Claymore hỏi. “Lamia là một kẻ giết người. Chẳng phải bà ta đáng nhận sự trừng phạt của Alabaster sao?”

Nữ thần Hecate im lặng một lúc. Bà chỉ siết chặt hai tay mình hơn.

Sau khoảng thời gian lặng thinh dường như bất tận, bà khẽ nói: “Alabaster thích ông. Ta đã thấy là ông khiến nó vui vẻ thế nào. Chắc là do ông gọi cho hai chúng tôi nhớ đến cha thằng bé.” Bà mỉm cười nhàn nhạt. “Alabaster là một đứa bé luôn tìm cách để mẹ mình tự hào, dù đôi khi nó tỏ ra hấp tấp... Nhưng Lamia cũng có một quá khứ đáng thương. Nó đã không yêu cầu gì cho số mệnh của mình. Ta muốn nhìn thấy con bé hạnh phúc như Alabaster.”

“Bà mang tôi đến đây chỉ để nói với tôi điều này?” Claymore nhướn một bên mày, hỏi. “Để nói cho tôi biết tất cả những nỗ lực của tôi đều vô ích sao?”

“Không phải thế đâu, Tiến sĩ. Vì ta định nhờ ông chăm sóc Alabaster.”

Ông tò mò nhìn bà. “Và bằng cách nào tôi làm được điều đó nếu tôi đã chết?”

“Là một nữ thần, nhiệm vụ chính của ta là duy trì Màn Sương Mù, đường biên phép thuật giữa đỉnh Olympus và phàm trần. Ta giữ cho hai thế giới đó tách biệt. Khi con người thoáng trông thấy thứ gì đó ẩn chứa phép thuật, ta sẽ đưa ra những thay thế thích hợp mà họ tin vào. Alabaster cũng điều khiển được Màn Sương Mù. Ta tin chắc nó đã cho ông thấy qua vài sáng tạo của nó – các biểu tượng có thể biến thành các vật thể mang hình thù nhất định.”

“Người Sương Mù.” Claymore nhớ lại người cha già và thanh kiếm bằng vàng. “Đúng thế, Alabaster đã biểu diễn cho tôi thấy.”

Nét mặt nữ thần Hecate trở nên nghiêm túc hơn. “Hiện nay các ranh giới giữa sự sống và cái chết đang suy yếu dần, nhờ vào nữ thần Gaea đấy. Đó là cách bà ta đưa các tên tay sai tàn ác từ địa ngục quay trở lại nhanh đến thế, khiến chúng tái tạo gần như ngay lập tức. Nhưng ta có thể lợi dụng điểm yếu đó làm lợi thế. Ta sẽ trả linh hồn ông về lại trần gian trong cơ thể một Người Sương Mù. Việc đó sẽ lấy đi khá nhiều sức mạnh của ta, nhưng ta có thể mang lại cho ông một sinh mệnh mới. Alabaster luôn cứng đầu và thiếu kiên nhẫn, nhưng nếu có ông ở bên cạnh, ông có thể hướng dẫn cho nó.”

Claymore chăm chú nhìn nữ thần. Sống lại trong hình dạng Người Sương Mù ư... ông phải thừa nhận rằng điều đó nghe tốt hơn nhiều so với việc chịu sự trừng phạt mãi mãi. “Nếu uy quyền đến vậy, sao bà không tách Lamia và Alabaster ra ngay từ đầu? Cái chết của tôi là không cần thiết sao?”

“Không may, Tiến sĩ ạ, cái chết của ông là vô cùng cần thiết,” nữ thần Hecate nói. “Phép thuật không thể tạo ra thứ gì đó từ hư không, mà phải từ một vật thật sự tồn tại. Một sự hy sinh cao quý cho chúng ta sức mạnh phép thuật đầy uy lực. Ta đã *tận dụng* sức mạnh đó để tách rời các con của ta. Thực ra mà nói, cái chết của ông cho phép ta cứu cả hai đứa. Và có lẽ quan trọng hơn hết là, Alabaster đã học được điều gì đó từ sự hy sinh của ông. Ta cho rằng cả ông cũng thế.”

Claymore nhin lại câu trả treo. Ông chẳng cảm kích chút nào khi cái chết của mình được dùng như là một bài học.

“Chuyện gì sẽ xảy ra nếu sự việc này lặp lại?” Claymore hỏi. “Liệu Lamia có tiếp tục săn đuổi con trai bà không?”

“Trong tương lai gần thì không,” Hecate nói. “Giờ Alabaster đã có một câu thần chú thật mạnh để đánh bại con bé. Nó sẽ không ngu ngốc đi tấn công thẳng bé đâu.”

“Nhưng rồi thì bà ta sẽ tìm được cách chống lại câu thần chú đó,” Claymore đoán.

Nữ thần Hecate thở dài. “Việc đó có thể lắm. Những đứa con của ta luôn đối địch với nhau. Đứa mạnh nhất sẽ lãnh đạo đám còn lại. Alabaster đã về phe Kronos và dẫn dắt anh chị em mình ra trận. Nó tự trách mình về cái chết của chúng. Giờ Lamia đã tỉnh giấc để thách thức quyền lực của nó, hy vọng các đứa con của nữ thần phép thuật sẽ đi theo con bé dưới cờ của Gaea. Nói đi cũng phải nói lại. Các vị thần khác không bao giờ tin các con ta, nhưng cuộc nổi loạn của Gaea sẽ chỉ làm đổ máu thêm thôi. Alabaster phải tìm kiếm câu trả lời khác – một sự thỏa thuận mới nào đó mang lại an bình cho các con của ta.”

Claymore ngần ngừ. “Và nếu họ *không muốn* sống an bình thì sao?”

“Ta không đứng về bên nào cả,” bà nói, “nhưng ta hy vọng ông sẽ ở đó để hướng dẫn thẳng bé, Alabaster sẽ tự mình đưa ra một quyết định đúng đắn, quyết định để gia đình ta có thể sống an bình.”

Một lý do để sống, Claymore nghĩ. Cách dành cho một người phàm không có sức mạnh đặc biệt tác động đến thế giới của các vị thần và quái vật.

Claymore mỉm cười. “Nghe như một thách thức. Được, tôi chấp nhận. Và dù chỉ là một Người Sương Mù, chắc chắn tôi cũng sẽ giúp cậu bé thành công.”

Ông đứng dậy, chuẩn bị bước về phía các cánh cửa của nhà thờ, nhưng rồi ông ngừng lại.

Cho dù đã chết, câu trả lời mà Claymore tìm kiếm đang ở ngay trước mặt ông.

“Tôi có một thắc mắc muốn hỏi bà, nữ thần Hecate.” Ông ra vẻ sắc sảo, y hệt như Alabaster đã làm trước mặt các thánh giả trong buổi diễn thuyết của ông. “Nếu bản thân bà đã là một nữ thần, vậy bà đang cầu nguyện với ai thế?”

Nữ thần ngừng việc cầu nguyện trong giây lát, quay sang phía ông, đôi mắt màu xanh lục sáng rực mở ra. Rồi, như thể câu trả lời đã rõ ràng, bà mỉm cười và nói, “Ta hy vọng ông sẽ tìm ra.”

Alabaster thức dậy trên một cánh đồng. Tất cả các dấu hiệu phép thuật trên áo quần cậu đã vỡ tan, áo vest chống đạn tơi tả đến nỗi không còn sử dụng được.

Thế nhưng, điều ngạc nhiên là cậu cảm thấy ổn.

Cậu nằm trên bãi cỏ trong một phút, cố đoán xem đây là nơi nào. Các ký ức cuối cùng của cậu là Claymore đâm sầm vào người con quái vật, móng vuốt của Lamia đâm xuyên qua cổ tiến sĩ, cuốn sổ ghi chép bốc cháy, câu thần chú... Cậu đã sẵn sàng đọc câu thần chú, và rồi... cậu thức dậy ở nơi này.

Cậu thò tay vào túi quần và lôi ra các tấm thiệp Người Sương Mù; tất cả các hình khắc trên đó đều nhòe đen thui – đã mất hết sức mạnh, cùng với toàn bộ phép thuật của cậu.

Thế rồi có bóng người xuất hiện phủ lấy cậu, che đi ánh nắng. Một bàn tay chìa xuống giúp cậu đứng lên.

“Claymore?” Tinh thần Alabaster phấn chấn trở lại. “Chuyện gì đã xảy ra? Tôi cứ tưởng... Ông đang *làm gì* ở đây thế?”

Claymore mỉm cười với Alabaster, nụ cười sẽ nở mãi trên môi trong suốt cuộc đời ông. “Đi thôi,” ông nói. “Tôi nghĩ hai chúng ta có vài nghiên cứu cần làm đấy.”

Table of Contents

1. NHẬT KÝ CỦA LUKE CASTELLAN

2. PERCY JACKSON VÀ CÂY QUYỀN TRƯỞNG CỦA THẦN HERMES

BÀI PHÒNG VẤN VỚI GEORGE VÀ MARTHA, NHỮNG CON RĂN CỦA THẦN HERMES

1. Thật vinh dự được trò chuyện với các bạn. Các bạn biết đây, hai người khá là nổi tiếng.

2. Cảm tưởng của hai bạn khi làm việc cho thần Hermes?

3. Phần thú vị nhất trong công việc của hai người là gì?

4. Được thôi, thế hai người sẽ làm gì khi thần Hermes chấm dứt việc giao hàng, chuyển sang làm người bảo trợ cho các lễ khách và các tên trộm, và làm sứ giả đưa tin cho các vị thần?

5. Điện thoại, sổ ghi chép, bút – nghe có vẻ hai người ôm đồm nhiều chức vụ nhỉ.

LEO VALDEZ VÀ HÀNH TRÌNH TÌM KIẾM BUFORD

MỘT LỜI NHẮN TỪ RICK RIORDAN

CON TRAI NỮ THẦN PHÉP THUẬT